

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

TRƯƠNG THỊ MINH PHƯỢNG

QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP  
TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG  
MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

TRƯỜNG THỊ MINH PHƯỢNG

QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP  
TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG  
MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 9.14.01.14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

*Người hướng dẫn khoa học:* 1. PGS.TS. PHÓ ĐỨC HÒA  
2. TS. ĐẶNG LỘC THỌ

HÀ NỘI – 2024

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kì một công trình nào. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về điều tôi đã cam đoan ở trên.*

*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2024*

**Tác giả luận án**

**Trương Thị Minh Phượng**

## LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, lòng kính trọng, tôi xin được gửi lời cảm ơn tới Ban Giám hiệu, các thầy cô Lãnh đạo Phòng Đào tạo, các cán bộ, giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học tại trường.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Phó Đức Hòa - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và TS. Đặng Lộc Thọ - Trường Đại học Thủ Đô đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi thực hiện và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo, chuyên viên, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Ban Giám hiệu, giáo viên, phụ huynh và các bé học sinh tại các Trường Mầm non, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tôi tiến hành khảo sát và thực nghiệm đề tài nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới những người thân trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2024*

**Tác giả Luận án**

**Trương Thị Minh Phượng**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
CBQL	Cán bộ quản lý
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐTB	Điểm trung bình
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GDHN	Giáo dục hòa nhập
TKT	Trẻ khuyết tật
GV	Giáo viên
GD	Giáo dục
CMHS	Cha mẹ học sinh
GD TKT	Giáo dục trẻ khuyết tật
PP	Phương pháp
KS	Khảo sát
LLGD	Lực lượng giáo dục
GDĐB	Giáo dục đặc biệt
TP	Thành phố

## MỤC LỤC

	Trang
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	4
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu .....	4
4. Giả thuyết khoa học .....	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	5
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu .....	5
7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	6
8. Những luận điểm bảo vệ .....	9
9. Tính mới của đề tài.....	9
10. Cấu trúc của luận án .....	10
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON</b> .....	<b>11</b>
<b>1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề</b> .....	<b>11</b>
1.1.1. Các nghiên cứu về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	11
1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	26
1.1.3. Đánh giá chung tổng quan và vấn đề cần giải quyết .....	37
<b>1.2. Các khái niệm cơ bản</b> .....	<b>38</b>
1.2.1. Khái niệm Quản lý giáo dục .....	38
1.2.2. Khái niệm về Quản lý trường mầm non có trẻ khuyết tật .....	40
1.2.3. Khái niệm về Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non.....	41
1.2.4. Khái niệm Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non .....	44

1.2.5. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	46
<b>1.3. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....</b>	<b>47</b>
1.3.1. Đặc điểm và biểu hiện của trẻ khuyết tật độ tuổi mầm non .....	47
1.3.2 Mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	51
1.3.3. Nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	55
1.3.4. Phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	58
1.3.5. Hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	62
1.3.6. Kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	63
1.3.7. Các điều kiện đảm bảo phục vụ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	67
<b>1.4. Quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....</b>	<b>69</b>
1.4.1. Quản lý đánh giá, tiếp nhận trẻ khuyết tật đến trường.....	69
1.4.2. Quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non.....	70
1.4.3. Quản lý thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non.....	72
1.4.4. Quản lý triển khai phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	75
1.4.5. Quản lý triển khai hình thức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.....	78
1.4.6. Quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	79
1.4.7. Quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	81
<b>1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....</b>	<b>85</b>
1.5.1. Các yếu tố về cơ chế chính sách .....	85

1.5.2. Các yếu tố về nguồn nhân lực .....	86
1.5.3. Các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường giáo dục .....	87
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	90
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> .....	92
<b>2.1. Khái quát tình hình kinh tế xã hội và giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội</b> .....	92
2.1.1. Các đặc điểm tự nhiên - xã hội .....	92
2.1.2. Giới thiệu về giáo dục mầm non hòa nhập trên địa bàn thành phố Hà Nội .....	92
<b>2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng</b> .....	93
2.2.1. Mục tiêu khảo sát .....	93
2.2.2. Nội dung khảo sát .....	93
2.2.3. Bộ công cụ và thang đánh giá trong xử lý số liệu khảo sát .....	94
2.2.4. Tiến trình khảo sát.....	96
<b>2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội</b> .....	97
2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	97
2.3.2. Thực trạng trẻ khuyết tật trong các trường mầm non .....	102
2.3.3. Thực trạng thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	106
2.3.4. Thực trạng thực hiện nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	109
2.3.5. Thực trạng triển khai phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	113



2.3.6. Thực trạng triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	115
2.3.7. Thực trạng tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	117
2.3.8. Thực trạng các điều kiện đáp ứng yêu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	118
<b>2.4. Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....</b>	<b>119</b>
2.4.1 Thực trạng tổ chức đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật học hòa nhập tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....	120
2.4.2. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....	122
2.4.3. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	124
2.4.4. Thực trạng quản lý triển khai phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	130
2.4.5. Thực trạng quản lý triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	132
2.4.6. Thực trạng Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	133
2.4.7. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	135
<b>2.5. Thực trạng ảnh hưởng của một số yếu tố tới quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....</b>	<b>140</b>
2.5.1 Các yếu tố về chính sách và cơ chế chính sách .....	140
2.5.2. Các yếu tố về nguồn nhân lực.....	141

2.5.3. Các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	141
<b>2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....</b>	<b>143</b>
2.6.1. Mặt mạnh .....	143
2.6.2. Hạn chế và những nguyên nhân.....	144
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>147</b>
<b>Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ THỰC NGHIỆM SỬ DỤNG .....</b>	<b>149</b>
<b>3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp .....</b>	<b>149</b>
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu đáp ứng yêu cầu của giáo dục hòa nhập... ..	149
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và kế thừa.....	149
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi .....	150
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sớm và tính hòa nhập .....	151
<b>3.2. Biện pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội .....</b>	<b>152</b>
3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường mầm non và gia đình trẻ khuyết tật, các lực lượng cộng đồng về GDHN trẻ khuyết tật tại trường mầm non.....	152
3.2.2. Biện pháp 2: Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	156
3.2.3. Biện pháp 3: Tham mưu, đề xuất và thực hiện chính sách tạo động lực cho đội ngũ giáo viên tham gia công tác giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	160

3.2.4. Biện pháp 4: Tổ chức huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	164
3.2.5. Biện pháp 5: Đảm bảo các điều kiện phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	167
<b>3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp .....</b>	<b>169</b>
<b>3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp .....</b>	<b>171</b>
<b>3.5. Thực nghiệm sư phạm .....</b>	<b>173</b>
3.5.1. Quy mô và địa bàn thực nghiệm .....	173
3.5.2. Mục đích thực nghiệm.....	176
3.5.3. Phương pháp và kỹ thuật tiến hành.....	176
3.5.4. Phân tích kết quả thực nghiệm .....	176
3.5.5. Kết quả thực nghiệm vòng 1: Thực nghiệm hình thành .....	178
3.5.6. Kết quả thực nghiệm vòng 2: Thực nghiệm tác động.....	186
3.5.7. Đánh giá chung kết quả thực nghiệm.....	194
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>200</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>201</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN .....</b>	<b>207</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>208</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 2.1. Đánh giá kết quả lựa chọn từng nội dung theo điểm trung bình ..	95
Bảng 2.2. Quy mô mẫu khảo sát .....	97
Bảng 2.3. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của đáp ứng yêu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.....	99
Bảng 2.4. Thực trạng thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường MN	106
Bảng 2.5. Thực trạng điều chỉnh mục tiêu GDHN TKT mầm non.....	108
Bảng 2.6. Thực trạng nội dung giáo dục TKT mầm non .....	111
Bảng 2.7. Thực trạng thực hiện PP GDHN TKT tại các trường MN .....	113
Bảng 2.8. Thực trạng thực hiện hình thức GDHN TKT tại các trường MN.	115
Bảng 2.9. Thực trạng đánh giá trong GDHN TKT mầm non .....	117
Bảng 2.10. Đánh giá thực trạng CSVC, trang thiết bị trong GDHN TKT ...	119
Bảng 2.11. Thực trạng quản lý đánh giá khi tiếp nhận TKT .....	121
Bảng 2.12. Đánh giá thực trạng xây dựng mục tiêu giáo dục .....	123
Bảng 2.13. Thực trạng tổ chức xây dựng mục tiêu giáo dục cụ thể .....	126
Bảng 2.14. Thực trạng quản lý triển khai phương pháp GDHN TKT tại các trường mầm non.....	131
Bảng 2.15. Thực trạng quản lý triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	132
Bảng 2.16. Thực trạng thực hiện các nội dung đánh giá trong GDHN TKT ..	134
Bảng 2.17. Thực trạng quản lý CSVC, trang thiết bị trong GDHN TKT .....	136
Bảng 2.18. Thực trạng quản lý phát triển đội ngũ GV trong GDHN TKT...	138
Bảng 3.1. Chuẩn đánh giá (theo điểm).....	176
Bảng 3.2. Bảng so sánh giá trị trung bình điểm số .....	195
Bảng 3.3. Bảng thể hiện giá trị phép kiểm chứng T-test.....	196
Bảng 3.4. Bảng đánh giá giá trị P.....	196
Bảng 3.5. Mức độ ảnh hưởng.....	197
Bảng 3.6. Bảng tính mức độ ảnh hưởng.....	197
Bảng 3.7. Bảng kết luận mức độ tương quan Hopkins .....	198

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

	Trang
Biểu đồ 2.1. Nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	101
Biểu đồ 2.2. Các dạng khuyết tật được khảo sát.....	103
Biểu đồ 2.3. Sự phát triển thể chất trẻ khuyết tật.....	104
Biểu đồ 2.4. Khả năng giao tiếp của trẻ khuyết tật.....	105
Biểu đồ 2.5. Thực trạng xác định nhu cầu TKT tại các trường mầm non ..	110
Biểu đồ 2.6. Biểu đồ thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .....	124
Biểu đồ 2.7. Thực trạng tổ chức thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non .....	129
Biểu đồ 2.8. Đánh giá về tác động của chính sách giáo dục TKT.....	140
Biểu đồ 2.9. Đánh giá về tác động của Các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường GDHN.....	141
Biểu đồ 3.1. Đánh giá mức độ tương đồng của giải pháp.....	170
Biểu đồ 3.2. Đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp .....	173
Biểu đồ 3.3. Phổ điểm ĐG nhận thức của giáo viên trước và sau TN .....	180
Biểu đồ 3.4. Phổ điểm ĐG năng lực chuyên môn của GV trước và sau TN... ..	182
Biểu đồ 3.5. Phổ điểm ĐG nhận thức của phụ huynh trước và sau TN.....	183
Biểu đồ 3.6. Phổ điểm ĐG của GV, CBQL về NL trẻ trước và sau TN ....	186
Biểu đồ 3.7. Phổ điểm đánh giá nhận thức của GV trước và sau thực nghiệm ..	188
Biểu đồ 3.8. Phổ điểm đánh giá chuyên môn GV trước và sau thực nghiệm..	190
Biểu đồ 3.9. Phổ điểm đánh giá nhận thức của CMHS trước và sau TN ...	192
Biểu đồ 3.10. Phổ điểm đánh giá của CBQL, GV về NL trẻ trước và sau thực nghiệm.....	194
Biểu đồ 3.11. Tàn suất đánh giá NL trẻ giữa hai lần thực nghiệm .....	195
Sơ đồ 3.1. Các biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập TKT MN .....	171

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1.1. Công ước của Liên hợp quốc về quyền của trẻ em năm 1989 đã xác định rõ giáo dục là một trong những quyền lợi mà trẻ em được hưởng. Công ước này khẳng định rằng “*Mọi trẻ em có quyền được học hành. Giáo dục tiểu học miễn phí và khuyến khích phát triển các hình thức giáo dục trung học cho mọi trẻ em...*, mỗi đứa trẻ sinh ra đều có quyền, bất kể dân tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ, khả năng hay bất kỳ tình trạng nào khác [41].

Ở Việt Nam, quyền được giáo dục, học tập và phát triển của trẻ em được đặt ở vị trí thứ năm trong danh sách 24 quyền của trẻ em theo Luật trẻ em (2018). Luật này quy định rằng: " 1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân. 2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh" (Điều 16. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu) [67].

Trong những năm đầu đời của trẻ (từ 0 đến 3 tuổi), trẻ phát triển một cách nhanh chóng. Trong giai đoạn này, trẻ bắt đầu phát triển hệ thống ngôn ngữ, phát triển nhận thức, thể chất và tình cảm để có thể thực hiện được các kỹ năng trong xã hội. Ngoài ra, việc phát hiện và chăm sóc cho trẻ khuyết tật trong giai đoạn này cũng mang ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Thời kỳ từ 3 đến 6 tuổi được coi là một giai đoạn quan trọng khác trong quá trình học tập của trẻ. Trẻ em học tốt thông qua việc tham gia vào các trò chơi, quan sát xung quanh, sử dụng trí tưởng tượng và tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Việc cho TKT được GDHN ngay từ MN có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với bản thân mỗi đứa trẻ, gia đình trẻ và cả với xã hội tương lai; giúp giảm thiểu đáng kể ảnh hưởng của khuyết tật đối với sự phát triển của trẻ; góp phần nâng

cao chất lượng giáo dục và cuộc sống của trẻ, tạo cơ hội cho TKT được hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng, năng lực mà trẻ có được để hình thành, phát triển nhân cách; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về thể chất, tinh thần, kiến thức, kỹ năng, làm tiền đề cho trẻ sẵn sàng tham gia học tập hòa nhập.

Trong độ tuổi phổ cập giáo dục, lứa tuổi mầm non là lứa tuổi quan trọng để giúp trẻ hòa nhập, đặc biệt đối với TKT. Giáo dục hòa nhập tại các trường mầm non nhằm giúp TKT có quyền được hưởng sự giáo dục công bằng và bình đẳng, phát triển tối đa nhân cách, tài năng, tâm hồn và thể chất, đó là một trong những mục tiêu của nền giáo dục Việt Nam, nói lên bản chất tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta. Phương hướng và nhiệm vụ giáo dục hòa nhập TKT đã được khẳng định trong chiến lược GD&ĐT của Chính phủ: "Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non của nước ta trong giai đoạn hiện nay chủ yếu là GDHN, mục tiêu từ nay đến 2020 phải huy động được 90% trẻ khuyết tật được đến trường..." [13]. Nhiệm vụ các năm học của cấp học mầm non đều nhấn mạnh: "Phương thức giáo dục hòa nhập là phương thức chủ yếu đối với trẻ khuyết tật". Tuy nhiên, phương thức GDHN đối với nước ta tuy đã được triển khai từ cuối thế kỷ XX nhưng vẫn còn là một vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn. Do vậy để đạt được mục tiêu GDHN như trên thực sự là một thách thức lớn không chỉ đối với ngành giáo dục, mà còn với cả xã hội.

1.2. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê và Báo cáo khảo sát giáo dục TKT của Bộ GD&ĐT năm 2020, hiện nay Việt Nam có khoảng 8 triệu người khuyết tật, tương đương 7,8% dân số. Trong số đó, có khoảng 2.264.000 trẻ em khuyết tật, chiếm 28,3% tổng số người khuyết tật[3]. Hà Nội, là trung tâm văn hóa, giáo dục và chính trị của Việt Nam, có dân số đông đúc bao gồm trẻ em khuyết tật. Do đó, có một nhu cầu lớn về giáo dục cho trẻ em khuyết tật tại đây. Thực tế cho thấy, việc giáo dục trẻ khuyết tật trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn đang

gặp nhiều khó khăn và bất cập. Trong các cơ sở giáo dục, sự quan tâm từ phía các cơ quan chính quyền đối với việc giáo dục trẻ khuyết tật vẫn chưa đạt đến mức mong đợi. Đáng chú ý là 95% các trường mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội không có giáo viên chuyên biệt để hỗ trợ trẻ khuyết tật và cũng thiếu phòng học riêng dành cho những đối tượng cần giáo dục đặc biệt. Ngoài ra, giáo viên mầm non cũng thiếu các kỹ năng giáo dục hỗ trợ cho trẻ khuyết tật. Bên cạnh đó, Công việc ngày càng mang lại áp lực lớn, đòi hỏi chuyên môn và nghiệp vụ ngày càng cao. Số lượng trẻ trên lớp tăng lên, đồng thời yêu cầu từ phía cha mẹ học sinh cũng ngày càng khắt khe. Công tác đảm bảo an toàn cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non cũng đang trở thành một yêu cầu quan trọng. Điều này gây ra một áp lực lớn cho giáo viên khi phải tiếp nhận và giảng dạy cho trẻ khuyết tật trong khi chế độ chính sách đối với giáo viên tham gia công tác giáo dục cho trẻ khuyết tật rất hạn chế, điều này làm cho giáo viên rất lo ngại.

Để thực hiện tốt và có hiệu quả GDHN TKT, vai trò của công tác quản lý, chỉ đạo là vô cùng quan trọng, là một trong những yếu tố góp phần quyết định chất lượng GDHN trẻ khuyết tật đó là những biện pháp hỗ trợ trẻ trong quá trình GDHN và đặc biệt cần phải có biện pháp quản lý giáo dục nhằm: đảm bảo quyền lợi và mang lại cơ hội phát triển tốt nhất cho trẻ khuyết tật.; Đáp ứng yêu cầu pháp luật và chính sách quốc gia về giáo dục dành cho trẻ em khuyết tật.; Nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật; Phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong quá trình xây dựng, thực hiện các kế hoạch giáo dục cá nhân cho mỗi trẻ khuyết tật, cùng hướng tới mục tiêu đã đề ra. Với những yêu cầu này, đặt ra những yêu cầu trong quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong tổ chức các hoạt động giáo dục như bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có kiến thức, hiểu biết và kỹ năng về GDHN trẻ khuyết tật và để họ sẵn sàng tiếp nhận những trẻ khuyết tật vào học hòa nhập ở lớp của mình; Tạo một môi trường giáo dục bình đẳng, không phân biệt đối xử, phù



hợp, đảm bảo vệ sinh, an toàn tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật được hòa nhập học tập, vui chơi, sinh hoạt và phát triển với bạn bè cùng trang lứa. Thu hút các bậc phụ huynh học sinh sẵn sàng tham gia, phối hợp nhiệt tình cùng với GV và nhà trường trong công tác GDHN trẻ khuyết tật...

1.3. Trong thời gian qua, dù đã có nhiều nghiên cứu liên quan tới giáo dục và quản lý giáo dục trẻ khuyết tật, tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về giáo dục và quản lý giáo dục trẻ khuyết tật tuổi mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Xuất phát từ những phân tích trên, đề tài: “***Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội***” nhằm tạo cơ hội học tập hòa nhập cho TKT, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục hòa nhập TKT mầm non, đáp ứng được các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người khuyết tật trong bối cảnh hiện nay.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, đề xuất biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập, nhằm đảm bảo quyền tham gia học tập có chất lượng của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu**

### ***3.1 Khách thể nghiên cứu***

Hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

### ***3.2 Đối tượng nghiên cứu***

Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật đã được thực hiện ở hầu hết các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội nhưng vẫn còn nhiều điều bất cập, chất lượng còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu mong đợi. Nếu đề xuất được biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non phù hợp thì sẽ

nâng cao chất lượng giáo dục, từ đó mang lại sự công bằng cho trẻ khuyết tật trong giáo dục.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

5.2. Khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý giáo hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội.

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý giáo hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội; khảo nghiệm tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp và tổ chức thực nghiệm nhằm đánh giá kết quả triển khai biện pháp trong thực tiễn và kiểm định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học .

## **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

### ***6.1 Giới hạn nội dung nghiên cứu***

Quản lý giáo dục được nghiên cứu theo các tiếp cận khác nhau như: tiếp cận chức năng quản lý, tiếp cận theo nội dung, tiếp cận theo hoạt động... luận án giới hạn tiếp cận nghiên cứu theo quá trình giáo dục, ngoài ra luận án tiếp cận nghiên cứu dựa trên quyền trẻ em được xem xét để đưa ra những khuyến nghị tạo cơ hội học tập tốt nhất cho trẻ khuyết tật mầm non.

### ***6.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu***

Địa bàn nghiên cứu được triển khai trên 3 quận và 2 huyện, bao gồm: quận Cầu Giấy, quận Ba Đình, quận Long Biên, huyện Đan Phượng, huyện Mỹ Đức. Cụ thể:

+ Quận Cầu Giấy gồm các trường: Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên, trường Mầm non Hoa Hồng, trường Mầm non Ánh Sao;

+ Quận Ba Đình gồm các trường: Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen, trường mầm non Tuổi Hoa, trường mầm non Họa Mi.

+ Quận Long Biên gồm các trường: Trường MN Sài Đồng, trường MN Đô thị Việt Hưng, trường MN Hoa Hướng Dương;

+ Huyện Đan Phượng gồm các trường: Trường MN Tân Lập B, MN Tân Hội B, MN Đan Phượng;

+ Huyện Mỹ Đức gồm các trường: Trường MN Hồng Sơn, trường NM Phùng Xá, trường MN Đại Hưng.

### **6.2. Giới hạn khách thể khảo sát**

- Cán bộ quản lý trường MN: 60 người trong đó

+ *Phòng Giáo dục và Đào tạo: 15 người*

+ *Ban giám hiệu: 45 người*

- Giáo viên mầm non: 612 người

- Cha mẹ trẻ khuyết tật: 225 người

### **6.3. Địa bàn thực nghiệm biện pháp**

Thực nghiệm được tiến hành trên diện rộng tại 3 quận (huyện): Quận Cầu Giấy, quận Ba Đình, Huyện Đan Phượng trên địa bàn TP Hà Nội

+ Quận Cầu Giấy: Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên, trường Mầm non Hoa Hồng, trường Mầm non Ánh Sao

+ Quận Ba Đình: Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen, trường mầm non Tuổi Hoa, trường mầm non Họa Mi.

+ Huyện Đan Phượng: Trường MN Tân Lập B, MN Tân Hội B, MN Đan Phượng

## **7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Cách tiếp cận**

- Phép duy vật biện chứng được quán triệt trong toàn bộ luận án. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, giữa các biện pháp quản lý và chất lượng quản lý.

- Tiếp cận hệ thống: Các Trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội thuộc hệ thống giáo dục của TP Hà Nội nói riêng và hệ thống giáo dục quốc gia nói chung do đó mục tiêu quản lý, nội dung quản lý và các biện pháp quản lý đều dựa trên cơ sở những quy định chung của hệ thống giáo dục cũng như

tuân thủ các quy định của Luật giáo dục và Chiến lược phát triển giáo dục của toàn ngành.

- Tiếp cận lịch sử, lôgic: Là cách tiếp cận một hiện tượng trong mối liên hệ qua lại với các hình thức tồn tại lịch sử của nó. Như vậy, từ mối liên hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai đòi hỏi phải xem xét tương lai của đối tượng như một khả năng tồn tại tiếp diễn của cái hiện tại và quá khứ của đối tượng đó. Điều đó có nghĩa là, việc quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong các trường mầm non phải gắn liền với các quy luật, tính quy luật, xu thế đã và đang tồn tại, trên cơ sở đó xác định mô hình tương lai của đối tượng quản lý. Quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non không thể tách rời với bối cảnh xã hội - lịch sử nhất định.

- Tiếp cận giáo dục hòa nhập: Nghiên cứu về quản lý giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận hòa nhập là hướng tiếp cận chính trong nghiên cứu này trong đó nhìn nhận giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non nói chung nên bao gồm đầy đủ các nội dung giáo dục trẻ không khuyết tật, điểm khác biệt là mỗi nội dung giáo dục, hoạt động giáo dục có nét đặc thù riêng phù hợp với cá nhân trẻ cũng như những đặc điểm học tập và phát triển của trẻ khuyết tật.

## ***7.2. Phương pháp nghiên cứu***

### ***7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận.***

Sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết để thu thập, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa những vấn đề lý luận về giáo dục hòa nhập, quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; nghiên cứu các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về quản lý giáo dục, quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non lứa tuổi mầm non và các tài liệu liên quan đến vấn đề đề tài nghiên cứu. Đây là căn cứ để hình thành khung lý thuyết của đề tài luận án.

### ***7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- *Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi*: Chúng tôi đã tiến hành thu thập ý kiến từ các cán bộ quản lý và giáo viên về giáo dục hòa nhập và quản lý giáo

dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong các trường mầm non tại Hà Nội. Mục đích của việc này là để đánh giá thực trạng giáo dục hòa nhập khuyết tật hiện tại, nhằm xây dựng cơ sở thực tế cho đề tài nghiên cứu. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã thu thập ý kiến từ chuyên gia, cán bộ quản lý giáo dục, và phụ huynh học sinh để đánh giá tính cấp thiết, khả thi và phù hợp của các biện pháp đề xuất.

- *Phương pháp quan sát*: Quan sát trẻ, giáo viên khi tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong các hoạt động dạy học, tổ chức hoạt động chơi, khám phá chủ đề, khám phá khoa học; quan sát các bài giảng, các trò chơi, những câu hỏi mà giáo viên thiết kế dành riêng cho trẻ khuyết tật học hòa nhập; quan sát các đồ dùng dạy học, các đồ chơi, những phương tiện chăm sóc giáo dục được thiết kế dành riêng cho trẻ khuyết tật học theo cách tiếp cận hòa nhập; quan sát các sinh hoạt, cách ứng xử hàng ngày của trẻ khuyết tật ở trên lớp với bạn bè, cô giáo và những người xung quanh... phát hiện những ưu điểm cũng như hạn chế trong hoạt động giáo dục của trẻ mầm non KT theo cách tiếp cận hòa nhập, từ đó có những đánh giá định tính về thực trạng vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Tiến hành phỏng vấn các đối tượng nghiên cứu (CBQL, GV, CMHS) về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; trao đổi, chia sẻ với giáo viên, phụ huynh học sinh; để làm rõ, bổ sung thêm thông tin thu được từ phiếu hỏi và có những đánh giá sâu hơn về thực trạng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và những nguyên nhân của hạn chế.

- *Phương pháp chuyên gia*: Thu thập những ý kiến của các chuyên gia, trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non để có thể rút ra những kết luận phù hợp, đảm bảo tính khoa học, tính cấp thiết, tính khả thi của biện pháp đề xuất.

- *Phương pháp thực nghiệm*: Tiến hành khảo nghiệm để xác định tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất; tiến hành thực nghiệm biện

pháp " *Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non* " để nhằm chứng minh tính phù hợp, khả thi và thực tiễn của biện pháp đề xuất.

### 7.2.3. Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu thu được từ nghiên cứu thực tiễn để đánh giá kết quả khảo sát thực trạng, đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp đề xuất. Phần mềm SPSS, excel được sử dụng để xử lý và phân tích số liệu khảo sát trong quá trình nghiên cứu.

## 8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật phát triển kỹ năng xã hội và tự tin. Trẻ được tiếp xúc với môi trường đa dạng, học cách giao tiếp, làm việc nhóm và xây dựng mối quan hệ gắn kết với những người bạn cùng lứa. Điều này sẽ giúp trẻ khuyết tật trở nên tự tin, có khả năng thích ứng và tương tác tốt hơn trong xã hội sau này.

8.2. Giáo dục hòa nhập TKT tại các trường mầm non đang còn hạn chế. Điều này đòi hỏi trong quản lý giáo dục hòa nhập TKT tại các trường mầm non phải tìm cách giải quyết ngay trong quá trình giáo dục.

8.3. Khi tiếp cận nguồn nhân lực và năng lực trong quản lý nhân sự, cần đảm bảo rằng những người giảng dạy có năng lực đặc biệt trong việc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Điều này đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non. Để quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường MN hiệu quả, cần xem xét đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập để đảm bảo rằng trẻ khuyết tật có thể tham gia vào giáo dục chất lượng tại trường mầm non.

## 9. Tính mới của đề tài

9.1. Xây dựng và hệ thống hóa cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn giáo dục hòa nhập và quản lý giáo hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

9.2. Đánh giá được thực trạng giáo dục hòa nhập và thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non, những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế công tác quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội.

9.3. Đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp; lựa chọn và tiến hành thực nghiệm 01 biện pháp nhằm chứng minh giả thuyết khoa học đã đề ra.

## **10. Cấu trúc của luận án**

Ngoài mở đầu, Kết luận và Khuyến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có cấu trúc gồm 3 chương trong đó:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non

Chương 2: Thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 3: Biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội và thực nghiệm sư phạm

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON**

### **1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

#### ***1.1.1. Các nghiên cứu về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Xu hướng tư tưởng mới hiện nay là đẩy mạnh hội nhập và tham gia xã hội, đồng thời xóa bỏ sự tách biệt. Hòa nhập và tham gia là điều cơ bản nhất đối với phẩm giá con người và thực hiện quyền con người. Trong phạm vi giáo dục, điều này được thể hiện thông qua việc xây dựng các chiến lược nhằm tìm kiếm và mang lại sự bình đẳng về cơ hội. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy, việc hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được thực hiện thành công nhất trong các trường hòa nhập dành cho mọi trẻ trong cộng đồng. Các trường hòa nhập đã tạo ra môi trường thuận lợi nhất cho trẻ khuyết tật có đủ cơ hội đạt tới sự bình đẳng và tham gia đầy đủ. Hiệu quả GDHN phụ thuộc vào sự cố gắng của giáo viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng và chính bản thân trẻ khuyết tật. Các nghiên cứu về GDHN trẻ khuyết tật trên thế giới và Việt Nam tập trung ở các nhóm vấn đề sau:

*(1). Nghiên cứu về vai trò, lợi ích của giáo dục hòa nhập mang lại cho trẻ khuyết tật mầm non*

Một trong những lí do mà hiện nay các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam tiến hành và thực hiện GDHN đó là những lợi ích mà GDHN mang lại đối với tất cả học sinh đã được chứng minh bằng rất nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam.

Giáo dục hòa nhập đã được Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của người khuyết tật (UNCRPD) khuyến khích áp dụng, hướng tới việc giảm các rào cản trong môi trường học tập và sinh hoạt của học sinh (HS), đặc biệt là trẻ khuyết tật [42]. Mô hình giáo dục này dựa trên quan điểm xã hội trong việc nhìn nhận



trẻ khuyết tật: nguyên nhân gây nên KT không phải chỉ do khiếm khuyết của bản thân các em mà còn có thể là khiếm khuyết từ nhận thức và định kiến xã hội đem lại.

Báo cáo của UNESCO về ...” *Giáo dục hòa nhập: Đạt được mục tiêu giáo dục cho tất cả người khuyết tật và người có nhu cầu giáo dục đặc biệt*” (UNESCO, 2017) đã tập trung vào vai trò của giáo dục hòa nhập trong việc đảm bảo quyền lợi giáo dục của những người khuyết tật và nhu cầu giáo dục đặc biệt. Nó xác định các lợi ích của giáo dục hòa nhập, bao gồm sự phát triển toàn diện, tăng cường đạo đức, tạo ra môi trường học tập tích cực và xây dựng một xã hội công bằng hơn.

Nghiên cứu về "Inclusive Education for Students with Disabilities: A Review of the Best Evidence in Relation to Theory and Practice – giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, bằng chứng tốt nhất về mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành" (Centre for Educational Research and Innovation, 2017): của... tập trung vào việc xem xét các bằng chứng tốt nhất về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Nghiên cứu này đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo ra môi trường học tập bao gồm tất cả các học sinh và cung cấp hỗ trợ cá nhân hóa để đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Nghiên cứu về "Inclusive Education for Students with Disabilities: An International Perspective – Giáo dục trẻ khuyết tật, cơ sở lý luận và thực tiễn" (OECD, 2019): đã so sánh các chính sách và thực tiễn của các quốc gia về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. Trong đó nhấn mạnh rằng giáo dục hòa nhập không chỉ là một quyền lợi của những người khuyết tật, mà còn mang lại lợi ích cho cả xã hội, ví dụ như giảm bớt đóng góp vào sự phân biệt đối xử và tạo ra những cơ hội bình đẳng hơn cho tất cả mọi người.

"The Benefits of Inclusive Education for the Future of Work - lợi ích của giáo dục hòa nhập trong tương lai của công việc" (World Economic Forum,

2020): tập trung vào vai trò của giáo dục hòa nhập trong chuẩn bị cho tương lai công việc. Nghiên cứu này nhấn mạnh rằng giáo dục hòa nhập giúp phát triển những kỹ năng cần thiết. "The Social and Emotional Benefits of Inclusive Education - lợi ích xã hội và tâm lý của giáo dục hòa nhập" (University of Kansas, 2018): tập trung vào các lợi ích xã hội và tâm lý của giáo dục hòa nhập. Nó chỉ ra rằng việc học trong một môi trường hỗ trợ và đa dạng giúp phát triển kỹ năng xã hội, tăng cường sự tự tin, tạo ra mối quan hệ tốt hơn và giảm sự cô lập xã hội của học sinh.

"Inclusive Education and Academic Achievement: A Meta-Analysis - phân tích tổng hợp các nghiên cứu về giáo dục hòa nhập và thành tích học tập" (University of Florida, 2019), nó cho thấy rằng giáo dục hòa nhập có liên quan mật thiết đến sự tiến bộ học tập của học sinh, bao gồm cả học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật.

"Inclusive Education and Social Integration: Benefits and Challenges" - đánh giá vai trò của giáo dục hòa nhập trong việc thúc đẩy hòa nhập xã hội (European Agency for Special Needs and Inclusive Education, 2018).. Nó nhấn mạnh rằng giáo dục hòa nhập giúp xóa bỏ rào cản xã hội, tạo ra một môi trường chấp nhận, tôn trọng đa dạng và khuyến khích hòa nhập xã hội cho tất cả học sinh.

Các công trình nghiên cứu này cung cấp cái nhìn tổng quan về vai trò và lợi ích của giáo dục hòa nhập. Nó cho thấy rằng giáo dục hòa nhập không chỉ là quyền lợi của những người khuyết tật, mà còn mang lại lợi ích rất lớn cho tất cả học sinh và xã hội nói chung.

Trong cuốn "*Quản lý giáo dục hòa nhập*" của Nguyễn Xuân Hải (2010) đã khẳng định: GDHN được bắt đầu trên thế giới từ những năm 60, 70 và được tiến hành tại Việt Nam từ những năm 90 của thế kỷ XX. GDHN là phương thức giáo dục trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ không khuyết tật trong trường phổ thông nơi các em sinh sống [27].

Trong cuốn sách “*Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của các tác giả Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc (2006) đã đúc rút những kinh nghiệm, thực nghiệm nhiều năm và về thực tiễn giáo dục hòa nhập tại Việt Nam từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm thực hiện thành công và hiệu quả công tác GDHN cho học sinh khuyết tật [48].

Tác giả Bùi Thế Hợp (2008) trong nghiên cứu về “*Đánh giá nhu cầu giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*” đề xuất cách đánh giá nhu cầu được giáo dục của những HS có những khó khăn và khác biệt. Bằng việc nghiên cứu từ cơ sở lý luận của việc đánh giá đến thực trạng và trên cơ sở đó, luận án đưa ra những tiêu chí nhằm đánh giá những nhu cầu của trẻ em có nhu cầu đặc biệt nhằm giúp các GV và những nhà giáo dục có nhận định và hiểu sâu hơn về việc tìm hiểu nhu cầu của các em qua quá trình dạy học [35].

Thực hiện Đề án “*Đổi mới căn bản và toàn diện*” giáo dục Việt Nam của Đảng và Chính phủ, tác giả Phạm Minh Mục cũng đã đề xuất 06 giải pháp và 06 chương trình hành động triển khai thực hiện đổi mới giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non, những nội dung trên được công bố trong nghiên cứu “*Xây dựng kế hoạch hành động triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trẻ khuyết tật*” đã đề xuất đồng bộ các chương trình hành động từ xây dựng chính sách, phát triển nguồn nhân lực đến cơ chế phối hợp liên ngành nhằm thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non có hiệu quả [53].

Các nghiên cứu đều có chung một số nhận định đặc trưng cũng như bản chất của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non:

Giáo dục hòa nhập ở trường mầm non không chỉ là một phương pháp giáo dục hiệu quả mà còn thể hiện tầm quan trọng của việc đề cao khả năng và nhu cầu riêng biệt của mỗi trẻ khuyết tật. Trẻ khuyết tật không chỉ là đối tượng thụ động mà được coi là chủ thể quan trọng trong quá trình giáo dục. Trong môi

trường này, việc chú trọng đến các đặc điểm, khả năng, điểm mạnh và hạn chế của từng cá nhân được đặt lên hàng đầu, và giáo viên cần phải điều chỉnh phương pháp dạy học để tối đa hóa tiềm năng của mỗi em.

Ngoài ra, sự hợp tác chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng đóng vai trò then chốt trong việc hòa nhập trẻ khuyết tật vào môi trường giáo dục. Việc đặt trẻ khuyết tật vào trường gần nhà và khuyến khích học cùng với các bạn không khuyết tật không chỉ giúp tạo ra môi trường thân thiện mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn diện nhất cho trẻ.

Đồng thời, thông qua việc tham gia đầy đủ và bình đẳng trong mọi hoạt động, trẻ khuyết tật được khuyến khích phát triển niềm tin, lòng tự trọng và ý chí, từ đó hướng tới mục tiêu sống tự lập, trở thành công dân có ích và hòa nhập vào xã hội sau này. Xu hướng phổ biến của Giáo dục Hòa nhập tại Việt Nam là mở ra cơ hội học tập và phát triển cho trẻ khuyết tật và trẻ có nhu cầu đặc biệt, giúp các em phát triển cùng với các bạn đồng trang lứa, ngay tại nơi mà trẻ sinh sống.

*(2) Các nghiên cứu làm rõ bản chất và các đặc trưng của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non*

Các nghiên cứu về ý nghĩa, hiệu quả của của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non, Stainback, S.B.E và Staiback, W.C (1996) [116], Lisky và Gartner (1997) [102], Wagner (2002) [122], Porter (1995), Friend, M. and Bursuck, W (1996), Smith, E.C.T và cộng sự (1998) [115]... đều tập trung vào các đặc trưng cơ bản của Giáo dục Hòa nhập như tôn trọng mọi trẻ em mà không phân biệt giới tính, sắc tộc, tôn giáo, văn hóa, hay bản sắc cá nhân. Các nghiên cứu tập trung vào khuyến khích và tạo điều kiện cho trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục và học tập, kể cả trẻ có khuyết tật và trẻ em có nền tảng văn hóa khác nhau. Hệ thống này cũng cố gắng loại bỏ các rào cản vật chất, tâm lý và xã hội để đảm bảo mọi trẻ em đều có thể tiếp cận và tham gia vào quá trình học tập và

hoạt động giáo dục. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đưa ra những sửa đổi và cải tiến các chính sách hiện tại để đáp ứng nhu cầu đặc thù của từng cá nhân và coi sự đa dạng, sự khác biệt giữa các trẻ là một nguồn tài nguyên để hỗ trợ cho quá trình học tập, thay vì coi đó là một vấn đề khó khăn cần khắc phục. Các nghiên cứu cũng khẳng định, bản chất của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non là coi quyền lợi học tập của trẻ em tại địa phương là quan trọng, đảm bảo mọi trẻ đều có cơ hội tiếp cận với giáo dục chất lượng và phát triển tiềm năng của mình. Cuối cùng, các nghiên cứu khẳng định thành quả và tiến bộ của trẻ là quan trọng và đáng được công nhận, giáo dục hòa nhập coi trọng đánh giá và đánh giá trẻ dựa trên tiến bộ của từng cá nhân.

Nghiên cứu về GDHN liên quan đến tâm lý học lứa tuổi trẻ em có những khuyết tật có các công trình của M.Sohnon (1963), Conral (1970), Rister (1975); Dale (1978); Reich, Hambleton và Howclin (1977), Hexander và Strain (1978); Dockington và Lucas (1951); Laxhan (1982), Lenssona, Kacherme, Truyby, Connop D, J. McCaip, G. White và nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng tâm lý của lứa tuổi trẻ khuyết tật có thể được cải thiện và phát triển tích cực trong môi trường giáo dục hoà nhập. Các kết quả kiểm tra đánh giá cho thấy rằng trẻ khuyết tật tham gia vào môi trường trường học hoà nhập thường có kết quả học tập tốt hơn đáng kể so với việc họ học tập tại các trường chuyên biệt. Điều quan trọng là trẻ khuyết tật cần được tiếp cận giáo dục đúng độ tuổi và được chuẩn bị đầy đủ về sức khỏe, kiến thức và kỹ năng cơ bản. Khi được hỗ trợ và động viên một cách tích cực, trẻ có cơ hội phát triển và học tập không thua kém bất kỳ trẻ em nào khác.

Yếu tố quyết định sự thành công của giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bao gồm vai trò của giáo viên, nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với năng lực của trẻ, cũng như môi trường giáo dục thích hợp. Thái độ, kiến thức và sự nhiệt tình của giáo viên đều có ảnh hưởng lớn đến trẻ khuyết tật. Chúng

có thể tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ trong quá trình học tập, nhưng cũng có thể gây ra sự ức chế và hạn chế trong môi trường học. Chuyên gia can thiệp cần phải hiểu rõ về nguyên nhân gây ra khuyết tật và ảnh hưởng của từng mức độ khuyết tật đối với sự phát triển của trẻ. Họ cần tạo điều kiện cho trẻ tiếp cận môi trường thực tế và cung cấp hỗ trợ, tư vấn cũng như kỹ thuật quản lý cho gia đình. Từ những kết quả nghiên cứu này, chính sách giáo dục về chăm sóc và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non cần được xây dựng.

Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Yến (2014 và 2015) [80], [81]; Lê Văn Tạc (2006) [70]; Nguyễn Xuân Hải [25], [27]... đã phân tích rõ tính ưu việt về các mặt của phương thức GDHN so với các phương thức giáo dục trước đó là phương thức giáo dục chuyên biệt và phương thức giáo dục hội nhập, cụ thể: (i). Xây dựng mục tiêu giáo dục (với các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, mục tiêu riêng phù hợp với trẻ khuyết tật và thống nhất với mục tiêu chung của trẻ trong lớp) và lập kế hoạch; (ii). Tổ chức thực hiện kế hoạch phải bao gồm cả việc lựa chọn và điều chỉnh nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học; (iii). Cần có sự lựa chọn nội dung, hình thức đánh giá phù hợp để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch. Một số phương pháp điều chỉnh trong dạy học hòa nhập mang tính sáng tạo cũng được đề cập đến, đi từ các phương pháp chung đến các phương pháp riêng mang tính chuyên biệt, bao gồm: phương pháp đồng loạt, phương pháp trùng lặp giáo án, phương pháp đa trình độ, phương pháp thay thế. Các tác giả cũng phân tích và hướng dẫn cách thức tổ chức, quy trình thực hiện GDHN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt, với các phương pháp và kỹ thuật điều chỉnh khi dạy đối tượng trẻ này, trong đó đều phân tích rõ tính ưu việt về các mặt của phương thức GDHN so với các phương thức giáo dục trước đó là phương thức giáo dục chuyên biệt và phương thức giáo dục hội nhập.

Nguyễn Đức Minh với Đề tài B2005 -80-26 “*Một số biện pháp can thiệp sớm trẻ khiếm thị*”, đã đề xuất được các nhóm biện pháp can thiệp sớm trẻ khiếm thị gồm: Xây dựng môi trường an toàn, thuận lợi cho can thiệp sớm trẻ khiếm thị; Biện pháp tác động trực tiếp đến trẻ khiếm thị và các biện pháp hỗ trợ [50].

*Như vậy*, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đối với mọi trẻ nhỏ, giai đoạn từ 0-6 tuổi là những năm tháng quan trọng nhất trong quá trình phát triển của trẻ. Giai đoạn này rất quan trọng đối với mỗi trẻ và tất nhiên là đối với trẻ khuyết tật cũng vậy vì trong suốt thời gian này nền tảng cuộc sống của trẻ được hình thành và phát triển. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non là một mô hình giáo dục nhằm tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật được tham gia vào môi trường giáo dục chung cùng với trẻ bình thường. Mục tiêu của giáo dục hòa nhập là tạo ra một môi trường giáo dục đa dạng, nơi mà trẻ khuyết tật có cơ hội học hỏi, phát triển kỹ năng và tương tác xã hội với trẻ khác. Đa dạng là yếu tố quan trọng, cung cấp hỗ trợ cá nhân và khuyến khích tích cực, tạo cơ hội học cùng với trẻ bình thường, hợp tác chặt chẽ giữa gia đình và trường, đánh giá và điều chỉnh liên tục để tạo một môi trường giáo dục hòa nhập tích cực và mang lại nhiều cơ hội phát triển cho trẻ khuyết tật.

*(3) Nghiên cứu về nội dung, chương trình, phương thức giáo dục, các kỹ thuật dạy trẻ khuyết tật và môi trường giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non*

Boer, A D., Pijl, S. J., & Minnaert, A (2011) trong nghiên cứu về “*Thái độ của giáo viên tiểu học phổ thông đối với giáo dục hòa nhập: Tổng quan tài liệu - Regular primary schoolteachers' attitudes towards inclusive education: A review of the literature*” [82] đã xác định: Giáo viên được coi là những người chủ chốt để thực hiện giáo dục hòa nhập nên thái độ tích cực của GV đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công trong giáo dục hòa nhập trẻ

khuyết tật mầm non. Với mục đích của nghiên cứu là kiểm tra thái độ của giáo viên đối với giáo dục hòa nhập, biến số nào có liên quan đến thái độ của GV có ảnh hưởng đến sự tham gia xã hội của học sinh có nhu cầu đặc biệt ở các trường phổ thông. Qua nghiên cứu cho thấy, phần lớn giáo viên có thái độ trung lập hoặc tiêu cực đối với việc đưa học sinh có nhu cầu đặc biệt vào giáo dục tiểu học phổ thông, không có nghiên cứu có báo cáo kết quả tích cực rõ ràng. Một số biến được tìm thấy có liên quan đến thái độ của giáo viên, chẳng hạn như đào tạo, kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập và dạng khuyết tật của trẻ. Kết quả chỉ ra rằng phần lớn giáo viên có kiến thức hạn chế hoặc không đầy đủ, có những quan niệm sai lầm cơ bản về giáo dục hòa nhập và có thái độ tiêu cực đối với việc giáo dục hòa nhập của những học sinh này. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa nhóm giáo viên và cán bộ quản lý, cũng như nhóm giáo viên ở các trường nông thôn và thành thị. Kết quả phù hợp với các nghiên cứu tương tự và cho thấy sự cần thiết của việc thiết lập mạng lưới hỗ trợ hợp tác trong các khu học chánh và phát triển các chương trình đào tạo giáo viên, nhằm đạt được sự phong phú về kiến thức và kỹ năng của họ để giải quyết các nhu cầu đa dạng một cách thích hợp.

Nghiên cứu cụ thể về điều chỉnh nội dung, phương pháp điều kiện học tập của trẻ khuyết tật học hòa nhập ở MN, nhóm tác giả Kristin Bostel và Vivien Heller (2007) đề cập đến về một số phương pháp điều chỉnh khi dạy trẻ khuyết tật trong mầm non về ngôn ngữ; công trình nghiên cứu của Backer, Wang và Wahlberg (1994) "*The effects of inclusion on learning. Educational Leadership*" (tạm dịch: Tác dụng của việc hòa nhập trong học tập. Lãnh đạo giáo dục) Sau khi nghiên cứu về hiệu quả của các cơ sở giáo dục dành cho trẻ có nhu cầu đặc biệt, tác giả đã đưa ra kết luận rằng việc giáo dục các trẻ có nhu cầu đặc biệt trong môi trường hòa nhập của trường phổ thông mang lại kết quả tốt hơn. So với việc học tập trong các trường không hòa nhập, các trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào



trường học phổ thông không chỉ đạt được kiến thức mà còn phát triển kỹ năng xã hội tốt hơn. [83]; tác giả Villa và Thousand năm 2005 trong cuốn “*Creating an inclusive school*” (tạm dịch: *Sáng tạo trong trường học*) đã cho rằng, ngay từ những nghiên cứu đầu những năm 1980 các kinh nghiệm học tập chuyên biệt hầu như không có hiệu quả tích cực cho những học sinh được đánh giá là học sinh khuyết tật của Mỹ [121].

Nghiên cứu của Judy W.Wood (1984), Richard A.Villa và Jacqueline S.Thousand (1998), Smith, E.C.T và cộng sự (1998), tài liệu của tổ chức Unesco (2004), nghiên cứu của nhóm tác giả Kirstin Bostelmann và Vivien Heller (2007) đã đề cập đến các vấn đề: (i). Điều chỉnh cách dạy trong môi trường hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non; đề cập đến việc thiết kế và điều chỉnh môi trường dạy học sáng tạo với học sinh trong lớp hòa nhập; (ii). Các phương pháp, các bước cụ thể, cách thức dạy học đặc trưng; các kỹ thuật của giáo viên trong quá trình dạy học sinh ở môi trường hòa nhập để dạy từng đối tượng học sinh khuyết tật khác nhau, đáp ứng nhu cầu của TKT, có thể áp dụng trong cả môi trường chuyên biệt và môi trường hòa nhập... [115].

Lê Ánh Nguyệt, Dương Thị Hoài, Phạm Thị Huệ, Bùi Thị Kim Xuân, Trần Văn Công (2015) với “*Nghiên cứu về mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phát triển trong trường mầm non*” [58] đã phân tích, đánh giá về những tác động giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ thông qua mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ trong một số cơ sở giáo dục mầm non cho thấy những dấu hiệu tự kỷ ở một số trẻ thể nhẹ có sự tiến triển khá tích cực. Tuy nhiên, trước khi vào trường mầm non trẻ đã có những can thiệp sớm thì hiệu quả sử dụng mô hình can thiệp khi trẻ vào trường mầm non mới thành công. Những trẻ chưa được can thiệp, đánh giá về rối loạn phổ tự kỷ trước khi vào trường mầm non, dù áp dụng nhiều mô hình khác nhau song hiệu quả đạt được đều rất thấp và rất dễ làm nản lòng giáo viên.

Nguyễn Xuân Hải (2009) trong giáo trình “*Giáo dục học trẻ khuyết tật*” [25] và Lê Văn Tạc (2006) trong cuốn “*Giáo dục hòa nhập trẻ chậm phát triển trí tuệ cấp tiểu học*” [70] đã đề cập về điều chỉnh nội dung dạy học môn làm quen chữ viết, làm quen với toán cho trẻ chậm phát triển trí tuệ học hòa nhập ở mầm non; đề cập đến các ảnh hưởng của một loạt các dự án khởi đầu cho hòa nhập và các kết quả đạt được của Bộ GD&ĐT nhằm mở rộng giáo dục hòa nhập trên toàn quốc được miêu tả cùng với các rào cản hiện có để tạo ra sự thay đổi và đề xuất một mô hình thay đổi hệ thống nhằm tạo điều kiện cho sự mở rộng tiếp theo về GDHN trên khắp quốc gia.

Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Yên (Chủ nhiệm đề tài) và các cộng sự trong nghiên cứu “*Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011 – 2020*” (2014) đã mô tả và có một số đánh giá quá trình phát triển ở trẻ em giai đoạn từ 0-6 tuổi, đưa ra biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở nước ta. Dựa trên các định hướng này các bậc cha mẹ có thể có những đánh giá để tự kiểm tra được khả năng của trẻ cũng như đưa ra các biện pháp can thiệp sớm cho trẻ ngay tại gia đình [80].

Ngoài ra, có rất nhiều công trình nghiên cứu được công bố về các biện pháp can thiệp hỗ trợ trực tiếp cho trẻ khuyết tật tuổi mầm non như: Nghiên cứu về các giải pháp kỹ thuật, hướng dẫn kỹ năng đặc thù, kỹ năng hỗ trợ và CTS cho trẻ khuyết tật của tác giả Phạm Minh Mục [49], [50], [51], [52], [53]; các nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hải [24], [25], [26], [27], [28], [29]; các nghiên cứu của Hoàng Thị Nho [59], [60], [61], [62]; các nghiên cứu của Nguyễn Đức Minh, Lê Văn Tạc, Vương Hồng Tâm [70]; nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ GDHN cho trẻ khuyết tật của tác giả Lê Thị Thuý Hằng (2011) [30], [31], [32]; nghiên cứu về tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực CTS giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non ở Việt Nam của tác giả Nguyễn Văn Lê (2012) [40]; mô hình GDHN

cho trẻ có rối loạn phát triển trong trường MN của tác giả Lê Ánh Nguyệt (2015) [58]; phát triển mô hình CTS cho trẻ khuyết tật tại trường MN của tác giả Nguyễn Thị Hoàng Yên (2015) [80], [81]... Kết quả nghiên cứu của những công trình trên là những tài liệu vô cùng quan trọng cho các cơ sở giáo dục vận dụng triển khai trong thực tiễn và đã có những đóng góp to lớn cho việc nâng cao chất lượng giáo dục TKT nói chung, TKT tuổi mầm non nói riêng.

*(4) Nghiên cứu về vai trò của giáo viên và các lực lượng giáo dục trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non*

Nhiều công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài về GDHN trẻ khuyết tật được tập trung chủ yếu ở các vấn đề này. Các nghiên cứu của các tác giả Dockington và Lucas (1951), Hexander và Strain (1978), Laxhan (1982), Connop D, J. McCaip, G. White, Stainback, S.B.E và Staiback, W.C (1996) [116], Friend M. và Bursuck W (1996) [96], Lisky và Gartner (1997) [102], Smit, E.C.T và cộng sự (1998) [115], Wagner (2002) [122], Raver, S.A (2009) [113], Karren Kearns (2010) [99]... đều đã đề cập về sự cộng tác của gia đình (các bậc cha mẹ và người thân của trẻ) trong việc giáo dục và phát triển trẻ em đặc biệt ở lứa tuổi mầm non; về thiết kế môi trường học tập ở lớp học hoà nhập; về sự hiểu biết, lòng nhiệt tình, thái độ khuyến khích hay thờ ơ của giáo viên là những yếu tố có ảnh hưởng tới trẻ khuyết tật. Nó có tác dụng như là tạo sự dễ dàng hơn cho trẻ khi thực hiện các hoạt động trong nhà trường, nhưng cũng có thể tạo nên sự ức chế, kìm hãm trong môi trường này. Đây là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách giáo dục đưa ra những văn bản, chính sách đúng đắn cho vấn đề chăm sóc và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non. Giáo viên phải được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức kỹ năng cần thiết để không chỉ giảng dạy mà còn có khả năng tư vấn cho gia đình trẻ trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Các tác giả cũng đưa ra những khó khăn của trẻ khiếm thị tuổi mầm non trong sinh hoạt, trong đời sống và đặt ra các yêu cầu đối với công tác chăm

sóc và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non tuổi mầm non: Chuyên gia can thiệp phải am hiểu về những nguyên nhân gây ra khuyết tật, phải hiểu rõ những ảnh hưởng của các mức độ khuyết tật ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Phải tạo điều kiện cho trẻ vừa học vừa làm quen với môi trường thực tiễn. Can thiệp hiệu quả phải bao gồm cả việc tư vấn, hỗ trợ và cung cấp kỹ thuật quản lý cho gia đình.

Các tác giả Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2016) với nghiên cứu “*Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*” đã nêu quan điểm cho trẻ khuyết tật có nhiều thiệt thòi, đa phần do bẩm sinh nhưng các cách tiếp cận về giáo dục trẻ còn rất nhiều khác biệt, đồng thời phê phán việc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non còn thực hiện một số cách theo kinh nghiệm, chưa dựa trên cơ sở khoa học, dựa trên những bằng chứng, thực chứng; việc quản lý các hoạt động giáo dục hòa nhập, can thiệp sớm trẻ khuyết tật không được đặt ra một cách đầy đủ, mà còn chủ yếu nhắm vào vai trò của giáo viên, trong khi đó chưa có chuẩn giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật [47].

Đinh Nguyễn Trang Thu (2017) trong luận án “*Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở tiểu học*” đã đề cập: (i). Giáo dục hòa nhập đáp ứng đúng hướng đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực của người học, cũng như phù hợp với đặc điểm giáo dục hướng tới cá nhân, dựa trên đặc điểm phát triển của trẻ khuyết tật, nhằm mục tiêu vì sự tiến bộ và phát triển của người học; (2). Giáo dục hòa nhập phải chú ý đến đặc điểm của TKT với đặc trưng các kỹ năng của trẻ và các yếu tố tác động từ môi trường GDHN đặc thù; (3). Giáo dục TKT ở môi trường hòa nhập chỉ thực sự phát huy được hiệu quả trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các yếu tố chủ quan là khả năng nhận thức của TKT trong việc thực hiện đồng bộ hệ thống các biện pháp, được thực hiện theo một quy trình, với các yếu tố khách quan nằm trong mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên dạy hòa nhập (nhà trường) và cha mẹ (gia đình) HS, cũng như hệ thống các lực lượng hỗ trợ khác [76].

Qua kết quả các nghiên cứu giáo dục cho thấy, những yếu tố quyết định đến sự thành công của giáo dục hoà nhập là: vai trò của giáo viên, nội dung và phương pháp phù hợp với khả năng của trẻ và môi trường giáo dục thích hợp.

*Như vậy*, từ các nghiên cứu trên cho thấy:

➤ GDHN trẻ khuyết tật đã được quan tâm và nghiên cứu làm rõ những đặc trưng cơ bản - bản chất của phương thức GDHN, với các vấn đề liên quan như quy trình tổ chức, phương pháp điều chỉnh, lực lượng tham gia và phối hợp... Sự thống nhất trong các nghiên cứu này sẽ định hướng cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường GDHN ở các cấp học, bao gồm cả cấp học mầm non.

➤ Thực tiễn các vấn đề nghiên cứu của các đề tài trên thế giới và Việt Nam đã đề cập đến nhiều đối tượng trẻ khuyết tật khác nhau, nhiều hoạt động giáo dục khác nhau, theo các hướng tiếp cận cá nhân và tiếp cận nhóm ở môi trường hòa nhập. Mỗi nghiên cứu đã đánh giá được hiệu quả nhất định của các biện pháp, phương pháp giáo dục với từng đối tượng trẻ khuyết tật. Các kết quả nghiên cứu thực tiễn này đã cho thấy sự cần thiết và ý nghĩa thực tiễn của việc đưa ra các biện pháp, phương pháp giáo dục nhằm giúp trẻ khuyết tật có thể dần dần từng bước tham gia vào các hoạt động và hòa nhập xã hội.

➤ Nghiên cứu về đối tượng trẻ khuyết tật học hòa nhập đã có, nhưng phổ biến là trên đối tượng trẻ ở cấp tiểu học, ở các môi trường GDHN nói chung, chủ yếu là thông qua các hoạt động, còn ít và chưa đề cập cụ thể trong môi trường GDHN ở mầm non, với những đặc trưng về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức... Các nghiên cứu cũng chưa chỉ ra được đặc điểm đặc trưng của đối tượng trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non học hòa nhập. Ngoài ra, các nghiên cứu cũng mới chỉ nghiên cứu đến lĩnh vực học tập trong môi trường GDHN của trẻ khuyết tật, mà chưa đề cập

đến việc giáo dục các kỹ năng khác có thể hỗ trợ trẻ khuyết tật lĩnh hội tốt hơn trong quá trình học tập và hòa nhập.

➤ GDHN nhằm giúp trẻ khuyết tật có quyền được hưởng sự giáo dục công bằng và bình đẳng, phát triển tối đa nhân cách, tài năng, tâm hồn và thể chất, đó là một trong những mục tiêu của nền giáo dục của chúng ta, nói lên bản chất tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta. Phương hướng và nhiệm vụ GDHN đã được khẳng định trong chiến lược GD&ĐT: "Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non của nước ta trong giai đoạn hiện nay chủ yếu là GDHN, mục tiêu từ nay đến 2020 phải huy động được 90% trẻ khuyết tật được đến trường...". Trong nhiệm vụ năm học 2017-2018 của bậc học mầm non cũng nhấn mạnh: "Phương thức GDHN là phương thức chủ yếu đối với trẻ khuyết tật". Tuy nhiên, phương thức GDHN đối với nước ta còn là một vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn, do vậy để đạt được mục tiêu GDHN như trên thực sự là một thách thức lớn đối với ngành giáo dục và xã hội chúng ta.

➤ GDHN trẻ khuyết tật ngay từ MN có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với bản thân mỗi đứa trẻ, gia đình trẻ và cả với xã hội tương lai; giúp giảm thiểu đáng kể ảnh hưởng của khuyết tật đối với sự phát triển của trẻ; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và cuộc sống của trẻ, tạo cơ hội cho những trẻ khuyết tật được hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng, năng lực mà trẻ có được để hình thành, phát triển nhân cách, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về thể chất, tinh thần, kiến thức, kỹ năng, làm tiền đề cho trẻ sẵn sàng tham gia học hòa nhập ở trường phổ thông.

Do vậy, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội về việc trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động giáo dục trong trường mầm non và giúp trẻ khuyết tật có thể học tập, hòa nhập xã hội một cách có hiệu quả thì nghiên cứu về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non ở bậc học mầm non là một đòi hỏi cấp bách hiện nay.

### ***1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Trong những năm qua, Bộ GDĐT đã thể hiện quan tâm đáng kể đến công tác bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý về giáo dục hòa nhập cho cán bộ quản lý và giáo viên tham gia giáo dục hòa nhập. Điều này được thể hiện qua việc triển khai các hoạt động và tài liệu như sau: "Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003-2015": Đây là một dự án quan trọng của Bộ GDĐT, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục của mọi người, bao gồm cả trẻ em khuyết tật. Kế hoạch này đã tạo ra một khung pháp lý và chính sách để thúc đẩy giáo dục hòa nhập, đồng thời cung cấp hướng dẫn và định hình chiến lược cho công tác này; Hội thảo trao đổi kinh nghiệm giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (năm 2003) [2]: Đây là một sự kiện quan trọng để chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập. Hội thảo đã tạo cơ hội cho cán bộ quản lý và giáo viên tiếp cận những phương pháp và thực tiễn tốt nhất trong việc giảng dạy và chăm sóc trẻ em khuyết tật; "Tài liệu quản lý về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học" (năm 2008) [4]: Đây là một tài liệu quan trọng, cung cấp hướng dẫn chi tiết về quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật ở cấp tiểu học. Tài liệu này giúp cán bộ quản lý và giáo viên nắm vững các nguyên tắc và phương pháp giáo dục hòa nhập hiệu quả; Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật" (năm 2009): Tài liệu tập huấn quan trọng, cung cấp đào tạo và hướng dẫn cho cán bộ quản lý về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Tài liệu này giúp cán bộ quản lý nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công tác giáo dục hòa nhập một cách hiệu quả [5].

Có thể đề cập một số nghiên cứu về quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non theo hướng như sau:

(1). Nghiên cứu về quản lý mục tiêu, nội dung chương trình và phương thức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà

nghiên cứu và nhà giáo dục. Trong lĩnh vực này, có nhiều đề tài và luận án tiến sĩ đã được thực hiện, tập trung vào việc nghiên cứu các biện pháp quản lý giáo dục cho các đối tượng trẻ khuyết tật khác nhau, cũng như ở các vùng, miền, và cấp học khác nhau. Một trong những nghiên cứu đáng chú ý là của Koehler và Mishra (2009) về Kiến thức Sư phạm Nội dung Công nghệ (TPACK). Nghiên cứu của họ đã chỉ ra rằng Công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục, không chỉ là một yếu tố gây ra sự thay đổi mà còn là một bánh xe đẩy sự phát triển trong giáo dục. Một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình tích hợp CNTT trong giáo dục là việc phát triển chuyên môn cho giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật. Phát triển chuyên môn cho giáo viên đã được xác định là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đổi mới giáo dục, do đó cần có chương trình đào tạo chất lượng cao về Công nghệ thông tin cho giáo viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật. Điều này giúp giáo viên nắm vững kiến thức về cách sử dụng công nghệ trong việc giảng dạy trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.[100].

Các nghiên cứu của Ferguson (1992), Baker, Wang và Walberg (1994), Lipsky và Gartner (1997), Ainscow, Allan (1999), Dyson và Forlin (1999), Armstrong và Barton (2000), Peters Mittler, Sailor (2002), Thomas và Glenney (2002), Vinneau (2002) (2000), MacArthur (2009), Mitchell (2008 và 2010), Alur & Bach (2010)... đã chỉ rõ: Để thực hiện nội dung giáo dục trong lớp học hòa nhập cần đào tạo giáo viên về kiến thức và kỹ năng giáo dục hòa nhập; việc thực hiện nội dung GDHN và các phương thức GDHN TKT là một thách thức đối với giáo viên về các kiến thức dạy về GDHN [83], [102]...

Để thực hiện nội dung và phương thức GDHN TKT, nghiên cứu của tác giả Sijett Begmar và Lê Văn Tạc (2006) mặc dù không đưa ra một cách chi tiết các năng lực cần có của giáo viên giáo dục đặc biệt, song đã đưa ra cách tiếp cận vấn đề này, đó là tiếp cận năng lực đáp ứng sự đòi hỏi của vị trí công việc, tiếp cận năng lực nghề nghiệp. Mỗi công việc đòi hỏi mục tiêu năng lực khác



nhau được xác định với các chuẩn và tiêu chí cơ bản, bản mô tả công việc được xây dựng và dựa trên bản mô tả công việc này để thiết kế được chuẩn năng lực cơ bản và phát triển thành khung năng lực cho mỗi vị trí công tác. Tác giả Nguyễn Văn Lê và các cộng sự với kết quả nghiên cứu Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương giữa Việt Nam và Úc” (2010-2012) đề cập: Đề “tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực can thiệp sớm giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam”, tác giả đã đưa ra một khung khá chi tiết về năng lực nguồn nhân lực để có thể can thiệp sớm và giáo dục trẻ khuyết tật [40].

Tác giả Nguyễn Xuân Hải (2016) đã có nghiên cứu về mô hình hoạt động của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong đó nêu ra mô hình tổng quát các hoạt động của đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục TKT trong các môi trường giáo dục [26].

Hoàng Thị Nho trong các giáo trình với các tác giả: “*Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non*” (2006) [59], “*Giáo dục hòa nhập*” (2011) [60], “*Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*” (2015) [61]; các nghiên cứu về: “*Năng lực sử dụng các thiết bị hỗ trợ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non*” (2017) (đồng tác giả với Nguyễn Hà My) [62] và nghiên cứu “*Hỗ trợ đào tạo giáo viên giáo dục hòa nhập tại các nước châu Âu: Bài học kinh nghiệm*” (2018) (đồng tác giả với Ngô Thị Kim Ngọc, Lưu Thị Chung) [57] ...các nghiên cứu đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của năng lực của đội ngũ giáo viên trong việc quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non. Các tác giả cho rằng năng lực này, đặc biệt là khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ giáo dục hòa nhập, là điều cần thiết và có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật mầm non. Các tác giả đã nhận thấy rằng để quản lý giáo dục hòa nhập tốt cần có đội ngũ giáo viên có kiến thức, kỹ năng và năng lực để áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu của trẻ khuyết tật. Đặc biệt, khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ giáo dục, như các

công cụ, phương tiện, và công nghệ, có thể giúp giáo viên tạo ra môi trường học tập thuận lợi và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật trong quá trình học tập và phát triển. Ngoài ra, nắm vững các thiết bị hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non sẽ giúp giáo viên tạo điều kiện thuận lợi để trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động học tập cùng với các bạn cùng trang lứa. Điều này không chỉ giúp trẻ khuyết tật phát triển kỹ năng học tập mà còn góp phần tạo ra một môi trường hòa nhập, khuyến khích sự đồng thuận và sự tương tác xã hội giữa trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật. Do đó, việc đẩy mạnh đào tạo và nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên dạy hòa nhập, đặc biệt là trong việc sử dụng các thiết bị hỗ trợ giáo dục, là cần thiết để đảm bảo chất lượng quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non đạt hiệu quả.

(2). *Nghiên cứu về quản lý các nguồn lực và điều kiện thực hiện GDHN*

Nhấn mạnh đến vai trò của nhà trường và các nhà giáo dục, cụ thể là các giáo viên dạy hòa nhập, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định: khả năng, trình độ, nhận thức của giáo viên dạy hòa nhập có tác động mạnh mẽ đến trẻ khuyết tật, nhất là cách đánh giá trẻ khuyết tật. Các nghiên cứu cũng thống nhất trong cách đánh giá trẻ khuyết tật: không cào bằng, không thiên vị, mà đánh giá dựa trên đúng khả năng của các em, căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá trẻ ở các cấp học nói chung cũng như vào nội dung, chương trình đã được quy định của bậc học mầm non.

Các tác giả Jean B. Crockett, Bonnie Billingsley, Mary Lynn Boscardin trong “Handbook of Leadership and Administration for Special Education” (2012) (*tạm dịch: Cẩm nang về lãnh đạo và quản lý giáo dục đặc biệt*) [98] cho rằng, để can thiệp và GD trẻ em có nhu cầu GDĐB đạt hiệu quả, cần chú ý vào ba lĩnh vực sau: (i). Các chương trình can thiệp và giáo dục đặc biệt; (ii). Chuẩn bị và cung cấp các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ giảng dạy; (iii). Phát triển các kỹ năng bổ sung (như: đọc, viết chữ nổi, định hướng di chuyển, kỹ năng sinh hoạt

hàng ngày cho trẻ khiếm thị; kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cử chỉ, giao tiếp tổng hợp... cho học sinh khiếm thính). Các tác giả đã hướng nhiều đến thực hiện chương trình giáo dục trong GDHN, đặt ra các vấn đề như GDHN được thực hiện chương trình giáo dục phổ thông có điều chỉnh hay có thêm chương trình GDĐB bên cạnh chương trình giáo dục phổ thông; sự cần thiết của các phương tiện, thiết bị đồ dùng dạy học và các kỹ năng đặc thù hỗ trợ cho can thiệp và hỗ trợ. Các tác giả cũng cho rằng kỹ năng xã hội, kỹ năng sống là mục tiêu hết sức quan trọng mà GDĐB cần đạt được. Đặc biệt các tác giả nhấn mạnh đến vai trò của quản lý và việc tổ chức các hoạt động thuộc lĩnh vực trên.

Peters, S. (2004) trong nghiên cứu “*Inclusive Education: An EFA strategy for all children*” (Tạm dịch: Giáo dục hòa nhập: Chiến lược giáo dục cho mọi người đối với tất cả trẻ em) đã nhận định [112]: Thay đổi môi trường giáo dục nhà trường và hệ thống quản lý giáo dục là rất quan trọng đối với giáo dục trẻ em có nhu cầu GDĐB. Việc thay đổi này bao gồm việc sửa đổi chương trình và phương pháp dạy học, thúc đẩy mối quan hệ giữa thầy và trò, tạo cơ hội để mọi trẻ được học tập cùng nhau và thúc đẩy sự tham gia của phụ huynh. Nhận định trên được đưa ra sau khi tác giả đã dành sự quan tâm và chú ý của mình vào việc thay đổi, tạo môi trường giáo dục thích hợp cho việc thực hiện tổ chức quản lý GD trẻ em có nhu cầu GDĐB. Trong đó đặt ra các vấn đề hết sức cụ thể như chương trình cần được điều chỉnh và sắp xếp thế nào cho phù hợp; giáo viên cần lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học như thế nào, các phương pháp giáo dục đang được thực hiện trong các cơ sở giáo dục đảm bảo cho trẻ có nhu cầu GDĐB phát triển; sự tác động can thiệp, hỗ trợ từ phía giáo viên và vai trò, sự tham gia của phụ huynh học sinh. Tất cả các vấn đề trên phải được cụ thể trong một kế hoạch tổng thể và từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Lisa R. Churchill, Rita Mulholland và Michelle R. Cepello (2007) trong nghiên cứu “*A Practical Guide for Special Education Professionals*” (Tạm

dịch: Hướng dẫn thực tế dành cho Chuyên gia Giáo dục Đặc biệt) đã kết luận [103]: Việc nhận dạng và phát hiện trẻ có nhu cầu GDĐB cần được phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong nước và các tổ chức phi Chính phủ. Việc làm này cần được đưa vào kế hoạch của mỗi năm học và được xem như một phần của kế hoạch giáo dục chung của nhà trường. Ý kiến trên được tác giả nêu ra dựa trên cơ sở nghiên cứu, mô tả và định ra những tiêu chí phân loại, mức độ tật. Với những khuyến nghị công tác nhận dạng và phát hiện trẻ có nhu cầu GDĐB cần được xây dựng kế hoạch tổng thể và có kế hoạch cụ thể cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ; đồng thời phải có sự tham gia của các tổ chức, cơ quan chuyên môn. Tác giả cũng định hướng chung cho việc tổ chức, thực hiện giáo dục cho TKT trong trường phổ thông trên cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện năm học của mỗi nhà trường.

Susan M. Bruce và Gerald J. Pine (2010) trong nghiên cứu “*Action Research in Special Education: An Inquiry Approach for Effective Teaching and Learning*” (Tạm dịch: Nghiên cứu hành động trong giáo dục đặc biệt: Phương pháp khảo sát để dạy và học hiệu quả) [118] đã đề cập những mục tiêu chung nhất về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non, cách thức thực hiện, các điều kiện đảm bảo cho thực hiện giáo dục TKT và những tiêu chí đánh giá công việc này. Đồng thời, các tác giả cũng khuyến nghị sự cần thiết phải hình thành mạng lưới phòng hỗ trợ giáo dục đặc biệt nhằm đảm bảo trẻ được can thiệp sớm và học tại nơi trẻ được sinh ra và lớn lên cùng với gia đình; khuyến cáo các phương án để đảm bảo lợi ích của trẻ và gia đình trẻ là cần theo dõi và đánh giá thường xuyên về sự tiến triển của các chương trình can thiệp hỗ trợ nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra; khuyến cáo việc hình thành phòng/trung tâm GDĐB, làm sao cho cộng đồng có thể tham gia một cách tích cực vào giáo dục trẻ trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, các mô hình giáo dục phải phong phú và đa dạng tạo điều kiện tối đa cho sự tham gia của trẻ.

Tác giả William L. Heward, “*Exceptional Children: An Introduction to Special Education*” (2005) (tạm dịch: Những đứa trẻ đặc biệt: Giới thiệu về Giáo dục Đặc biệt) cho rằng [124]: Trẻ khuyết tật sau khi giáo dục chuyên biệt ổn định cần hướng tới GDHN. GDHN với chương trình, sự hỗ trợ, cách đánh giá đúng sẽ tạo được sự độc lập cho trẻ có nhu cầu GDĐB; GDHN là mô hình giáo dục tối ưu nhất dành cho trẻ khuyết tật với việc thực hiện tốt ba yếu tố (bao gồm: chương trình giáo dục; tác động hỗ trợ từ các lực lượng trong và ngoài nhà trường; đánh giá về kiến thức, kỹ năng) sẽ đảm bảo được sự hòa nhập và độc lập của trẻ khuyết tật trong và sau khi ra trường.

Nghiên cứu McLeskey (James Matthew Hurt, 2012) và Anne M. Hocutt (Anne M. Hocutt, 1996) đã chỉ ra sự khác biệt giữa phòng hỗ trợ với các mô hình khác như: lớp học phổ thông (regular class), lớp học chuyên biệt (Separate class), trường học chuyên biệt (Separate school). Kri International Corp (2002) trong nghiên cứu “*The National school mapping and micro-planning project*” (tạm dịch: Dự án lập kế hoạch chi tiết về các trường Quốc gia) đề cập [101]: Việc qui hoạch mạng lưới phòng hỗ trợ GDĐB phải căn cứ vào thực tiễn nhu cầu giáo dục trước mắt và phải đón đầu sự phát triển. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh đến việc sơ đồ hóa mạng lưới giáo dục dựa trên sự phân bố dân cư (mô hình theo phân vùng địa lý), trong đó có tính đến sự thay đổi của các yếu tố văn hóa, kinh tế xã hội (như: yếu tố hội nhập, yếu tố di dân và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế) dẫn đến sự thay đổi về dân số và nhu cầu giáo dục.

Nghiên cứu của Ngô Thị Kim Thoa (2008) về “*Thực trạng bồi dưỡng giáo viên tiểu học dạy hòa nhập trẻ khuyết tật*” đã làm sáng tỏ khái niệm trẻ KT, dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật, bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng GV tiểu học và những yêu cầu cần thiết về năng lực và nhu cầu của GV tiểu học dạy học hoà nhập trẻ khuyết tật, trên cơ sở đó đã đề ra các biện pháp nhằm bồi dưỡng GV dạy hòa nhập cấp tiểu học [75]: Nghiên cứu đã chỉ ra và xác định được các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác bồi dưỡng GV tiểu học dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật có

hiệu quả như: Quản lý công tác bồi dưỡng như thế nào? Chủ thể của công tác bồi dưỡng, giáo viên tiểu học người trực tiếp thực thi công tác bồi dưỡng? Điều kiện về cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. Thông qua quá trình nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số biện pháp thực hiện công tác bồi dưỡng GV tiểu học dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật, đó là: Hiện thực hóa các văn bản pháp lý về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non; quản lý mục tiêu, nội dung của công tác BD GV tiểu học dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật; chỉ đạo phương pháp thực hiện công tác bồi dưỡng GV tiểu học dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật; thành lập dịch vụ, tư vấn và hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật và kiểm định đánh giá công tác bồi dưỡng GV tiểu học dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, luận án cũng chỉ tổng quát hóa công tác quản lý bồi dưỡng đội ngũ GV để phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng chiến lược giáo dục và chưa chú ý đến việc đào tạo bồi dưỡng GV và bồi dưỡng tại chỗ của mỗi trường.

Tác giả Phạm Minh Mục (cùng với nhiều tác giả) trong các nghiên cứu như: “*Công tác quản lý của hiệu trưởng trong trường tiểu học hòa nhập*” (2005) đã đề cập đến các nhiệm vụ và chức năng của hiệu trưởng trong công tác quản lý của trường có học sinh khuyết tật học hòa nhập [49]; trong tài liệu “*Quản lý Giáo dục hòa nhập*” (2010) đã cung cấp lý luận cơ bản về quản lý GDHN, mô hình quản lý các cấp học có học sinh khuyết tật học hòa nhập, các biện pháp huy động lực lượng cộng đồng và xây dựng môi trường hòa nhập đảm bảo chất lượng GDHN [51]; trong nghiên cứu “*Xây dựng chính sách GDHN cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*” (2012) [52], “*Xây dựng kế hoạch hành động triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trẻ khuyết tật*” (2013) [53] và một số công trình nghiên cứu khác đã đề cập đến việc cần phải có một hệ thống chính sách đầy đủ làm công cụ triển khai giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non và nhấn mạnh đến Chương trình hành động xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và hệ thống quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non.

Nghiên cứu của Lê Thị Thúy Hằng về “*Phát triển năng lực giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non cho đội ngũ giáo viên mầm non*” (2016) và “*Nhu cầu hỗ trợ của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non hòa nhập*” (2017) đề cập các yêu cầu cụ thể về tài nguyên để nâng cao chất lượng của giáo viên - yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục hòa nhập nói riêng [31], [32]; nghiên cứu của Trần Thị Bích Ngọc về “*Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy hòa nhập học sinh khuyết tật tại trường phổ thông*” (2016) và luận án tiến sĩ “*Phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp*” (2021) đã đề xuất một số biện pháp để phát triển quản lý trường học, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên để cải thiện chất lượng giáo dục hòa nhập tại các trường học, giúp học sinh khuyết tật tích hợp vào các hoạt động học tập với học sinh không khuyết tật [55], [56].

(3) *Các nghiên cứu về biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non*

Nghiên cứu của UNICEF cho rằng: Khi các quốc gia đều cam kết các chính sách về giáo dục hòa nhập theo tuyên bố Salamanca (UNESCO 1994) và Công ước LHQ về quyền người KT (UNCRPD 2006), vẫn có sự chênh lệch giữa việc đào tạo giáo viên với kiến thức và kỹ năng thực tiễn để thực hiện giáo dục hòa nhập trong các lớp học [41], [42] và [78]. Các nghiên cứu từ các nước trên thế giới rất rõ ràng – nếu giáo viên được đào tạo để dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật thì trình độ học tập không những của học sinh khuyết tật mà còn cả HS đồng trang lứa bình thường khác sẽ được gia tăng và cải thiện.

Lê Tiến Thành, Lê Văn Tạc, Trần Đình Thuận, Nguyễn Xuân Hải trong cuốn “*Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Tiểu học*” (2008) đã đưa ra qui trình quản lý gồm 4 bước nhằm thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở tiểu học, bao gồm: Bước 1: Tìm hiểu năng lực, nhu cầu và môi

trường phát triển của trẻ; Bước 2: Xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục cá nhân; Bước 3: Thực hiện kế hoạch: Vận dụng các phương pháp, phương tiện thiết bị giáo dục và dạy học đặc thù; Bước 4: Đánh giá kết quả giáo dục [73].

Các nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hải (2010) về “*Quản lý giáo dục hòa nhập*” [27]; nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hải và Nguyễn Đức Hữu (2016) về “*Cơ sở lý luận của quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở Việt Nam*” [29], luận án tiến sĩ “*Quản lý giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp tiểu học theo theo tiếp cận đảm bảo chất lượng*” (2023) của Nguyễn Đức Hữu [20] đã làm rõ lý luận về GDHN và quản lý GDHN HSKT bằng cách bổ sung thêm các khái niệm về GDHN trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam; làm rõ nội dung về GDHN, quản lý GDHN TKT, đặc biệt là đề xuất “*Khung tiêu chuẩn về quản lý GDHN cho HSKT cấp tiểu học theo tiếp cận ĐBCL*”; các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDHN nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDHN TKT, thực hiện mục tiêu giáo dục theo hướng tiếp cận nhu cầu của người học trong bối cảnh học tập thay đổi môi trường để thực hiện các nhân văn cơ bản ngày nay. Kết quả nghiên cứu được sử dụng để phục vụ công tác quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở nước ta hiện nay và trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên dạy GDHN TKT.

Nghiên cứu của Cao Thị Hồng Nhung (2016) về “*giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non: Khó khăn và biện pháp*” phân tích những thách thức đối với giáo dục hòa nhập và đề xuất các biện pháp nâng cao nhận thức của phụ huynh, năng lực quản lý và năng lực GDHN của giáo viên để nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập ở các trường mầm non [63].

Nghiên cứu của Trần Thị Mỹ Dung năm 2017 về “*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non ở các trường mầm non quận 3 - TP. HCM*” [14] và “*Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non ở các trường mầm non*” [15]



đã phân tích các nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập tại các trường mẫu giáo cũng như vai trò quản lý của hiệu trưởng để đảm bảo chất lượng của hoạt động này tại trường mẫu giáo giúp trẻ khuyết tật hòa nhập với môi trường học tập bình thường và trẻ không khuyết tật, đáp ứng nhu cầu giáo dục cho trẻ khuyết tật.

Nghiên cứu của Nguyễn Thụy Tố Uyên (2018) về “*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non ở các trường tiểu học quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh*” đã trình bày thực tế quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật tại các trường tiểu học ở quận 7, thành phố Hồ Chí Minh làm căn cứ để đề xuất các biện pháp hiệu quả hơn để quản lý giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học [79].

Như vậy, các nghiên cứu trên chưa chỉ rõ các bước trong quy trình quản lý gồm Công tác lập kế hoạch quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo hoạt động can thiệp sớm TKT cũng như quản lý kiểm tra, đánh giá thực trạng hoạt động can thiệp sớm TKT. Tuy nhiên, dựa trên những nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật và những nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực - đội ngũ GV có thể kế thừa một số điểm, như: Cần có sự chỉ đạo để thường xuyên tiến hành đánh giá, lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động can thiệp và giáo dục hòa nhập, tiến hành công tác kiểm tra, đánh giá theo quy trình của một hoạt động quản lý giáo dục; cần phải thực hiện rất nhiều những biện pháp nhằm phát triển được đội ngũ GV mầm non dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật đó là: Lập quy hoạch phát triển đội ngũ GV GDHN, hệ thống mạng lưới GV mầm non GDHN, cán bộ chuyên môn của các trung tâm hỗ trợ và phát triển GDHN, đào tạo đội ngũ nhân viên hỗ trợ GDHN đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu và chất lượng; xây dựng và ban hành chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên mầm non (GVMMN) tham gia GDHN, cán bộ chuyên môn của trung tâm hỗ trợ GDHN, nhân viên hỗ trợ GDHN.

### ***1.1.3. Đánh giá chung tổng quan và vấn đề cần giải quyết***

Các nghiên cứu về trẻ khuyết tật đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng ở bất kỳ thời kỳ nào, xã hội nào cũng tồn tại một bộ phận trẻ khuyết tật. trẻ khuyết tật có nhiều dạng khác nhau và mức độ khác nhau. Mặc dù vậy trẻ khuyết tật là trẻ em, các em vẫn được hưởng đầy đủ các quyền được học tập và phát triển như mọi trẻ em.

Để thực hiện quyền được giáo dục và phát triển theo Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền của người khuyết tật cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam cũng như Quốc tế, trẻ khuyết tật phải được chăm sóc và giáo dục ngay từ tuổi mầm non. Hiện nay, trên thế giới đang tồn tại các phương thức giáo dục khác nhau, tuy nhiên phương thức GDHN đang là phương thức tiên bộ nhất, nhân văn nhất, tạo nhiều điều kiện cho trẻ khuyết tật phát triển tốt nhất.

Cũng đã có nhiều nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non, GDHN trẻ khuyết tật, tuy nhiên chưa có nhiều các nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non ở trường mầm non hòa nhập, đặc biệt chưa phù hợp với những địa bàn cụ thể như TP Hà Nội. Việc nghiên cứu quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non ở trường mầm non hòa nhập còn rất nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu và làm rõ như: Việc tổ chức đánh giá sàng lọc, đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật; việc xây dựng và quản lý thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, việc xây dựng và vận hành phòng hỗ trợ giáo GDHN trong trường mầm non, việc phát triển nguồn nhân lực trong can thiệp sớm và GDHN, việc huy động các nguồn lực xã hội cùng thực hiện GDHN... Và đó cũng chính là định hướng những nhiệm vụ phải nghiên cứu thuộc đề tài trên.

*Như vậy*, GDHN TKT trong trường mầm non (MN) đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của TKT, chuẩn bị cho TKT hoà nhập tốt ở cấp học cao hơn. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước về mô hình CTS và GDHN

trong trường MN tại Việt nam hiện nay còn chưa đồng bộ, nhỏ lẻ, thiếu sự phối kết hợp giữa các lực lượng, còn chưa có nghiên cứu cụ thể về mô hình CTS và GDHN TKT trong trường MN tại Việt nam nhằm định hướng cho việc triển khai thực hiện có hiệu quả tại tất cả các địa phương trong cả nước. Việc nghiên cứu để có những giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm phát triển mô hình các lớp CTS và hỗ trợ GDHN TKT trong trường MN chính là thực hiện các chủ trương, chính sách về GDHN của Việt nam và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trên cơ sở của tổng quan nghiên cứu vấn đề về trẻ khuyết tật, GDHN trẻ khuyết tật và quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non ở trường mầm non, việc nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở các trường mầm non ở trường mầm non hòa nhập đã được các tác giả cả trong và ngoài nước đề cập đến. Mặc dù vậy các nghiên cứu mới đề cập đến từng lĩnh vực riêng lẻ của công tác quản lý, đặc biệt chưa có nhiều nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non hòa nhập trên địa bàn TP Hà Nội. Do vậy, trong khuôn khổ của Luận án tiến sĩ, luận án sẽ tập trung nghiên cứu về cơ sở lí luận, khảo sát đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật đáp ứng nhu cầu về sự bình đẳng trong cơ hội giáo dục trẻ khuyết tật

## **1.2. Các khái niệm cơ bản**

### **1.2.1. Khái niệm Quản lý giáo dục**

#### *- Khái niệm quản lý*

Theo sự phân tích của Mác thì “Bất cứ nơi nào có lao động, nơi đó có quản lý”. Trong tác phẩm: “Những vấn đề cốt yếu của quản lý” tác giả Harold Kontz viết [33]: “Quản lý là một hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp những nỗ lực cá nhân nhằm đạt được các mục đích của nhóm về thời gian, tiền bạc và sự bất mãn cá nhân ít nhất”.

“*Quản lý*”, theo từ điển Tiếng Việt là “tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định”; theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: “là

những tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý trong tổ chức để vận hành tổ chức, nhằm đạt mục đích nhất định” [64]; theo Nguyễn Bá Sơn: “là tác động có mục đích đến tập thể những con người để tổ chức và phối hợp hoạt động của họ trong quá trình lao động” [69]; theo Đặng Quốc Bảo, trong quyển sách “Khoa học Tổ chức và Quản lý”: “Quản lý là một quá trình lập kế hoạch, tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra những nỗ lực của các thành viên trong một tổ chức và sử dụng các nguồn lực của tổ chức để đạt được những mục tiêu cụ thể” [1]. Tác giả Trần Kiểm cho rằng “Quản lý là những tác động của chủ thể quản lý trong việc huy động phát huy, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài nước (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất” [38].

Khái quát hơn các tác giả Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc đưa ra quan niệm: “*Quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức*” và “*là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra*” [12].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đồng thuận với quan điểm của nhóm tác giả Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc: “*Quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức*”.

#### - *Quản lý giáo dục*

Quản lý giáo dục là sự tác động có mục đích, có hệ thống, có kế hoạch của người dạy tới người học nhằm giúp người học lĩnh hội tri thức khoa học, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, phát triển trí tuệ, hình thành thế giới quan khoa học và phẩm chất, nhân cách từ đó đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra với chất lượng, hiệu quả cao nhất.

Quản lý giáo dục, theo M.I.Kônđacôp, là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng đích của chủ quản lý ở các cấp khác nhau, đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ Bộ đến trường) nhằm mục đích đảm bảo việc hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng như các quy luật của quá trình giáo dục, của sự phát triển thể lực và tâm lý trẻ em; theo P.V.Khudôminxky (nhà lý luận Xô Viết), là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và có mục đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến các khâu của hệ thống (từ Bộ đến trường) nhằm mục đích bảo đảm việc giáo dục Cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, bảo đảm sự phát triển toàn diện và hài hoà của họ; theo Phạm Minh Hạc, là thực hiện đường lối của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh; chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất... [22], [64].

Từ những quan niệm trên, có thể khái quát rằng: *Quản lý giáo dục là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động liên quan đến hệ thống giáo dục. Quản lý giáo dục bao gồm việc định hướng và thực hiện các chính sách, quy định, quy trình và mục tiêu trong lĩnh vực giáo dục nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục, cơ hội học tập cũng như nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và xã hội.*

### **1.2.2 Khái niệm về Quản lý trường mầm non có trẻ khuyết tật**

- *Quản lý trường mầm non có trẻ khuyết tật*: Là phương thức quản lý giáo dục dựa vào nhà trường (School Based Management) với những đặc điểm đặc trưng của mỗi nhà trường trong đó có học sinh là trẻ khuyết tật.

Hiện nay, ở nước ta, việc quản lí trường mầm non có trẻ khuyết tật bao gồm trong đó hai hình thức là quản lí giáo dục hoà nhập và quản lí giáo dục chuyên biệt, trong đó hình thức thứ nhất đóng vai trò chủ yếu và phổ biến, đồng thời là định hướng chủ đạo trong nghiên cứu này.

Khi trẻ khuyết tật tham gia học tập tại một trường mầm non thì sẽ xuất hiện hình thức cũng như yêu cầu về quản lí giáo dục hoà nhập.

Giáo dục hoà nhập có những đặc trưng cơ bản [27]:

- + Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội;
- + Trẻ được đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi trẻ đang sinh sống;
- + Giáo dục và dạy học không đánh đồng mọi trẻ, mỗi trẻ là khác nhau;
- + Thực hiện điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và đánh giá kết quả giáo dục.

- *Quản lí lớp học hoà nhập:*

Là một nhiệm vụ được lồng ghép phối hợp chung trong hoạt động quản lí giáo dục nhà trường mang tính tổng thể của Hiệu trưởng và tính phức tạp và linh hoạt trong các khâu của quá trình quản lí như lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá vì có sự liên quan đến các đối tượng học sinh khác nhau trong tất cả các hoạt động giáo dục và dạy học của nhà trường, lớp học.

Quản lí giáo dục hoà nhập mang tính xã hội hoá cao vì đòi hỏi sự tham gia và cam kết thực hiện của nhiều lực lượng khác nhau trong và ngoài nhà trường (giáo viên và trẻ, gia đình trẻ, cộng đồng tại địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng, chính quyền địa phương...).

### ***1.2.3. Khái niệm về Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non***

- *Khái niệm về Người khuyết tật và Trẻ khuyết tật mầm non*

Khái niệm người khuyết tật hiện đang là một khái niệm gây rất nhiều tranh cãi ở các quốc gia và cho đến nay vẫn chưa có khái niệm thống nhất về người

khuyết tật áp dụng chung cho các nước. Giữa các quốc gia có sự khác nhau về quan điểm khuyết tật, những quy định liên quan tới tình trạng và mức độ khuyết tật, cũng như cách sử dụng từ ngữ diễn tả.

Theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới, có ba mức độ suy giảm là: khiếm khuyết (impairment), khuyết tật (disability) và tàn tật (handicap). Khiếm khuyết chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc/và sinh lý. Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết. Còn tàn tật đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ.

Tại Việt Nam, khuyết tật và tàn tật là hai từ để chỉ cùng một khái niệm, từ năm 2009 trở về trước chúng ta vẫn dùng song song hai từ này trên cả phương tiện truyền thông đại chúng và văn bản pháp quy. Tuy nhiên, trong các pháp lệnh trước đây của Nhà nước Việt Nam, tàn tật là cụm từ được chính thức sử dụng. Tại Điều 1 – Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998, người tàn tật được định nghĩa như sau [65]: *“Người tàn tật theo quy định của Pháp lệnh này không phân biệt nguồn gốc gây ra tàn tật là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn“*.

Luật Người khuyết tật năm 2010 định nghĩa [66]: *“Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn”*.

Từ những định nghĩa trên, trong nghiên cứu này, trẻ khuyết tật mầm non được hiểu là: *“trẻ khuyết tật trong độ tuổi dưới 6 tuổi có những khiếm khuyết về cấu trúc hoặc các chức năng cơ thể hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định và không thể theo được chương trình giáo dục phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục”*.

*- Khái niệm hòa nhập*

Là gần gũi, chan hòa, không xa lánh mọi người, không mâu thuẫn, bất hòa với người khác, có ý thức tham gia các hoạt động chung của cộng đồng.

*- Khái niệm Giáo dục hòa nhập*

Tổ chức UNESCO quan niệm: Giáo dục hòa nhập là một quá trình thay đổi toàn diện hệ thống giáo dục nhờ xác định và đáp ứng nhu cầu đa dạng của tất cả HS, không phân biệt về hoàn cảnh xã hội, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, thể chất, hoặc các yếu tố thể chất khác [78].

Giáo dục hoà nhập ở nước ta được hiểu là phương thức giáo dục, trong đó trẻ có nhu cầu đặc biệt cùng học với các bạn , trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ đang sinh sống. Nguyễn Xuân Hải quan niệm: “GDHN là giáo dục mọi trẻ em trong lớp học bình thường của trường phổ thông. GDHN là hỗ trợ mọi trẻ em, trong đó có trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, có cơ hội bình đẳng tiếp nhận dịch vụ giáo dục với những hỗ trợ cần thiết trong lớp học, phù hợp tại trường phổ thông nơi trẻ sinh sống, nhằm chuẩn bị trở thành những thành viên đầy đủ của xã hội” [27].

*Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục đáp ứng nhu cầu giáo dục cá nhân cho mọi trẻ em có nhu cầu hòa nhập trong nhà trường. Trong quá trình GDHN, trẻ em được quan tâm tới những đặc trưng cơ bản như tính tôn giáo, tính dân tộc, tình trạng thể chất và tâm lí, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội, hoàn cảnh sống và điều kiện học tập".*

*- Khái niệm Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT: “*Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục*” [7].

Trong luận án này, *giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật được hiểu là phương thức giáo dục chung trẻ khuyết tật với trẻ không khuyết tật trong cùng một cơ sở giáo dục trên cơ sở trẻ được bình đẳng, được quan tâm tới những đặc trưng*



*cơ bản như tính tôn giáo, tính dân tộc, tình trạng thể chất và tâm lí, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội, hoàn cảnh sống và điều kiện học tập.*

#### ***1.2.4. Khái niệm Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non***

Từ định nghĩa về quản lý, giáo dục hòa nhập và trẻ khuyết tật, định nghĩa về quản lý giáo dục hòa nhập TKT tại trường mầm non được hiểu như sau: *“Quản lý giáo dục hòa nhập TKT tại trường mầm non là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý đến hoạt động giáo dục TKT tại trường mầm non nhằm đạt được mục tiêu giáo dục hòa nhập, từ đó tạo cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non một môi trường giáo dục thân thiện, gần gũi, phù hợp nhất để học tập và phát triển”.*

Quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non là quá trình tổ chức, lập kế hoạch và điều hành các hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo rằng trẻ khuyết tật được tham gia vào môi trường giáo dục chung cùng với trẻ không khuyết tật.

Quản lý đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật đến trường là quá trình xác định nhu cầu, khả năng và yêu cầu đặc biệt của trẻ khuyết tật và đưa ra quyết định về việc tiếp nhận họ vào môi trường giáo dục. Quá trình này giúp xác định phương pháp giảng dạy, tài liệu và môi trường giáo dục phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật. Điều này đảm bảo rằng trẻ được hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong môi trường giáo dục hòa nhập.

Quản lý mục tiêu của giáo dục hòa nhập là tạo điều kiện thuận lợi để trẻ khuyết tật phát triển toàn diện và đạt được tiến bộ trong học tập và xã hội hóa.

Quản lý nội dung giáo dục hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non bao gồm việc xác định mục tiêu, tổ chức và triển khai kế hoạch giáo dục bao gồm nội dung bài học phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng

trẻ. Điều này đảm bảo rằng trẻ MN có cơ hội tiếp cận kiến thức và phát triển toàn diện trong môi trường giáo dục hòa nhập.

Tổ chức thực hiện phương thức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non nhằm tạo môi trường học tập đa dạng và hỗ trợ, đặt mục tiêu phát triển cá nhân cho từng trẻ, và thúc đẩy sự hợp tác giữa giáo viên, gia đình và cộng đồng để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ khuyết tật.. Phương thức giáo dục bao gồm phương pháp và hình thức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường MN

Tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục, định hướng đổi mới, bảo vệ quyền lợi của trẻ khuyết tật và tạo sự minh bạch và động lực cho các trường mầm non cải thiện chất lượng giáo dục và hỗ trợ tốt hơn cho trẻ khuyết tật.

Quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non đòi hỏi sự hợp tác giữa giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục đặc biệt, gia đình và các chuyên gia liên quan. Quản lý cần bao gồm việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, cung cấp tài nguyên và hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên để đảm bảo rằng môi trường giáo dục là phù hợp và đáp ứng nhu cầu của trẻ khuyết tật.

Ngoài ra, việc theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến cũng là một phần quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập. Thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu về tiến trình học tập và phát triển của trẻ, quản lý có thể xác định các khía cạnh cần cải thiện, đề xuất các biện pháp hỗ trợ và điều chỉnh kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật.

Tóm lại, quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non bao gồm quản lý mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương thức giáo dục và kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục. Quản lý cần tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật tham gia vào môi trường giáo dục chung, đồng thời đảm bảo sự tiến bộ và phát triển toàn diện của trẻ.

### ***1.2.5. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo quyền được giáo dục của trẻ em khuyết tật trong môi trường giáo dục chung với trẻ em không khuyết tật ở độ tuổi mầm non. Nội dung hoạt động giáo dục trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được nghiên cứu và khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu trong đó có công trình [128]; [129];[130]; [131]bao gồm:

*Mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non:* Đảm bảo rằng trẻ em khuyết tật được tham gia vào môi trường giáo dục chung cùng với trẻ em không khuyết tật. Mục tiêu chính của giáo dục hòa nhập là tạo ra một môi trường giáo dục bình đẳng và chất lượng cho tất cả các trẻ em, không phân biệt khuyết tật.

*Nội dung của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non:* Đảm bảo các hoạt động học tập và phát triển tổng quát cho tất cả các trẻ em. Nội dung này phải được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ em khuyết tật, đồng thời đảm bảo tính đa dạng và sự phong phú trong các hoạt động giáo dục.[127]

*Phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non:* Nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được phát triển trong môi trường sư phạm được phát huy hết khả năng cá nhân để phát triển trong môi trường giáo dục hòa nhập [126]

*Hình thức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non* giúp trẻ được giáo dục toàn diện. Các hình thức giáo dục bao gồm: Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp; Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ; Giáo dục cá nhân; Giáo dục ngoài lớp học; Hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài;

*Kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non* nhằm đánh giá kết quả học tập và phát triển của trẻ em khuyết

tật trong môi trường hòa nhập. Kiểm tra và đánh giá có thể bao gồm: *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng nhận thức; Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động; Kiểm tra, đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ; Kiểm tra, đánh giá kỹ năng xã hội và tình cảm; Kiểm tra, đánh giá kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng;*

Việc kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cũng nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình hòa nhập và nhận biết những khía cạnh cần cải thiện. Kết quả kiểm tra và đánh giá sẽ giúp giáo viên và nhà trường điều chỉnh phương pháp giảng dạy, chương trình học, và hỗ trợ cá nhân hóa cho từng trẻ em khuyết tật, nhằm đảm bảo rằng họ đạt được tiến bộ trong việc học tập và phát triển.

Ngoài ra, kiểm tra và đánh giá cũng có thể liên quan đến việc đánh giá môi trường học tập và các nguồn lực hỗ trợ có sẵn tại trường mầm non để đảm bảo rằng chúng đáp ứng đúng nhu cầu của trẻ em khuyết tật và có hiệu quả trong việc hỗ trợ sự hòa nhập của họ.

Tóm lại, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là một hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo rằng trẻ em khuyết tật có cơ hội tham gia vào môi trường giáo dục chung. Để đạt được mục tiêu này, nội dung, phương pháp, hình thức, kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập phải được thiết kế và thực hiện một cách phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ em khuyết tật, đồng thời đảm bảo môi trường học tập đa dạng và chất lượng cho tất cả các trẻ em.

### **1.3. GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

#### **1.3.1. Đặc điểm và biểu hiện của trẻ khuyết tật độ tuổi mầm non**

##### **✓ Đặc điểm của trẻ khuyết tật độ tuổi mầm non**

Theo Tổ chức y tế thế giới (WHO): “TKT là những trẻ có những khiếm khuyết về cấu trúc hoặc các chức năng cơ thể hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định và không thể theo được chương trình giáo dục

*phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục - dạy học và những trang thiết bị trợ giúp cần thiết”, khái niệm khuyết tật gắn với 3 yếu tố cơ bản sau:*

- ✓ Những thiếu hụt về cấu trúc cơ thể và sự suy giảm các chức năng.
- ✓ Những hạn chế trong hoạt động của cá thể.
- ✓ Môi trường sống: những khó khăn, trở ngại do môi trường sống mang lại làm cho họ không thể tham gia đầy đủ và có hiệu quả mọi hoạt động trong cộng đồng.

Trên cơ sở đó, có những dạng trẻ khuyết tật chính sau:

– *Trẻ khuyết tật thính giác (Children with Hearing Difficulty):* Trẻ khuyết tật Nghe - Nói là trẻ bị suy giảm sức nghe ở những mức độ khác nhau dẫn tới khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp, ảnh hưởng đến quá trình nhận thức, và các chức năng tâm lý khác. Tùy theo mức độ suy giảm thính lực, trẻ khếm thính được phân chia ra các mức độ khác nhau:

– *Trẻ khuyết tật thị giác:* Trẻ Khuyết tật Nhìn là trẻ dưới 18 tuổi có khuyết tật thị giác, khi đã có phương tiện trợ giúp nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động cần sử dụng mắt. Trẻ khuyết tật Nhìn có những mức độ khác nhau về thị lực và thị trường của thị giác. Người bình thường, có thị lực bằng 1 Vis; thị trường ngang (góc nhìn bao quát theo chiều ngang) một mắt là  $150^{\circ}$ ; cả hai mắt là  $180^{\circ}$ ; thị trường dọc (góc nhìn bao quát theo chiều đứng) là  $110^{\circ}$

– *Trẻ khuyết tật trí tuệ:* Trẻ khuyết tật trí tuệ là trẻ có: Chức năng trí tuệ dưới mức trung bình; Hạn chế ít nhất 2 lĩnh vực hành vi thích ứng như: Giao tiếp/liên cá nhân, tự phục vụ, sống tại gia đình, xã hội, sử dụng các tiện ích tại cộng đồng, tự định hướng, kỹ năng học đường, giải trí, lao động, sức khỏe, và an toàn... Trẻ khuyết tật trí tuệ không phải là trẻ có hoàn cảnh không thuận lợi cho việc học tập như: Điều kiện kinh tế quá khó khăn, bị bỏ rơi giáo dục, ốm yếu lâu ngày, rối nhiễu tâm lý hay là những trẻ mắc các tật khác làm ảnh hưởng

đến khả năng học tập như: trẻ khiếm thính, khiếm thị... trẻ khuyết tật trí tuệ được các nhà khoa học đề cập đến là năng lực nhận thức rất hạn chế kèm với sự thích ứng môi trường và xã hội rất kém.

- *Trẻ khuyết tật học tập* : Là những trẻ có khó khăn một trong các kỹ năng nhận thức như học đọc, học viết, tính toán,...

- *Trẻ rối loạn vận động*: Là những trẻ có sự tổn thất các chức năng vận động làm cản trở đến việc di chuyển, sinh hoạt và học tập,... trẻ có khó khăn một trong các kỹ năng nhận thức như học đọc, học viết, tính toán, Trẻ khuyết tật ngôn ngữ và giao tiếp - trẻ có sự phát triển lệch lạc về ngôn ngữ.

- *Trẻ tự kỷ (Children with Autistic Spectrum Disorders - ASDs)* là một dạng khuyết tật phát triển được đặc trưng bởi các khiếm khuyết chính về giao tiếp, tương tác xã hội, tưởng tượng và các vấn đề về hành vi rập khuôn định hình. Tự kỷ bao gồm các rối loạn có chung đặc điểm song khác nhau về phạm vi, mức độ nặng, thời điểm khởi phát và tiến triển của rối loạn theo thời gian.

- *Trẻ khuyết tật tâm thần: Trẻ tăng động giảm chú ý (ADHD)*: Là rối loạn được đặc trưng bởi rối loạn trong chú ý, tập trung và mức độ hoạt động và kiểm soát xung động. ADHD là một tình trạng đa nhân tố và có xu hướng di truyền. Các triệu chứng khởi phát xuất hiện ở một độ tuổi rất nhỏ và kéo dài xuyên suốt cuộc đời và cùng tồn tại với các rối loạn tâm thần khác.

- *Trẻ đa tật*: Là những trẻ có từ 2 khuyết tật trở lên. Ví dụ như vừa khiếm thính, vừa khiếm thị hay vừa chậm phát triển trí tuệ, vừa khuyết tật vận động...

### ✓ *Các biểu hiện của trẻ khuyết tật*

#### - *Biểu hiện qua hình dáng, thể chất*

Một số trẻ khi sinh ra có diện mạo không bình thường như khoảng cách 2 mắt rộng, khi khóc 2 mắt xéch lên, mũi tẹt, miệng hay há, lưỡi thè ra ngoài; Trẻ gặp khó khăn trong ăn uống như bú, nuốt, nhai, hay bị sặc hoặc nghẹn; Trẻ chậm biết đi, vận động tay chân lỏng lẻo, không khéo léo; Trẻ không

chú ý đến người và vật thể xung quanh, phản ứng chậm; Khi đi học trẻ thường học, nhớ mặt chữ chậm và đếm số rất khó khăn.

*- Biểu hiện qua ngôn ngữ giao tiếp*

Trẻ học nói muộn hơn, nói câu đơn giản hoặc vốn từ nghèo nàn; Ngôn ngữ nói của trẻ rời rạc, diễn đạt mong muốn của mình không rõ ý; Khả năng hiểu ngôn ngữ của trẻ kém hơn những trẻ khác cùng độ tuổi.

*- Biểu hiện qua việc trẻ vui chơi*

Trẻ 6 tháng tuổi nhưng vẫn chưa biết nhìn chăm chú 2 bàn tay của mình, không biế đổi mắt theo vật hoặc người khác; Sau 6 tháng và 12 tháng tuổi vẫn hay nghịch tay của mình hoặc thường xuyên đưa đồ vật, đồ chơi vào miệng; Lớn hơn chút trẻ thường không biết chơi mà chỉ thường ném, đập phá đồ chơi; Trẻ ít chơi với trẻ khác và thường thiếu tính hợp tác trong khi chơi.

*- Biểu hiện qua việc học mãi không vào*

Trắc nghiệm trí tuệ thì hoàn toàn bình thường, cũng không có rối loạn cảm xúc, song có những học sinh không thể tiếp thu được một môn học nào đó khiến phụ huynh và cả thầy cô lo lắng.

*- Biểu hiện qua trí tuệ*

Các chuyên gia thần kinh chia khuyết tật trí tuệ/chậm phát triển tinh thần ở trẻ thành hai lĩnh vực khác nhau: Hoạt động trí tuệ và hành vi thích nghi. Những trẻ bị khiếm khuyết ở khu vực não hoạt động trí tuệ sẽ có chỉ số IQ thấp hơn nhiều so với bình thường. Trẻ có xu hướng học tập rất chậm, khả năng đưa ra quyết định kém và giải quyết vấn đề không hiệu quả. Chỉ số IQ trung bình của một người là 100. Một đứa trẻ được cho là khiếm khuyết vùng não hoạt động trí tuệ là khi chúng có chỉ số IQ đo được trong khoảng 70 – 75.

Đây là dạng khuyết tật liên quan đến những khó khăn đặc thù trong việc lĩnh hội và vận dụng các chức năng nghe, nói, đọc, viết, tính toán và suy luận. Căn cứ vào những khó khăn đặc thù của học sinh, người ta chia khuyết tật học

tập thành sáu nhóm nhỏ: khó khăn về nghe, khó khăn về nói, khó khăn về đọc, khó khăn về viết, khó khăn về tính toán, khó khăn về suy luận.

Khuyết tật học tập về cơ bản phân biệt với khuyết tật trí tuệ. Các khuyết tật về trí tuệ, thính giác, thị giác, những ảnh hưởng của yếu tố môi trường, các vấn đề về hành vi, cảm xúc... có thể xảy ra cùng với khuyết tật trí tuệ nhưng không phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra khuyết tật học tập.

### ***1.3.2 Mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Mục tiêu giáo dục là dự kiến kết quả cần đạt tới của quá trình giáo dục sau một thời gian nhất định, đó là cái đích đến của quá trình giáo dục. Nếu xác định đích đến không phù hợp thì sẽ làm cho cả quá trình giáo dục bị lệch hướng, không đạt hiệu quả.

Mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cần được xây dựng một cách cụ thể về các mặt giáo dục và có thể đánh giá, thực hiện được. Mục tiêu cũng cần chỉ rõ tính thực tế và tính định hướng trong một thời gian hạn định.

Xây dựng mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật giúp cho giáo viên, học sinh và những người liên quan biết trẻ đang đi đến đâu, cần đạt đến mức nào trong quá trình giáo dục, từ đó có định hướng và thực hiện bằng các hoạt động với phương tiện và vật chất... phù hợp, cần thiết. Thông qua mục tiêu, chúng ta có thể xác định cách thực hiện, những hỗ trợ cần thiết cho sự phát triển và tiến trình học tập của trẻ. Mục tiêu đặt ra còn có ý nghĩa quan trọng giúp các nhà quản lý xác định được tiêu chuẩn đánh giá phù hợp cho sự phát triển của trẻ.

Để xây dựng được mục tiêu giáo dục phù hợp cho quá trình GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cần dựa trên những cơ sở nhất định: Xu thế giáo dục toàn cầu - được thể hiện trong những mục tiêu của tổ chức giáo dục UNESCO; mục tiêu giáo dục cho trẻ nói chung ở Việt Nam; cơ sở kinh tế, văn hoá xã hội; cơ sở về năng lực nhu cầu của trẻ khuyết tật. Mục tiêu GDHN trẻ



khuyết tật tại các trường mầm non phải đảm bảo được các mục tiêu giáo dục riêng cho trẻ khuyết tật hướng tới đảm bảo được cả mục tiêu giáo dục (như trẻ không khuyết tật). Cụ thể như sau [41], [42], [68], [78]:

1. *Thực hiện mục tiêu của giáo dục mầm non*: Theo Luật giáo dục, “giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một”.

2. *Thực hiện mục tiêu giáo dục cho trẻ khuyết tật*: Nhằm phát triển toàn diện cho trẻ khuyết tật. Các mục tiêu giáo dục riêng cho trẻ khuyết tật gồm:

- *Mục tiêu chung*

+ Đảm bảo cho TKT hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội công hiến.

+ Phát triển toàn diện các mặt cho TKT, bao gồm: Đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động; phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hoà nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi.

+ TKT có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách.

- *Mục tiêu cụ thể*

+ Về kiến thức, kỹ năng văn hóa: Đạt trình độ phát triển tối đa so với khả năng của trẻ trong cùng thời gian và môi trường giáo dục phổ thông.

+ Về kỹ năng xã hội: Được trang bị những kiến thức và kỹ năng xã hội như trẻ không khuyết tật ở cùng độ tuổi, có điều chỉnh cho phù hợp.

+ Phục hồi chức năng: Cải thiện tình trạng suy giảm các chức năng do khuyết tật gây nên đồng thời phát huy tối đa những chức năng còn lại.

+ Giáo dục tự phục vụ, lao động: Phát huy tối đa khả năng tự phục vụ của trẻ trong các hoạt động sống, sinh hoạt, học tập hàng ngày.

*Như vậy*, mục tiêu của giáo dục TKT được xác định trên cơ sở mục tiêu chung của giáo dục Việt Nam, tuy nhiên nhấn mạnh đến các yếu tố về điều kiện và khả năng phát triển của cá nhân trẻ.

Ngoài ra, cần quan tâm mục tiêu cụ thể cho từng nhóm đối tượng học sinh khuyết tật khác nhau để điều chỉnh mục tiêu giáo dục cho phù hợp. Ví dụ đối với nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ thì mục tiêu giáo dục chính không phải là kiến thức của các môn học mà là những kỹ năng xã hội giúp các em có thể thành những thành viên độc lập của xã hội, có thể tự lo cho bản thân như tự phục vụ, chủ động trong giao tiếp xã hội và cuối cùng là khả năng sống tự lập; với những đối tượng học sinh như khuyết tật vận động, khiếm thị thì những ảnh hưởng của khuyết tật không ảnh hưởng nhiều đến phát triển trí tuệ thì mục tiêu giáo dục kiến thức các môn học vẫn là mục tiêu trọng tâm, đồng thời phát triển những kỹ năng nhằm hạn chế những khó khăn do khuyết tật gây ra, giúp các em hòa nhập cuộc sống tốt hơn.

Việc điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật mầm non quan trọng để đảm bảo rằng trẻ được học tập và phát triển một cách hiệu quả dựa trên nhu cầu và khả năng của từng em. Dưới đây là một số hướng điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật mầm non theo từng dạng khuyết tật phổ biến:

#### 1. Trẻ tự kỷ:

- Mục tiêu điều chỉnh: Phát triển kỹ năng xã hội, giao tiếp, tự chăm sóc bản thân, thiết lập quy trình và sự ổn định.

- Hướng điều chỉnh: Tạo môi trường học tập an toàn, ổn định, cung cấp hỗ trợ cá nhân, sử dụng hướng dẫn cụ thể, sử dụng hình ảnh và biểu đồ trực quan.

#### 2. Trẻ có khuyết tật thính giác:

- Mục tiêu điều chỉnh: Phát triển ngôn ngữ, giao tiếp thông qua kỹ năng học bằng cảm nhận thị giác và xúc giác.

- Hướng điều chỉnh: Sử dụng phương pháp học tập đa giác quan, cung cấp hỗ trợ ngôn ngữ, sử dụng kỹ thuật kí hiệu, sử dụng thiết bị hỗ trợ nghe.

### 3. Trẻ có khuyết tật thị giác:

- Mục tiêu điều chỉnh: Phát triển kỹ năng sử dụng các giác quan khác như xúc giác và thính giác, tăng cường khả năng tự chăm sóc bản thân.

- Hướng điều chỉnh: Sử dụng tài liệu học tập dựa trên cảm nhận xúc giác và thính giác, tạo môi trường học tập an toàn, hỗ trợ học tập bằng cảm nhận xúc giác.

### 4. Trẻ có khuyết tật vận động:

- Mục tiêu điều chỉnh: Phát triển kỹ năng vận động, tự chăm sóc bản thân, tăng cường sự độc lập.

- Hướng điều chỉnh: Sử dụng phương pháp học tập linh hoạt, cung cấp hỗ trợ vật lý, tập trung vào việc phát triển kỹ năng vận động cụ thể, sử dụng thiết bị hỗ trợ vận động, tạo môi trường học tập thân thiện và an toàn.

### 5. Trẻ có khuyết tật trí tuệ:

- Mục tiêu điều chỉnh: Phát triển kỹ năng học tập, giao tiếp, tư duy logic, khả năng tự chăm sóc bản thân.

- Hướng điều chỉnh: Sử dụng phương pháp học tập tương tác, cung cấp hỗ trợ cá nhân, tạo môi trường học tập kích thích, sử dụng hình ảnh và biểu đồ trực quan, tạo điều kiện cho sự đa dạng trong học tập.

### 6. Trẻ có khuyết tật tự kỷ và tâm thần:

- Mục tiêu điều chỉnh: Hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội, quản lý cảm xúc, tăng cường khả năng giao tiếp và tương tác xã hội.

- Hướng điều chỉnh: Sử dụng phương pháp học tập linh hoạt, cung cấp hỗ trợ cá nhân, tạo môi trường học tập an toàn và ổn định, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng mối quan hệ tin cậy với giáo viên và bạn bè.

Những hướng điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật mầm non theo từng dạng khuyết tật trên sẽ giúp trẻ phát triển tốt nhất dựa trên nhu cầu và khả năng của từng trẻ. Đồng thời, sự hỗ trợ và quan tâm đến trẻ từ cả gia đình, giáo

viên và cộng đồng cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập và phát triển của trẻ khuyết tật.

### ***1.3.3. Nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Nội dung giáo dục cơ bản nhằm giúp trẻ khuyết tật được hưởng đầy đủ những quyền giáo dục và không có sự phân biệt, kỳ thị như trẻ không khuyết tật.

GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non gồm các nội dung cơ bản sau:

*1. Thực hiện nội dung chương trình mầm non:* Nội dung giáo dục được ban hành bởi Bộ GD&ĐT, bao gồm: Phát triển nhận thức; Phát triển ngôn ngữ; Phát triển thể chất; Phát triển tình cảm xã hội; Phát triển thẩm mỹ.

#### *2. Thực hiện nội dung giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật*

Thực hiện các nội dung bao gồm: Phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật (trẻ chậm phát triển trí tuệ; trẻ bị khiếm thị, khiếm thính; trẻ khiếm khuyết về ngôn ngữ; trẻ khiếm khuyết trong vận động hay có những hành vi xa lạ hoặc động kinh, mất cảm giác, hở van tim..., hoặc trẻ đa tật) bằng cách chăm sóc sức khỏe, thần kinh, cải thiện trí nhớ, rèn luyện phát âm, cải thiện tình trạng suy giảm chức năng do khuyết tật gây nên đồng thời phát huy tối đa những chức năng còn lại.

Các nội dung giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được xây dựng dựa trên quan điểm sau:

- Mọi trẻ em đều có quyền bình đẳng về học tập, vui chơi, giải trí và tự nhận định sát thực về cuộc sống.
- Giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ riêng trên lý thuyết mà còn phải kết hợp với thực tiễn thông qua những trải nghiệm thực tế.
- Nội dung giáo dục phải cung cấp kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cho trẻ về cả tư duy và thể chất cũng như phù hợp với phát triển của trẻ.

Về bản chất, nội dung giáo dục hòa nhập là những hoạt động phải thực hiện để cải thiện những chức năng bị mất hoặc bị giảm sút cho trẻ khiếm khuyết.

Mục tiêu và nội dung giáo dục hòa nhập TKT tại các trường mầm non không chỉ bao gồm giáo dục theo nội dung thông thường mà còn giáo dục nhằm phục hồi cho trẻ khuyết tật. Nội dung chương trình giáo dục hòa nhập TKT tại các trường mầm non trong trường mầm non cần phải đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, nội dung chương trình giáo dục cũng cần phải đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học. Bên cạnh đó cần phải thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống.

Ngoài ra, chương trình GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cũng cần phải phù hợp với sự phát triển tâm lý, sinh lý của mỗi trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Các nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm:

- (1) Giáo dục nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi
- (2) Giáo dục kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt
- (3) Phát triển khả năng lao động cho TKT như trẻ không KT
- (4) Phục hồi chức năng trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

Bên cạnh đó, cần quan tâm tới Giáo dục tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt cùng nhau giữa trẻ khuyết tật và không khuyết tật bởi đây là một hướng giáo dục tích cực và hiệu quả cho trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật. Nó giúp xóa bỏ ranh giới giữa hai nhóm trẻ em này, tạo ra một môi trường học tập và sinh hoạt bình đẳng và đa dạng.

Các nội dung giáo dục cần được điều chỉnh theo mục tiêu điều chỉnh cho từng nhóm khuyết tật:

Dưới đây là một số nội dung giáo dục có thể điều chỉnh theo từng nhóm mục tiêu cho trẻ khuyết tật mầm non:

*1. Nhóm trẻ tự kỷ:*

- Phát triển kỹ năng xã hội và giao tiếp: Học cách tương tác với người khác, nhận biết cảm xúc của bản thân và người khác, học cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể.

- Phát triển kỹ năng tự chăm sóc bản thân: Học cách tự mặc quần áo, tự ăn uống, tự vệ sinh cá nhân.

- Thiết lập quy trình và sự ổn định: Học cách tuân thủ lịch trình, thói quen hàng ngày, chấp nhận thay đổi một cách linh hoạt.

*2. Nhóm trẻ có khuyết tật thính giác:*

- Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp: Học ngôn ngữ kí hiệu, sử dụng thiết bị hỗ trợ nghe, phát triển kỹ năng nói và lắng nghe.

- Phát triển kỹ năng học bằng cảm nhận thị giác và xúc giác: Sử dụng tài liệu học tập trực quan, tương tác với môi trường xung quanh để học hỏi.

- Tăng cường khả năng tự chăm sóc bản thân: Học cách sử dụng thiết bị hỗ trợ nghe, tự chăm sóc tai và thiết bị nghe.

*3. Nhóm trẻ có khuyết tật thị giác:*

- Phát triển kỹ năng sử dụng giác quan khác: Học cách tận dụng xúc giác và thính giác để thay thế khuyết tật thị giác.

- Tăng cường khả năng tự chăm sóc bản thân: Phát triển kỹ năng tự chăm sóc vệ sinh cá nhân, sử dụng thiết bị hỗ trợ khi cần thiết.

- Học cách sử dụng công cụ và tài liệu học tập dựa trên cảm nhận xúc giác và thính giác.

*4. Nhóm trẻ có khuyết tật vận động:*

- Phát triển kỹ năng vận động: Học cách thực hiện các hoạt động vận động cơ bản, sử dụng thiết bị hỗ trợ vận động khi cần thiết, tham gia các hoạt động thể chất phù hợp với khả năng của mình.

- Tăng cường khả năng độc lập: Học cách tự chăm sóc bản thân, thực hiện các hoạt động hàng ngày một cách độc lập, phát triển khả năng tự phục vụ.

### 5. Nhóm trẻ có khuyết tật trí tuệ:

- Phát triển kỹ năng học tập: Học cách sử dụng phương pháp học tập phù hợp với năng lực cá nhân, phát triển khả năng tư duy logic.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp: Học cách tương tác với người khác, truyền đạt ý kiến, thể hiện cảm xúc một cách rõ ràng.
- Phát triển khả năng tự chăm sóc bản thân: Học cách tự quản lý thời gian, tự chăm sóc vệ sinh cá nhân, phát triển khả năng tự phục vụ.

### 6. Nhóm trẻ có khuyết tật tự kỷ và tâm thần:

- Hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội: Học cách tương tác và hợp tác với người khác, tham gia vào các hoạt động nhóm.
- Hỗ trợ quản lý cảm xúc: Học cách nhận biết và kiểm soát cảm xúc của bản thân, sử dụng các kỹ thuật giảm căng thẳng.
- Tăng cường khả năng giao tiếp và tương tác xã hội: Học cách thể hiện ý kiến, tương tác với người khác một cách tích cực và hiệu quả.

Việc hiểu rõ nhu cầu phát triển cá nhân trẻ khuyết tật và các mục tiêu cụ thể của từng nhóm trẻ khuyết tật sẽ là căn cứ giúp nhà trường điều chỉnh nội dung giáo dục một cách phù hợp và hiệu quả, tạo điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện theo hướng tích cực nhất.

#### **1.3.4. Phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non đòi hỏi phải có phương pháp giáo dục đặc biệt nhằm giúp các em kém may mắn trở nên tự tin, hòa đồng và không còn mặc cảm với những khiếm khuyết của bản thân.

Phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non phải được điều chỉnh để phù hợp với năng lực và khả năng của trẻ. Khi GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cần chú ý đến thông tin về tình trạng khuyết tật và khả năng học tập của trẻ. Đây là một số phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non phổ biến:

1. *Phương pháp dạy học tích cực (Positive reinforcement)*: là một phương pháp giáo dục dựa trên việc sử dụng hình thức thưởng và khen ngợi để tăng cường hành vi học tập tích cực của trẻ. Thay vì tập trung vào những khuyết điểm và sai sót của học sinh, phương pháp này tập trung vào mặt mạnh và thành tựu của học sinh, nhằm tạo động lực và khích lệ sự tiến bộ học tập. Khi áp dụng phương pháp này, giáo viên sẽ dành sự quan tâm và công nhận cho những hành vi và thành tích tích cực của học sinh. Điều này giúp học sinh cảm thấy tự tin, động viên và có động lực để tiếp tục phát triển và học tập tốt hơn. Phương pháp dạy học tích cực không chỉ tập trung vào việc xử lý những sai sót hay hành vi không tốt của học sinh, mà còn nhấn mạnh vào việc thúc đẩy sự phát triển tích cực và xây dựng lòng tự tin của học sinh.

2. *Phương pháp học tập theo tình huống (Problem-based learning)*: Đây là phương pháp giáo dục giúp trẻ tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề trong cuộc sống thông qua việc giải quyết các bài tập và vấn đề thực tế. Phương pháp này cần sự hỗ trợ của giáo viên, để trẻ có thể giải quyết các vấn đề một cách độc lập.

3. *Phương pháp học tập tích cực qua chơi (Play-based learning)*: Đây là phương pháp giáo dục thông qua việc chơi đùa, tạo ra một môi trường học tập thú vị và gần gũi với trẻ. Phương pháp này tạo ra một không gian cho trẻ khuyết tật để khám phá và học tập thông qua các hoạt động tương tác, đồng thời kích thích sự phát triển về mặt cảm xúc, tinh thần và thể chất của trẻ.

4. *Phương pháp học tập dựa trên hình ảnh (Visual-based learning)*: Đây là phương pháp giáo dục tích cực cho trẻ khuyết tật được lựa chọn dựa trên hình ảnh, đồ họa, và các hiệu ứng trực quan, giúp trẻ hình dung được nội dung học tập một cách hiệu quả. Phương pháp này rất phù hợp với trẻ khuyết tật thị giác và đặc biệt hữu ích đối với những trẻ bị khuyết tật thị giác nặng.



5. *Giáo dục cá nhân hóa*: Phương pháp này tập trung vào nhu cầu và khả năng của từng trẻ khuyết tật, đưa ra các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cá nhân.

6. *Giáo dục hỗ trợ*: Phương pháp này tập trung vào việc cung cấp hỗ trợ tối đa cho trẻ khuyết tật để giúp trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục và xã hội.

Ngoài ra, trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật việc điều chỉnh phương pháp giáo dục cho trẻ khuyết tật học hòa nhập là một vấn đề quan trọng và cần được nhấn mạnh. Điều chỉnh phương pháp giáo dục đảm bảo rằng trẻ khuyết tật nhận được một môi trường học tập phù hợp và cơ hội tiếp cận kiến thức và kỹ năng.

*Điều chỉnh đồng loạt (Inclusion)*: là phương pháp giáo dục mà tất cả các trẻ, bao gồm cả TKT và trẻ không KT, tham gia vào cùng một môi trường giáo dục, học cùng nhau và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập.

*Điều chỉnh theo đa trình độ (Differentiated Instruction)*: Phương pháp này tập trung vào việc cung cấp cho mỗi trẻ khuyết tật nội dung học phù hợp với năng lực và khả năng của mình. Giáo viên cần tạo ra các hoạt động và tài liệu học phù hợp với từng trẻ để đáp ứng các nhu cầu học tập riêng biệt.

*Điều chỉnh trùng lặp giáo án (Curriculum Modification)*: Phương pháp này liên quan đến việc điều chỉnh nội dung giáo án để phù hợp với trình độ và khả năng của TKT. Nội dung học được tùy chỉnh để đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ và đảm bảo trẻ có thể tiếp cận và tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.

*Thay thế (Substitution)*: Phương pháp này bao gồm việc thay thế các tài liệu, phương tiện học tập hoặc phương pháp giảng dạy khác để phù hợp với nhu cầu học tập của TKT.

Theo hướng điều chỉnh mục tiêu, nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non thì phương pháp giáo dục đặc thù cho từng nhóm trẻ cũng cần được quan tâm.

Giáo dục hòa nhập là việc đảm bảo môi trường giáo dục phù hợp và thuận lợi cho tất cả các em học sinh, bao gồm cả những em có khuyết tật. Dưới đây là một số phương pháp giáo dục hòa nhập đặc thù cho từng nhóm trẻ khuyết tật ở trẻ mầm non:

*1. Phương pháp giáo dục cho nhóm trẻ mắc chứng tự kỷ (autism):*

- Sử dụng phương pháp học thông qua trò chơi và hoạt động tương tác xã hội.
- Cung cấp chương trình học cá nhân hóa để giúp trẻ phát triển kỹ năng xã hội và giao tiếp.
- Sử dụng hình ảnh, biểu đồ và các công cụ học tập phù hợp để hỗ trợ việc học của trẻ.

*2. Phương pháp giáo dục cho nhóm trẻ có khuyết tật thính giác:*

- Sử dụng phương pháp học đa giác quan, kết hợp cả thị giác và xúc giác để truyền đạt kiến thức.
- Sử dụng hệ thống biểu đồ, biểu tượng hình ảnh hoặc ký hiệu ngôn ngữ cử động để hỗ trợ giao tiếp.
- Sử dụng thiết bị hỗ trợ như bộ khuếch đại âm thanh hoặc thiết bị trợ giảng.

*3. Phương pháp giáo dục nhóm trẻ có khuyết tật thị giác*

- Sử dụng tài liệu học tập có kích thước lớn và màu sắc rõ ràng để hỗ trợ việc đọc.
- Sử dụng hình ảnh, mô hình và vật dụng thực tế để minh họa kiến thức.
- Cung cấp chương trình học cá nhân hóa và hỗ trợ từ giáo viên và nhân viên chuyên môn.

*4. Phương pháp giáo dục cho nhóm trẻ có khuyết tật vận động*

- Cung cấp môi trường học tập linh hoạt và an toàn để trẻ có thể tham gia các hoạt động vận động.
- Sử dụng đồ chơi và trò chơi phù hợp để khuyến khích trẻ tham gia hoạt động vận động.
- Hỗ trợ từ giáo viên

### 5. Phương pháp giáo dục cho nhóm trẻ có khuyết tật trí tuệ:

- Cung cấp chương trình học tập cá nhân hóa dựa trên năng lực và khả năng của từng trẻ.
- Sử dụng phương pháp học tập linh hoạt và đa dạng để khuyến khích sự tham gia và tiến bộ của trẻ.
- Hỗ trợ từ giáo viên và nhân viên chuyên môn để tạo ra môi trường học tập thoải mái và động viên trẻ.

### 6. Phương pháp giáo dục cho nhóm trẻ có khuyết tật ngôn ngữ:

- Sử dụng phương pháp học tập tương tác và giao tiếp để phát triển kỹ năng ngôn ngữ của trẻ.
- Sử dụng hình ảnh, biểu đồ, biểu tượng ngôn ngữ hoặc thiết bị hỗ trợ giao tiếp để hỗ trợ trẻ trong việc truyền đạt ý kiến và suy nghĩ.
- Tạo điều kiện để trẻ có thể tham gia vào các hoạt động tương tác và trò chuyện để phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Mỗi trẻ khuyết tật có nhu cầu và khả năng riêng, do đó việc thiết kế chương trình học tập và hỗ trợ phải được cá nhân hóa để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho từng trẻ. Cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa giáo viên, gia đình và các chuyên gia để đạt được hiệu quả tốt nhất trong việc giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở mầm non.

#### **1.3.5. Hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Dưới đây là một số hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại trường mầm non:

*Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp:* TKT được giáo dục cùng với các bạn không KT trong một môi trường lớn hơn như cả trường hoặc lớp học thông thường; Giáo viên và nhân viên trường hỗ trợ TKT trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động chung với các bạn không KT; Tạo ra môi trường đầy đủ cơ hội để trẻ khuyết tật tương tác và học hỏi từ những trẻ khác.

*Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ:* TKT được tổ chức vào các nhóm nhỏ, trong đó có cả những trẻ không KT có cùng nhu cầu học tập; Giáo viên và nhân

viên trường tạo ra môi trường thuận lợi để TKT phát triển kỹ năng xã hội và học hỏi từ những người bạn trong nhóm nhỏ; Cung cấp các hoạt động phù hợp với năng lực và hạn chế của từng trẻ để tạo ra trải nghiệm học tập tích cực.

*Giáo dục cá nhân:* Tổ chức giáo dục cá nhân dành riêng cho trẻ khuyết tật, tùy chỉnh theo nhu cầu và khả năng của từng trẻ; Giáo viên và nhân viên trường tập trung vào việc phát triển kỹ năng cụ thể cho từng trẻ khuyết tật; Sử dụng các phương pháp giảng dạy và tài liệu học tập phù hợp với năng lực và hạn chế của từng trẻ.

*Giáo dục ngoài lớp học:* Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài lớp học nhằm mở rộng trải nghiệm học tập của trẻ khuyết tật; Đưa trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, chuyến tham quan, hoạt động xã hội và văn hóa để khám phá thế giới xung quanh và phát triển các kỹ năng xã hội.

*Hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài:* Trường mầm non có thể hợp tác với các chuyên gia và tổ chức chuyên về giáo dục đặc biệt để nhận được hỗ trợ chuyên môn và tài nguyên phù hợp; Các chuyên gia có thể cung cấp đề xuất và phương pháp giảng dạy phù hợp cho trẻ khuyết tật trong môi trường mầm non; Nguồn lực bên ngoài như công ty, cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội có thể đóng góp tài chính và vật chất để tạo điều kiện tốt nhất cho giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật.

Quan trọng nhất là mỗi hình thức GDHN TKT sẽ cần sự đồng lòng và hỗ trợ từ phía gia đình, giáo viên, nhân viên trường và cộng đồng xung quanh.

### ***1.3.6. Kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Trong quá trình học tập, giáo viên phải đưa ra kiểm tra, đánh giá về sự phát triển của trẻ theo các tiêu chí về thể chất, vận động, tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe, khả năng giao tiếp/ ngôn ngữ, tự phục vụ, trí nhớ, ứng xử,... Sau mỗi chủ đề đều có kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện với các mức độ về tính

độc lập hay cần sự giúp đỡ của giáo viên hay chưa thực hiện được để hỗ trợ trẻ tốt hơn các chủ đề tiếp theo.

Kết quả kiểm tra, đánh giá sẽ là tiền đề cho các kế hoạch sau này để nhà trường có phương pháp giáo dục phù hợp nhất để trẻ phát huy tiềm năng và cải thiện điểm yếu. Các đợt kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện đều đặn theo từng giai đoạn là 3 đến 6 tháng/ lần dựa vào các kỹ năng phát triển của trẻ. Kết quả sẽ được lưu lại vào sổ theo dõi và thông báo cho gia đình để có sự phối kết hợp trong giáo dục trẻ. Kết quả của những lần kiểm tra, đánh giá cũng sẽ giúp giáo viên và cha mẹ rút ra kinh nghiệm để tạo môi trường, bài giảng tốt nhất cho trẻ. Bên cạnh đó, sau các cuộc kiểm tra, đánh giá nhà trường nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia chuyên ngành. Điều này sẽ giúp kiểm tra, đánh giá đúng mức sự tiến bộ của trẻ cũng như tham vấn hướng can thiệp tiếp theo để trẻ dần tốt lên.

Đối với TKT, các kiểm tra, đánh giá sẽ không chỉ là kiến thức, kỹ năng, tinh thần, sức khỏe thông thường mà còn bao gồm các nội dung kiểm tra, đánh giá sâu hơn, đầy đủ, chi tiết và tỉ mỉ hơn các kỹ năng liên quan đến KT của trẻ. Cụ thể:

- *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng nhận thức:* Kiểm tra, đánh giá khả năng về tinh thần và trí tuệ của TKT;

- *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động:* Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động tinh và kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động thô.

- + Kỹ năng vận động tinh là khả năng dùng các nhóm cơ nhỏ chẳng hạn như tay, chân và mặt. Kỹ năng vận động tinh dùng để với lấy, nắm và thả một đồ vật chẳng hạn; xây tháp, buộc giày; cắt và viết;

- + Kỹ năng vận động thô là khả năng di chuyển và đi lại ở xung quanh môi trường. Kỹ năng vận động thô tham gia vào vận động và kiểm soát các nhóm cơ lớn dùng để lẫy, ngồi, bò, đứng, đi lại, ném và nhảy.

- *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ:* Kiểm tra, đánh giá về khả năng phát âm, giao tiếp nhanh nhẹn và khả năng sử dụng ngôn ngữ.

- *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng xã hội và tình cảm:* Kiểm tra, đánh giá hành vi tương tác với người khác, kể cả người lớn và bạn cùng trang lứa; cách chúng phản ứng trong nhiều tình huống xã hội. Những kỹ năng này bao gồm cả việc trẻ chủ động tương tác và phản hồi với những tương tác mà người khác gây ra. Khi trẻ tương tác với người lớn, chúng cần những kỹ năng như chơi với nhau, chia sẻ đồ chơi hoặc đề nghị đến lượt mình.

- *Kiểm tra, đánh giá kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng:* Tập trung vào kiểm tra, đánh giá kỹ năng ăn, chăm sóc cá nhân (đi vệ sinh, đánh răng, rửa tay...) và mặc hoặc cởi quần áo.

Khi kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục cho trẻ, đặc biệt là trẻ khuyết tật như trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật thính giác, trẻ khuyết tật thị giác, trẻ khuyết tật vận động, trẻ khuyết tật trí tuệ, trẻ khuyết tật tự kỷ tâm thần, và trẻ đa tật, việc áp dụng các phương pháp kiểm tra sự khác biệt đối với từng cá nhân là quan trọng. Dưới đây là cách thức mà bạn có thể áp dụng để kiểm tra và đánh giá các mặt phát triển của các nhóm trẻ này theo từng loại:

**\* *Đánh giá đối với nhóm trẻ tự kỷ:***

1. Sử dụng công cụ đánh giá chuyên biệt dành cho trẻ tự kỷ như ADOS (Autism Diagnostic Observation Schedule).

2. Xác định các mục tiêu cụ thể và đo lường tiến độ của trẻ trong việc đạt được các mục tiêu đó.

3. Tạo điều kiện cho trẻ tự kỷ thể hiện khả năng của mình thông qua các hoạt động thực hành và quan sát hành vi của trẻ trong môi trường học tập và xã hội để đánh giá.

**\* *Đánh giá trẻ khuyết tật thính giác:***

1. Sử dụng kiểm tra thính giác chuyên biệt để đánh giá khả năng nghe của trẻ.

2. Đánh giá sự tiến triển trong việc sử dụng phương tiện trợ thính (nếu có) và khả năng giao tiếp của trẻ.

3. Thực hiện kiểm tra ngôn ngữ và giao tiếp để đánh giá khả năng hiểu và sử dụng ngôn ngữ của trẻ.

**\* Đánh giá đối với trẻ khuyết tật thị giác:**

1. Sử dụng phương pháp đánh giá thị lực chuyên biệt để đo lường mức độ khuyết tật thị giác của trẻ.

2. Đánh giá khả năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ thị giác (nếu có) và khả năng tương tác trong môi trường xã hội.

3. Kiểm tra khả năng học tập và phát triển của trẻ trong môi trường giáo dục và hỗ trợ phù hợp.

**\* Đánh giá đối với trẻ khuyết tật vận động:**

1. Sử dụng kiểm tra vận động để đánh giá khả năng vận động, cử động và tương tác với môi trường của trẻ.

2. Đánh giá tiến độ trong việc phát triển kỹ năng vận động cơ bản và nâng cao của trẻ.

3. Xác định các mục tiêu cụ thể về vận động và thiết lập kế hoạch hỗ trợ phát triển cho trẻ.

**\* Đánh giá đối với trẻ khuyết tật trí tuệ:**

1. Sử dụng các công cụ đánh giá trí tuệ như WISC (Wechsler Intelligence Scale for Children) để đo lường trí tuệ của trẻ.

2. Đánh giá khả năng học tập, giải quyết vấn đề và phát triển kỹ năng xã hội của trẻ.

3. Xác định các mục tiêu phát triển trí tuệ và xã hội cụ thể cho trẻ và theo dõi tiến độ đạt được.

**\* Đánh giá đối với trẻ khuyết tật tự kỷ tâm thần:**

1. Kết hợp các phương pháp kiểm tra tự kỷ và tâm thần để đánh giá nhu cầu và khả năng phát triển của trẻ.

2. Đánh giá sự tương tác xã hội, giao tiếp và hành vi của trẻ trong môi trường giáo dục và xã hội.

3. Xác định chiến lược hỗ trợ và phát triển dựa trên đánh giá kết quả và nhu cầu cụ thể của trẻ.

**\* Đánh giá đối với Trẻ đa tật:**

1. Thực hiện kiểm tra đa chiều để đánh giá các khía cạnh khuyết tật và nhu cầu phát triển đa dạng của trẻ.

2. Xác định các mục tiêu phát triển đa chiều và thiết lập kế hoạch hỗ trợ phù hợp theo từng khía cạnh khuyết tật.

3. Liên kết giữa các đánh giá kết quả để đảm bảo rằng các nhu cầu của trẻ được đáp ứng toàn diện và hiệu quả.

Việc kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục cho các nhóm trẻ này đòi hỏi sự cẩn trọng, kiên nhẫn và sự hiểu biết sâu rộng về các nhu cầu đặc biệt của từng nhóm trẻ. Đồng thời, việc hợp tác chặt chẽ với gia đình, đội ngũ chuyên môn và các chuyên gia khác như nhà trường, trung tâm chăm sóc, bác sĩ chuyên khoa là rất quan trọng để đảm bảo rằng quá trình kiểm tra và đánh giá diễn ra một cách toàn diện và chính xác nhất.

**1.3.7. Các điều kiện đảm bảo phục vụ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

*- Về cơ sở vật chất, thiết bị trong giáo dục hòa nhập TKT trong trường mầm non*

Các cơ sở giáo dục mầm non cần đảm bảo các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập đối với TKT. Cần có Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và các hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục. Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập có thiết bị hỗ trợ đặc thù, học liệu, công cụ xác định mức độ phát triển cá nhân của TKT để tổ chức các hoạt động nhằm phát triển khả năng của trẻ.



Ngoài ra, cần có các thiết bị hiện đại nhằm hỗ trợ trẻ khuyết tật như thiết bị hỗ trợ thị giác, công cụ hỗ trợ âm thanh, thiết bị hỗ trợ vận động, thiết bị giao tiếp, rô bốt học tập, thiết bị hỗ trợ đọc và viết, thiết bị hỗ trợ học tập đa phương tiện, thiết bị hỗ trợ tư duy....

Cơ sở giáo dục mầm non cần phối hợp với tổ chức, cá nhân thiết kế và sản xuất thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho TKT.

*- Về lực lượng tham gia trong GDHN trẻ khuyết tật mầm non*

Các cơ sở giáo dục mầm non cần phải có giáo viên, nhân viên được đào tạo chuyên sâu về chăm sóc và GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định đối với nhà giáo, giáo viên tham gia giáo dục hòa nhập thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

+ Tôn trọng và thực hiện các quyền của TKT.

+ Bảo mật thông tin về tình trạng khuyết tật của cá nhân trẻ khuyết tật và gia đình TKT.

+ Phối hợp với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và gia đình TKT lập kế hoạch giáo dục cá nhân đối với TKT học hòa nhập; tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của TKT.

+ Phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện giáo dục hòa nhập.

+ Tư vấn cho gia đình TKT về dịch vụ hỗ trợ, can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập, định hướng nghề nghiệp phù hợp với khả năng và nhu cầu của TKT.

+ Phối hợp với đồng nghiệp, gia đình và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện đối với TKT.

+ Thường xuyên tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập.

*- Ngoài ra, cơ sở giáo dục phải huy động được sự tham gia của cộng đồng trong giáo dục trẻ khuyết tật. Các lực lượng tham gia gồm:*

+ Cơ sở giáo dục mầm non: là đơn vị trực tiếp thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non;

+ Các tổ chức hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức, cá nhân xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, bình đẳng, an toàn, thuận lợi cho sự phát triển và hòa nhập cộng đồng của TKT.

+ Gia đình trẻ khuyết tật: là lực lượng quan trọng trong tham gia GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; giám sát các hoạt động hỗ trợ, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập.

#### **1.4. Quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

##### ***1.4.1. Quản lý đánh giá, tiếp nhận trẻ khuyết tật đến trường***

Để quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non đạt hiệu quả cần chú ý ngay từ khâu đánh giá tiếp nhận hồ sơ của trẻ. Quản lý quá trình tiếp nhận trẻ khuyết tật tại trường mầm non bao gồm các bước sau:

*Chỉ đạo đăng ký và thu thập thông tin:* Phụ huynh hoặc người giám hộ của trẻ khuyết tật đăng ký trẻ cung cấp thông tin chi tiết về tình trạng khuyết tật của trẻ. Thông tin này bao gồm thông tin y tế, báo cáo đánh giá khuyết tật, lịch sử điều trị, và bất kỳ yêu cầu đặc biệt nào.

*Tổ chức đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp nhận:* Trường mầm non tiến hành đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp nhận của trẻ khuyết tật. Đánh giá này có thể bao gồm việc đánh giá tình trạng khuyết tật, khả năng học tập và phát triển của trẻ, và điều kiện môi trường trường mầm non có đáp ứng được nhu cầu của trẻ không.

*Quản lý lập kế hoạch giáo dục và phân công giáo viên phụ trách:* Dựa trên kết quả đánh giá, trường mầm non lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân cho trẻ khuyết tật. Điều này bao gồm việc xác định các dịch vụ hỗ trợ cần thiết, như dịch vụ giáo dục đặc biệt, hỗ trợ thính giác, hỗ trợ thị giác, dịch vụ tư vấn và chăm sóc y tế. Một giáo viên phụ trách được chỉ định để đảm bảo việc hỗ trợ và theo dõi tiến trình phát triển của trẻ.

*Tạo môi trường học tập phù hợp:* Trường mầm non cần điều chỉnh môi trường học tập để đáp ứng nhu cầu của trẻ khuyết tật. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp thiết bị hỗ trợ, sắp xếp lại không gian lớp học, tạo ra các hoạt động và tài liệu phù hợp với trẻ khuyết tật.

*Tổ chức liên lạc và hợp tác với phụ huynh:* Trường mầm non liên lạc chặt chẽ với phụ huynh của trẻ khuyết tật là một phần quan trọng trong quá trình tiếp nhận. Trường mầm non cần thông báo cho phụ huynh về kế hoạch hỗ trợ, tiến trình phát triển của trẻ và sự tham gia của phụ huynh trong quá trình hỗ trợ. Sự hợp tác chặt chẽ giữa trường và phụ huynh giúp đảm bảo rằng trẻ nhận được sự chăm sóc và giáo dục toàn diện.

*Chỉ đạo đánh giá và theo dõi tiến trình:* Trường mầm non tiếp tục đánh giá và theo dõi tiến trình học tập và phát triển của trẻ khuyết tật. Điều này giúp đảm bảo rằng các biện pháp hỗ trợ đang có tác động và nếu cần, điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của trẻ.

*Bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên:* Trường mầm non cần quan tâm đào tạo và hỗ trợ cho giáo viên để giúp họ làm việc hiệu quả với trẻ khuyết tật. Điều này bao gồm việc chia sẻ kiến thức về các khuyết tật, phương pháp giảng dạy phù hợp và cách tạo môi trường thuận lợi cho trẻ khuyết tật.

Việc tiếp nhận trẻ khuyết tật tại trường mầm non đòi hỏi sự hợp tác và phối hợp giữa trường, phụ huynh và các chuyên gia hỗ trợ. Mục tiêu là đảm bảo rằng trẻ khuyết tật được tiếp cận môi trường học tập bình đẳng và nhận được sự hỗ trợ phù hợp để phát triển toàn diện.

#### ***1.4.2. Quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non***

Quản lý thực hiện mục tiêu GDHN là việc nhà quản lý tổ chức xây dựng và thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường mầm non trong đó bao gồm: tổ chức thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường mầm non và tổ

chức thực hiện mục tiêu giáo dục đặc biệt nhằm giúp TKT hòa nhập vào môi trường xung quanh, tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng cần có.

Các nội dung quản lý thực hiện mục tiêu được thực hiện nhằm đảm bảo hai mục tiêu chính là: (i). Quản lý thực hiện mục tiêu chung của giáo dục mầm non theo từng độ tuổi; (ii). Quản lý thực hiện mục tiêu riêng về giáo dục chuyên biệt dành cho cá nhân từng TKT trong GDHN. Các nội dung quản lý thực hiện mục tiêu bao gồm:

- *Tổ chức thiết lập mục tiêu giáo dục*: Trong giáo dục nói chung, GDHN TKT tại các trường mầm non nói riêng, việc thiết lập nội dung quản lý sẽ giúp cho nhà quản lý nắm được tình hình và tường minh trong quản lý mục tiêu. Quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục bao gồm: tổ chức điều chỉnh mục tiêu giáo dục TKT riêng cho từng trẻ; Quản lý quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục cá nhân cho TKT. Các mục tiêu GDHN TKT cần được quản lý bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong đó mục tiêu cụ thể được điều chỉnh theo từng nhóm trẻ với đặc trưng riêng.

Các mục tiêu điều chỉnh cụ thể như sau

1. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ tự kỷ: tập trung phát triển kỹ năng xã hội, giao tiếp, tự chăm sóc bản thân, thiết lập quy trình và sự ổn định.

2. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật thính giác: Tập trung phát triển ngôn ngữ, giao tiếp thông qua kỹ năng học bằng cảm nhận thị giác và xúc giác.

3. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật thị giác: tập trung phát triển kỹ năng sử dụng các giác quan khác như xúc giác và thính giác, tăng cường khả năng tự chăm sóc bản thân.

4. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật vận động: tập trung phát triển kỹ năng vận động, tự chăm sóc bản thân, tăng cường sự độc lập.

5. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật trí tuệ: Tập trung phát triển kỹ năng học tập, giao tiếp, tư duy logic, khả năng tự chăm sóc bản thân.

6. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật tự kỷ và tâm thần: tập trung phát triển kỹ năng xã hội, quản lý cảm xúc, tăng cường khả năng giao tiếp và tương tác xã hội.

*Như vậy*, quản lý thực hiện mục tiêu GDHN TKT trong trường mầm non là quản lý việc tạo ra một môi trường có sự quan tâm hỗ trợ và an toàn cho tất cả mọi trẻ em; phát triển sự tôn trọng, bình đẳng của mọi trẻ, CMHS và giáo viên, nhân viên nhà trường; quản lý về chất lượng dạy - học, đảm bảo kế hoạch hoạt động ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe, hành vi, động cơ học tập của trẻ; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, viết báo cáo về khảo sát ý kiến của CMHS, kiểm tra hoạt động trên lớp của giáo viên, số lượng trẻ, kết quả rèn luyện của trẻ, các dữ liệu về trẻ đã ra trường...

#### ***1.4.3. Quản lý thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trường mầm non***

Quản lý thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập TKT tại các trường mầm non là việc nhà quản lý tổ chức thực hiện nội dung chương trình giáo dục mầm non và GDHN TKT tại các trường mầm non, bao gồm: Quản lý thực hiện nội dung chương trình; quản lý hoạt động dạy, quản lý hoạt động học thông qua quản lý hoạt động tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên phụ trách lớp, đội ngũ giáo viên cốt cán, các tổ chức trong nhà trường và vòng tay bạn bè của TKT.

Quản lý thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập TKT trong trường mầm non là quá trình tổ chức, điều hành và đảm bảo việc triển khai các hoạt động giáo dục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ mầm non tham gia vào môi trường giáo dục chung cùng với các em khác có tính đa dạng về năng lực, kinh nghiệm và khả năng phát triển. Mục tiêu của quản lý này là đảm bảo mọi trẻ em, bao gồm cả trẻ có khuyết tật và trẻ khác biệt, đều được hòa nhập và có cơ hội phát triển toàn diện trong quá trình giáo dục mầm non., quản lý về chất lượng dạy - học, đảm bảo kế hoạch hoạt động ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe, hành vi,

động cơ học tập của trẻ; quản lý việc tạo ra một môi trường có sự quan tâm hỗ trợ và an toàn cho tất cả mọi người, phát triển sự tôn trọng, bình đẳng của mọi trẻ, phụ huynh và giáo viên, nhân viên nhà trường; đồng thường xuyên kiểm tra, đánh giá, viết báo cáo về khảo sát ý kiến của phụ huynh, kiểm tra các hoạt động trên lớp của giáo viên, số lượng trẻ, kết quả rèn luyện của trẻ, các dữ liệu về trẻ đã ra trường... về kết quả đã đạt được theo mục tiêu đặt ra.

Quản lý thực hiện nội dung chương trình GDHN TKT tại các trường mầm non đòi hỏi phải thực hiện hai nhiệm vụ sau: 1. Tổ chức xây dựng, phát triển nội dung chương trình giáo dục hướng hòa nhập; 2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập. Các nội dung cần thực hiện gồm:

Dưới đây là các bước chính để quản lý và thực hiện nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non:

*1. Tổ chức đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ:* Mỗi trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật đều có những năng lực, nhu cầu, sở thích và kinh nghiệm cá nhân riêng. Việc GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, không phải bắt đầu từ số không. Trẻ đã có những kiến thức, kỹ năng nhất định được tích lũy trong quá trình phát triển, sinh sống. Hiểu năng lực, nhu cầu của cá nhân trẻ là điều kiện tiên quyết để giáo dục trẻ khuyết tật thành công. Tìm hiểu năng lực và nhu cầu của trẻ nhằm mục đích phát hiện ra những điểm mạnh của trẻ, những năng lực vốn có của trẻ về các mặt: Nhận thức, những tri thức, kỹ năng trẻ đang có, cách trẻ học, các kỹ năng xã hội (kỹ năng sống), khả năng nghe còn lại của trẻ, khả năng ngôn ngữ, phương tiện giao tiếp của trẻ.

*2. Tổ chức xác định mục tiêu giáo dục:* Sự phát triển của trẻ khuyết tật có những đặc điểm riêng do khuyết tật hoặc hoàn cảnh đặc biệt gây nên. Trẻ khuyết tật dù có những hạn chế về thể chất, tính thần, điều kiện sống... Nhà quản lý cần tổ chức tuyển chọn, xác định và phân tích, phân loại nhu cầu giáo dục đặc biệt của từng trẻ khuyết tật, cần hợp tác với giáo viên, chuyên gia và phụ huynh để

xác định rõ nhu cầu, khả năng và điểm mạnh, yếu của từng trẻ để thiết lập mục tiêu giáo dục phù hợp. Kết quả đánh giá, phân loại là cơ sở để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP). Nhà quản lý cần xác định mục tiêu giáo dục, đảm bảo rằng mỗi trẻ khuyết tật có một kế hoạch giáo dục cá nhân chi tiết, rõ ràng, phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ để đảm bảo tiến triển giáo dục. Tiếp theo, nhà quản lý cần tổ chức chuẩn bị các điều kiện cần đáp ứng khi thực hiện mục tiêu GDHN cho trẻ khuyết tật.

*3. Tổ chức lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho TKT:* Đối với từng TKT, tạo ra một kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) được cá nhân hóa dựa trên nhu cầu và khả năng của trẻ. IEP nên bao gồm các mục tiêu cụ thể, các hoạt động và phương pháp giảng dạy phù hợp.

*4. Tổ chức phương pháp giảng dạy:* Áp dụng các phương pháp giảng dạy hỗ trợ nhằm phục vụ cho nhu cầu riêng của trẻ khuyết tật. Điều này có thể bao gồm sử dụng tài liệu học tập đa dạng, kỹ thuật giảng dạy phù hợp, hỗ trợ từ giáo viên phụ trách và sự tham gia của người thân trong gia đình.

*5. Chỉ đạo điều chỉnh và đánh giá tiến trình giáo dục TKT:* Theo dõi tiến trình học tập của trẻ và điều chỉnh IEP khi cần thiết. Đánh giá định kỳ để đo lường sự tiến bộ và đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra. Sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp để đo lường tiến trình và phát triển của trẻ.

*6. Tạo môi trường học tập hòa nhập:* Xây dựng một môi trường học tập hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Điều này bao gồm việc cung cấp các tài liệu, đồ chơi và trang thiết bị phù hợp với nhu cầu của từng trẻ. Đồng thời, tạo điều kiện cho trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội và học tập chung với các bạn cùng lứa.

*7. Đào tạo và hỗ trợ giáo viên:* Đảm bảo rằng giáo viên và nhân viên giáo dục được đào tạo về các phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục hòa nhập

TKT. Cung cấp hỗ trợ và tư vấn cho giáo viên trong quá trình triển khai nội dung GDGHN.

*8. Hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của TKT:*

Thực hiện theo dõi và đánh giá định kỳ để đảm bảo hiệu quả của nội dung giáo dục hòa nhập. Điều này giúp xác định các điểm mạnh và điểm cần cải thiện trong quá trình quản lý và thực hiện. Hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật là một quá trình quan trọng nhằm đảm bảo rằng các trẻ được hỗ trợ và đồng hành trong việc phát triển toàn diện. Các nội dung hướng dẫn như: hướng dẫn xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, xác định chỉ số phát triển cho trẻ khuyết tật dựa trên khả năng và nhu cầu cá nhân trẻ, sử dụng phương pháp và công cụ phù hợp để theo dõi sự tiến bộ của trẻ, xác định các chỉ số đo lường cụ thể để theo dõi sự tiến bộ của trẻ, duy trì liên lạc chặt chẽ với gia đình của trẻ và các chuyên gia liên quan.....

*9. Chỉ đạo tương tác và hỗ trợ gia đình:* Tạo một môi trường hợp tác tích cực với gia đình trẻ khuyết tật, cung cấp hỗ trợ và tư vấn cho gia đình để họ có thể hỗ trợ và tham gia vào quá trình giáo dục của trẻ.

Quản lý và thực hiện nội dung GDHN trẻ khuyết tật mầm non đòi hỏi sự phối hợp và cộng tác giữa các bên liên quan, bao gồm nhà trường, giáo viên, gia đình và các chuyên gia chăm sóc trẻ khuyết tật để có cái nhìn tổng quan về tình trạng của trẻ và xác định những khó khăn cụ thể mà trẻ đang gặp phải để tạo ra một môi trường học tập và phát triển thích hợp cho trẻ khuyết tật.

***1.4.4. Quản lý triển khai phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Quản lý triển khai phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là chỉ đạo sử dụng các phương pháp điều chỉnh (đồng loạt, đa trình độ, trùng lặp giáo án, thay thế) trong thực hiện GDHN;



Quản lý triển khai phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là quá trình tổ chức và điều hành các hoạt động giáo dục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật tham gia vào môi trường giáo dục chung cùng với trẻ không khuyết tật. Phương pháp giáo dục hòa nhập nhằm đảm bảo rằng trẻ khuyết tật được đồng hành và hỗ trợ để phát triển toàn diện theo năng lực của mình.

Quản lý các phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

*Tổ chức thực hiện phương pháp dạy học tích cực (Positive reinforcement):* nhà quản lý cần chú ý chỉ đạo giáo viên thay vì tập trung vào việc sửa chữa lỗi lầm hoặc hành vi không mong muốn, phương pháp này tập trung vào việc tạo ra một môi trường tích cực, khích lệ và thưởng cho hành vi đúng đắn và thành công của trẻ. Giáo viên cần tạo ra các hệ thống khen ngợi và phần thưởng để khích lệ trẻ cố gắng và đạt được thành công.

*Tổ chức thực hiện phương pháp học tập theo tình huống (Problem-based learning):* Nhà quản lý chú ý vào việc chỉ đạo giáo viên khuyến khích trẻ khuyết tật tham gia tích cực vào quá trình giải quyết vấn đề, tìm hiểu và áp dụng kiến thức vào thực tế. Giáo viên cần biết, trong giáo dục hòa nhập, phương pháp học tập theo tình huống có thể được áp dụng bằng cách tạo ra các tình huống giả định hoặc thực tế mà trẻ cần phải giải quyết. Điều này giúp trẻ khuyết tật phát triển kỹ năng tư duy, khả năng giải quyết vấn đề, xây dựng kiến thức và kỹ năng xã hội thông qua việc tham gia vào các hoạt động thực tế và tương tác với nhóm bạn.

*Tổ chức phương pháp học tập tích cực qua chơi (Play-based learning):* Nhà quản lý cần giúp giáo viên nhận thấy, trong phương pháp này, trò chơi không chỉ là hoạt động giải trí mà còn là một phương tiện để trẻ học hỏi, phát triển các kỹ năng và tăng cường sự tự tin. Giáo viên có thể cho Trẻ tham gia vào các hoạt động như xếp hình, tạo mô hình, trò chơi tương tác, trò chơi vai

diễn và các hoạt động nhóm. Qua việc tham gia vào các hoạt động này, trẻ có thể phát triển kỹ năng xã hội, tư duy sáng tạo, ngôn ngữ và các kỹ năng khác.

*Tổ chức thực hiện phương pháp học tập dựa trên hình ảnh (Visual-based learning):* Giáo viên cần được chỉ đạo thực hiện phương pháp học tập dựa trên hình ảnh, đồ họa, biểu đồ và các phương tiện trực quan khác để truyền đạt kiến thức và khuyến khích sự hiểu biết của trẻ khuyết tật. Hình ảnh được sử dụng để trực quan hóa thông tin và giúp trẻ dễ dàng hiểu và ghi nhớ kiến thức.. Phương pháp này cung cấp một cách tiếp cận trực quan và hấp dẫn, giúp trẻ khuyết tật nắm bắt kiến thức một cách dễ dàng hơn.

*Tổ chức phương pháp Giáo dục cá nhân hóa:* Giáo viên cần coi trẻ là những cá nhân độc lập với những nhu cầu, sở thích và khả năng riêng. Nó tập trung vào việc tạo ra một môi trường học tập linh hoạt và đáp ứng để phù hợp với các yêu cầu riêng của mỗi trẻ. Quản lý phương pháp giáo dục này tức là nhà quản lý cần giúp giáo viên hiểu rõ về phương pháp này nhằm tạo ra các kế hoạch học tập và hoạt động phù hợp với khả năng và sở thích của từng trẻ, cung cấp hỗ trợ cá nhân, và tạo điều kiện cho sự tham gia và tiến bộ của từng cá nhân trong quá trình học.

*Tổ chức thực hiện phương pháp giáo dục hỗ trợ:* Phương pháp này nhấn mạnh vào việc tạo ra một môi trường học tập khuyến khích, an toàn và đáng tin cậy cho trẻ. Nhà quản lý cần chỉ đạo giáo viên hiểu rõ trong giáo dục hòa nhập, giáo dục hỗ trợ có thể bao gồm việc cung cấp hỗ trợ cá nhân cho trẻ trong việc vượt qua khó khăn học tập, từ đó giáo viên thực hiện phương pháp giảng dạy và tài liệu học phù hợp với khả năng của từng trẻ, và tạo ra các chương trình học tập linh hoạt và nhóm hỗ trợ để trẻ có thể chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau.

Tóm lại, Quản lý triển khai phương pháp giáo dục hòa nhập được hiểu là tổ chức thực hiện các phương pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tức là nhà quản lý tổ chức xây dựng các chương trình giáo dục đặc biệt, đào tạo

giáo viên về phương pháp giảng dạy và quản lý lớp học hòa nhập, cung cấp tài liệu và tài nguyên học tập phù hợp, thiết lập môi trường học tập linh hoạt và tạo điều kiện để trẻ có thể tham gia vào các hoạt động học tập và xã hội một cách tích cực.

#### ***1.4.5. Quản lý triển khai hình thức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật***

Giáo dục hòa nhập TKT thông qua các tiết dạy trên lớp và quản lý việc GDHN học sinh KT thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, trong đó có đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và đồ dùng phương tiện giáo dục và dạy học TKT.

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT, quản lý triển khai phương thức giáo dục hòa nhập cần:

(i). Sắp xếp, bố trí các lớp học phù hợp với người khuyết tật; đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập có không quá 02 (hai) người khuyết tật (trường hợp đặc biệt, cần căn cứ vào điều kiện thực tế có thể sắp xếp, bố trí thêm người khuyết tật trong một lớp học để đảm bảo cho những người khuyết tật có nhu cầu học hòa nhập đều được đi học);

(ii). Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục hòa nhập kết hợp với can thiệp sớm cho trẻ phù hợp nhu cầu và khả năng của người khuyết tật;

(iii). Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục;

(iv). Phối hợp với gia đình, cộng đồng, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện giáo dục hòa nhập;

(v). Hỗ trợ thực hiện các hoạt động can thiệp sớm và phát triển kỹ năng cơ bản cho người khuyết tật để hòa nhập cộng đồng;

(vi). Phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng nhiệm vụ giáo dục hòa nhập;

(vii). Huy động nhân lực hỗ trợ giáo dục hòa nhập và sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập theo quy định của pháp luật.

Hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm:

- Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp;
- Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ;
- Tổ chức giáo dục cá nhân;
- Tổ chức giáo dục ngoài lớp học;
- Tổ chức huy động hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài;

Để quản lý thực hiện có chất lượng và hiệu quả các hình thức GDHN cần lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và hướng dẫn cha mẹ có trẻ khuyết tật. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng thường được thực hiện theo chu kỳ và bồi dưỡng thường xuyên theo chương trình bồi dưỡng hàng năm.

#### ***1.4.6. Quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động GDHN TKT tại các trường MN***

Các nội dung đánh giá trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm việc đánh giá các nội dung sau: Đánh giá kỹ năng nhận thức của trẻ khuyết tật; đánh giá kỹ năng vận động của trẻ khuyết tật; đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ của trẻ khuyết tật; đánh giá kỹ năng nhận thức của trẻ khuyết tật; đánh giá kỹ năng xã hội và tình cảm của trẻ khuyết tật; đánh giá kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng của trẻ khuyết tật;

Để quản lý hoạt động GDHN có hiệu quả, cần xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động GDHN theo các hình thức như kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (theo năm, theo học kì, theo tháng) và xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất trên cơ sở kế hoạch tổng thể về GDHN trẻ khuyết tật mà các cơ sở giáo dục đã xây dựng. Cụ thể:

- Kiểm tra, đánh giá các loại kế hoạch GDHN trẻ khuyết tật: Việc kiểm tra được thực hiện ngay khi các kế hoạch của nhà trường được gửi đến các cơ quan

quản lý chuyên môn và các kế hoạch của từng đơn vị, cá nhân trong đơn vị được phê duyệt. Khi phát hiện những điều bất cập, chưa hợp lý cần đưa ra yêu cầu và nội dung để chỉnh sửa, kế hoạch chỉnh sửa cần được được chính thức ban hành và đưa vào thực hiện.

- Kiểm tra đánh giá hiệu quả thực hiện các nội dung, phương thức giáo dục hòa nhập cho TKT:

+ Chỉ đạo thực hiện các nội dung đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non;

+ Chỉ đạo các phương thức đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non;

+ Tổ chức đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

+ Tổ chức rà soát, bổ sung hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên và các lực lượng tham gia GDHN trẻ khuyết tật; kiểm tra, đánh giá thực trạng xây dựng, mua sắm và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ GDHN trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, theo yêu cầu ngày càng cao trong GDHN trẻ khuyết tật, đến nay chưa có quy định cụ thể về cơ sở vật chất, thiết bị, không gian giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thực hiện GDHN TKT, do vậy cần kiểm tra, đánh giá việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dựa theo quy chuẩn của cơ sở giáo dục mầm non.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật: Để có thể đánh giá hiệu quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non phải dựa vào các tiêu chí. Cụ thể:

+ Xác định và xây dựng các tiêu chí đánh giá là hết sức cần thiết và quan trọng. Tiêu chí đánh giá được hiểu là tập hợp các dấu hiệu, tính chất mà dựa vào đó có thể phân biệt một sự vật, một khái niệm, để kiểm định hay để đánh giá một đối tượng; là cơ sở để nhà quản lý sử dụng làm căn cứ cho hoạt động

đánh giá, nhận diện đối tượng nhằm đạt được mục đích đề ra. Tiêu chí đánh giá theo kết quả giáo dục hòa nhập cho trẻ TKT bao gồm các dấu hiệu hoặc tập hợp các nhóm dấu hiệu và trên cơ sở đó, đánh giá kết quả hoạt động GDHN trẻ khuyết tật.

+ Ngoài ra, còn chú trọng đánh giá kết quả can thiệp sớm cho TKT: Việc đánh giá kết quả CTS cho TKT hiện nay chủ yếu dựa vào kiểm tra, đánh giá chẩn đoán về y tế và kiểm tra, đánh giá về tâm lý dựa trên các trắc nghiệm để đánh giá mức độ giảm thiểu tự kỷ ở trẻ sau mỗi giai đoạn hoặc mỗi liệu pháp can thiệp. Vì vậy, người quản lý cần có chuyên môn, am hiểu về các kỹ thuật đánh giá TKT ở các dạng tật khác nhau để nắm bắt, hiểu được và đánh giá đúng các kết quả can thiệp giáo dục sớm ở TKT theo mục tiêu.

*Như vậy*, quá trình kiểm tra, đánh giá, chỉ đạo việc thực hiện hoạt động GDHN TKT cần được thực hiện theo đúng quy định và qui trình để thu được thông tin về thực trạng giáo dục, thực trạng sự phát triển của TKT. Kiểm tra, đánh giá kết quả GDHN TKT là cơ sở để tìm ra những hạn chế, phát huy những ưu điểm, những kết quả đã đạt được, cách thức khắc phục những hạn chế để duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong GDHN trẻ khuyết tật.

#### ***1.4.7. Quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Quản lý điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN TKT tại các trường MN bao gồm:

- *Xây dựng kế hoạch chuẩn bị các nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị, điều kiện môi trường GDHN TKT tại các trường mầm non.* Các điều kiện về cơ sở vật chất cần được đảm bảo bao gồm: Cơ sở vật chất để thực hiện các trắc nghiệm, dụng cụ cho chẩn đoán dạng tật và mức độ khuyết tật; cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục can thiệp sớm (như phòng can thiệp cần đảm bảo theo tiêu chuẩn về diện tích; đồ dùng cần được vệ sinh sạch sẽ... đảm bảo an toàn cho trẻ khi tiếp xúc với các trang thiết bị); có thể có cơ sở vật chất cho chẩn đoán về y tế (khi có sự phối hợp với cơ quan y tế). Cụ thể:

+ Kế hoạch trang bị, phân bổ sử dụng thiết bị, kiểm soát thiết bị về mặt số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu GDHN.

+ Kế hoạch phân bổ, tổ chức sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ quá trình GDHN trẻ khuyết tật theo mục tiêu GDHN đã được xác định.

+ Kế hoạch tổ chức bảo hành, bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non: Để thực hiện, cần nắm bắt kịp thời những hỏng hóc của thiết bị, thời gian bảo hành bảo trì để tổ chức bảo hành, bảo trì nhằm đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị luôn đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác GDHN trẻ khuyết tật.

+ Chỉ đạo thực hiện việc bổ sung, trang bị mới cơ sở vật chất và các thiết bị phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non căn cứ theo kế hoạch sử dụng, trên cơ sở rà soát tình trạng cơ sở vật chất và thiết bị so với nhu cầu sử dụng để thực hiện sửa chữa, thanh lý, bổ sung và trang bị mới các thiết bị phục vụ GDHN trẻ khuyết tật.

*Như vậy*, việc quản lý đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cho giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng ghèa nhập là xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, trong đó có đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và đồ dùng phương tiện giáo dục và dạy học TKT phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương và đặc điểm trẻ khuyết tật.

*- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, bao gồm:*

+ *Xây dựng mục tiêu phát triển đội ngũ:* Trước tiên, cần có kế hoạch tuyển dụng/hợp đồng giáo viên có trình độ chuyên môn về GDHN TKT. Tùy thuộc vào nhu cầu của cơ sở giáo dục và số lượng trẻ hòa nhập được tiếp nhận để ký hợp đồng. Giáo viên tuyển dụng cần đảm bảo về trình độ chuyên môn, bằng cấp, kinh nghiệm GDHN TKT. Theo quy định hiện hành chưa có chuẩn dành cho giáo viên GDHN TKT, mà mới chỉ có quy định phải có chứng chỉ bồi dưỡng GDHN cho giáo viên. Do đó, công tác quản lý cần quan tâm đến kiến

thức, kinh nghiệm thực tế của giáo viên được tuyển dụng. Cần phải xây dựng mục tiêu những yêu cầu đầu ra đối với đội ngũ giáo viên để có thể đạt được hiệu quả giáo dục mong muốn. Mục tiêu phát triển đội ngũ dựa trên mục tiêu giáo dục, các tiêu chí cụ thể về một đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đầu ra của quá trình giáo dục.

+ *Đánh giá năng lực đội ngũ*: Để có thể xây dựng kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, cần phải rà soát, đánh giá năng lực đội ngũ để từ đó định vị được sự đáp ứng về mặt chuyên môn của giáo viên đối với yêu cầu giáo dục đặt ra làm cơ sở để lập kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên

+ *Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ*: Đây là hoạt động giữ vai trò quan trọng, có tác dụng định hướng phát triển và phối hợp các lực lượng để thực hiện hiệu quả các hoạt động GDHN TKT. Đây là hoạt động cơ sở trong chuỗi các hoạt động nhằm phát triển chuyên môn đội ngũ như sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng... Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ có TKT và các lực lượng giáo dục tham gia cần chú ý chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cần tập trung nâng cao năng lực ở giáo viên kỹ năng phát triển ngôn ngữ cho TKT, kỹ năng giao tiếp với TKT, phát triển nhận thức, quản lý hành vi trẻ TKT và tổ chức hoạt động can thiệp sớm cho TKT trong trường mầm non để đảm bảo cho giáo viên sau các khóa bồi dưỡng đáp ứng được yêu cầu cao hơn về kiến thức, kỹ năng GDHN TKT.

+ *Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên*: Tổ chức bồi dưỡng là khâu tiếp theo trong quá trình thực hiện công tác phát triển đội ngũ. Nhà quản lý cần xác định rõ nhiệm vụ, tầm quan trọng của tổ và nhóm chuyên môn trong nhà trường. Nhiệm vụ của tổ chuyên môn là xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn và xây dựng kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức



bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên theo kế hoạch của nhà trường; đề xuất khen thưởng kỷ luật đối với giáo viên.

+ *Đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ*: Đây là một trong những khâu quan trọng trong quản lý. Ngay từ khi xác định mục tiêu bồi dưỡng, nhà quản lý đã phải xác định các tiêu chí cần đạt của đầu ra công tác bồi dưỡng giáo viên. Việc đánh giá nhằm mục đích điều chỉnh nhằm phát triển tốt nhất năng lực giáo dục TKT cho đội ngũ giáo viên.

- *Quản lý các lực lượng tham gia trong GDHN cho trẻ MN, bao gồm*:

Quản lý việc thực hiện phối hợp các lực lượng là thực hiện theo Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục trẻ em. Cụ thể:

+ *Lập kế hoạch phối hợp các lực lượng tham gia trọng giáo dục hòa nhập*: Cần quy định rõ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương án phối hợp, thông qua đó nhà quản lý tổ chức phối hợp giữa các lực lượng nhằm mang lại quyền lợi tối đa cho TKT MN.

+ *Tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện phối hợp giữa các lực lượng trong GDHN TKT tại các trường mầm non*: Thông qua việc xây dựng một bản kế hoạch phân công công tác, kế hoạch phối hợp GDHN TKT tại các trường mầm non trong đó cụ thể vị trí, vai trò của từng đối tượng trong lực lượng giáo dục sẽ tạo lên sự kết hợp nhuần nhuyễn giúp nâng cao hiệu quả giáo dục.

+ *Đánh giá kết quả phối hợp giữa các lực lượng trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*: Đây là một khâu không thể thiếu, vì việc kiểm tra đánh giá giúp nhà quản lý kiểm soát được hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng, sự đóng góp của mỗi lực lượng đến quá trình giáo dục TKT, những thuận lợi, khó khăn từ đó có hướng điều chỉnh.

## **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non**

### ***1.5.1. Các yếu tố về cơ chế chính sách***

Chính sách của các cấp quản lý gồm có: Chính sách quốc gia, Chính sách của các Bộ (đặc biệt là hai cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), các cơ quan ngang bộ và chính sách của các cấp địa phương ... Về mặt đường lối chung, các cấp quản lý nhà nước đều ủng hộ phát triển GDHN, đây là cơ sở vững chắc về pháp lý để các trường mầm non có thể thực hiện GDHN trẻ khuyết tật.

Chính sách của cơ sở giáo dục: Trên cơ sở chính sách của cơ quan quản lý nhà nước, nhà trường xây dựng những chính sách riêng phù hợp với đơn vị nhằm quản lý phát triển GDHN trẻ khuyết tật, xây dựng và QL hoạt động của Phòng hỗ trợ GDĐB một cách hiệu quả.

Hiệu trưởng trường mầm non căn cứ vào những chính sách hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước, để tổ chức chỉ đạo hoạt động của trường cho phù hợp. Những chính sách có ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác QL hoạt động của Phòng hỗ trợ giáo dục nhà trường có thể kể đến: chính sách về tài chính, lương; chính sách về nhân lực; chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất... Đây là những chính sách mà khi thay đổi có thể tác động trực tiếp, nhanh chóng đến quyết định quản lý của người hiệu trưởng. Hiệu trưởng và các cán bộ quản lý cần có sự đặc biệt quan tâm để xem xét đánh giá sự ảnh hưởng của chúng, và vận dụng hợp lý trong quản lý tại nhà trường.

Người CBQL cần phải hiểu sâu sắc về mục tiêu, chiến lược, đường lối phát triển GDHN ở CSGD, căn cứ vào đó để chỉ đạo xây dựng những chính sách phù hợp. Khi xây dựng chính sách của cơ sở cần chú ý: (i). Chính sách GDHN TKT của CSGD phải thống nhất với mục tiêu các cấp quản lý nhà nước và địa phương; (ii). Chính sách GDHN trẻ khuyết tật của CSGD phải dựa trên

điều kiện thực tế của nhà trường. Chính sách GDHN trẻ khuyết tật của CSGD mà người quản lý cần quan tâm là: Chính sách về lương, thưởng, phụ cấp cho giáo viên tham gia hoạt động giáo viên đứng lớp có TKT theo học và của Phòng hỗ trợ GDĐB. Cần phải quy định rõ: (i). Phần kinh phí này sẽ được lấy từ nguồn nào (từ ngân sách nhà nước hay từ nguồn khác); (ii). Mức phụ cấp cụ thể căn cứ vào, đủ cao để khuyến khích giáo viên yên tâm làm việc và cống hiến; (iii). Chính sách về phát triển cơ sở vật chất: Để hoạt động GDHN trẻ khuyết tật được thực hiện và Phòng hỗ trợ GDĐB hoạt động tốt cần đầu tư nhiều vào CSVC và các trang thiết bị học tập; phần kinh phí đầu tư này chiếm bao nhiêu trong tổng kinh phí chi cho CSVC của nhà trường và cần phải được xây dựng một lộ trình phù hợp với mục tiêu trong từng giai đoạn cụ thể; (iv). Chính sách về nhân lực: trong đó có chính sách tuyển dụng, sử dụng và đào tạo-bồi dưỡng đội ngũ GV và các lực lượng tham gia hoạt động GDHN trẻ khuyết tật và hoạt động của Phòng hỗ trợ GDĐB (Hiệu trưởng có thể đưa ra những chính sách cụ thể về tuyển dụng, sử dụng với đãi ngộ cao đối với những người được đào tạo chính quy về GDĐB).

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cần: (i). Mở các khóa bồi dưỡng cho giáo viên, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ tài chính cho giáo viên tham gia các khóa đào tạo chính quy về GDĐB...; (ii). Thực hiện Chính sách xã hội hóa trong công tác GDHN: trong điều kiện cho phép, người hiệu trưởng có thể quyết định xây dựng nguồn tài chính phục vụ hoạt động của Phòng hỗ trợ GDĐB bằng nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ của phụ huynh và xã hội. Những chính sách mà nhà trường đưa ra thể hiện định hướng quản lý rõ ràng nhất, cần tuân thủ chúng để đảm bảo tính nhất quán trong quản lý, nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

### ***1.5.2. Các yếu tố về nguồn nhân lực***

Cần thiết phải đánh giá tác động của yếu tố nhân lực đến chất lượng GDHN, qua đó Hiệu trưởng có thể quyết định những mục tiêu, kế hoạch phù hợp. Bên cạnh đó, qua kết quả đánh giá, Hiệu trưởng sẽ xây dựng phương án

tuyên dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng nhân sự. Năng lực GDHN TKT tại các trường mầm non ở giáo viên cần phải được quan tâm, các trường cần tổ chức rà soát, đánh giá và tổ chức bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu GDHN TKT tại các trường mầm non.

GDHN TKT tại các trường mầm non là hình thức giáo dục đặc biệt với đối tượng là trẻ có nhu cầu đặc biệt do đó cần có sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong tất cả các môi trường tiếp xúc của trẻ từ gia đình, xã hội tới nhà trường do đó, việc cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các lực lượng tham gia GDHN TKT tại các trường mầm non là cần thiết. Các lực lượng đó bao gồm: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, các lực lượng tham gia giáo dục hoặc hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong các cơ sở giáo dục, cơ sở hỗ trợ GDHN TKT tại các trường mầm non.

Nguồn nhân lực có ảnh hưởng quyết định đến hoạt động của Phòng hỗ trợ GDDB trong trường mầm non. Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ, giáo viên làm việc tại phòng hỗ trợ, giáo viên dạy lớp hòa nhập là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GDHN, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của phòng hỗ trợ, và ảnh hưởng đến quyết định của CBQL.

### ***1.5.3. Các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường giáo dục***

Các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường có ảnh hưởng quan trọng đến giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Dưới đây là một số ảnh hưởng chính của các yếu tố này:

*1. Trang thiết bị và cơ sở vật chất:* Các trường mầm non cần được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, và cơ sở vật chất phù hợp để đáp ứng nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật. Ví dụ, các phòng học cần có không gian rộng rãi để trẻ có đủ không gian để vận động và tham gia các hoạt động. Ngoài ra, các thiết bị hỗ trợ như ghế đặc biệt cho trẻ khuyết tật cũng cần được cung cấp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và tham gia hoạt động hàng ngày.

2. *Môi trường học tập hướng tới hòa nhập*: Môi trường học tập cần tạo điều kiện cho sự hòa nhập của trẻ khuyết tật. Điều này bao gồm việc xây dựng môi trường văn hóa chấp nhận và đồng bộ, nơi trẻ khuyết tật có thể tham gia vào các hoạt động cùng với trẻ bình thường. Các trường mầm non cần đào tạo giáo viên và nhân viên về việc làm việc với trẻ khuyết tật, tạo ra môi trường học tập không phân biệt đối xử và tạo cơ hội cho sự giao tiếp và tương tác giữa trẻ khuyết tật và trẻ bình thường.

3. *Chương trình giáo dục linh hoạt*: Các trường mầm non cần thiết kế chương trình giáo dục linh hoạt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ khuyết tật. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp các hoạt động học tập phù hợp với từng trẻ, sử dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá linh hoạt, và đảm bảo chương trình giáo dục được thiết kế phù hợp với đặc điểm cá nhân.

4. *Hỗ trợ và dịch vụ chuyên môn*: Các trường mầm non cần có sự hỗ trợ và dịch vụ chuyên môn để giúp trẻ khuyết tật tham gia vào môi trường giáo dục hòa nhập. Điều này có thể bao gồm sự hỗ trợ từ các chuyên gia giáo dục đặc biệt và nhân viên chuyên môn, như giáo viên hỗ trợ, nhân viên tư vấn hoặc nhân viên dịch vụ hỗ trợ. Các chuyên gia này có thể cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên trường về cách làm việc với trẻ khuyết tật, thiết kế các hoạt động phù hợp và đề xuất các phương pháp giảng dạy hiệu quả.

5. *Hợp tác gia đình*: Sự hỗ trợ và hợp tác từ phía gia đình là rất quan trọng trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Gia đình có thể cung cấp thông tin về nhu cầu đặc biệt của trẻ, chia sẻ kinh nghiệm và mong đợi của mình. Các trường mầm non cần xây dựng một môi trường hợp tác và mở cửa đón nhận sự tham gia tích cực của gia đình trong quá trình giáo dục của trẻ.

6. *Xây dựng nhận thức và ý thức cộng đồng*: Sự ảnh hưởng của cộng đồng không thể bỏ qua trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Các trường mầm

non cần tạo ra nhận thức và ý thức cộng đồng về quyền lợi và nhu cầu của trẻ khuyết tật, khuyến khích sự chấp nhận và sự đồng hành của cộng đồng trong việc tạo điều kiện học tập và phát triển cho trẻ.

Nhìn chung, các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường có vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Sự đầu tư và tạo ra môi trường học tập hòa nhập, chương trình giáo dục, sự hợp tác của gia đình trong giáo dục trẻ và nhận thức của cộng đồng sẽ góp phần nâng cao cơ hội học tập cho TKT mầm non.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trên cơ sở phân tích, đánh giá và tổng quan các công trình nghiên cứu đi trước và hệ thống cơ sở lý luận về hoạt động GDHN TKT cho thấy: Các nghiên cứu đã chỉ ra tầm quan trọng của GDHN TKT tại các trường mầm non là thực hiện quyền cơ bản của mỗi con người là quyền được học tập. Các công trình nghiên cứu cũng chỉ ra vị trí vai trò của GDHN TKT và quản lý GDHN TKT nhằm thực hiện Công ước quốc tế về quyền trẻ em và quyền của người khuyết tật.

Đề tài đã xây dựng được hệ thống các khái niệm liên quan như: Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục; giáo dục hòa nhập, quản lý giáo dục hòa nhập; trẻ khuyết tật... để từ đó xây dựng khái niệm về quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Đề tài đã xây dựng được hệ thống hóa lý luận về GDHN TKT tại các trường mầm non; lý luận về quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non để hình thành khung lý thuyết của đề tài, làm căn cứ để nghiên cứu thực tiễn, đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non.

Nội dung quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non là: Quản lý thực hiện mục tiêu GDHN TKT; quản lý thực hiện nội dung, phương thức GDHN TKT; đảm bảo các điều kiện để thực hiện GDHN TKT; kiểm tra đánh giá kết quả GDHN TKT tại các trường mầm non. Đây là những nội dung cơ bản để tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng nhằm xây dựng cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả GDHN TKT tại các trường mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

Nội dung nghiên cứu chương 1 cũng đề cập các yếu tố ảnh hưởng và tác động đến quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non, đó là: Các yếu tố về cơ

chế chính sách của Đảng và Nhà nước; về năng lực và chất lượng của nguồn nhân lực; về điều kiện cơ sở vật chất và môi trường thực hiện GDHN TKT tại các trường mầm non.



## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **2.1. Khái quát tình hình kinh tế xã hội và giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội**

#### ***2.1.1. Các đặc điểm tự nhiên - xã hội***

Hà Nội là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của cả nước. Trải qua 65 năm phát triển, đến nay, ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô có quy mô lớn nhất cả nước. Mạng lưới trường, lớp được mở rộng, cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư, cơ bản từng bước được kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân Thủ đô và yêu cầu đào tạo nhân lực trong thời kỳ mới.

Hà Nội là trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị của Việt Nam. Nền kinh tế của Hà Nội đa dạng, với các ngành công nghiệp như chế biến thực phẩm, sản xuất đồ gỗ, điện tử, cơ khí, dệt may, xây dựng, vật liệu xây dựng... Đồng thời, Hà Nội cũng phát triển các ngành dịch vụ như du lịch, giáo dục, y tế, tài chính, bất động sản. Hà Nội cũng là trung tâm thương mại lớn của Việt Nam, với nhiều chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại hiện đại.

Hà Nội là thủ đô của Việt Nam, là trung tâm chính trị và hành chính của đất nước, là nơi tập trung các cơ quan trung ương chính phủ, quốc hội, ủy ban nhân dân, các đại sứ quán nước ngoài... Hà Nội cũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của đất nước, như các cuộc hội nghị, lễ kỷ niệm, các hoạt động ngoại giao...

#### ***2.1.2. Giới thiệu về giáo dục mầm non hòa nhập trên địa bàn TP Hà Nội***

Hiện nay, Hà Nội có 2.746 trường (gồm 2.744 trường mầm non, phổ thông và 2 trung cấp chuyên nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội) với 60.391 nhóm lớp, 2.023.866 học sinh; có nhiều mô hình, loại hình trường, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của con em Thủ đô. Tính đến nay, toàn

ngành giáo dục và đào tạo Hà Nội có 155.323 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học, ngành học. Tỷ lệ giáo viên đứng lớp ở các cấp học, trình độ đào tạo đạt chuẩn là 100%. Tỷ lệ trên chuẩn giáo viên mầm non 53,5%; tiểu học: 93,8%; trung học cơ sở (THCS): 75,6%; trung học phổ thông (THPT): 21,3%; trung cấp chuyên nghiệp (TCCN): 39,8%; giáo dục thường xuyên (GDTX): 16,5%. Đây chính là nguồn lực quan trọng để toàn ngành thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo hướng thực chất, hiệu quả và tiệm cận với nền giáo dục tiên tiến, hội nhập.

Báo cáo quốc gia về người khuyết tật ở Việt Nam do Tổng cục Thống kê và UNICEF thực hiện năm 2020, trên cả nước ta có khoảng 8 triệu người khuyết tật, con số này chiếm 7,8% dân số. Trong đó có 2.264.000 trẻ khuyết tật chiếm 28,3% tổng số người khuyết tật [3].

Tại Hà nội, số trẻ khuyết tật tại các trường mầm non theo năm được thống kê báo cáo số liệu về người khuyết tật Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023 cụ thể như sau: năm 2018: 3.121 trẻ; 2019: 3760 trẻ, năm 2020: 5353 trẻ, năm 2021: có 5339 trẻ, năm 2022: 4068 trẻ.

## **2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng**

### **2.2.1. Mục tiêu khảo sát**

Đánh giá thực trạng quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội nhằm xây dựng cơ sở thực tiễn cho đề xuất các biện pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thủ đô.

### **2.2.2. Nội dung khảo sát**

- Đánh giá thực trạng giáo dục và thực trạng quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội bao gồm:

+ Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, CMHS về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội;

+ Thực trạng GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội;

+ Thực trạng quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội;

+ Thực trạng ảnh hưởng của một số yếu tố đến quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non trên đại bàn TP Hà Nội.

### **2.2.3. Bộ công cụ và thang đánh giá trong xử lý số liệu khảo sát**

- Xây dựng bộ phiếu hỏi đối với CBQL, GV về giáo dục và quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non.

- Xây dựng hệ thống chỉ số trong quan sát các hoạt động giáo dục và quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non.

- Các tiêu chí đánh giá được đánh giá theo thứ bậc và dùng các phần mềm xử lý số liệu để đánh giá mức độ trung bình và độ tin cậy của các thông tin thu được qua khảo sát.

- Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo likert với 5 bậc đo. Dữ liệu thu thập từ phiếu khảo sát, được xử lý theo phương pháp thống kê bằng phần mềm SPSS và Excel với những nội dung như sau:

- Thống kê tần suất các phương án trả lời của các đối tượng tham gia KS với các biểu đồ đặc trưng về bảng tần suất;

- Các câu hỏi trong phiếu hỏi được thiết kế theo 5 mức độ với mức độ 1 là cao nhất và mức độ 5 là thấp nhất. Như vậy để biết được với 1 nội dung, tiêu chí được trả lời ở 5 mức độ này thì ý kiến của đối tượng khảo sát tập trung ở mức nào là chính và trong một câu hỏi cụ thể thì các tiêu chí được liệt kê đối tượng được khảo sát sẽ đánh giá ở mức độ nào. Để biết được thông tin này cần sử dụng điểm trung bình. Nghĩa là với mỗi mức độ sẽ được quy về bằng điểm:

- *Mức độ 1: 5 điểm*

- *Mức độ 2: 4 điểm*

- *Mức độ 3: 3 điểm*

- *Mức độ 4: 2 điểm*

- *Mức độ 5: 1 điểm*

Các ý kiến đánh giá của đối tượng khảo sát sẽ được tổng hợp lại và đưa về giá trị trung bình với độ lệch chuẩn được xác định bằng phần mềm SPSS.

Để xác định thang đo, chúng tôi tính điểm của thang đo như sau:

- Khoảng cách giữa các mức độ của thang đo là:  $(5 - 1) : 5 = 0,8$  điểm.

- Điểm số tối thiểu của mức độ 1 là 1 điểm

- Điểm số tối thiểu của mức độ 2 là:  $1 + 0,8 = 1,8$  điểm

- Điểm số tối thiểu của mức độ 3 là:  $1,8 + 0,8 = 2,6$  điểm

- Điểm số tối thiểu của mức độ 4 là:  $2,6 + 0,8 = 3,4$  điểm

- Điểm số tối thiểu của mức độ 5 là:  $3,4 + 0,8 = 4,2$  điểm

Như vậy 5 mức độ của thang đo như sau:

- Mức độ rất thấp: Từ 1 đến dưới 1,8.

- Mức độ thấp: Từ 1,8 đến dưới 2,6.

- Mức độ trung bình: Từ 2,6 đến dưới 3,4.

- Mức độ cao: Từ 3,4 đến dưới 4,2.

- Mức độ rất cao: Từ 4,2 đến và bằng 5

**Bảng 2.1. Đánh giá kết quả lựa chọn từng nội dung theo điểm trung bình**

Giá trị TB Mức độ	Từ 1 đến dưới 1,8	Từ 1,8 đến dưới 2,6	Từ 2,6 đến dưới 3,4	Từ 3,4 đến dưới 4,2	Từ 4,2 đến và = 5,0
Thực hiện	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
Tần xuất thực hiện	Chưa bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Phù hợp	Không phù hợp	Ít phù hợp	Tương đối phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
Ảnh hưởng (AH)/ tác động (TĐ)	Không AH/TĐ	Ít AH/TĐ	Tương đối AH/TĐ	AH/TĐ	Rất AH/TĐ
Mức độ đạt	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Cơ bản đồng ý	Đồng ý	Rất đồng ý

Như vậy, thông qua các biểu đồ về điểm trung bình đánh giá ở mỗi tiêu chí sẽ biết mức độ ở từng tiêu chí được đánh giá. Các tiêu chí được so sánh với nhau giữa các đối tượng hay giữa mỗi câu hỏi khảo sát sẽ được xác định và so sánh thông qua giá trị trung bình của mỗi tiêu chí.

- Các câu hỏi được thiết kế phù hợp, ít câu có tỷ lệ Missing cao trên 10%. Điều này có nghĩa là, về Hình thức, cách diễn đạt của các câu hỏi không gây hiểu lầm với người trả lời. Các câu hỏi cung cấp các thông tin theo nội dung câu hỏi, có độ phân hóa để thu thập các thông tin theo mục đích nghiên cứu.

- Với các thang đo sử dụng cấu trúc, kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha cho thấy hệ số Cronbach Alpha hầu hết  $> 0,7$ , thấp nhất là 0,454, tức các thang đo có tính đồng hướng, có cấu trúc hợp lý để đo một thuộc tính hay một đặc điểm nào đó.

Kết quả phân tích dữ liệu có thể cho thấy: dữ liệu được xử lý có độ tin cậy để phân tích theo các mục đích nghiên cứu đề ra.

#### **2.2.4. Tiến trình khảo sát**

Lựa chọn các cơ sở giáo dục mầm non có tính đại diện cho các đặc điểm về các điều kiện kinh tế, văn hóa, dân cư và giáo dục của các vùng miền trên địa bàn TP. Hà Nội

- Xây dựng bộ công cụ khảo sát, tiến hành Thử nghiệm bộ công cụ và điều chỉnh bộ công cụ sau thử nghiệm

- Tiến hành đánh giá bộ công cụ và điều chỉnh bộ công cụ sau thử nghiệm: Phiếu khảo sát sau khi được xây dựng sẽ được thử nghiệm tại 3 trường mầm non có kinh nghiệm trong giáo dục TKT trên địa bàn TP Hà Nội (trường MN Hoa Hồng, Hoa Sen và Hoa Thủy Tiên) với 20 CBQL, GV và 5 CMHS CMHS, phiếu khảo sát thử nghiệm sẽ được đánh giá sau quá trình trả lời phiếu, xử lý thông tin và điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu.

- Tổ chức thăm dò online, thăm dò trực tiếp, thực hiện các phỏng vấn tọa đàm, quan sát để thu thập thêm thông tin định lượng.

- Làm sạch phiếu, xử lý thông tin và phân tích kết quả nghiên cứu.

Mẫu trường được lựa chọn đa dạng nhằm đảm bảo tính vùng miền với tổng số 897 mẫu khảo sát (gồm 60 Cán bộ quản lý, 612 GV, 225 CM trẻ khuyết

tật (pp quan sát) thuộc 15 trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội bao gồm các quận nội thành và ngoại thành.

Phương pháp khảo sát chủ yếu tập trung vào khai thác thông tin bằng phiếu online và phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp.

Thang đo được mã hóa 5 bậc, mức độ đánh giá từ 1 đến 5 cho các nội dung đánh giá trong đó 1 là mức đánh giá cao nhất và 5 là thấp nhất.

**Bảng 2.2. Quy mô mẫu khảo sát**

<b>Đối tượng khảo sát /trường</b>	<b>Mẫu khảo sát</b>
Cán bộ quản lý cấp trường	45
Cán bộ quản lý cấp phòng ban	15
Giáo viên	612
Cha mẹ học sinh	225

### **2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội**

#### **2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về GDHN TKT tại các trường mầm non**

Để đo mức độ nhận thức của các mẫu khảo sát liên quan trực tiếp đến quá trình GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội, chúng tôi đã sử dụng phiếu khảo sát được thiết kế sẵn kết hợp tọa đàm khoa học.

Các nội dung được thiết kế thăm dò nhận thức gồm:

- Nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện mục tiêu giáo dục GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non (nội dung đo nghiệm được thiết kế gồm 3 Item);

- Nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại

các trường mầm non (nội dung đo nghiệm được thiết kế gồm 4 item).

Thang đo được thiết kế 5 bậc để đánh giá nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Thang đo được mã hóa theo đó mức độ đánh giá giảm dần từ 1 đến 5 tương ứng lựa chọn mức 5 là ít quan trọng nhất và 1 là quan trọng nhất.

Kết quả khảo sát sau khi được số hóa và phân tích như sau (Bảng 2.3)

Bảng 2.3 cho thấy phần lớn cán bộ quản lý và giáo viên có ý thức được mục đích GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non nhưng chưa thực sự nhận thấy cần thiết và tầm quan trọng của việc thực hiện mục tiêu giáo dục trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Phần lớn cho rằng: *GDTKT nhằm phát triển toàn diện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động xếp thứ 1 đạt điểm đánh giá trung bình 3,56;*

*GDTKT nhằm giúp trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển về kiến thức, kỹ năng, văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ với điểm TB 3,53 xếp thứ 2*

Trong khi đó, nhận định về mục đích: *GDTKT nhằm đảm bảo trẻ có nhu cầu đặc biệt được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến thì lại ít được quan tâm, nhận định của CBQL, GV, CMHS CMHS chưa đồng nhất, còn nhiều mức độ hiểu biết khác nhau.*

**Bảng 2.3 Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của đáp ứng yêu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

STT	Nội dung	Đánh giá mức độ nhận thức của giáo viên về yêu cầu giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật						Thứ bậc
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	ĐTB	
1	GDTKT nhằm đảm bảo TKT được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến	91	95	186	147	153	<b>2.74</b>	<b>3</b>
2	GDTKT nhằm phát triển toàn diện cho TKT về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động	210	188	111	88	75	<b>3.55</b>	<b>1</b>
3	GDTKT nhằm giúp TKT hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ	211	188	102	87	84	<b>3.53</b>	<b>2</b>
	<b>ĐIỂM TRUNG BÌNH</b>						<b>3.27</b>	

Kết quả đánh giá nhận thức cho thấy đối với yêu cầu số 2: GDTKT nhằm phát triển toàn diện cho khuyết tật về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động được đánh giá ĐTB: 3.55, thứ bậc: 1 cho thấy rằng CBQL, GV, CMHS đã có mức độ nhận thức cao về cần thiết phát triển toàn diện cho trẻ khuyết tật không chỉ trong mặt đạo đức và trí tuệ mà còn bao gồm cả thẩm mỹ và khả năng lao động. Việc đánh giá cao mục tiêu này có thể phản ánh sự chú trọng vào việc phát triển toàn diện và bao quát cho trẻ khuyết tật, không chỉ dừng lại ở khía cạnh giáo dục học thuật mà mở rộng ra các kỹ năng sống và thực hành.

Đối với yêu cầu DGTKT nhằm giúp trẻ khuyết tật hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ. có điểm trung bình là 3.53 và đứng thứ hai trong thứ tự xếp hạng. Điều này cho thấy rằng CBQL, GV, CMHS cũng có nhận thức khá cao về việc

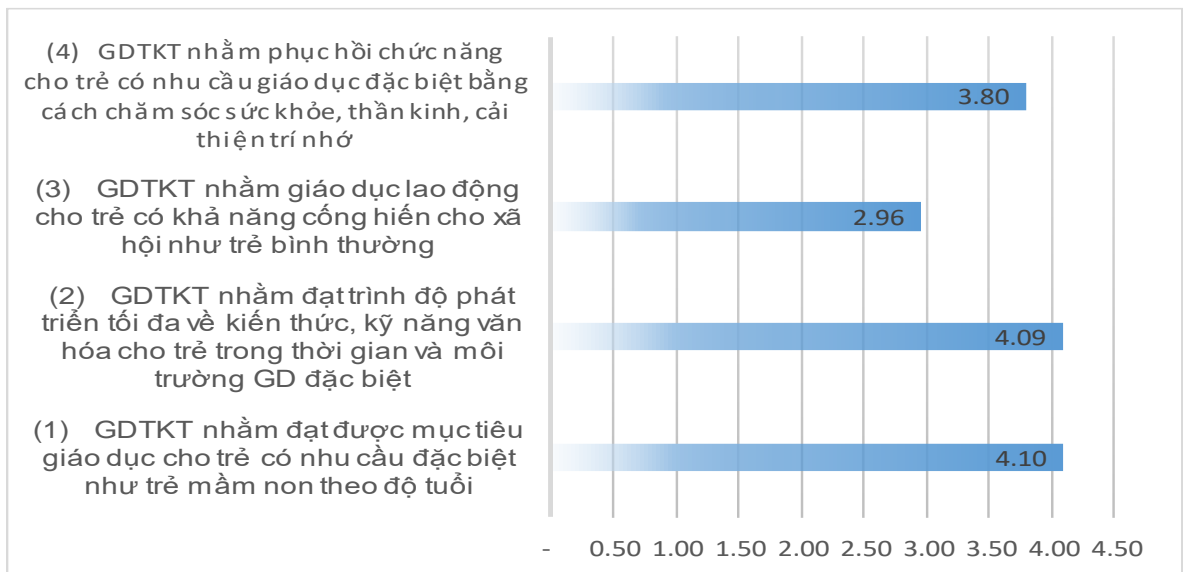


giúp trẻ khuyết tật hòa nhập vào môi trường giáo dục chung, cung cấp cho họ các kiến thức và kỹ năng văn hóa, cũng như khuyến khích thái độ tích cực và sự phát triển bản thân của trẻ. Sự chuẩn bị và nhận thức này có thể phản ánh vào việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ và sự chấp nhận môi trường học tập chung cho các trẻ khuyết tật.

Với yêu cầu GDHN TRẺ KT nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến. có điểm trung bình là 2.74 và đứng thứ ba trong thứ tự xếp hạng. Điều này cho thấy rằng mặc dù nhận thức về quyền của trẻ khuyết tật trong giáo dục đã được nhận biết, nhưng vẫn còn có sự chênh lệch và thiếu sự chuẩn bị cần thiết để đảm bảo rằng các quyền này được thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Có thể cần thêm nỗ lực trong việc giáo dục và cung cấp những phương tiện hỗ trợ để cải thiện điểm này.

Tóm lại, bảng đánh giá này cung cấp một cái nhìn tổng quan về mức độ nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên trong việc đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Sự nhận thức và sự chuẩn bị này là tiền đề để đánh giá khả năng thay đổi của CBQL, GV, CMHS đối với việc thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

Nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường mầm non của CBQL, GV, CMHS CMHS như sau: Cơ bản CBQL, GV, CMHS hiểu rõ và đồng quan điểm trong đánh giá về tầm quan trọng của việc thực hiện các mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.



**Biểu đồ 2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng trong thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Kết quả đánh giá thể hiện điểm trung bình cao nhất gồm hai mục tiêu: *GDHKT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi (4.10)* và *đánh giá thấp nhất là đánh giá về mục tiêu GDHN TRẺ KT nhằm đạt trình độ phát triển tối đa về kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt (4.09)*. Đánh giá thấp hơn có mục tiêu: *GDHKT nhằm phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt bằng cách chăm sóc sức khỏe, thần kinh, cải thiện trí nhớ (3.80)* và cuối cùng là *GDHKT nhằm giáo dục lao động cho trẻ có khả năng cống hiến cho xã hội như trẻ bình thường (2.96)*

Kết quả đánh giá này cho thấy mẫu khảo sát trong đó đặc biệt CBQL và GV đã nhận thức rõ về tầm quan trọng trong thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và mong muốn trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được hòa nhập và có khả năng cống hiến cho xã hội như các trẻ em khác khi trưởng thành ở mức độ đánh giá thấp nhất về GDHKT nhằm giáo dục lao động cho trẻ có khả năng cống hiến cho xã hội như trẻ bình thường (2.96). Mặc dù vậy, có thể nói đây là mục tiêu mang tính tổng quát cũng có thể coi là

một trong những nội dung giáo dục cần hướng tới của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường MN.

Đánh giá chung kết quả phân tích nhận thức của CBQL, GV, CMHS về mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho thấy, hầu hết CBQL, GV, CMHS đã nhận thức đúng và rõ về mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, tuy nhiên với mục tiêu giáo dục hòa nhập chưa hoàn toàn đầy đủ.

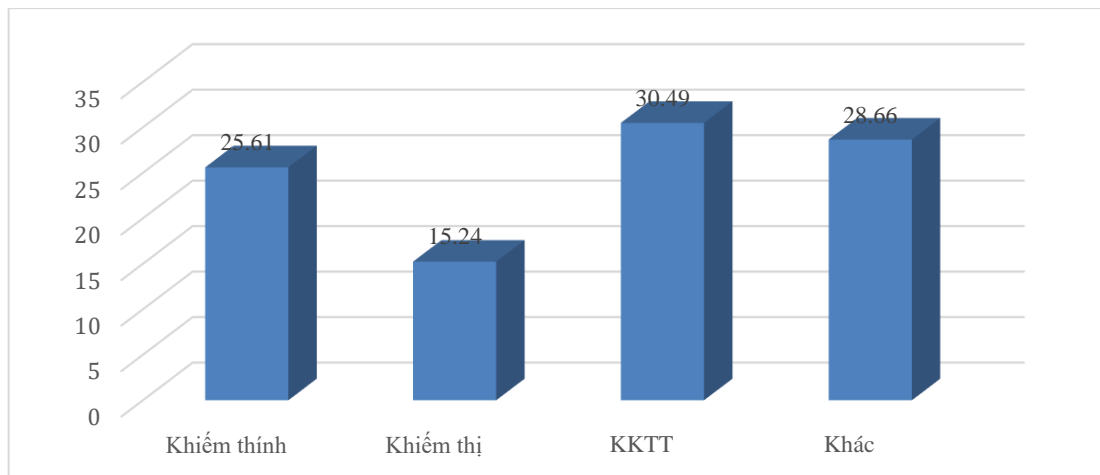
Phỏng vấn thêm CBQL, GV và phụ huynh cho thấy có sự không đồng đều trong nhận thức của CBQL, GV, CMHS, phần lớn CBQL hiểu rõ về mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong khi đó, giáo viên thì có mức độ nhận thức hạn chế hơn. Ngược lại với CMHS, nhận thức ở CMHS không đồng đều, phụ huynh có những nhận định và đánh giá không đồng nhất

Thông qua đánh giá này cho thấy, cần phải nâng cao nhận thức của GV, CMHS về tầm quan trọng của GDHN TKT tại các trường MN mới có thể phát huy vai trò của GV cũng như nâng cao khả năng học và tự học của GV nhằm đạt được yêu cầu GDHN TKT tại các trường mầm non. Để nâng cao chất lượng GDHN TKT, việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và thúc đẩy nhận thức trong các nhóm đối tượng là rất cần thiết. Sự hỗ trợ và sự cam kết từ cán bộ quản lý, giáo viên và sự sẵn sàng hợp tác từ phía cha mẹ là những yếu tố quan trọng để đảm bảo môi trường học tập cởi mở và bình đẳng cho tất cả các em nhỏ.

### ***2.3.2. Thực trạng trẻ khuyết tật trong các trường mầm non***

Kết quả đánh giá thực trạng TKT tại các trường MN trên địa bàn thành phố Hà Nội, đánh giá được thực trạng thông qua mẫu khảo sát gồm 225 trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

- ***Phân bố các dạng và nguyên nhân khuyết tật***



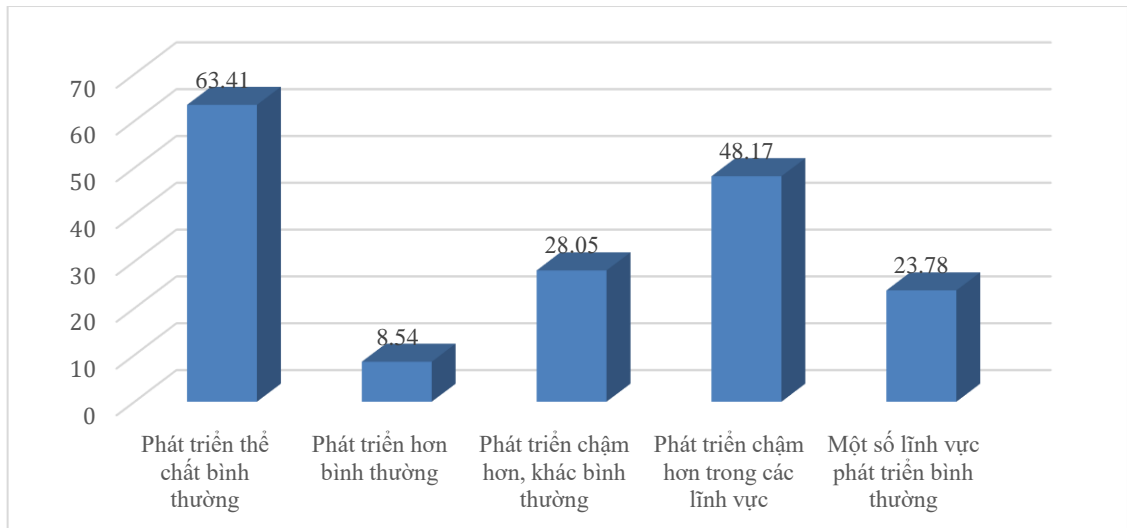
**Biểu đồ 2.2. Các dạng khuyết tật được khảo sát**

Theo kết quả khảo sát này thì số lượng và tỷ lệ trẻ khuyết tật trí tuệ chiếm đa số (30,49%), sau đó là trẻ khiếm thính (25,61%), trẻ khiếm thị (15,24%), trẻ có các dạng khuyết tật khác như khuyết tật ngôn ngữ, trẻ tự kỷ, trẻ tăng động giảm tập trung, trẻ khuyết tật vận động,... (28,66%). Tỷ lệ này tương đối phù hợp với phân bố khuyết tật chung trong toàn quốc, tuy nhiên, tỷ lệ trẻ khiếm thính thì lại cao hơn nhiều so với trong toàn quốc (khoảng 14,7%).

Nguyên nhân chính dẫn đến khuyết tật được kể đến bao gồm: bẩm sinh (62,20%), sau khi sinh (33,54%) và không rõ nguyên nhân (3,66%). Hiện tại, một số trẻ (nhất là trẻ khuyết tật trí tuệ) việc xác định nguyên nhân khuyết tật không đơn giản, rất nhiều trẻ phát triển thể chất bình thường, tham gia các hoạt động bình thường nhưng chỉ khi đi học mới được giáo viên và bạn bè xác định là có vấn đề về khuyết tật. Trong số trẻ khuyết tật được khảo sát thì bố mẹ là người phát hiện chiếm tỷ lệ cao nhất (89,63%), sau đó là y tế (12,80%) và cuối cùng mới là giáo viên (5,49%). Điều này hoàn toàn hợp logic với thực tế khi con/em các gia đình còn nhỏ thì các em ở với cha mẹ, việc chăm sóc sức khỏe là điều đầu tiên mà cha mẹ phải làm và cơ sở y tế luôn luôn hỗ trợ, giúp các gia đình thực hiện công việc này.

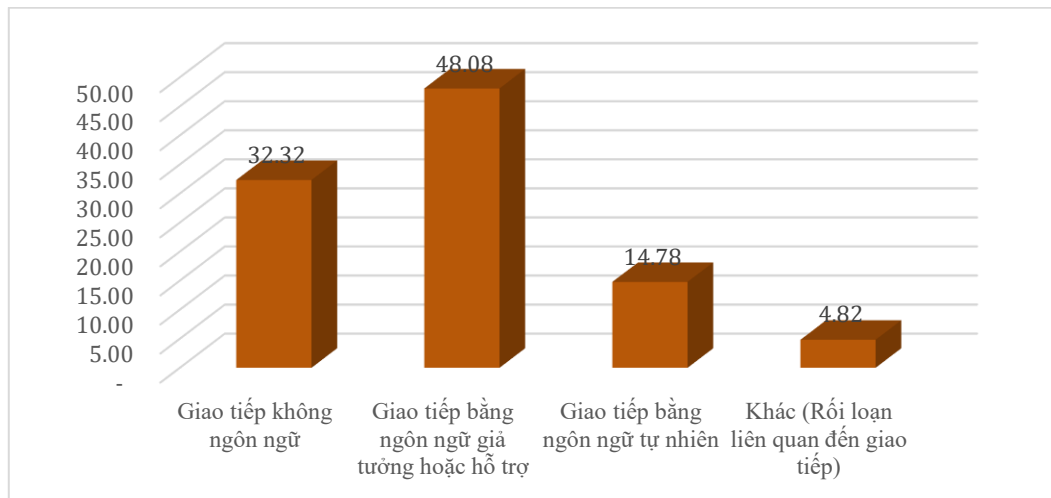
**- Thực trạng các lĩnh vực phát triển của trẻ:**

Kết quả trong số 225 trẻ khuyết tật được khảo sát thì 141 em (63,41%) có sự phát triển thể chất bình thường, 8,54% các em phát triển hơn bình thường (béo hơn, nặng cân hơn) và 28,05% các em phát triển chậm hơn, khác hơn so với bình thường. Các trường hợp thể chất phát triển chậm hơn bình thường là những trẻ như bị liệt nửa người, cơ tay yếu, co cứng, cơ thể co cứng, chân tay biến dạng, yếu ớt, không kiểm soát được hoạt động chân tay, khó khăn đi lại, mất yếu, suy dinh dưỡng, rối loạn điều hoà chân tay, yếu vận động, hay té ngã,...



**Biểu đồ 2.3. Thực trạng sự phát triển thể chất trẻ khuyết tật**

Phần lớn các ý kiến đều cho rằng, sự phát triển nhận thức của trẻ khuyết tật là chậm hơn bình thường ở tất cả các lĩnh vực (48,17%) hoặc chỉ có một số lĩnh vực phát triển bình thường (23,78%) (bảng 1.9). Thực tế, đối với trẻ khiếm thị, sự phát triển nhận thức của các em không có nhiều sự khác biệt hay phát triển chậm hơn so với bình thường (cụ thể là đối với các em nhìn kém). Còn trẻ khuyết tật trí tuệ thì sự chậm trễ trong phát triển nhận thức là một đặc trưng cơ bản để nhận biết được đối tượng này.



### **Biểu đồ 2.4. Thực trạng khả năng giao tiếp của trẻ khuyết tật**

Kết quả phân tích sâu hơn về khả năng giao tiếp của trẻ cho kết quả sau:

Số trẻ có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tự nhiên (14.78%): Tỷ lệ trẻ có khả năng giao tiếp bình thường cho thấy trẻ có phát triển kỹ năng giao tiếp cơ bản một cách tự nhiên thông qua sự hỗ trợ từ gia đình và môi trường xã hội.

Phần lớn trẻ cần sự hỗ trợ đặc biệt khi giao tiếp (48.08%). Điều này cho thấy trẻ có khó khăn trong việc diễn đạt ý kiến, gặp vấn đề về giao tiếp xã hội, hoặc cần sự hỗ trợ từ giáo viên và chuyên gia chăm sóc sức khỏe tâm thần.

Một phần đáng kể trẻ gặp khó khăn trong việc giao tiếp: giao tiếp bằng cử chỉ, biểu hiện khuôn mặt, hành vi không ngôn ngữ khác, nhưng không sử dụng ngôn ngữ nói hoặc viết (32.32%), điều này có thể phản ánh một loạt các thách thức từ rối loạn phát âm đến khó khăn trong việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ.

Số trẻ bị rối loạn khác liên quan đến giao tiếp như trẻ tự kỷ, rối loạn ngôn ngữ, hay những vấn đề giao tiếp khác (14.78%): Chỉ số đánh giá này tương đối quan trọng mặc dù thấp

Kết quả nghiên cứu thu được đã đưa ra một bức tranh cụ thể nhưng hết sức phong phú về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ nói, giao tiếp và hành vi của

trẻ khuyết tật. Đây là cơ sở ban đầu, quan trọng nhất và có tính quyết định đến việc xác định năng lực của nguồn nhân lực can thiệp sớm giáo dục trẻ khuyết tật và phát triển nguồn nhân lực này theo yêu cầu năng lực của công việc này.

### 2.3.3. Thực trạng thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường MN

**Bảng 2.4: Thực trạng thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường MN**

STT	Nội dung	Đánh giá mức độ thường xuyên thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập cho TKT tại các trường MN					ĐTB	Thứ bậc
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5		
1	GDTKT nhằm đảm bảo trẻ có nhu cầu đặc biệt được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến	0.19	0.19	0.28	0.18	0.16	<b>3.08</b>	<b>3</b>
2	GDTKT nhằm phát triển toàn diện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động	0.31	0.32	0.17	0.13	0.08	<b>3.66</b>	<b>2</b>
3	GDTKT nhằm giúp trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ	0.33	0.30	0.15	0.13	0.09	<b>3.64</b>	<b>1</b>

Bảng 2.4(1) đưa ra đánh giá về tần xuất thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập TKT tại trường MN. Dưới đây là bình luận sâu hơn về từng nội dung:

Với mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật nhằm đảm bảo trẻ có nhu cầu đặc biệt *được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến* (ĐTB: 3,08 đứng Thứ bậc: 1): Nội dung này nhấn mạnh quyền của trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục và tự do không bị tách biệt. Điều này đồng nghĩa với việc các cơ sở giáo dục cần đảm bảo môi trường giáo dục cung cấp các dịch vụ và cơ hội cho trẻ khuyết tật để phát triển tiềm năng của trẻ. Mức độ thực hiện thường xuyên được đánh giá điểm trung bình (ĐTB: 3,08), có thể chỉ ra rằng các cơ sở giáo dục cũng đã nỗ lực thực hiện mục tiêu này, tuy nhiên cần phải phát huy hơn nữa.

Với mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật nhằm *phát triển toàn diện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động* (ĐTB: 3.66,

*Thứ bậc: 3*): Mục tiêu này nhấn mạnh việc giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ tập trung vào khía cạnh học tập mà còn cung cấp cơ hội cho sự phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động. Mức độ thực hiện mục tiêu này ở mức trung bình (ĐTB: 3.66), cho thấy đã có một số nỗ lực để đảm bảo trẻ khuyết tật có được một môi trường giáo dục đầy đủ và phát triển toàn diện. Tuy nhiên, việc ngoài việc nâng cao tần suất thực hiện mục tiêu này còn cần sự tăng cường và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục, phương pháp dạy học và tài nguyên hỗ trợ để phù hợp với các nhu cầu đặc biệt của trẻ khuyết tật. Ngoài ra, cán bộ giáo viên cần được đào tạo và trang bị kỹ năng để giảng dạy và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật phát triển toàn diện.

*Mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật nhằm giúp trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ* (ĐTB: 3,64, Thứ bậc: 2): Nội dung này nhấn mạnh việc tạo ra môi trường giáo dục thuận lợi để trẻ khuyết tật có thể tham gia và hòa nhập vào môi trường giáo dục chung. Đồng thời, nội dung cũng nhấn mạnh về việc phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa và thái độ tích cực cho trẻ khuyết tật. Mức độ thực hiện ở mức trung bình (ĐTB: 3,64), cho thấy CBQL, GV đã tạo ra môi trường giáo dục bình thường thân thiện và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, để nâng cao tần suất thực hiện, cần phải đảm bảo rằng cơ sở hạ tầng, tài nguyên và hỗ trợ phù hợp đã được chuẩn bị để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của trẻ khuyết tật và giúp họ hòa nhập một cách hiệu quả vào môi trường giáo dục chung.

Đối với thực hiện mục tiêu điều chỉnh cho trẻ theo từng nhóm khuyết tật có phân hạn chế do

Tóm lại, mặc dù đã có những nỗ lực trong việc thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, để nâng cao mức độ thực hiện của giáo dục trẻ khuyết tật, cần có sự đầu tư đầy đủ về nguồn lực, đào tạo giáo viên, xây dựng môi



trường học tập đa dạng, tăng cường sự hợp tác và liên kết, quan tâm đến khía cạnh toàn diện của trẻ, và thực hiện đánh giá và đổi mới định kỳ.

**Bảng 2.5 Thực trạng điều chỉnh mục tiêu GDHN TKT mầm non**

STT	Nội dung	Đánh giá thực trạng điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hòa nhập						
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	Tỷ lệ	Thứ bậc
1	1. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ tự kỷ	0.21	0.23	0.25	0.24	0.07	<b>3.28</b>	2
2	2. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật thính giác	0.21	0.25	0.23	0.24	0.08	<b>3.27</b>	3
3	3. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật thị giác	0.23	0.24	0.23	0.21	0.09	<b>3.31</b>	1
4	4. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật vận động	0.19	0.24	0.23	0.22	0.11	<b>3.19</b>	5
5	5. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật trí tuệ	0.17	0.25	0.21	0.19	0.18	<b>3.03</b>	6
6	6. Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật tự kỷ và tâm thần	0.20	0.23	0.24	0.23	0.09	<b>3.22</b>	4

Dựa trên bảng đánh giá thực trạng về việc điều chỉnh mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở các trường mầm non có thể thấy

Mục tiêu giáo dục hòa nhập cho từng nhóm trẻ có sự điều chỉnh đa dạng và phù hợp tại các trường mầm non. Có sự chú ý đặc biệt đến việc điều chỉnh mục tiêu cho trẻ có khuyết tật thị giác, với điểm trung bình cao nhất và xếp hạng ở vị trí thứ nhất. Tuy nhiên, việc điều chỉnh mục tiêu cho trẻ có khuyết tật trí tuệ đạt điểm thấp nhất có thể do mức độ phức tạp trong sự phát triển không đồng nhất ở trẻ, tuy nhiên, cần được cải thiện để đảm bảo rằng tất cả các nhóm trẻ khuyết tật đều nhận được sự chăm sóc và hỗ trợ tốt nhất.

Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật thị giác đạt điểm trung bình 3.31 và xếp hạng ở vị trí thứ nhất. Điểm này cho thấy sự chăm sóc và quan tâm đặc biệt đến trẻ có khuyết tật thị giác trong quá trình giáo dục hòa nhập. Có thể cho thấy có các biện pháp đặc biệt và hiệu quả để hỗ trợ trẻ có khuyết tật thị giác được phát triển toàn diện.

Điều chỉnh mục tiêu giáo dục trẻ có khuyết tật trí tuệ có điểm trung bình thấp nhất là 3.03 và xếp hạng ở vị trí thứ sáu. Điểm này có thể chỉ ra cần có sự nâng cao trong việc hỗ trợ và phát triển cho trẻ có khuyết tật trí tuệ trong môi trường giáo dục hòa nhập. Có thể cần xem xét các phương pháp giáo dục và hỗ trợ phù hợp để cải thiện chất lượng giáo dục cho nhóm trẻ này.

Mặc dù các mục tiêu giáo dục được điều chỉnh cho từng nhóm trẻ khuyết tật, tuy nhiên điểm trung bình của các mục tiêu chưa cao cho thấy cần được xem xét bổ sung các chiến lược và phương pháp giáo dục phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục cho tất cả các nhóm trẻ khuyết tật.

Tóm lại, việc đánh giá các chỉ số trong bảng giúp nhìn nhận rõ hơn về thực trạng điều chỉnh mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và đưa ra các biện pháp cải thiện phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục cho tất cả các nhóm trẻ khuyết tật.

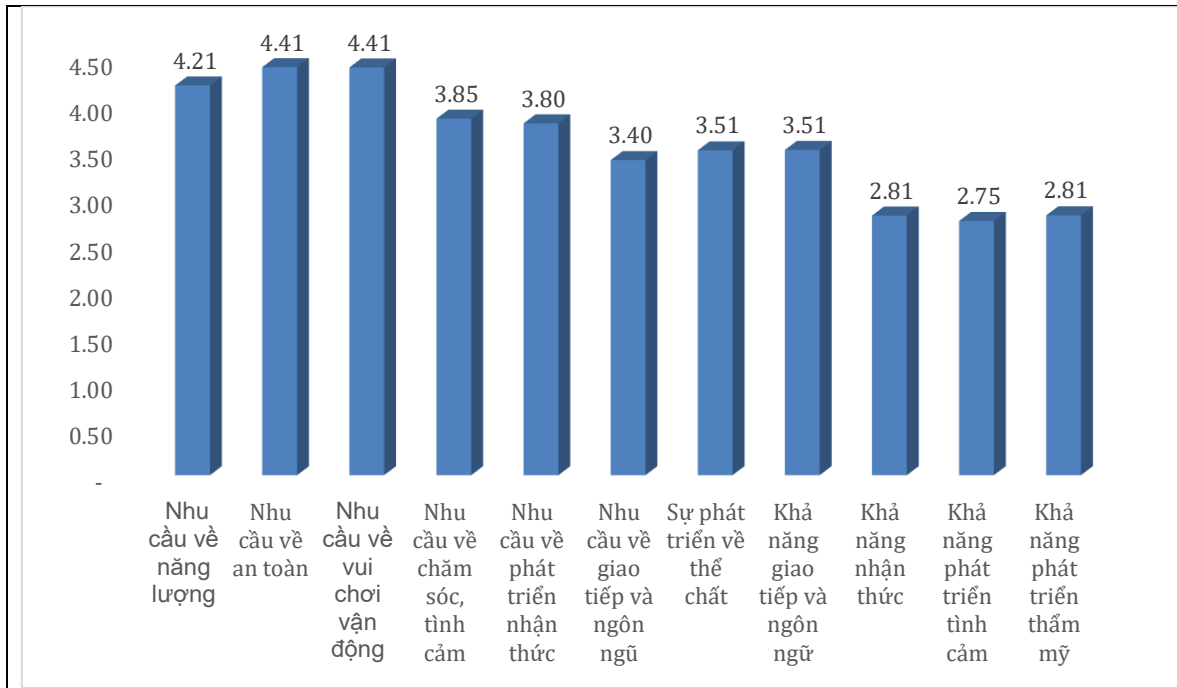
#### **2.3.4. Thực trạng thực hiện nội dung GDHN tTKT tại các trường MN**

##### *Thực trạng xác định nhu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*

Để xây dựng và thực hiện tốt nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non nói chung, nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cần phải xác định nhu cầu được giáo dục. Các nội dung đo lường về nhu cầu giáo dục đối với trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được xây dựng gồm 6 item gồm (*Nhu cầu về năng lượng; Nhu cầu về an toàn; Nhu cầu về vui chơi vận động; Nhu cầu về chăm sóc, tình cảm; Nhu cầu về phát triển nhận thức; Nhu cầu về giao tiếp và ngôn ngữ*) và được đánh giá theo thang đo 5 bậc. Kết quả đánh giá như sau:

Hầu hết các cơ sở giáo dục đã chú ý tới xác định nhu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong đó các nội dung được đánh giá ở mức độ thực hiện cao trong đó nhu cầu về năng lượng đạt điểm đánh giá trung bình 4,21, thứ bậc 3; Nhu cầu về an toàn đạt điểm đánh giá trung bình 4,409, thứ bậc 1; Nhu cầu về vui chơi vận động đạt điểm đánh giá trung bình 4,406, thứ bậc 2; Nhu cầu về chăm sóc, tình cảm đạt điểm đánh giá trung bình 3,85, thứ bậc 4;

Nhu cầu về phát triển nhận thức đạt điểm đánh giá trung bình 3,80, thứ bậc 5; Nhu cầu về giao tiếp và ngôn ngữ đạt điểm đánh giá trung bình 3,40, thứ bậc 8 (Biểu đồ 2.5)



### **Biểu đồ 2.5. Thực trạng xác định nhu cầu TKT tại các trường mầm non**

Các đánh giá đối với xác định nhu cầu trong xây dựng nội dung giáo dục được đánh giá tập trung vào mức độ *mức độ cao*: Từ 3,4 đến dưới 4,2 và mức độ rất cao: Từ 4,2 đến 5 cho thấy các cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt trong xây dựng nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Một đánh giá tiếp theo trong xây dựng và thực hiện nội dung giáo dục đó là xác định nội dung phát triển về năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm 5 item (Sự phát triển về thể chất; Khả năng giao tiếp và ngôn ngữ; Khả năng nhận thức; Khả năng phát triển tình cảm; Khả năng phát triển thẩm mỹ). Các nội dung này trong thực hiện khảo sát cũng được thăm dò đánh giá của CBQL, GV theo thang đo 5 bậc. Cụ thể mức độ đánh giá về việc thực hiện các nội dung giáo dục nhằm phát triển năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non như sau: Sự phát triển về thể chất được đánh giá điểm

trung bình 3,51; Khả năng giao tiếp và ngôn ngữ đạt điểm trung bình 3,51; Khả năng nhận thức đạt điểm trung bình 2.81; Khả năng phát triển tình cảm đạt điểm trung bình 2,75; Khả năng phát triển thẩm mỹ đạt điểm trung bình 2,81. Các mức độ đánh giá này nằm ở mức độ đánh giá trung bình: Từ 2,6 đến dưới 3,4 là chủ yếu, chỉ có nội dung Sự phát triển về thể chất được đánh giá điểm trung bình 3,51 nằm trong mức độ đánh giá cao từ 3,4 đến dưới 4,2. Điều này cho thấy việc xác định trong nội dung giáo dục và việc thực hiện các nội dung giáo dục nhằm phát triển năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non chưa hiệu quả.

Kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý, giáo viên cho thấy, chương trình giáo dục được thiết kế đã bao gồm phát triển năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tuy nhiên nhiều nội dung giáo dục còn đơn điệu, chưa tập trung vào các mục tiêu phát triển năng lực đưa ra, chưa khuyến khích giáo viên sáng tạo trong thực hiện các nội dung giáo dục

*- Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục*

Để đánh giá thực trạng thực hiện nội dung giáo dục, chúng tôi tiến hành đánh giá cụ thể trên các nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại trường mầm non gồm 4 item, thang đo được đánh giá 5 bậc về mức độ thực hiện trong đó 1 là thực hiện rất tốt và 5 là thực hiện rất không tốt

**Bảng 2.6 Thực trạng nội dung giáo dục TKT mầm non**

STT	Nội dung	Đánh giá thực trạng thực hiện nội dung giáo dục trẻ khuyết tật					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5		
1	Giáo dục nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi	0.34	0.26	0.25	0.15	-	3.80	2
2	Giáo dục kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt	0.17	0.50	0.28	0.06	-	3.77	3
3	Phát triển khả năng lao động cho trẻ như trẻ bình thường	0.08	0.11	0.58	0.23	-	3.04	4
4	Phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt	0.23	0.55	0.15	0.07	-	3.95	1

1. Nội dung giáo dục nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi (Điểm trung bình: 3,8; Thứ bậc: 2), Kết quả đánh giá này cho thấy mục này có mức độ quan trọng khá cao trong việc đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt của trẻ mầm non theo độ tuổi.

2. Nội dung giáo dục kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường giáo dục đặc biệt: Nội dung này cũng có điểm trung bình là 3,77 nhưng xếp thứ bậc 3. Điều này cho thấy mục này cũng quan trọng trong việc cung cấp kiến thức và kỹ năng văn hóa cho trẻ trong môi trường giáo dục đặc biệt, nhưng có mức độ ưu tiên thấp hơn so với mục trên.

3. Nội dung phát triển khả năng lao động cho trẻ như trẻ không khuyết tật. Nội dung này có điểm trung bình là 3,0 và xếp thứ bậc 4. Điểm này cho thấy phát triển khả năng lao động cho trẻ như trẻ không khuyết tật có mức độ ưu tiên thấp hơn so với các mục trên.

4. Nội dung giáo dục nhằm phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt: Nội dung này có điểm trung bình là 3,9, xếp thứ bậc 1 trong bảng. Điểm này cho thấy mục này có mức độ quan trọng cao nhất trong việc phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

Tóm lại, phân tích theo điểm trung bình và thứ bậc cho thấy việc phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt được xem là ưu tiên hàng đầu, với điểm trung bình là 3,9 và xếp thứ bậc 1. Điều này cho thấy việc đảm bảo trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt có được sự phục hồi chức năng rất quan trọng. Các nội dung giáo dục nhu cầu đặc biệt cho trẻ mầm non theo độ tuổi và giáo dục kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường giáo dục đặc biệt cũng có mức độ quan trọng cao, xếp thứ bậc 2 và thứ bậc 3. Điều này cho thấy việc đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt của trẻ mầm non và cung cấp kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong môi trường giáo dục đặc biệt cũng là các yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi giáo dục của trẻ. Phát triển khả năng lao động cho trẻ như trẻ không khuyết tật có mức độ ưu tiên thấp nhất trong bảng, với điểm trung bình là 3,0 và xếp thứ bậc 4 cho thấy việc phát triển

khả năng lao động cho trẻ như trẻ không khuyết tật chưa được đặt lên hàng đầu trong ưu tiên giáo dục đặc biệt.

### **2.3.5. Thực trạng triển khai phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Như đã phân tích trong phân lý luận thì phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm phương pháp giáo dục được chúng tôi xây dựng và đánh giá tần suất thực hiện.

Dựa trên các điểm trung bình và thứ bậc trong bảng đánh giá, chúng ta có thể đánh giá tần suất thực hiện của các phương pháp giáo dục như sau:

**Bảng 2.7. Thực trạng thực hiện PP GDHN TKT tại các trường MN**

STT	Nội dung	Tần suất thực hiện phương pháp giáo dục hòa nhập TKT mầm non						
		Rất TX	TX	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	chưa bao giờ	ĐTB	Thứ bậc
1	Phương pháp dạy học tích cực	323	212	126	11	0	4.26	1
2	Phương pháp học tập theo tình huống	101	368	188	15	0	3.83	2
3	Tổ chức phương pháp học tập tích cực qua chơi	197	99	288	88	0	3.60	3
4	Tổ chức thực hiện phương pháp học tập dựa trên hình ảnh	112	151	320	89	0	3.43	6
5	Tổ chức phương pháp Giáo dục cá nhân hóa	159	144	279	90	0	3.55	4
6	Tổ chức thực hiện phương pháp giáo dục hỗ trợ	112	183	286	91	0	3.47	5

*Phương pháp dạy học tích cực:* Đây là phương pháp được thực hiện thường xuyên nhất, với điểm trung bình là 4,26 và xếp hạng đầu tiên. Phương pháp này tập trung vào khuyến khích tích cực, kỹ năng tư duy, và tạo ra môi trường học tập tích cực cho trẻ. Nó có thể bao gồm việc sử dụng phần thưởng, trò chơi, hoạt động nhóm và phát triển kỹ năng xã hội.

*Phương pháp học tập theo tình huống:* là phương pháp xếp hạng thứ hai với điểm trung bình là 3,83. Phương pháp này tập trung vào việc giúp trẻ khám

phá và giải quyết các tình huống thực tế thông qua việc áp dụng kiến thức và kỹ năng họ đã học. Điều này có thể giúp trẻ phát triển khả năng quan sát, tư duy logic và sáng tạo.

*Phương pháp học tập tích cực qua chơi:* là phương pháp xếp hạng thứ ba với điểm trung bình là 3,60. Phương pháp này kết hợp việc học và chơi để tạo ra một môi trường học tập thú vị và kích thích cho trẻ. Trò chơi và hoạt động tích cực được sử dụng để khuyến khích việc học và phát triển kỹ năng của trẻ.

*Phương pháp Giáo dục cá nhân hóa:* được đánh giá xếp hạng thứ tư với điểm trung bình là 3,55. Phương pháp này tập trung vào việc tùy chỉnh quá trình giảng dạy để phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ. Nó đặc biệt quan trọng đối với trẻ kh Xin lỗi vì bị cắt đứt trong câu trả lời trước. Tiếp tục từ phần trước:

*Phương pháp Giáo dục cá nhân hóa:* được đánh giá xếp hạng thứ tư với điểm trung bình là 3,55. Phương pháp này tập trung vào việc tùy chỉnh quá trình giảng dạy để phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ. Nó đặc biệt quan trọng đối với trẻ khuyết tật mầm non, vì mỗi trẻ có nhu cầu và tiến độ phát triển riêng. Phương pháp này đòi hỏi sự quan tâm và theo dõi cẩn thận từ giáo viên để đảm bảo rằng trẻ nhận được sự hỗ trợ và khuyến khích phù hợp.

*Phương pháp giáo dục hỗ trợ:* Đây là phương pháp xếp hạng thứ năm với điểm trung bình là 3,47. Phương pháp này nhấn mạnh việc cung cấp hỗ trợ và phụ đạo cho trẻ khuyết tật để giúp họ tham gia vào quá trình học tập chung cùng với các bạn đồng trang lứa. Điều này có thể bao gồm sự hỗ trợ từ giáo viên đặc biệt hoặc nhóm chuyên gia để đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ.

*Phương pháp học tập dựa trên hình ảnh:* Đây là phương pháp xếp hạng thứ sáu với điểm trung bình là 3,43. Phương pháp này sử dụng hình ảnh và đồ họa để truyền tải kiến thức và kỹ năng cho trẻ. Hình ảnh có thể giúp trẻ hình dung và hiểu một cách trực quan, đồng thời tăng cường sự thích thú và tương tác trong quá trình học tập.

Nhìn chung các phương pháp giáo dục này đều là phương pháp giáo dục tích cực cho trẻ khuyết tật. Kết quả đánh giá cho thấy mặc dù tần xuất thực hiện các phương pháp khác nhau nhưng không có phương pháp nào không được thực hiện trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

### **2.3.6. Thực trạng triển khai hình thức GDHN tTKT tại các trường MN**

Để đánh giá thực trạng triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non chúng tôi đã xây dựng 5 item và đánh giá mức độ thường xuyên thực hiện như sau.

Dựa trên bảng đánh giá về thực trạng thường xuyên thực hiện hình thức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non, kết quả như sau:

**Bảng 2.8. Thực trạng thực hiện hình thức GDHN TKT tại các trường MN**

STT	Nội dung	Tần xuất thực hiện thường xuyên phương thức giáo dục hòa nhập TKT mầm non						
		Rất TX	TX	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	chưa bao giờ	ĐTB	Thứ bậc
1	Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp	356	201	115	0	0	4.36	1
2	Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ	124	347	188	12	1	3.86	2
3	Giáo dục cá nhân	97	99	379	88	9	3.28	5
4	Giáo dục ngoài lớp học	101	357	188	15	11	3.78	3
5	Hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài	197	99	288	88	0	3.60	4

Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp: Điểm trung bình 4.36 (thứ bậc 1). Đây là hình thức tổ chức giáo dục trong một môi trường chung, không có sự phân chia đặc biệt cho trẻ khuyết tật. Điểm số cao cho thấy tổ chức giáo dục này được thực hiện tốt, có sự đảm bảo về quyền tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật cùng với các trẻ khác.

*Hình thức tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ*: Điểm trung bình 3,86 (thứ bậc 2). Hình thức này đề cập đến việc tổ chức giáo dục cho trẻ khuyết tật trong



nhóm nhỏ, có thể làm việc với một số trẻ cùng loại khuyết tật hoặc nhóm trẻ có nhu cầu giống nhau. Điểm số này cho thấy tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ cũng được thực hiện khá tốt.

*Hình thức giáo dục cá nhân:* Điểm trung bình 3,28 (thứ bậc 5). Hình thức giáo dục cá nhân đề cập đến việc cung cấp giáo dục đặc biệt cho từng trẻ khuyết tật, tùy theo nhu cầu và khả năng của từng trẻ. Điểm số này thấp hơn so với các hình thức khác, có thể cho thấy hình thức giáo dục cá nhân chưa được thực hiện đầy đủ hoặc không đáp ứng đủ nhu cầu của trẻ khuyết tật.

*Hình thức giáo dục ngoài lớp học:* Điểm trung bình 3,78 (thứ bậc 3). Điểm số này cho thấy có sự thực hiện giáo dục ngoài lớp học, tức là trẻ khuyết tật cũng được tham gia vào các hoạt động giáo dục ngoại khóa hoặc hoạt động xã hội khác ngoài không gian lớp học.

*Hình thức hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài:* Điểm trung bình 3,60 (thứ bậc 4). Hình thức này đề cập đến việc hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài như nhân viên chuyên môn, chuyên gia giáo dục đặc biệt, nhóm hỗ trợ học tập, gia đình, tổ chức phi chính phủ, v.v. Điểm số này cho thấy sự có mặt và hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài, tuy nhiên, cần có sự nâng cao và tăng cường hơn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật.

Nhìn chung, có thể thấy rằng hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non đã được thực hiện tương đối tốt trong tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp và tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ. Tuy nhiên, các hình thức giáo dục cá nhân và giáo dục ngoài lớp học cần được cải thiện và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của trẻ khuyết tật.

Ngoài ra, việc hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài cũng cần được nâng cao để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật.

### 2.3.7. Thực trạng tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

Hiện nay trong các cơ sở giáo dục mầm non, chưa có hướng dẫn chi tiết về đánh giá trẻ khuyết tật mầm non, phần lớn các trường thực hiện đánh giá các khả năng và kỹ năng thể hiện sự phát triển về tâm thần vận động của trẻ như: Khả năng nhận thức, khả năng vận động, khả năng giao tiếp và ngôn ngữ, kỹ năng xã hội tình cảm, kỹ năng tự chăm sóc...

Trong nghiên cứu này chúng tôi xây dựng 5 item, các item được đánh giá theo thang đo 5 bậc về mức độ thường xuyên thực hiện. Kết quả như sau:

**Bảng 2.9: Thực trạng đánh giá trong GDHN TKT mầm non**

STT	Nội dung	Thực trạng đánh giá trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non						
		Rất TX	TX	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ	ĐTB	Thứ bậc
1	Kiểm tra, đánh giá kỹ năng nhận thức	256	218	98	35	65	3.84	1
2	Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động	211	218	140	88	15	3.78	2
3	Kiểm tra, đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ	126	226	150	100	70	3.35	3
4	Kiểm tra, đánh giá kỹ năng xã hội và tình cảm	77	56	102	199	238	2.31	5
5	Kiểm tra, đánh giá kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng	110	225	161	0	176	3.14	4

*Kiểm tra, đánh giá kỹ năng nhận thức:* Điểm trung bình là 3.84. Điểm số này cho thấy có sự quan tâm và nhận thức về khả năng nhận thức của trẻ khuyết tật mầm non. Tuy nhiên, không có thông tin cụ thể về nội dung và phương pháp kiểm tra được sử dụng. Điểm số cao cùng với thứ hạng 1 cho thấy có sự chú trọng vào việc đánh giá kỹ năng nhận thức.

*Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận động:* Điểm trung bình là 3,78. Điểm số này cho thấy trẻ khuyết tật mầm non được kiểm tra và đánh giá về khả năng vận động của mình. Tuy nhiên, không có thông tin cụ thể về nội dung và

phương pháp kiểm tra. Điểm số cao cùng với thứ hạng 2 cho thấy có sự quan tâm đến phát triển kỹ năng vận động của trẻ.

*Kiểm tra, đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ:* Điểm trung bình là 3,35. Điểm số này thấp hơn so với các kỹ năng khác, cho thấy trẻ khuyết tật mầm non gặp khó khăn trong việc giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ. Tuy không có thông tin cụ thể về nội dung và phương pháp kiểm tra, điểm số thấp có thể gợi ý rằng cần có sự hỗ trợ và đầu tư thêm vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ của trẻ.

*Kiểm tra, đánh giá kỹ năng xã hội và tình cảm:* Điểm trung bình là 2,31. Điểm số này là thấp nhất trong các kỹ năng được đánh giá, cho thấy trẻ khuyết tật mầm non gặp khó khăn trong việc phát triển kỹ năng xã hội và tình cảm. Th Xin lỗi vì sự gây hiểu lầm. Dưới đây là tiếp tục phân tích thực trạng kiểm tra đánh giá GDHN trẻ khuyết tật mầm non dựa trên thông tin đã được cung cấp:

*Kiểm tra, đánh giá kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng:* Điểm trung bình là 3,14. Điểm số này cho thấy trẻ khuyết tật mầm non được kiểm tra và đánh giá về khả năng tự chăm sóc và thích ứng của mình. Tuy không có thông tin cụ thể về nội dung và phương pháp kiểm tra, điểm số này cho thấy có một mức độ quan tâm đến phát triển kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng của trẻ.

Tổng quan, dựa trên số liệu phân tích cho thấy, có sự quan tâm đến việc kiểm tra và đánh giá các kỹ năng khác nhau của trẻ khuyết tật mầm non. Việc đánh giá này có thể giúp các giáo viên và nhà trường nhận biết những khía cạnh mà trẻ khuyết tật cần được hỗ trợ và phát triển để thích nghi tốt hơn trong môi trường giáo dục hòa nhập.

### **2.3.8. Thực trạng các điều kiện đáp ứng yêu cầu GDHN TKT tại các trường mầm non**

Thực trạng các điều kiện đáp ứng yêu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong các cơ sở giáo dục hiện nay gặp nhiều hạn chế.

*Cơ sở hạ tầng:* Được đánh giá là phù hợp với mức điểm 4,13 thứ bậc 1. Điều này cho thấy cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật tại trường mầm non trong việc hòa nhập và tham gia hoạt động giáo dục.

*Trang thiết bị:* Được đánh giá là khá phù hợp với mức điểm 4,06 thứ bậc 3. Tuy nhiên, có thể còn một số yếu điểm cần cải thiện để đảm bảo trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật tại trường mầm non.

*Đội ngũ giáo viên:* Được đánh giá là phù hợp với mức điểm 4,07 thứ bậc 2. Điều này cho thấy đội ngũ giáo viên có đủ chất lượng và kỹ năng để giảng dạy và chăm sóc trẻ mầm non trong môi trường giáo dục hòa nhập.

**Bảng 2.10. Đánh giá thực trạng CSVC, trang thiết bị trong GDHN TKT**

STT	Nội dung	Mức độ phù hợp của cơ sở vật chất, trang thiết bị trong giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hòa nhập						
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	ĐTB	Thứ bậc
1	(1) Về cơ sở hạ tầng	226	342	69	35	0	4.13	1.00
2	(2) Về trang thiết bị	215	340	70	36	11	4.06	3.00
3	(3) Về đội ngũ giáo viên	213	344	71	37	7	4.07	2.00
4	(4) Các lực lượng tham gia khác	101	107	212	122	130	2.89	4.00
6	<i>Nội dung khác (xin ghi rõ):</i>	0	0	0	0	0	-	

*Các lực lượng tham gia khác:* Được đánh giá là phù hợp với mức điểm 2,89 thứ bậc 4. Điểm số này không cao, cần cải thiện và tăng cường hơn về các lực lượng tham gia khác nhằm hỗ trợ công tác giáo dục, đảm bảo môi trường giáo dục hòa nhập tốt nhất cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non.

Nhìn chung, cơ sở vật chất trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non được đánh giá là phù hợp, với mức độ cao về cơ sở hạ tầng và đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên, trang thiết bị và các lực lượng tham gia khác có thể cần cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giáo dục của trẻ mầm non.

#### **2.4. Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội**

### ***2.4.1 Thực trạng tổ chức đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật hòa nhập tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội***

Thực trạng tổ chức đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật hòa nhập tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội được thực hiện như sau:

*Chỉ đạo đăng ký và thu thập thông tin* (ĐTB: 3,46, Thứ bậc: 1): Điểm số cao cho thấy có sự chỉ đạo tốt về việc đăng ký và thu thập thông tin về trẻ khuyết tật. Điều này cho phép các cơ quan quản lý và giáo dục có đầy đủ thông tin để đánh giá, lập kế hoạch và tiếp cận trẻ khuyết tật.

*Tổ chức đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp nhận* (ĐTB: 3,07, Thứ bậc: 5): Điểm số thấp cho thấy cần cải thiện trong việc tổ chức đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp nhận của trẻ khuyết tật. Điều này có thể gây khó khăn trong việc đưa ra quyết định về việc tiếp nhận và cung cấp dịch vụ phù hợp cho trẻ.

*Lập kế hoạch giáo dục và phân công giáo viên phụ trách* (ĐTB: 3,13, Thứ bậc: 4): Điểm số trung bình cho thấy có một mức độ lập kế hoạch giáo dục và phân công giáo viên phụ trách. Tuy nhiên, cần nâng cao khả năng lập kế hoạch giáo dục để đảm bảo rằng các giáo viên được phân công có đủ kỹ năng và kiến thức để hỗ trợ trẻ khuyết tật trong quá trình học tập.

*Tạo môi trường học tập phù hợp* (ĐTB: 3,36, Thứ bậc: 3): Điểm số trung bình cho thấy đã có những nỗ lực để tạo ra môi trường học tập phù hợp cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục cải thiện để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các trẻ khuyết tật và đảm bảo rằng họ có môi trường thuận lợi để học tập và phát triển.

*Tổ chức liên lạc và hợp tác với phụ huynh* (ĐTB: 3,46, Thứ bậc: 2): Điểm số cao cho thấy đã có sự tổ chức liên lạc và hợp tác tốt với phụ huynh. Điều này rất quan trọng để đảm bảo sự hỗ trợ tối đa cho trẻ khuyết tật. Việc thiết lập một kênh giao tiếp liên tục và cung cấp thông tin về tiến trình học tập và phát

triển của trẻ giúp phụ huynh tham gia và đóng góp vào quá trình giáo dục của con em mình.

*Chỉ đạo đánh giá và theo dõi tiến trình* (ĐTB: 3,05, Thứ bậc: 6): Điểm số thấp cho thấy cần cải thiện trong việc chỉ đạo đánh giá và theo dõi tiến trình học tập của trẻ khuyết tật. Việc đánh giá và theo dõi đúng cách sẽ giúp nhận biết những khó khăn và tiến bộ của trẻ, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy và hỗ trợ phù hợp.

*Bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên* (ĐTB: 3,02, Thứ bậc: 7): Điểm số thấp cho thấy cần cải thiện trong việc bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên. Để đảm bảo học hòa nhập cho trẻ khuyết tật, giáo viên cần được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy phù hợp. Việc bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên giúp nâng cao năng lực của họ trong việc giảng dạy và tương tác với trẻ khuyết tật.

**Bảng 2.11 Thực trạng quản lý đánh giá khi tiếp nhận TKT**

STT	Nội dung	Thực trạng quản lý đánh giá khi tiếp nhận TKT trong giáo dục hòa nhập						
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ	ĐTB	Thứ bậc
1	Chỉ đạo đăng ký và thu thập thông tin;	126	276	112	99	59	<b>3.46</b>	1
2	Tổ chức đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp nhận;	156	127	131	126	132	<b>3.07</b>	5
3	Lập kế hoạch giáo dục và phân công giáo viên phụ trách;	166	125	134	126	121	<b>3.13</b>	4
4	Tạo môi trường học tập phù hợp;	201	111	135	176	49	<b>3.36</b>	3
5	Tổ chức liên lạc và hợp tác với phụ huynh;	196	107	212	122	35	<b>3.46</b>	2
6	Chỉ đạo đánh giá và theo dõi tiến trình;	126	108	213	123	102	<b>3.05</b>	6
7	Bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên;	119	109	214	124	106	<b>3.02</b>	7

Tóm lại, trong thực trạng đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật hòa nhập, có

những khía cạnh đã đạt điểm tốt như chỉ đạo đăng ký và thu thập thông tin, tổ chức liên lạc và hợp tác với phụ huynh. Tuy nhiên, còn cần cải thiện việc tổ chức đánh giá nhu cầu của trẻ và đánh giá khả năng đáp ứng của cơ sở giáo dục mầm non.

#### **2.4.2. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Để đánh giá thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, chúng tôi đã tiến hành khảo sát hai nội dung chính đó là tổ chức xây dựng mục tiêu giáo dục và tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục. Kết quả như sau:

+ *Thực trạng tổ chức xây dựng mục tiêu giáo dục.*

Để có được bức tranh thực trạng xây dựng mục tiêu giáo dục, chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu khảo sát về thực trạng tổ chức xây dựng mục tiêu gồm 4 item liên quan đến các mục tiêu chung trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non bao gồm:

**Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng văn hóa:** Đạt trình độ phát triển tối đa so với khả năng của trẻ trong cùng thời gian và môi trường giáo dục;

**Mục tiêu về kỹ năng xã hội:** Được trang bị những kiến thức và kỹ năng xã hội như trẻ không khuyết tật ở cùng độ tuổi, có điều chỉnh cho phù hợp;

**Mục tiêu về phục hồi chức năng:** Cải thiện tình trạng suy giảm chức năng do khuyết tật gây nên đồng thời phát huy tối đa những chức năng còn lại;

**Mục tiêu về giáo dục tự phục vụ, lao động:** Phát huy tối đa khả năng tự phục vụ của trẻ trong các hoạt động sống, sinh hoạt, học tập hàng ngày..

Các nội dung này sau khi khảo sát theo thang đo 5 bậc đánh giá về việc thực hiện (từ có thực hiện đến không thực hiện), kết quả phân tích như sau: Đối với việc tổ chức xây dựng mục tiêu phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa phù hợp với lứa tuổi đạt điểm đánh giá 3,29; Về kỹ năng xã hội đạt phát triển phù hợp với lứa tuổi đạt điểm đánh giá 3,47; Về phục hồi chức năng đạt điểm đánh giá phù hợp với lứa tuổi đạt điểm đánh giá 3,44; Về giáo dục tự phục vụ, lao

động phù hợp với lứa tuổi đạt điểm đánh giá 2,83.

**Bảng 2.12. Đánh giá thực trạng xây dựng mục tiêu giáo dục**

ST T	Nội dung	Đánh giá thực trạng tổ chức xây dựng mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hòa nhập					
		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ
1	Về kiến thức, kỹ năng văn hóa: Đạt trình độ phát triển tối đa so với khả năng của trẻ trong cùng thời gian và môi trường giáo dục phổ thông.	212	124	111	100	125	<b>3.29</b>
2	Về kỹ năng xã hội: Được trang bị những kiến thức và kỹ năng xã hội như trẻ bình thường ở cùng độ tuổi, có điều chỉnh cho phù hợp.	131	288	88	96	69	<b>3.47</b>
3	Phục hồi chức năng: Cải thiện tình trạng suy giảm chức năng do khuyết tật gây nên đồng thời phát huy tối đa những chức năng còn lại.	127	289	89	87	80	<b>3.44</b>
4	Giáo dục tự phục vụ, lao động: Phát huy tối đa khả năng tự phục vụ của trẻ trong các hoạt động sống, sinh hoạt, học tập hàng ngày.	67	145	215	100	145	<b>2.83</b>

Đánh giá về việc tổ chức xây dựng mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho thấy, phần lớn các cơ sở giáo dục có tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, mức độ đánh giá đạt chỉ ở mức trung bình (điểm trung bình dưới 3.8).

Ngoài ra, bên cạnh các mục tiêu chính này là các mục tiêu nhỏ được tổ chức xây dựng, mức độ đánh giá cũng đạt mức khá (bảng ...)

+ *Thực trạng tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập TKT*

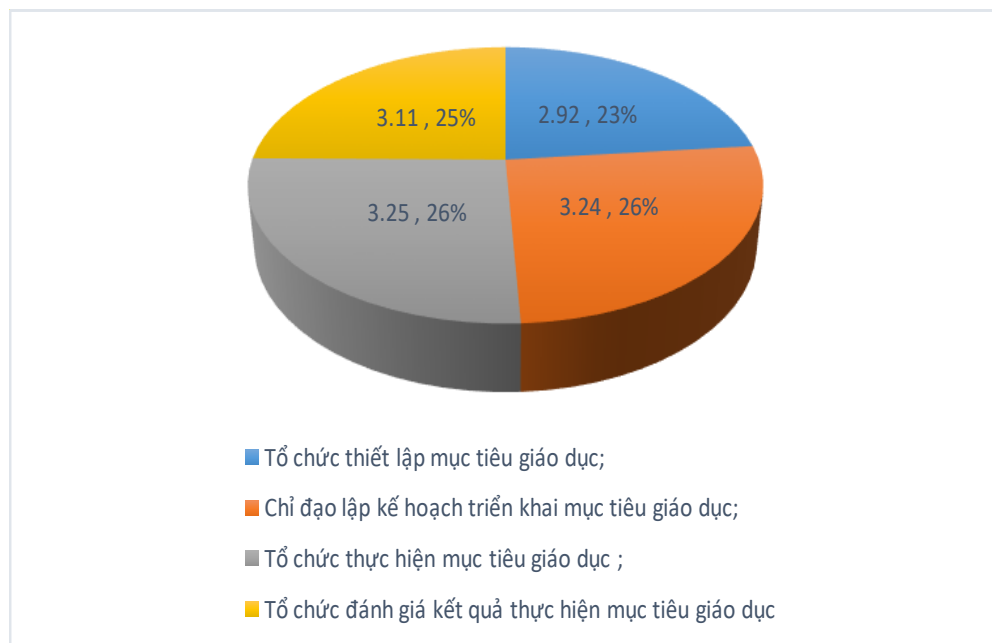
Để đánh giá kết quả thực trạng tổ chức thực hiện mục tiêu, phiếu khảo sát được xây dựng gồm 4 item gồm: Tổ chức thiết lập mục tiêu giáo dục; Chỉ đạo lập kế hoạch triển khai mục tiêu giáo dục; Tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục; Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục.

Kết quả đánh giá mức độ đạt trong thực hiện cho thấy, về cơ bản, các cơ sở giáo dục đã tuân thủ các bước trong tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục



tuy nhiên, theo đánh giá của CBQL, GV về các mức độ thực hiện từ rất đạt đến rất không đạt theo thang đo 5 bậc cho thấy Việc Tổ chức thiết lập mục tiêu giáo dục được đánh giá là có thực hiện nhưng chưa đạt, còn nhiều nội dung giáo dục chưa thể hiện trong mục tiêu (2,92); Chỉ đạo lập kế hoạch triển khai mục tiêu giáo dục là bước được đánh giá thực hiện ở mức độ khá đạt (3,24); Tiếp theo là đánh giá về việc tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục (3,25) ; Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục (3,11).

Xem xét việc tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục cho thấy, về cơ bản các cơ sở giáo dục có tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục. Mức độ đánh giá về hiệu quả tổ chức đạt mức trung bình (dưới 3,8) trong đó phần thiết lập mục tiêu giáo dục thể hiện trong chương trình giáo dục bị đánh giá ở mức độ thấp nhất, 2,92



**Biểu đồ 2.6. Thực trạng thực hiện mục tiêu GDHN TKT tại các trường mầm non**

### ***2.4.3. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Để đánh giá thực trạng quản lý thực hiện nội dung giáo dục trẻ khuyết tật theo hương hòa nhập chúng tôi đánh giá hai nội dung quản lý chính đó là tổ

chức xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hội nhập. Các nội dung đánh giá được thực hiện theo thang đo 5 bậc theo mức độ tăng dần từ 1-5

+ *Thực trạng tổ chức xây dựng nội dung giáo dục*

Các nội dung giáo dục nhằm đạt được một số mục tiêu chính. Trong phần này, đánh giá theo thang đo 5 bậc về mức độ đạt trong tổ chức xây dựng các nội dung giáo dục trên cơ sở bám sát mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong đó (1 là mức độ đánh giá cao nhất, 5 là mức độ đánh giá thấp nhất). Kết quả phân tích phiếu khảo sát cho thấy việc tổ chức xây dựng các nội dung giáo dục nhu cầu đặc biệt cho trẻ mầm non theo độ tuổi được các trường thực hiện tương đối tốt với mức độ đánh giá điểm trung bình đạt 4,24. Nội dung thứ hai được quan tâm xây dựng nhằm đạt được mục tiêu về kiến thức kỹ năng văn hóa trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non 3,77. Nội dung giáo dục thứ ba được quan tâm đó là nội dung phát triển khả năng lao động cho trẻ như một trẻ không khuyết tật đạt 3,68; Nội dung với mục tiêu phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu đặc biệt được đánh giá mức độ đạt 3,66. Đây cũng là nội dung có mức độ đánh giá thấp nhất trong quá trình tổ chức xây dựng các nội dung giáo dục nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục hòa nhập cho khuyết tật tại các trường mầm non.

Phỏng vấn thêm cán bộ quản lý về lý do gì mà nội dung này được đánh giá ở mức độ đạt thấp nhất cho thấy, trong môi trường giáo dục hòa nhập, việc phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu đặc biệt sẽ khó hơn trong môi trường giáo dục chuyên biệt. Hơn nữa, ngoài việc đảm bảo chương trình giáo dục cần phải có phục hồi chức năng tâm sinh lý cho trẻ nên đòi hỏi phải có sự đầu tư chuyên sâu hơn thì mới đạt được hiệu quả mong muốn do vậy nội dung này mặc dù chưa thực sự được quan tâm nhiều nhưng cũng không bị bỏ qua trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

**Bảng 2.13. Thực trạng tổ chức xây dựng mục tiêu giáo dục cụ thể**

STT	Nội dung	Đánh giá thực trạng tổ chức xây dựng nội dung Giáo dục hòa nhập TKT						Thứ bậc
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	ĐTB	
1	Giáo dục nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi	388	121	102	61	0	4.24	4.00
2	Giáo dục kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt	123	356	112	78	3	3.77	3.00
3	Phát triển khả năng lao động cho trẻ như trẻ không khuyết tật	98	357	123	90	4	3.68	2.00
4	Phục hồi chức năng cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt	78	377	131	80	6	3.66	1.00

+ *Thực trạng tổ chức thực hiện nội dung giáo dục*

Để xem xét thực trạng tổ chức thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập cho khuyết tật tại các trường mầm non, chúng tôi đã thiết kế phiếu khảo sát với 9 item cụ thể trong đó bao gồm: Quản lý đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ; Xác định mục tiêu giáo dục; Lập kế hoạch giáo dục cá nhân; Tổ chức phương pháp giảng dạy; Chỉ đạo điều chỉnh và đánh giá tiến trình; Tạo môi trường học tập hòa nhập; Đào tạo và hỗ trợ giáo viên; Hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá; Tương tác và hỗ trợ gia đình. Các item được đo hiệu quả thực hiện theo thang đo 5 bậc

Dựa trên bảng điểm đánh giá trên, dưới đây là đánh giá về thực trạng tổ chức thực hiện nội dung GDHN TKT tại trường MN cụ thể như sau:

Kết quả đánh giá việc quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội như sau:

Nội dung 1: Đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ (Điểm trung bình: 3,32, Thứ bậc: 1) Điểm trung bình khá cao, cho thấy các trường mầm non có đã tổ chức đánh giá tốt nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật một cách tương đối tốt. Điểm đánh giá cao cũng cho thấy trường có khả năng nhận biết các nhu cầu riêng của từng trẻ khuyết tật để đáp ứng một cách hiệu quả.

Nội dung 2: Xác định mục tiêu giáo dục (Điểm trung bình: 3,10, Thứ bậc: 2). Điểm trung bình cho thấy các trường mầm non đã thực hiện tốt việc tổ chức xác định mục tiêu giáo dục cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, điểm này còn có thể cải thiện để đảm bảo rằng mục tiêu đó phù hợp với khả năng của từng trẻ.

Nội dung 3: Lập kế hoạch giáo dục cá nhân (Điểm trung bình: 2,86, Thứ bậc: 6) Điểm trung bình thấp hơn so với các mục khác, kết quả này cho thấy các trường mầm non cần cải thiện trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật, cần tăng cường việc tạo ra các kế hoạch cụ thể, cá nhân hóa để đáp ứng nhu cầu riêng của từng trẻ.

Nội dung 4: Tổ chức phương pháp giảng dạy (Điểm trung bình: 3,00, Thứ bậc: 3). Kết quả đánh giá trên cho thấy các trường đã có khả năng tổ chức phương pháp giảng dạy cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, cần tiếp tục nâng cao và phát triển các phương pháp giảng dạy hòa nhập để đảm bảo rằng trẻ được hưởng lợi tối đa từ quá trình học.

Nội dung 5: Chỉ đạo điều chỉnh và đánh giá tiến trình (Điểm trung bình: 2,70, Thứ bậc: 9) Điểm trung bình thấp, cho thấy các trường cần cải thiện trong việc chỉ đạo, điều chỉnh và đánh giá tiến trình học của trẻ khuyết tật. Cần tăng cường quá trình theo dõi và đánh giá để có thể điều chỉnh phù hợp và đảm bảo tiến bộ của trẻ.

Nội dung 6: Tạo môi trường học tập hòa nhập (Điểm trung bình: 2,72, Thứ bậc: 8). Kết quả đánh giá điểm trung bình thấp, cho thấy các trường cần cải thiện trong việc quản lý tạo môi trường học tập hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Cần tạo ra một môi trường thân thiện, đáng tin cậy và hỗ trợ để trẻ có thể tham gia vào hoạt động học tập cùng với các bạn cùng trang lứa.

Nội dung 7: Đào tạo và hỗ trợ giáo viên (Điểm trung bình: 2,80, Thứ bậc: 7). Kết quả điểm số cho thấy các trường đã tổ chức thực hiện đầu tư vào đào tạo và hỗ trợ giáo viên. Tuy nhiên, cần tiếp tục cung cấp các khóa đào tạo và hỗ trợ liên tục để giáo viên có đủ kỹ năng và kiến thức để quản lý giáo dục hòa

nhập cho trẻ khuyết tật.

Nội dung 8: Hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá (Điểm trung bình: 2,96, Thứ bậc: 4). Kết quả đánh giá cho thấy các trường đã tổ chức hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá tiến trình học tập của trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, cần tăng cường việc hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá chính xác và đáng tin cậy tiến trình học tập của trẻ.

Nội dung 9: Tương tác và hỗ trợ gia đình (Điểm trung bình: 2,92, Thứ bậc: 5). Kết quả này cho thấy các trường đã tổ chức hiện tốt việc tương tác và hỗ trợ gia đình của trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, cần tiếp tục tăng cường tương tác và hỗ trợ gia đình để đảm bảo sự hợp tác hiệu quả giữa trường và gia đình trong việc quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ.

Từ sơ đồ 2.5 thể hiện kết quả phân tích đánh giá thực trạng quản lý nội dung GDHN TKT tại các trường MN trên địa bàn TP Hà Nội cho thấy: Việc quản lý nội dung giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non đã đạt được một số kết quả tích cực như đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ, xác định mục tiêu giáo dục và tổ chức phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, vẫn còn những khía cạnh cần cải thiện như lập kế hoạch giáo dục cá nhân, chỉ đạo điều chỉnh và đánh giá tiến trình, tạo môi trường học tập hòa nhập, đào tạo và hỗ trợ giáo viên, hướng dẫn giáo viên theo dõi và đánh giá, cũng như tương tác và hỗ trợ gia đình.

Để nâng cao chất lượng quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, trường mầm non có thể thực hiện các biện pháp sau:

Đẩy mạnh đào tạo và hỗ trợ cho giáo viên: Cung cấp các khóa đào tạo liên quan đến giáo dục hòa nhập và trẻ khuyết tật. Đồng thời, cung cấp sự hỗ trợ liên tục và tư vấn cho giáo viên để họ có đủ kỹ năng và kiến thức để đáp ứng nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật.

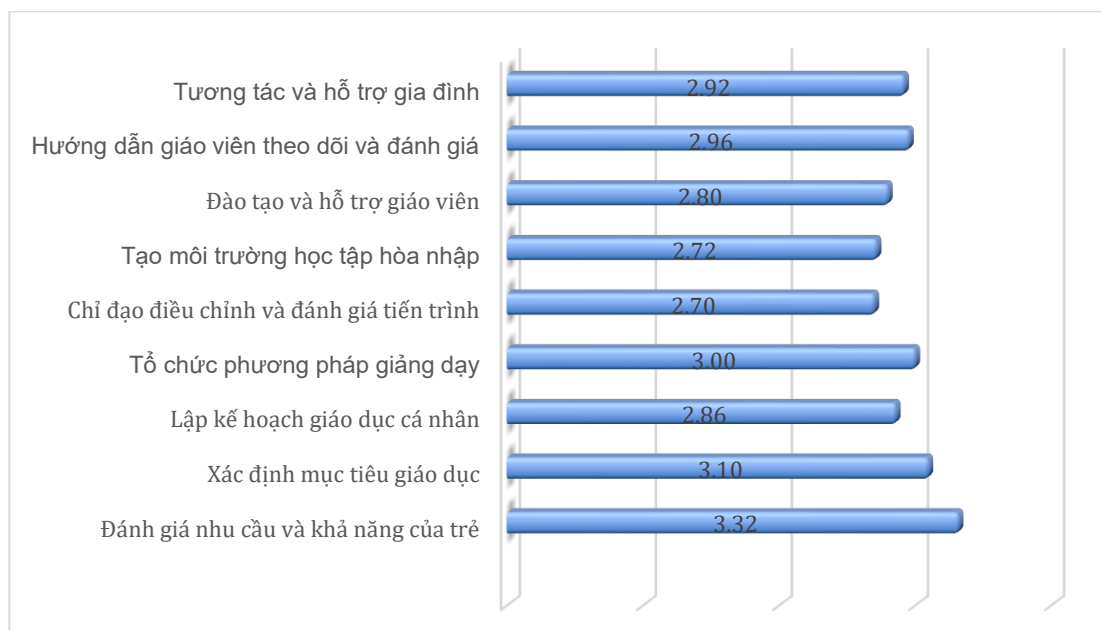
Tăng cường lập kế hoạch giáo dục cá nhân: Xây dựng kế hoạch giáo dục

cá nhân cho từng trẻ khuyết tật, tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu và khả năng riêng của từng trẻ. Kế hoạch này nên được cập nhật và đánh giá định kỳ để đảm bảo tiến bộ của trẻ.

**Tạo môi trường học tập hòa nhập:** Xây dựng môi trường học tập thân thiện, đáng tin cậy và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật. Cung cấp các tài liệu, vật liệu học tập phù hợp và đảm bảo truy cập dễ dàng cho trẻ. Đồng thời, khuyến khích sự tương tác và hợp tác giữa trẻ khuyết tật và các bạn cùng trang lứa.

**Đẩy mạnh chỉ đạo và đánh giá tiến trình:** Cung cấp sự chỉ đạo và hỗ trợ cho giáo viên trong việc theo dõi và đánh giá tiến trình học tập của trẻ khuyết tật. Đảm bảo rằng quá trình đánh giá được thực hiện chính xác và đáng tin cậy để điều chỉnh phù hợp và đảm bảo tiến bộ của trẻ.

**Tương tác và hỗ trợ gia đình:** Tăng cường tương tác và hỗ trợ gia đình của trẻ khuyết tật. Cung cấp thông tin, hướng dẫn và tư vấn cho gia đình về việc hỗ trợ trẻ trong quá trình học tập và phát triển. Xây dựng một môi trường hợp tác giữa trường và gia đình để đảm bảo việc quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ được thực hiện một cách hiệu quả.



**Biểu đồ 2.7. Thực trạng tổ chức thực hiện nội dung GDHN TKT tại các**

*trường mầm non*

**2.4.4. Thực trạng quản lý triển khai phương pháp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Để đánh giá thực trạng quản lý triển khai phương pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Trường MN, chúng tôi đã tiến hành đánh giá hiệu quả quản lý trên 6 phương pháp chính, kết quả đánh giá cụ thể như sau:

*Tổ chức thực hiện phương pháp dạy học tích cực* (ĐTB: 4,28, Thứ bậc: 1): Phương pháp này được đánh giá là có hiệu quả quản lý cao nhất với điểm trung bình là 4,28 và xếp hạng đầu tiên. Điều này cho thấy tổ chức đã thành công trong việc quản lý quá trình thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bao gồm việc tạo ra môi trường học tập tích cực, quản lý thời gian và tài nguyên, cung cấp hỗ trợ và động viên cho giáo viên và học sinh.

*Tổ chức thực hiện phương pháp học tập theo tình huống* (ĐTB: 3,83, Thứ bậc: 2): Phương pháp học tập theo tình huống đạt điểm trung bình là 3,83 và xếp hạng thứ hai. Điều này cho thấy tổ chức đã có sự quản lý tốt trong việc tạo ra các tình huống học tập thực tế và thách thức, cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong việc giải quyết các tình huống đó.

*Tổ chức thực hiện phương pháp giáo dục hỗ trợ* (ĐTB: 3,81, Thứ bậc: 3): Phương pháp giáo dục hỗ trợ đạt điểm trung bình là 3,81 và xếp hạng thứ ba. Điều này cho thấy tổ chức đã có sự quản lý tốt trong việc cung cấp hỗ trợ, hướng dẫn và tài liệu bổ sung cho học sinh có khó khăn hơn trong việc tiếp cận kiến thức.

*Tổ chức thực hiện phương pháp học tập qua chơi* (ĐTB: 3,77, Thứ bậc: 4): Phương pháp học tập qua chơi đạt điểm trung bình là 3,77 và xếp hạng thứ tư. Điều này cho thấy tổ chức đã có sự quản lý tốt trong việc tích hợp hoạt động chơi vào quá trình học tập, tạo ra môi trường học tập thú vị và khuyến khích sự tương tác và tham gia của học sinh.

*Tổ chức triển khai phương pháp học tập dựa trên hình ảnh* (ĐTB: 3,58, Thứ bậc: 5): Phương pháp học tập dựa trên hình ảnh đạt điểm trung bình là 3,58

và xếp hạng thứ năm. Điều này cho thấy tổ chức đã có sự quản lý trong việc sử dụng hình ảnh và đồ họa để tăng cường trực quan hóa và thị giác hóa trong quá trình học tập.

*Tổ chức triển khai phương pháp giáo dục cá nhân hóa* (ĐTB: 3,22, Thứ bậc: 6): Phương pháp giáo dục cá nhân hóa đạt điểm trung bình là 3,22 và xếp hạng thứ sáu. Điều này cho thấy tổ chức cần cải thiện quản lý để đảm bảo sự hỗ trợ và đáp ứng cá nhân hóa tốt hơn cho từng học sinh.

**Bảng 2.14. Thực trạng quản lý triển khai phương pháp GDHN TKT tại các trường mầm non**

STT	Nội dung	Đánh giá việc tổ chức thực hiện phương thức giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hòa nhập						ĐTB	Thứ bậc
		Rất hiệu quả	hiệu quả	Bình thường	ít hiệu quả	Không hiệu quả			
1	Tổ chức thực hiện phương pháp dạy học tích cực	362	166	112	32	0	<b>4.28</b>	1	
2	Tổ chức thực hiện phương pháp học tập theo tình huống	172	322	108	34	36	<b>3.83</b>	2	
3	Tổ chức thực hiện phương pháp học tập tích cực qua chơi	119	366	125	37	25	<b>3.77</b>	4	
4	Tổ chức triển khai phương pháp học tập dựa trên hình ảnh	135	288	123	85	41	<b>3.58</b>	5	
5	Tổ chức triển khai phương pháp giáo dục cá nhân hóa	171	99	112	290	0	<b>3.22</b>	6	
6	Tổ chức triển khai phương pháp giáo dục hỗ trợ	122	369	128	40	13	<b>3.81</b>	3	

Tóm lại, trong tổ chức các phương pháp giảng dạy việc tổ chức thực hiện phương pháp dạy học tích cực có hiệu quả quản lý cao nhất, trong khi tổ chức triển khai phương pháp giáo dục cá nhân hóa có hiệu quả quản lý thấp nhất. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả quản lý còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm sự tham gia và hỗ trợ của giáo viên, tài nguyên và cơ sở vật chất, động lực và tương tác của học sinh, và sự đổi mới và cải tiến liên tục trong quá trình dạy học.



#### **2.4.5. Thực trạng quản lý triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Để đánh giá thực trạng quản lý triển khai hình thức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Trường MN, chúng tôi đã tiến hành đánh giá hiệu quả quản lý trên 5 hình thức chính, kết quả đánh giá cụ thể như sau:

**Bảng 2.15. Thực trạng quản lý triển khai hình thức GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

STT	Nội dung	Đánh giá việc hiệu quả thực hiện phương thức giáo dục hòa nhập cho TKT mầm non						
		Rất hiệu	hiệu quả	Bình thường	ít hiệu	Không hiệu	ĐTB	Thứ bậc
1	Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp	56	65	123	85	343	2.12	5
2	Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ	66	99	112	387	8	2.74	3
3	Giáo dục cá nhân	87	68	149	101	267	2.42	4
4	Giáo dục ngoài lớp học	135	288	125	37	87	3.52	2
5	Hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài	119	334	123	85	11	3.69	1

Tổ chức giáo dục theo nhóm lớn/cả trường, lớp: Điểm đánh giá 2,12, thứ bậc 5. Mức độ đánh giá này thấp nhất cho thấy có thể có những hạn chế trong việc tổ chức giáo dục cho trẻ khuyết tật trong môi trường lớn. Có thể cần cải thiện việc cung cấp sự hỗ trợ và quan tâm đúng mức cho trẻ khuyết tật trong môi trường này. Điều này có thể bao gồm việc đảm bảo sự tham gia tích cực của trẻ trong các hoạt động giáo dục và đào tạo thêm cho giáo viên để họ có thể đáp ứng tốt hơn với nhu cầu đa dạng của trẻ khuyết tật.

Tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ: Điểm đánh giá 2,74, thứ bậc 3, điểm đánh giá mức độ hiệu quả trong quản lý đạt mức trung bình cho thấy cần cải thiện việc tổ chức giáo dục trong nhóm nhỏ cho trẻ khuyết tật. Cần tạo ra môi trường học tập nhóm nhỏ thuận lợi và đảm bảo sự tham gia tích cực của trẻ. Đồng thời, cần đào tạo và hỗ trợ giáo viên để họ có thể cung cấp hỗ trợ phù hợp và đáp ứng nhu cầu riêng của từng trẻ khuyết tật.

Giáo dục cá nhân: Điểm đánh giá 2,42, thứ bậc 4, điểm đánh giá thấp

cho thấy cần cải thiện việc giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật. Cần áp dụng các phương pháp giáo dục phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi để khai thác và phát triển các năng lực của từng trẻ. Đồng thời, cần hỗ trợ giáo viên và nguồn lực phụ trợ để đạt hiệu quả tốt hơn trong việc giáo dục cá nhân.

Giáo dục ngoài lớp học: Điểm đánh giá 3,52, thứ bậc 2 cho thấy hình thức giáo dục ngoài lớp học được đánh giá khá cao cho thấy việc triển khai giáo dục ngoài lớp học đạt hiệu quả tương đối tốt. Điều này có thể bao gồm các hoạt động giáo dục và hỗ trợ diễn ra bên ngoài lớp học, như các buổi tập huấn, chuyên gia và nguồn lực bên ngoài đến hỗ trợ trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục nỗ lực để đảm bảo rằng các hoạt động ngoại khóa này đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của trẻ khuyết tật.

Với hình thức hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài: Điểm đánh giá 3.69, xếp thứ bậc 1 cho thấy hầu hết các cơ sở giáo dục đều có sự hỗ trợ từ các chuyên gia và nguồn lực bên ngoài đạt hiệu quả tương đối tốt. Điều này có thể bao gồm sự hỗ trợ từ những chuyên gia về giáo dục đặc biệt, nhân viên tư vấn, đội ngũ chuyên viên hỗ trợ và các tổ chức phi chính phủ. Điểm đánh giá này cho thấy sự đánh giá cao về việc sử dụng và tận dụng các nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

Tuy nhiên, để đánh giá tổng thể hiệu quả quản lý việc triển khai hình thức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, cần xem xét đồng thời cả các yếu tố trên và sự tiến bộ, phát triển của học sinh trẻ khuyết tật. Đánh giá hiệu quả quản lý cũng cần xem xét sự hài lòng của gia đình và cộng đồng, sự đáp ứng và hỗ trợ từ phía nhà trường và giáo viên.

#### ***2.4.6. Thực trạng Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Để đánh giá thực trạng Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, đề tài đã đưa ra một số nội dung đánh giá trong đó bao gồm: đánh giá khả năng nhận thức, đánh giá kỹ năng vận động, đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và tình cảm, kỹ năng

tự chăm sóc và thích ứng. Các kỹ năng này được xem xét mức độ tổ chức thực hiện đánh giá cho học sinh như thế nào. Các nội dung đánh giá về quản lý được xem xét bao gồm tổ chức xây dựng kế hoạch đánh giá, tổ chức đánh giá, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức đánh giá GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

Đánh giá trên cho thấy, cơ bản các nội dung đánh giá đều được thực hiện đầy đủ ở các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, mỗi nội dung đánh giá được thực hiện ở một mức độ khác nhau. Cơ bản các cơ sở giáo dục quan tâm tới việc đánh giá kỹ năng vận động, kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ, kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng của học sinh, cuối cùng mới đến khả năng nhận thức và kỹ năng xã hội tình cảm. Trong các kỹ năng trên nội dung đánh giá về kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ được tổ chức thực hiện ở mức độ đánh giá cao nhất 4,08, các kỹ năng còn lại ở mức độ thấp hơn từ 3,52 đến 3,99.

**Bảng 2.16. Thực trạng thực hiện các nội dung đánh giá trong GDHN TKT**

STT	Nội dung	Đánh giá tần suất thực hiện các nội dung đánh giá						
		Rất TX	TX	Thình thoảng	Ít khi	Chưa bao giờ	ĐTB	Thứ bậc
1	(1) Khả năng nhận thức	152	212	207	33	68	<b>3.52</b>	<b>5</b>
2	(2) Kỹ năng vận động	224	213	157	34	44	<b>3.8</b>	<b>3</b>
3	(3) Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ	265	232	158	0	17	<b>4.08</b>	<b>1</b>
4	(4) Kỹ năng xã hội và tình cảm	216	209	159	47	41	<b>3.76</b>	<b>4</b>
5	(5) Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng	255	233	128	37	19	<b>3.99</b>	<b>2</b>

Về cơ bản có thể thấy, các cơ sở giáo dục ý thức được tầm quan trọng của đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cũng đã xác định được các nội dung chính trong thực hiện đánh giá cho học sinh, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chưa thực sự đạt hiệu quả. Cơ bản các trường vẫn chưa

sát sao với việc tổ chức đánh giá các kỹ năng cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong giáo dục hòa nhập.

*- Thực trạng kết quả quản lý đánh giá kết quả GDHN TKT tại các trường mầm non*

Đánh giá về hiệu quả quản lý kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập (GDHN) cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho thấy, về cơ bản, mức độ đánh giá chỉ đạt mức trung bình khá.

Cụ thể, việc tổ chức rà soát hệ thống tiêu chí đánh giá được thực hiện ở mức độ thấp với điểm trung bình là 2,93, có sự thiếu sót trong việc thiết lập các tiêu chí phù hợp và đầy đủ. Việc lập kế hoạch đánh giá đạt điểm trung bình cao nhất là 3,93, chứng tỏ các trường có chú trọng hơn vào việc lập kế hoạch nhưng vẫn còn nhiều điểm cần cải thiện để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của trẻ khuyết tật. Việc chỉ đạo công tác kiểm tra đánh giá đạt điểm trung bình là 3,62, cho thấy sự nỗ lực trong việc chỉ đạo nhưng vẫn chưa đủ mạnh để tạo ra những thay đổi cần thiết. Đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra đánh giá đạt điểm trung bình thấp nhất là 2,63, điều này phản ánh rằng công tác kiểm tra và đánh giá chưa thực sự hiệu quả và chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra.

Phân tích tổng quan cho thấy, các trường mầm non chưa thực sự chú trọng vào việc kiểm tra và đánh giá kết quả GDHN cho trẻ khuyết tật. Nhiều tiêu chí đánh giá hiện tại chưa thực sự phù hợp với trẻ khuyết tật trong môi trường giáo dục hòa nhập, do đó khó có thể đánh giá được hiệu quả giáo dục trên từng trẻ một cách chính xác và toàn diện. Việc thiếu sự chú trọng này có thể dẫn đến việc không đạt được các mục tiêu giáo dục đề ra cho trẻ khuyết tật, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển và hòa nhập của trẻ. đánh giá đạt 3,62 và cuối cùng là chỉ đạo kiểm tra đánh giá đạt mức độ 2,63

***2.4.7. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Để tổ chức đánh giá việc quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non chúng tôi tập trung vào đánh giá các nội

dung sau: về cơ sở hạ tầng, về vật chất thiết bị, về đội ngũ giáo viên, về các lực lượng tham gia khác. Kết quả đánh giá như sau:

+ *Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị*

Các cơ sở giáo dục đã tổ chức quản lý các điều kiện đảm bảo phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tương đối tốt. Từ việc lập kế hoạch thực hiện triển khai mua sắm phân bổ sử dụng đến bảo hành bảo trì đều được đánh giá mức độ đạt từ từ 4,14 đến 4,20.

Trong đó cơ sở vật chất được đánh giá ở mức độ đảm bảo cao nhất với 312 phiếu, khoảng 46% đánh giá xác định đánh giá ở đáp ứng 17 phiếu đánh giá ở mức độ 5. Điều này cho thấy khâu quản lý đã được thực hiện tốt ở các trường. Tuy nhiên, kết quả đánh giá về hiệu quả quản lý chưa cao

Thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý giáo viên về lý do tại sao hiệu quả chưa cao thì cơ bản cho thấy hiện nay Nhà nước đã có hướng dẫn trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tuy nhiên chưa có các hướng dẫn cũng như hỗ trợ cụ thể cho các cơ sở giáo dục trong phát triển cơ sở vật chất đội ngũ thiết bị phục vụ giáo dục hòa nhập cho khuyết tật tại các trường mầm non điều này dẫn đến hiệu quả giáo dục chưa cao.

**Bảng 2.17. Thực trạng quản lý CSVC, trang thiết bị trong GDHN TKT**

STT	Nội dung	Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật						
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	ĐTB	Thứ bậc
		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng		
1	Về cơ sở hạ tầng	312	252	56	35	17	<b>4,20</b>	<b>2</b>
2	Về trang thiết bị	301	241	67	52	11	<b>4,14</b>	<b>3</b>
3	Về đội ngũ giáo viên	312	287	33	21	19	<b>4,27</b>	<b>1</b>
4	Các lực lượng tham gia khác	287	211	98	76	0	<b>4,06</b>	<b>4</b>
6	<i>Nội dung khác (xin ghi rõ):</i>	0	0	0	0	0	-	

+ *Thực trạng quản lý phát triển đội ngũ*

Về thực trạng xây dựng nội dung quản lý đội ngũ giáo viên chúng tôi tiến hành thăm dò gồm 5 item cụ thể bao gồm các nội dung sau: *Nội dung đánh giá năng lực đội ngũ, xây dựng cơ chế chính sách phát triển đội ngũ, lập kế hoạch phát triển đội ngũ, tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đánh giá kết quả bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về giáo dục hòa nhập cho khuyết tật tại các trường mầm non.*

Trong đó nội dung tổ chức bồi dưỡng Đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức điểm trung bình là 4,06; thấp nhất là lập kế hoạch phát triển đội ngũ Đạt 2,98. Các nội dung còn lại được đánh giá ở mức điểm 3,01 đến 3,89

Kết quả đánh giá trên cho thấy các nội dung quản lý phát triển đội ngũ giáo viên dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được đánh giá ở mức độ phù hợp, mức đánh giá cao thứ hai trong khung đánh giá

Để đánh giá hiệu quả phát triển đội ngũ, chúng tôi tiến hành thăm dò các đánh giá trên 5 nội dung đã được xây dựng. Kết quả đánh giá như sau:

Cơ bản các cơ sở giáo dục mầm non đã tổ chức rà soát đánh giá năng lực GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho đội ngũ giáo viên, kết quả đánh giá cũng đã được sự quan tâm 2,96; tiếp theo là xây dựng mục tiêu phát triển đội ngũ 2,60; Căn cứ kết quả đó, lập kế hoạch phát triển đội ngũ 2,68; Các cơ sở cũng có tổ chức đánh giá kết quả phát triển năng lực đội ngũ 2,69;

Nhìn chung các cơ sở Giáo dục mầm non đã quan tâm quản lý phát triển đội ngũ giáo viên dạy khuyết tật tuy nhiên chưa thực sự hiệu quả. Điểm số đánh giá tập trung từ 2,60 đến 2,69 trong khung đánh giá, kết quả đánh giá này nằm ở mức độ trung bình cho thấy việc quản lý phát triển đội ngũ chưa thực sự hiệu quả mặc dù đã quan tâm.

Kết quả phỏng vấn thêm đối với cán bộ quản lý và giáo viên cho thấy, về cơ bản, các cơ sở giáo dục đã quan tâm tới phát triển đội ngũ giáo viên tuy nhiên hiện nay chưa có cơ chế nào hỗ trợ khuyến khích giáo viên trong việc nâng cao năng lực dạy khuyết tật cũng không có cơ chế hỗ trợ cho việc phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, chưa có cơ chế hỗ trợ cho giờ giảng

cho học sinh khuyết tật trong cùng một lớp học với trẻ không khuyết tật. Ở nhiều cơ sở giáo dục cũng đã tự xây dựng cơ chế khuyến khích giáo viên nhưng chưa phải là cơ chế của nhà nước nên vẫn chưa thực sự khuyến khích được giáo viên quan tâm phát triển chuyên môn do vậy hiệu quả quản lý chưa cao.

**Bảng 2.18. Thực trạng quản lý phát triển đội ngũ GV trong GDHN TKT**

STT	Nội dung	Thực trạng quản lý phát triển đội ngũ giáo viên trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật						Thứ bậc
		mức 1	mức 2	mức 3	mức 4	mức 5	ĐTB	
1	Đánh giá năng lực đội ngũ	116	215	154	123	64	<b>3,29</b>	<b>3</b>
2	Xây dựng cơ chế chính sách phát triển đội ngũ	98	122	235	120	97	<b>3,01</b>	<b>4</b>
3	Lập kế hoạch phát triển năng lực đội ngũ	75	97	215	211	74	<b>2,83</b>	<b>5</b>
4	Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên	287	211	98	76	0	<b>4,06</b>	<b>1</b>
6	Đánh giá kết quả phát triển năng lực đội ngũ	122	199	263	211	0	<b>3,89</b>	<b>2</b>

*+ Thực trạng tổ chức phối hợp giữa các lực lượng tham gia giáo dục*

Đánh giá thực trạng phối hợp giữa các lực lượng tham gia giáo dục chúng tôi đã quan tâm tới phụ huynh học sinh, các tổ chức hỗ trợ, các tổ chức tài trợ các hội, hiệp hội. Như đánh giá ở phần thực trạng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho thấy các cơ sở giáo dục chưa phát huy được vai trò của các lực lượng tham gia giáo dục. Ở đây lực lượng chủ yếu là phụ huynh hỗ trợ để con em có một môi trường học tập tốt nhất, phương pháp giáo dục phù hợp nhất. Mặc dù vậy, sự tham gia này mới chỉ mang tính nhỏ lẻ rời rạc và chưa có tác động tích cực.

Để đánh giá thực trạng tổ chức phối hợp giữa các lực lượng tham gia giáo dục chúng tôi quan tâm đánh giá 3 nội dung quản lý sau: Lập kế hoạch phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục hòa nhập; tổ chức phối hợp giữa nhà

trường với các lực lượng tham gia giáo dục hòa nhập; đánh giá hiệu quả và điều chỉnh sự phối hợp giữa các lực lượng tham gia trong giáo dục hòa nhập. Kết quả đánh giá như sau:

- Về lập kế hoạch phối hợp các lực lượng tham gia trong giáo dục hòa nhập: cơ bản các cơ sở giáo dục đã lập kế hoạch phối hợp với các lực lượng tham gia giáo dục hòa nhập mặc dù vậy vẫn chưa phát triển được vai trò của các đơn vị, các lực lượng tham gia phối hợp trong giáo dục hòa nhập về mặt chuyên môn cũng như hỗ trợ tài chính, tài trợ các nội dung giáo dục mới. Điểm đánh giá trung bình 3,96 cho thấy các trường đã thực hiện tương đối khá vai trò quản lý với nội dung này.

- Tổ chức phối hợp giữa các lực lượng trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non : phần lớn các cơ sở giáo dục mới chỉ phát huy được vai trò của phụ huynh học sinh trong hỗ trợ thực hiện giáo dục trẻ, tài trợ một số hoạt động giáo dục mang tính phát triển năng lực cho trẻ trong môi trường hòa nhập. Kết quả đánh giá này đạt mức điểm trung bình 2,98, cho thấy các cơ sở giáo dục chưa phát huy được vai trò trong quản lý các lực lượng tham gia GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các lực lượng trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non : Về cơ bản các cơ sở có tổ chức đánh giá sự phối hợp giữa các lực lượng trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non vào mỗi một năm học, mỗi một kỳ học và cũng có kế hoạch tiếp tục cho kỳ học tiếp theo tuy nhiên chưa phát huy được vai trò quản lý trong tổ chức phối hợp giữa các lực lượng, điểm trung bình đánh giá Đạt 2,47

Tóm lại, các cơ sở giáo dục mặc dù đã quan tâm tới tổ chức phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non nhưng chưa phát huy được hết vai trò của các lực lượng do vậy hiệu quả hỗ trợ giáo dục chưa cao cũng như hiệu quả quản lý chưa thực sự được đánh giá.



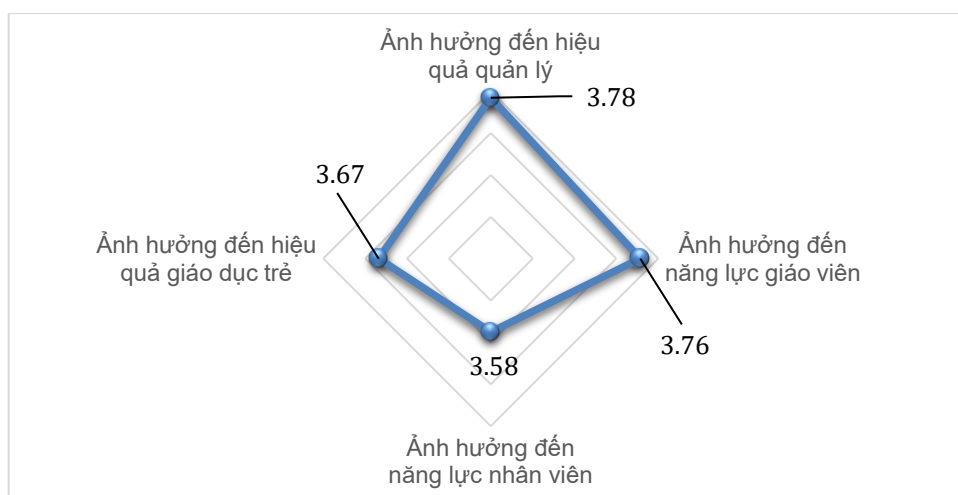
## 2.5 Thực trạng ảnh hưởng của một số yếu tố tới quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

### 2.5.1 Các yếu tố về chính sách và cơ chế chính sách

Thăm dò các ảnh hưởng của yếu tố về cơ chế và chính sách lên hiệu quả của hoạt động quản lý, năng lực giáo viên, chất lượng giáo dục trẻ cho thấy

Kết quả thăm dò ý kiến cho thấy, các chính sách này có tác động tích cực đến động lực làm việc của giáo viên và đây cũng là những tác động gián tiếp ảnh hưởng đến lòng yêu nghề và quyết tâm nâng cao năng lực chuyên môn của người giáo viên.

Kết quả đánh giá cho thấy các chính sách có ảnh hưởng đến quá trình quản lý của nhà quản lý 3,78 ý kiến đánh giá, tiếp theo xếp thứ 2 là ảnh hưởng đến năng lực giáo viên 3,76 (vấn đề này được liên hệ tới động lực của giáo viên); Tiếp theo là ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục (xem xét dưới tác động gián tiếp đến động lực của giáo viên) và cuối cùng là ảnh hưởng đến năng lực nhân viên 3,58 ý kiến đánh giá.



**Biểu đồ 2.8. Đánh giá về tác động của chính sách giáo dục TKT**

Phỏng vấn thêm một số giáo viên trường MN Hoa Thủy Tiên và CBQL cho thấy, ảnh hưởng chính sách này có tác động trực tiếp nhiều nhất lên giáo viên và có tác động gián tiếp đến hoạt động quản lý và hiệu quả giáo dục do

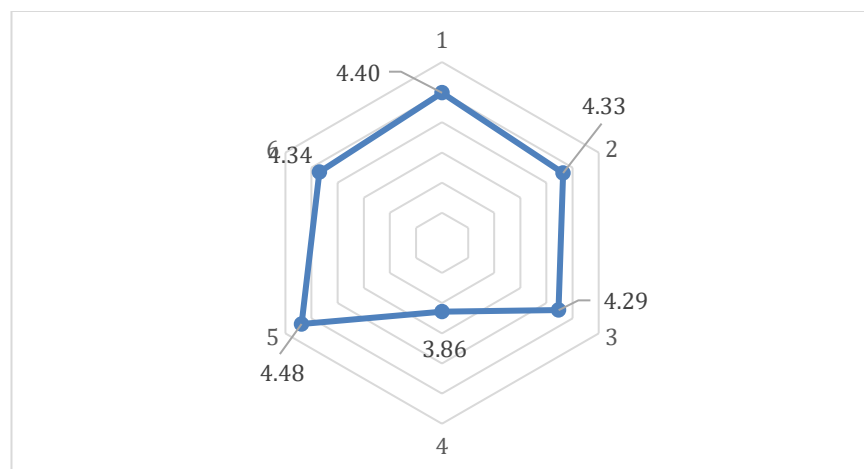
giáo viên thiếu động lực với công việc nguyên nhân do chưa có chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ giáo viên.

### 2.5.2. Các yếu tố về nguồn nhân lực

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định nhưng hoạt động giáo dục hòa nhập vẫn còn những mặt hạn chế về mặt nhân lực, như đội ngũ giáo viên còn hạn chế trong nhận thức, thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. nhiều điểm hạn chế ở giáo viên như: thiếu năng lực chuyên môn, thiếu kiến thức hiểu biết về giáo dục hòa nhập, thiếu nguồn lực về tài chính, sự lo lắng của giáo viên, thái độ tiêu cực, sợ bị giảm đi các thành tích, hay do thiếu sự phát triển chuyên môn cho giáo viên, có ít hoặc không có các khóa học nhằm nâng cao mức độ chuyên nghiệp.

Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho đội ngũ giáo viên, cần xây dựng kế hoạch và thực hiện nâng cao nhận thức, phổ biến và hướng dẫn chính sách hỗ trợ về giáo dục người khuyết tật cho tất cả các giáo viên, người khuyết tật và CMHS, các tổ chức giáo dục (lực lượng giáo dục) để nâng cao chất lượng giáo dục TKT MN

### 2.5.3. Các yếu tố về CSVC và môi trường GDHN TKT tại các trường mầm non



**Biểu đồ 2.9. Đánh giá về tác động của các yếu tố về CSVC và môi trường GDHN**

Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố về cơ sở vật chất và môi trường GDHN đến giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non dựa trên bảng trên, chúng ta có thể thấy

*Đánh giá ảnh hưởng của trang thiết bị và cơ sở vật chất:* được đánh giá mức độ quan trọng đứng thứ 2 với ĐTB: 4,40. Yếu tố này có điểm trung bình khá cao và xếp thứ 2 trong bảng. Điều này cho thấy trang thiết bị và cơ sở vật chất trong môi trường giáo dục mầm non có ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật. Điểm trung bình đạt 4,40/5 chỉ ra rằng các trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng tốt các yêu cầu đặc biệt của trẻ khuyết tật là không thể thiếu.

Ảnh hưởng của môi trường học tập hướng tới hòa nhập: yếu tố này xếp thứ bậc đánh giá 4 với ĐTB: 4,33. Yếu tố này có điểm trung bình khá cao và xếp thứ 4 trong bảng. Điều này cho thấy môi trường học tập hướng tới hòa nhập có mức độ ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục của trẻ khuyết tật mầm non. Điểm đánh giá chỉ ra rằng môi trường học tập tạo điều kiện thuận lợi cho việc hòa nhập và phát triển của trẻ khuyết tật có sự ảnh hưởng tương đối lớn đối với công tác quản lý giáo dục trẻ.

Ảnh hưởng của chương trình giáo dục linh hoạt: Yếu tố này xếp thứ bậc đánh giá 5, ĐTB: 4,29, Kết quả này cho thấy chương trình giáo dục linh hoạt có tác động đáng kể đến giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật mầm non. Điểm số đánh giá chỉ ra rằng chương trình giáo dục được thiết kế để đáp ứng nhu cầu riêng của trẻ khuyết tật sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giáo dục và để hoạt động quản lý đạt hiệu quả thì điều kiện đáp ứng đối với công tác giáo dục là cần thiết.

Ảnh hưởng của việc hỗ trợ và dịch vụ chuyên môn: được đánh giá xếp cuối cùng với ĐTB: 3,86 cho thấy cơ sở giáo dục và giáo viên đã chủ động trong công tác chuyên môn, sự hỗ trợ và dịch vụ chuyên môn là cần thiết song

không hẳn là yếu tố có tác động chính do đó cần tập trung cải thiện hơn cho các yếu tố ảnh hưởng khác ngoài việc hỗ trợ dịch vụ chuyên môn.

Ảnh hưởng của sự hợp tác gia đình trẻ được đánh giá thứ bậc 1 với ĐTB: 4,48. Yếu tố này có điểm trung bình cao nhất trong bảng và xếp thứ 1. Điều này cho thấy hợp tác gia đình có mức độ ảnh hưởng lớn đến giáo dục hòa nhập và quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non. Điểm cao cho thấy sự quan tâm và hỗ trợ từ phía gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật để tham gia vào môi trường giáo dục.

Ảnh hưởng của việc xây dựng nhận thức và ý thức cộng đồng: ĐTB: 4,34 và xếp thứ 3 trong bảng. Đánh giá này cho thấy xây dựng nhận thức và ý thức cộng đồng có ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật mầm non. Điểm đánh giá chỉ ra rằng việc nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng về trẻ khuyết tật giúp tạo môi trường chấp nhận và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật hòa nhập vào xã hội.

Nhìn chung, để tăng cường hiệu quả giáo dục và hiệu quả quản lý hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non, cần tập trung vào việc xây dựng sự hợp tác với gia đình, cải thiện trang thiết bị và cơ sở vật chất, tăng cường nhận thức và ý thức cộng đồng

## **2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội**

### **2.6.1. Mặt mạnh**

Nhìn chung, các cơ sở giáo dục mầm non đã nhận thức được vị trí vai trò của mình trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cũng đã thấy được vị trí vai trò của mình trong thực hiện giáo dục hòa nhập cho khuyết tật tại các trường mầm non. Sự hiểu biết về vai trò và trách nhiệm của họ trong quá trình này giúp tạo ra môi trường học tập tích cực cho trẻ.

Các trường đã thực hiện quy trình đánh giá và khi tiếp nhận trẻ. Hầu hết các trẻ đều được đánh giá sơ bộ và kiểm soát cá nhân trong quá trình tham gia vào giáo dục hòa nhập. Quy trình đánh giá và tiếp nhận trẻ khuyết tật vào giáo dục hòa nhập đã được thực hiện. Việc đánh giá sơ bộ và kiểm soát cá nhân giúp đảm bảo rằng mỗi trẻ được chăm sóc và học tập theo nhu cầu riêng của mình.

Cha mẹ học sinh đã được tư vấn chi tiết và đầy đủ về giáo dục hòa nhập, giúp họ hiểu rõ về nội dung giáo dục và chương trình học của trẻ. Sự đồng thuận và hỗ trợ từ phụ huynh đóng vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục hòa nhập.

Nhiều tổ chức xã hội đã chú trọng và quan tâm đến việc thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Mặc dù chưa thể phát huy hiệu quả phối hợp, sự quan tâm này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ khuyết tật.

Các trường mầm non tham gia giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật đã chuẩn bị hạ tầng cơ sở phục vụ giáo dục tương đối đầy đủ, bao gồm lớp học và các điều kiện tiêu chuẩn cơ bản.

### ***2.6.2. Hạn chế và những nguyên nhân***

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non chưa hiểu sâu, thiếu năng lực cần thiết về cách tiếp cận trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Điều này có thể dẫn đến việc áp dụng phương pháp không phù hợp TKT.

Điều kiện hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực của đội ngũ, quá trình giáo dục hòa nhập chưa được thực hiện tốt. Các trường mầm non cần được đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị và môi trường học tập phù hợp để phục vụ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Giáo viên thường gặp khó khăn trong việc tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật do thiếu động lực và sự hỗ trợ từ cơ quan quản lý, từ sự quan tâm tới tỷ lệ học sinh/lớp, các điều kiện hỗ trợ quy định trong các văn bản, chính sách.

Nhiều tổ chức xã hội, nhiều cá nhân có thể tham gia vào quá trình giáo dục hòa nhập cho trẻ nhưng hầu như các trường chưa huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, để tạo ra môi trường giáo dục tích cực cho trẻ.

Chương trình giáo dục chưa được đầu tư về mặt chuyên môn, thiếu chương trình khung, dẫn đến sự đôi khi bị động trong việc phát triển năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Một số nguyên nhân cụ thể rút ra được như sau

***Thiếu năng lực và hiểu biết của người quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non:*** Thiếu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn đủ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non về cách tiếp cận và giáo dục trẻ khuyết tật; Thiếu sự quan tâm và hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý nhà nước về việc nâng cao năng lực cho đội ngũ người lao động trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt.

***Hạn chế về cơ sở vật chất:*** Thiếu đầu tư và chăm sóc cho cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ quá trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Khó khăn trong việc cung cấp thiết bị hỗ trợ chuyên dụng cho trẻ khuyết tật do thiếu nguồn lực và sự chú trọng từ phía quản lý.

***Thiếu chương trình giáo dục chuyên môn:*** Chương trình giáo dục chưa được chuẩn bị một cách bài bản và rõ ràng, dẫn đến việc đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý chưa đạt hiệu quả cao; Thiếu chương trình mẫu và hướng dẫn cụ thể, khiến cho các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

***Thiếu hỗ trợ và định hướng từ phía chính phủ:*** Mặc dù có sự quan tâm và chỉ đạo từ nhà nước, nhưng việc hỗ trợ cụ thể và trang bị thiết bị cho trường mầm non vẫn chưa được đáp ứng dc hết nhu cầu giáo dục; Thiếu cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ và khuyến khích giáo viên tham gia GDHN TKT.

***Thiếu sự phối hợp và tương tác giữa các bên liên quan:*** Chưa phát huy được thế mạnh hợp tác trong phối hợp và tương tác chặt chẽ giữa cán bộ quản

lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non, phụ huynh và các chuyên gia chăm sóc trẻ khuyết tật. Sự thiếu sót này làm giảm hiệu quả của quá trình giáo dục hòa nhập và cản trở việc phát triển toàn diện của trẻ khuyết tật.

***Thiếu sự chú trọng vào việc nâng cao nhận thức và tinh thần của cộng đồng:*** Cần có sự nâng cao nhận thức và tinh thần từ cộng đồng về việc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, để tạo ra môi trường ủng hộ và thân thiện cho trẻ phát triển; Thiếu sự hỗ trợ và tạo điều kiện của cộng đồng tham gia vào việc giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật.

***Thiếu sự đầu tư và phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập:*** - Cần có sự đầu tư dài hạn và phát triển bền vững từ các cấp quản lý và chính phủ để cải thiện năng lực và cơ sở vật chất cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; Thiếu sự ổn định và chiến lược trong việc phát triển lĩnh vực giáo dục hòa nhập, dẫn đến hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục không cao.

Những nguyên nhân trên cần được nhìn nhận và giải quyết một cách toàn diện và hiệu quả để cải thiện chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Đồng thời, việc tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV, NV trong giáo dục trẻ khuyết tật.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Căn cứ Cơ sở lý luận ở chương 1, đề tài đã tiến hành khảo sát thực trạng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và thực trạng quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội. Về cơ bản có thể thấy, nhận thức của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên về GDHN TKT tại các trường mầm non được đánh giá là tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, thực trạng GDHN TKT tại các trường mầm non vẫn còn nhiều hạn chế trong thực hiện mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục, nội dung giáo dục cũng như kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDHN TKT tại các trường mầm non.

Xem xét các hạn chế này trong khâu quản lý cho thấy các cơ sở giáo dục đã tổ chức quản lý hoạt động GDHN TKT tại các trường mầm non các nội dung giáo dục đều được quan tâm từ việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện đến chỉ đạo triển khai và kiểm tra đánh giá trong đó bao gồm quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục, quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung chương trình giáo dục, tổ chức thực hiện phương thức giáo dục, tổ chức xây dựng tiêu chí đánh giá và chỉ đạo kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDHN TKT tại các trường mầm non và đã có những thành tựu nhất định.

Mặc dù vậy, hiệu quả quản lý so với kỳ vọng còn nhiều hạn chế từ tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục, tổ chức thực hiện nội dung chương trình giáo dục, tổ chức thực hiện phương thức giáo dục, tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục. Nguyên nhân có thể thấy, do các cơ sở giáo dục phải chủ động nhiều trong thực hiện GDHN TKT tại các trường mầm non mà không có sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, không có sự hỗ trợ về cơ chế quản lý, cơ chế khuyến khích giáo viên trong thực hiện GDHN TKT tại các trường mầm non, không có chế độ bồi dưỡng riêng cho giáo viên trong GDHN TKT tại các trường mầm non. Bên cạnh đó, thiết bị hỗ trợ TKT tại các trường mầm non được cho là cần thiết nhưng lại không được trang bị, phần lớn các cơ sở giáo dục mới chỉ trang bị những thiết bị đơn giản



ở mức độ tài chính cho phép, chưa có điều kiện để trang bị các thiết bị hỗ trợ quan trọng nhằm phát triển các chức năng cho TKT tại các trường mầm non.

Có thể nói các khó khăn trên cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục cũng như hiệu quả quản lý GDHN TKT tại các trường MN tại các cơ sở giáo dục mầm non hiện nay.

### Chương 3.

## BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TP. HÀ NỘI VÀ THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

### 3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

#### 3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu đáp ứng yêu cầu của giáo dục hòa nhập

Các biện pháp giáo dục quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội phải tuân thủ và dựa trên cơ sở: Chủ trương của Đảng được quán triệt trong các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ, TB và XH, của địa phương; Luật Giáo dục và các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan.

#### 3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và kế thừa

Các biện pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cần được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, không nên coi nhẹ biện pháp nào. Trên cơ sở đánh giá thực trạng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong hệ thống giáo dục, cần xem xét, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu và xác định nguyên nhân, những yếu tố ảnh hưởng đến GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong hệ thống giáo dục ..., để từ đó có biện pháp phù hợp phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém tạo nên sự phát triển một cách đồng bộ, vững chắc. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể cần xác định biện pháp nào là biện pháp mang tính đột phá, mang lại hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện thực tiễn, để từ đó tập trung tối đa nguồn lực thực hiện.

Theo nguyên tắc này, trên cơ sở vận dụng lý thuyết về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, nghiên cứu các công trình đã thực hiện trong thời gian qua, trên cơ sở đánh giá hiệu quả từng biện pháp được đề xuất, đánh giá ra những ưu điểm, hạn chế của từng biện pháp để từ đó có sự khắc phục hoặc kế thừa. Những đề xuất đã thực hiện tốt và đem

lại hiệu quả cao thì được tiếp tục duy trì và phát triển, những đề xuất chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ thì tiếp tục đề xuất cho hoàn thiện, đầy đủ hơn, những đề xuất không còn phù hợp cần nghiên cứu nguyên nhân để từ đó điều chỉnh cho phù hợp, những đề xuất khó thực hiện, không đem lại hiệu quả cần được xem xét cải tiến hoặc loại bỏ để đề xuất biện pháp mới hiệu quả và có tính khả thi cao hơn.

### ***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi***

Đảm bảo tính mục tiêu, kế thừa, tính thực tiễn và tính hệ thống là những điều kiện cần thiết nhưng bên cạnh đó phải có tính khả thi nếu không tất cả các quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được đề xuất đều không có giá trị và ý nghĩa trong thực tế.

Đảm bảo tính khả thi khi đề xuất các biện pháp đòi hỏi: quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được đề xuất phải sát với thực tiễn GD, quản lý giáo dục, phù hợp với hoàn cảnh và thực tế tại cơ sở GD mầm non.

Khi đề xuất, xây dựng các biện pháp phải đảm bảo tính khoa học trong quy trình quản lý với các bước tiến hành cụ thể, chính xác. Các biện pháp phải được kiểm chứng, khảo nghiệm có căn cứ khách quan và có khả năng thực hiện cao. Các biện pháp phù hợp với thực tế được thực hiện rộng rãi và tiếp tục được hoàn chỉnh và ngày càng hoàn thiện.

Yêu cầu tính khả thi đòi hỏi các biện pháp đề xuất phải có khả năng áp dụng vào thực tiễn quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, trở thành hiện thực và có hiệu quả cao khi thực hiện. Để đạt được điều này khi xây dựng biện pháp phải đảm bảo chỉ rõ mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành, điều kiện áp dụng các biện pháp.

Biện pháp giáo dục GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn Tp. Hà Nội phải phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, phù hợp với khả năng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn yêu cầu người lãnh đạo không được áp đặt ý kiến chủ quan, phải từ

tổng kết thực tiễn và đòi hỏi khách quan từ cuộc sống mà đổi mới tư duy, nhanh nhạy phát hiện các vấn đề nảy sinh của thực tiễn để bổ sung, điều chỉnh các biện pháp cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao.

Các biện pháp phải thể hiện và cụ thể hoá đường lối phương châm GD của Đảng và Nhà nước, phù hợp với qui định của ngành trong quá trình phát triển. Muốn vậy phải xác định định hướng chiến lược phát triển GD hiện nay, các biện pháp cụ thể thực hiện chiến lược GD, trong đó GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là một vấn đề cần được tập trung giải quyết.

#### ***3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sớm và tính hòa nhập***

Cũng như những trẻ không khuyết tật khác, trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, trong quá trình phát triển luôn chịu những tác động từ các yếu tố của thế giới xung quanh, nơi các em đang sinh sống. Những yếu tố tác động đó có thể là những yếu tố tự nhiên như: Vị trí địa lý, địa hình, môi trường, khí hậu, đường giao thông... Đó là những yếu tố xã hội như: Phong tục tập quán, trình độ dân trí, nhận thức của cộng đồng đối với trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, sự phát triển của y tế, giáo dục, sự quan tâm của chính quyền địa phương và các đoàn thể... Đó là các yếu tố kinh tế như tình trạng kinh tế của gia đình, của địa phương, các phương tiện, tiện ích xã hội của cộng đồng... Như vậy, hòa nhập để có thể trở nên thân thiện, gần gũi với môi trường xung quanh có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Nguyên tắc này đảm bảo rằng, những đề xuất đưa ra đều hướng về mục tiêu cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được học tập tại nơi trẻ sinh sống. Môi trường giáo dục cộng đồng sẽ giúp trẻ có những cơ hội tốt nhất để thích ứng, được chấp nhận và hòa nhập. Nguyên tắc giáo dục này góp phần đưa ra những nội dung giải pháp giúp GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong môi trường hòa nhập

Nguyên tắc này chỉ ra mỗi giai đoạn phát triển được gọi là "giai đoạn phát

triển nhạy cảm" ở trẻ nhỏ. Những năm tháng đầu tiên là rất cần thiết để học hỏi. Đây là giai đoạn trẻ học hỏi thông qua các mối quan hệ với sự vật hiện tượng. Đặc biệt sự ảnh hưởng quan trọng từ mối quan hệ gắn bó giữa trẻ và người chăm sóc đối với sự phát triển tâm lí và nhận thức sau này của trẻ. Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non giúp các em hình thành những kĩ năng thích nghi, kĩ năng xã hội và giao tiếp. Trải nghiệm sớm và kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống sẽ giúp trẻ khuyết tật tại các trường mầm non giảm bớt những rào cản cho cuộc sống độc lập và hòa nhập sau này.

Can thiệp sớm sẽ làm giảm thiểu những khó khăn do khuyết tật gây nên, đồng thời, tăng cường những mặt phát triển của trẻ bị trì trệ, giúp cho quá trình phát triển đúng hướng. Nếu để kéo dài không can thiệp, sự trì trệ hay phát triển lệch hướng sẽ ảnh hưởng lớn tới sự phát triển toàn diện của trẻ sau này.

Nguyên tắc này cho thấy sự can thiệp giáo dục sớm là sự can thiệp giáo dục ngay sau khi phát triển khuyết tật càng sớm càng tốt. Các biện pháp được đề xuất dựa trên nguyên tắc này sẽ là những tác động có chủ đích, có kế hoạch, có phương pháp của nhà giáo dục nhằm tạo ra những cơ hội thuận lợi để trẻ khuyết tật tại các trường mầm non không bị phát triển gián đoạn hoặc bị phát triển lệch hướng.

### **3.2. Biện pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội**

#### ***3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường mầm non và gia đình trẻ khuyết tật, các lực lượng cộng đồng về GDHN TKT tại trường mầm non***

##### *3.2.1.1. Mục đích*

Nhận thức là cơ sở của việc thực hiện, hiểu đúng mới có thể làm đúng. Quản lý GDHN TKT tại các trường NM là một vấn đề khá mới trong GDHN TKT tại các trường mầm non. Vì vậy, việc tổ chức nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL và giáo viên của nhà trường về quyền được học tập của TKT, ý nghĩa của môi trường giáo

dục, phương thức GDHN là tạo điều kiện tốt nhất cho TKT phát triển tối đa khả năng, tiềm năng của bản thân, tránh phân biệt đối xử, là phương thức giáo dục tối ưu so với các phương thức giáo dục khác như giáo dục chuyên biệt, giáo dục bán hòa nhập.

### 3.2.1.2. Nội dung

Các nội dung chính của biện pháp này bao gồm:

a) Tổ chức nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của GDHN, chất lượng GDHN và quản lý GDHN TKT tại các trường MN. Tổ chức nâng cao nhận thức cho các đối tượng tham gia GDHN TKT cần được thực hiện một cách linh hoạt, đa dạng và được đánh giá kết quả cụ thể. Nhận thức phải gắn với hành động nên khi tổ chức bồi dưỡng phải sử dụng các phương pháp tích cực và phối hợp với tuyên truyền, tạo sự lan tỏa tác dụng của các điển hình tiên tiến trong GDHN TKT.

b) Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, giáo viên về GDHN, các hoạt động GDHN, chất lượng GDHN gắn với mục tiêu giáo dục và quản lý GDHN TKT cấp tiểu học theo tiếp cận ĐBCL.

*Các kiến thức, kỹ năng về GDHN, chất lượng GDHN bao gồm:*

- Khái niệm và cách tiếp cận về TKT với các dạng tật, đặc điểm phát triển, khả năng và nhu cầu của các TKT.

- Hiểu biết về GDHN TKT ở nước ta; quy trình thực hiện GDHN TKT (xác định khả năng và nhu cầu của TKT; lập Kế hoạch giáo dục cá nhân cho TKT; thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; đánh giá kết quả GDHN TKT).

- Hiểu biết về chất lượng GDHN TKT nói chung và GDHN TKT tuổi mầm non chính là sự hợp thành của các nhân tố của chất lượng trong GDHN TKT, gồm: Mục tiêu, Chương trình GDHN; Năng lực đối với CBQL, GV trong GDHN TKT; Vấn đề về giáo dục và dạy học hòa nhập; Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hòa nhập; Sự phối hợp của các lực lượng cộng đồng trong GDHN TKT; Kết quả GDHN TKT.

*Các kiến thức, kỹ năng về quản lý GDHN TKT tại các trường NM bao gồm:*

- Nhận thức về tiếp cận đảm bảo chất lượng gắn với những vấn đề sau:

+ Khái niệm về chất lượng và đảm bảo chất lượng trong GDHN TKT

+ Tiếp cận đảm bảo chất lượng trong quản lý GDHN TKT.

- + Các chuẩn mực chất lượng trong quản lý GDHN TKT tuổi mầm non .
- *Nhận thức về quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non*
- + Quản lý thực hiện theo mục tiêu chất lượng trong GDHN TKT.
- + Quản lý hoạt động chuyên môn liên quan đến GDHN TKT, đặc biệt lưu ý tính phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của TKT.
- + Quản lý đội ngũ tham gia GDHN TKT theo tinh thần quán triệt mục tiêu chất lượng trong hoạt động GDHN TKT.
- + Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị trong GDHN TKT.
- + Tạo môi trường hoà nhập trong GDHN TKT, nhấn mạnh vai trò môi trường trong ĐBCL cho quá trình GDHN TKT.
- + Đảm bảo sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong quá trình thực hiện GDHN TKT.

c) Đa dạng hóa phương thức trong tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL, giáo viên gắn với những bài học thực tiễn; tạo điều kiện tốt nhất để đội ngũ CBQL và giáo viên vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tổ chức triển khai, thực hiện GDHN và quản lý GDHN TKT theo tiếp cận ĐBCL phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đẩy mạnh và phát huy tốt công tác truyền thông, kịp thời biểu dương, động viên, khích lệ những tấm gương tiêu biểu trong quá trình GDHN TKT của nhà trường.

### *3.2.1.3. Cách tiến hành*

- Lựa chọn và cử CBQL, giáo viên nhà trường tham gia các hội thảo, tập huấn bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kiến thức, kỹ năng về GDHN TKT, đảm bảo chất lượng GDHN và quản lý GDHN TKT tại các trường NM do các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý giáo dục các cấp tổ chức.

- Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cho CBQL, giáo viên nhà trường, cha mẹ TKT, các thành viên liên quan về mục đích, ý nghĩa, hiệu quả và giá trị của GDHN TKT. Phát huy vai trò đầu mối của nhà trường để gắn kết các thành viên liên quan đến GDHN TKT trong và ngoài nhà trường, đồng thời tổ chức tốt các hoạt động truyền thông về GDHN.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề với các nội dung chuyên môn mang tính chuyên sâu, hoặc dành riêng cho nội dung GDHN TKT và có thể được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn ở các nhà trường.

- Tổ chức các cuộc thi viết sáng kiến kinh nghiệm thuộc lĩnh vực GDHN TKT, thi tìm hiểu về: Yêu cầu và quá trình thực hiện GDHN; Đánh giá kết quả GDHN TKT; Đảm bảo chất lượng GDHN và quản lý GDHN TKT tuổi mầm non theo tiếp cận ĐBCL; Phiếu đánh giá khả năng và nhu cầu của TKT; Kế hoạch giáo dục cá nhân cho TKT; Giáo án dạy học hòa nhập; Phiếu học tập dành cho TKT; Đồ dùng, phương tiện, thiết bị giáo dục và dạy học hòa nhập TKT; Các sản phẩm học tập của TKT; Tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực của CBQL và giáo viên trong GDHN; Tiêu chí đánh giá một giờ dạy học hòa nhập cho TKT.

- Sử dụng đội ngũ CBQL, giáo viên đã được đào tạo hoặc được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về giáo dục GDHN TKT tuổi mầm non một cách hiệu quả sẽ có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng GDHN. Đây chính là những hạt nhân, những thành viên cốt cán góp phần tác động tích cực đến nhận thức của tất cả CBQL, giáo viên trong trường về GDHN và quản lý GDHN TKT.

#### *3.2.1.4. Điều kiện thực hiện*

- Trước hết phải có sự thống nhất chỉ đạo từ phía lãnh đạo nhà trường đến từng giáo viên phụ trách lớp học hoà nhập nhận thức đầy đủ về quyền được học tập của TKT, bản chất, giá trị nhân văn của GDHN TKT tại các trường MN.

- Các giáo viên có nhận thức đầy đủ và thấm nhuần quan điểm trong việc điều chỉnh chương trình giáo dục hòa nhập cho TKT, trong đó cần cân nhắc mục tiêu GDHN TKT cả về kiến thức văn hoá và kỹ năng xã hội.

- Môi trường giáo dục phải thực sự an toàn, thân thiện, tạo cơ hội thuận lợi để tất cả TKT được học tập, phát triển bình đẳng, hòa nhập và không có phân biệt đối xử.

- Mọi quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường – xã hội, trong đó vai trò của Hội cha mẹ học sinh, Câu lạc bộ phụ huynh TKT của lớp, của trường có vai trò rất quan trọng để có quan điểm thống nhất và những biện pháp tối ưu nhất trong việc giáo dục TKT trên cơ sở điều chỉnh môi trường vật chất và môi trường tâm lý, giúp các em hoà nhập tốt nhất.



### ***3.2.2. Biện pháp 2: Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

TKT tại các trường mầm non có những đặc điểm phát triển không bình thường về tâm thần, vận động do đó, để có thể đưa trẻ hòa nhập với môi trường giáo dục bình thường đòi hỏi phải có sự nỗ lực của tất cả các lực lượng tham gia giáo dục như cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh nhân viên (nhân viên y tế, nhân viên vệ sinh...), phụ huynh học sinh... trong đó vai trò của người giáo viên trong lập kế hoạch giáo dục cho từng trẻ đóng vai trò quan trọng, tiếp theo là vai trò của phụ huynh trong bám sát thực hiện kế hoạch giáo dục

#### ***3.2.2.1. Mục đích***

Việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là rất quan trọng để tối đa hóa tiềm năng học tập và phát triển của trẻ. Kế hoạch giáo dục cá nhân giúp các giáo viên và nhà trường hiểu rõ nhu cầu, khả năng và thể mạnh của từng trẻ khuyết tật tại các trường mầm non để có thể thiết kế những hoạt động học tập phù hợp và mang lại hiệu quả cao nhất.

Việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cũng giúp trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được hỗ trợ và chăm sóc tốt hơn trong quá trình học tập. Những hoạt động học tập được thiết kế theo kế hoạch giáo dục cá nhân sẽ giúp trẻ khuyết tật tại các trường mầm non phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng học tập, kỹ năng sống và nâng cao trình độ học vấn.

Ngoài ra, kế hoạch giáo dục cá nhân cũng giúp trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được tham gia hoạt động giáo dục và xã hội cùng với các bạn cùng lứa, nhằm giúp trẻ phát triển các kỹ năng xã hội và giao lưu với những người khác.

#### ***3.2.2.2. Nội dung***

Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho giáo viên nhằm cung cấp cho giáo viên các kỹ năng, kiến thức và phương pháp để lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật tại

các trường mầm non hiệu quả. Việc bồi dưỡng này giúp giáo viên hiểu rõ hơn về các khó khăn và thách thức mà TKT tại các trường mầm non phải đối mặt khi tham gia vào các hoạt động học tập và giúp giáo viên tìm ra các phương pháp giảng dạy và hỗ trợ phù hợp để giúp trẻ vượt qua những khó khăn đó.

Giáo viên sẽ được đào tạo về các kỹ năng như đánh giá năng lực của trẻ, thiết kế hoạt động học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ, cung cấp hỗ trợ và chăm sóc cho trẻ khi tham gia vào các hoạt động học tập, và đánh giá hiệu quả của kế hoạch giáo dục cá nhân.

Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho giáo viên cũng giúp tăng cường sự tự tin và năng lực giảng dạy của giáo viên và đảm bảo rằng trẻ khuyết tật tại các trường mầm non được hỗ trợ và chăm sóc tốt nhất trong quá trình học tập

### 3.2.2.3. Cách tiến hành

Để bồi dưỡng nâng năng lực cho giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non có trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. CBQL cần tổ chức đánh giá thực trạng năng lực lập kế hoạch ở GV và tổ chức đánh giá nhằm tạo ra một đội ngũ giáo viên có nhận thức đầy đủ và có năng lực giáo dục cho trẻ mầm non.

+ Tổ chức xây dựng mục tiêu, nội dung bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho đội ngũ giáo viên;

+ Tổ chức rà soát đánh giá sự đáp ứng về nhận thức và năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non của đội ngũ giáo viên: Để thực hiện việc này, có thể áp dụng các bước sau đây: Xác định mục tiêu và phạm vi của rà soát đánh giá; Chuẩn bị các tài liệu liên quan, bao gồm các chính sách, quy trình, hướng dẫn và tài liệu đào tạo liên quan đến giáo dục cho trẻ em khuyết tật; Tổ chức một cuộc họp để thông báo cho đội ngũ giáo viên về mục tiêu và phạm vi của rà soát đánh giá; Sử dụng các công cụ đánh giá như bảng câu hỏi, cuộc trò chuyện và quan sát lớp học để đánh giá năng lực

và nhận thức của giáo viên về việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non ; Tổ chức một cuộc họp để xem xét kết quả đánh giá và đưa ra các đề xuất cải tiến, bao gồm các khóa đào tạo hoặc hỗ trợ thêm cho giáo viên; Đưa ra kế hoạch hành động để cải thiện năng lực và nhận thức của đội ngũ giáo viên về việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

+ Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân TKT tại các trường mầm non cho đội ngũ GV: Xác định mục tiêu phạm vi bồi dưỡng, thiết kế chương trình bồi dưỡng, tổ chức các khóa học tập phù hợp.

+ Tổ chức đánh giá hiệu quả bồi dưỡng nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non cho đội ngũ giáo viên:

Đánh giá hiệu quả của quá trình bồi dưỡng. Việc đánh giá hiệu quả của quá trình bồi dưỡng giúp đánh giá được sự thay đổi trong năng lực và kỹ năng của đội ngũ giáo viên về lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

Đánh giá có thể được tiến hành bằng các phương pháp khác nhau như bảng câu hỏi, cuộc phỏng vấn, quan sát lớp học, đánh giá hiệu quả giảng dạy và đánh giá sự thay đổi trong kết quả học tập của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

#### *3.2.2.4. Điều kiện thực hiện*

Để thực hiện bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên và cha mẹ học sinh về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cần các điều kiện cần thiết sau đây:

##### 1. Về pháp lý

- Đảm bảo rằng các hoạt động bồi dưỡng và giáo dục hòa nhập được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật.

- Bảo vệ quyền lợi pháp lý của trẻ khuyết tật và đảm bảo rằng họ được tiếp cận dịch vụ giáo dục một cách công bằng và chất lượng.

## 2. Về nguồn lực

- Cần có sự đầu tư từ phía chính phủ hoặc các tổ chức để cung cấp tài nguyên hỗ trợ, sách vở, phần mềm học tập, và vật dụng giáo dục phù hợp cho trẻ khuyết tật và giáo viên.

- Đảm bảo nguồn lực đủ để tổ chức các hoạt động bồi dưỡng và đào tạo cho đội ngũ giáo viên và cha mẹ học sinh.

## 3. Về thời gian

- Lên kế hoạch thời gian hợp lý cho việc thực hiện các buổi hội thảo, khóa đào tạo, workshop, và các hoạt động bồi dưỡng năng lực.

- Đảm bảo rằng thời gian dành cho giáo viên, cha mẹ học sinh, và trẻ khuyết tật để tham gia vào các hoạt động này là linh hoạt và phù hợp.

## 4. Về cơ chế

- Cần có chế liên kết giữa trường mầm non, các chuyên gia về giáo dục đặc biệt, và các tổ chức hỗ trợ để đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập.

- Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá để đảm bảo chất lượng của các hoạt động bồi dưỡng và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

- Xây dựng chính sách khuyến khích sự hợp tác giữa các bên liên quan như trường học, gia đình, và cộng đồng để tạo môi trường giáo dục hòa nhập tích cực cho trẻ khuyết tật.

## 5. Về mối quan hệ, hợp tác

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các chuyên gia về giáo dục đặc biệt, nhà tâm lý học, nhà giáo dục chuyên môn để đảm bảo chất lượng bồi dưỡng và thực hiện kế hoạch giáo dục hiệu quả.

- Tạo điều kiện cho giáo viên, cha mẹ học sinh và trẻ khuyết tật có thể học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với nhau thông qua các hoạt động như buổi hội thảo, khóa đào tạo, workshop.

Tóm lại, để thực hiện bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cần có sự chú trọng đến các điều kiện về pháp lý, nguồn lực, thời gian, cơ chế, và chính sách để đảm bảo rằng môi trường giáo dục lành mạnh và tích cực cho sự phát triển của trẻ khuyết tật.

### ***3.2.3. Biện pháp 3: Tham mưu, đề xuất và thực hiện chính sách tạo động lực cho đội ngũ giáo viên tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

#### *3.2.3.1. Mục đích*

GDHN TKT là một công việc hết sức đặc thù, đòi hỏi sự nỗ lực, trách nhiệm, sự cảm thông sâu sắc đối với sự thiếu hụt, sự thiệt thòi của TKT.

Mục đích xây dựng chính sách tạo động lực cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là để giúp giáo viên có động lực và năng lượng để thực hiện công việc giáo dục và chăm sóc trẻ em khuyết tật một cách tốt nhất. Những động lực này có thể bao gồm:

1. Tăng cường năng lực chuyên môn và phát triển nghề nghiệp: Cung cấp các khóa học đào tạo và hỗ trợ cho giáo viên để cải thiện năng lực chuyên môn và phát triển nghề nghiệp. Điều này sẽ giúp giáo viên cảm thấy tự tin hơn trong công việc của mình và đạt được kết quả tốt hơn trong việc giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

2. Đảm bảo mức thu nhập hợp lý: Tăng cường phúc lợi và đảm bảo mức thu nhập hợp lý cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non . Điều này sẽ giúp giáo viên cảm thấy được đánh giá và đề cao giá trị của công việc của mình, đồng thời giúp họ cải thiện chất lượng cuộc sống.

3. Tạo điều kiện làm việc tốt: Cung cấp các điều kiện làm việc tốt như môi trường làm việc thoải mái, thiết bị giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật tại các trường mầm non hiện đại, đồng thời đảm bảo an toàn cho giáo viên và trẻ em khuyết tật.

4. Đánh giá và công nhận thành tích: Đánh giá và công nhận những thành tích của giáo viên dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non . Điều này sẽ giúp giáo viên cảm thấy được động viên và đánh giá cao giá trị của công việc của

mình, đồng thời tạo động lực để họ tiếp tục phát triển và cải thiện chất lượng công việc. Tóm lại, mục đích xây dựng chính sách tạo động lực cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là để đảm bảo rằng giáo viên được động viên, đánh giá cao.

Hiện nay, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GD&ĐT đã rất quan tâm, ban hành nhiều chính sách về người khuyết tật và giáo dục người khuyết tật, trong đó có GDHN TKT. Tuy nhiên, để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục TKT, chúng ta cần tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để từng bước hoàn thiện chính sách về giáo dục TKT, trong đó có chính sách tôn vinh nghề nghiệp, tạo động lực đối với đội ngũ CBQL và giáo viên tham gia giáo dục TKT nói chung và GDHN TKT tại các trường mầm non nói riêng.

#### 3.2.3.2. Nội dung

Động lực gắn liền với công việc, với tổ chức và môi trường làm việc cụ thể. Động lực bên trong gắn với nhu cầu khẳng định mình nhưng phải được hỗ trợ từ động lực bên ngoài. Đó là sự tôn vinh và tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho CBQL và giáo viên phát huy tốt khả năng của mình trong công việc. Mỗi người đảm nhiệm những công việc khác nhau và cũng có thể có những động lực khác nhau để làm việc và cống hiến. Động lực làm việc luôn gắn liền với một công việc, một tổ chức và một môi trường cụ thể, vì vậy không có một biện pháp chung mà các biện pháp phải gắn với việc đáp ứng nhu cầu chính đáng của đối tượng được tạo động lực.

Tôn vinh nghề nghiệp, tạo động lực cho đội ngũ nói chung, đội ngũ CBQL và giáo viên trong GDHN TKT cần chú ý đến nhu cầu cơ bản của mỗi cá nhân, gồm:

- Nhu cầu vật chất: là một trong những nhu cầu cơ bản nhất đảm bảo cuộc sống của mỗi con người như ăn, mặc, đi lại, chỗ ở,... Đây là nhu cầu chính đáng và cũng là động lực khiến người lao động nói chung tích cực làm việc. Cuộc sống ngày càng phát triển và được nâng cao thì nhu cầu của con người cũng thay đổi, chuyển dần từ nhu cầu về lượng sang nhu cầu về chất.

- Nhu cầu tinh thần: là một trong những nhu cầu rất cần thiết để con người sống và cảm thấy hạnh phúc. Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu về các giá trị tinh thần cũng được nâng cao, bao gồm: nhu cầu học tập để nâng cao trình độ; nhu cầu thẩm mỹ và giao tiếp xã hội; nhu cầu công bằng xã hội và nhu cầu thăng tiến;...

Nhu cầu vật chất và tinh thần của con người có quan hệ biện chứng với nhau, điều đó bắt nguồn từ mối quan hệ vật chất - ý thức. Đây là hai nhu cầu căn bản và là cơ sở để thực hiện tạo động lực làm việc cho cá nhân và đội ngũ tham gia GDHN TKT ở các CSGD.

### 3.2.3.3. Cách tiến hành

- Để thực hiện tốt biện pháp này, Hiệu trưởng nhà trường phải có nhận thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham mưu, đề xuất với các cấp quản lý giáo dục tiếp tục hoàn thiện chính sách tôn vinh nghề dạy học, đặc biệt là đội ngũ CBQL, giáo viên tham gia giáo dục TKT và GDHN TKT.

- Sử dụng các hình thức tôn vinh những điển hình tiên tiến, những tập thể, các nhân tiêu biểu thông qua khen thưởng của các cấp quản lý đối với giáo viên trực tiếp dạy học hòa nhập cho TKT như: tuyên dương, khen ngợi, cộng điểm thi đua, đánh giá xếp loại viên chức hàng năm,...

- Có chế độ khuyến khích đối với giáo viên cốt cán về GDHN TKT để đội ngũ này hỗ trợ giáo viên khác của nhà trường trong các hoạt động chuyên môn về GDHN TKT như: lập các loại hồ sơ và quản lý hồ sơ của TKT, đánh giá TKT, lập Kế hoạch giáo dục cá nhân cho TKT, thiết kế giáo án dạy học hòa nhập, sử dụng các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học hòa nhập cho TKT, đánh giá kết quả học tập của TKT, phối hợp với gia đình TKT và các lực lượng cộng đồng trong GDHN TKT,...

- Đảm bảo sự tự chủ và trách nhiệm chuyên môn của giáo viên trong dạy học hòa nhập TKT, tôn trọng các quyết định về chuyên môn của giáo viên trong

việc lựa chọn, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp và cách thức đánh giá kết quả GDHN TKT.

- Tham mưu, đề xuất với các cấp QL để tiếp tục hoàn thiện, ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo về GDHN TKT và thể chế hóa thành các quy định cụ thể để thực hiện trong nhà trường, kịp thời hỗ trợ giáo viên tham gia GDHN TKT.

- Tổ chức các sự kiện nhân dịp các ngày lễ kỷ niệm: Ngày Quốc tế Người khuyết tật (03/12), Ngày Người khuyết tật Việt Nam (18/4) với các chủ đề và kết hợp truyền thông các sự kiện cùng với việc huy động sự tham gia và tăng cường các nguồn lực của cộng đồng, tổ chức, cá nhân, xã hội,... để hỗ trợ GDHN TKT.

#### *3.2.3.4. Điều kiện thực hiện*

- Hiệu trưởng nhà trường và CBQL phải là người chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và trực tiếp tham mưu, đề xuất với cấp trên để từng bước hoàn thiện chính sách, đồng thời là người thực hiện chính sách tôn vinh nghề nghiệp, tạo động lực cho đội ngũ tham gia GDHN TKT tại đơn vị mình.

- Xây dựng, thống nhất và phổ biến công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với việc tôn vinh tập thể, cá nhân được đề xuất các cấp có thẩm quyền công nhận và khen thưởng.

- Xác định những chính sách ưu tiên, ưu đãi với minh chứng tại CSGD và đề xuất với cơ quan cấp trên một cách minh bạch, trung thực đảm bảo tính công bằng, dân chủ, công khai trong công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.

- Nhà trường phải có kế hoạch và thực hiện tốt việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường, tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ của các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm để có thêm nguồn lực thực hiện tốt GDHN TKT; đồng thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều cố gắng, tích cực tham gia các hoạt động GDHN và đạt kết quả tốt, cùng với đó là những TKT vượt khó vươn lên trong học tập và rèn luyện.



### **3.2.4. Biện pháp 4: Tổ chức huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

#### **3.2.4.1. Mục đích**

Nhằm tạo được sự tương tác, hỗ trợ, sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non giúp cho trẻ có môi trường học tập tốt nhất

Tạo ra một môi trường giáo dục và chăm sóc đa dạng cho trẻ em khuyết tật: Các lực lượng xã hội tham gia giúp tạo ra một môi trường giáo dục và chăm sóc đa dạng cho trẻ em khuyết tật. Chúng tôi có thể tận dụng sự đa dạng về kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng của những CBQL, GV, CMHS để cung cấp các phương pháp giáo dục và chăm sóc hiệu quả cho trẻ em khuyết tật.

Tạo ra một cộng đồng hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật: Các lực lượng xã hội tham gia cùng với giáo viên và phụ huynh giúp tạo ra một cộng đồng hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật. Điều này giúp trẻ em khuyết tật cảm thấy yêu thương, được chăm sóc và được đóng góp vào cộng đồng.

Tăng cường tính hòa nhập và giảm thiểu sự phân biệt đối xử: Các lực lượng xã hội tham gia giúp tăng cường tính hòa nhập và giảm thiểu sự phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật. Sự tham gia của cộng đồng giúp tạo ra một môi trường đa dạng và chấp nhận sự khác biệt, giúp trẻ em khuyết tật cảm thấy tự tin và được đối xử bình đẳng.

Tạo ra cơ hội học tập và phát triển toàn diện cho trẻ em khuyết tật: Các lực lượng xã hội tham gia giúp tạo ra các cơ hội học tập và phát triển toàn diện cho trẻ em khuyết tật. Điều này giúp tăng cường năng lực và phát triển kỹ năng cho trẻ em khuyết tật, giúp họ có thể đóng góp tích cực trong xã hội.

#### **3.2.4.2. Nội dung**

Việc huy động các lực lượng xã hội tham gia giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong trường mầm non rất quan trọng để giúp trẻ phát triển toàn diện và có thể tham gia vào xã hội một cách bình đẳng cụ thể.

Tạo ra một kế hoạch giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật: Kế hoạch này nên gồm các hoạt động, chương trình giảng dạy và cách thức thực hiện chúng. Kế hoạch nên được phát triển bởi các chuyên gia giáo dục và các chuyên gia về trẻ em khuyết tật.

Tìm kiếm hỗ trợ từ các tổ chức xã hội: Các tổ chức xã hội như các tổ chức đại diện cho người khuyết tật, các tổ chức xã hội địa phương, các tổ chức tôn giáo và các tổ chức tình nguyện có thể cung cấp sự hỗ trợ về tài chính, vật chất và nhân lực để thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Tìm kiếm sự hỗ trợ từ nhà trường: Nhà trường cần đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Nhà trường có thể cung cấp các nguồn lực như phòng học, giáo viên phụ trách, trang thiết bị giáo dục, và hỗ trợ về các chương trình giảng dạy.

Tạo ra sự hiểu biết và thông tin cho cộng đồng: Để tạo ra sự ủng hộ từ cộng đồng, cần có các hoạt động truyền thông để giới thiệu về kế hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Các hoạt động này có thể bao gồm các buổi hội thảo, các chương trình tuyên truyền, các chiến dịch quảng cáo, và các cuộc thi.

#### 3.2.4.3. Cách tiến hành

- Liên hệ và tạo mối quan hệ với các tổ chức xã hội và các đoàn thể trong cộng đồng như các câu lạc bộ, các nhóm tình nguyện, các tổ chức từ thiện,... để giới thiệu về tình trạng và nhu cầu của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non. Điều này sẽ giúp những tổ chức đó hiểu rõ về tình hình và có thể hỗ trợ tốt hơn.

- Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo cho các cán bộ giáo viên mầm non và các lực lượng xã hội tham gia về kiến thức và kỹ năng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Các buổi tập huấn này có thể được tổ chức bởi các chuyên gia, nhà giáo dục, các chuyên gia chăm sóc sức khỏe hoặc các cá nhân có kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

- Tạo ra các hoạt động giáo dục và nghệ thuật, các buổi thảo luận, trò chuyện để tạo ra một môi trường đa dạng, chấp nhận sự khác biệt và tăng cường tính hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Các hoạt động này có thể được tổ chức tại các trường mầm non hoặc tại các cơ sở của các tổ chức xã hội.

- Tổ chức các hoạt động gây quỹ và tài trợ từ các doanh nghiệp, cá nhân có cùng quan tâm để hỗ trợ các trường mầm non và các trẻ em khuyết tật. Các hoạt động gây quỹ này có thể bao gồm buổi biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao, triển lãm, buổi gây quỹ trực tuyến,...

- Tạo ra các mối liên kết giữa các trường mầm non, các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cộng đồng để tạo ra một mạng lưới hỗ trợ cho trẻ khuyết tật.

#### 3.2.4.4. Điều kiện thực hiện

Trong quá trình huy động các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cần có sự chuẩn bị và tổ chức kỹ lưỡng để đảm bảo hiệu quả. Dưới đây là các điều kiện cần thiết để thực hiện:

1. Về pháp lý: Cần có chính sách và quy định pháp lý rõ ràng hỗ trợ cho việc huy động lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Điều này đảm bảo sự hỗ trợ về vốn, nguồn lực, cơ sở vật chất và các chế độ khuyến khích để thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức và cá nhân xã hội.

2. Về nguồn lực: Cần có nguồn lực đủ để tổ chức chương trình đào tạo và huấn luyện chuyên môn cho những CBQL, GV, CMHS vào công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Điều này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả của công tác.

3. Về thời gian: Cần phải có kế hoạch thời gian cụ thể cho quá trình đào tạo, huấn luyện và thực hiện công tác giáo dục hòa nhập. Việc quản lý thời gian hiệu quả sẽ giúp tối ưu hóa hoạt động và đảm bảo tiến độ công việc.

4. Về Cơ chế: Cần có hệ thống thông tin và giao tiếp hiệu quả để phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình huy động lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Điều này giúp tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và tránh sự trùng lặp hoặc thiếu sót trong hoạt động.

Tóm lại, để thực hiện công tác huy động các lực lượng xã hội tham gia vào giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non một cách hiệu quả, cần phải đảm bảo sự hỗ trợ pháp lý, nguồn lực, thời gian và cơ chế đầy đủ và chặt chẽ. Việc này sẽ giúp tạo ra một môi trường giáo dục tích cực và hỗ trợ cho trẻ khuyết tật, đồng thời nói rộng phạm vi của giáo dục hòa nhập trong cộng đồng xã hội.

### ***3.2.5. Biện pháp 5: Đảm bảo các điều kiện phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non***

Chăm sóc và giáo dục một trẻ không khuyết tật đã rất cầu kỳ, giáo dục một trẻ em khuyết tật đòi hỏi những điều kiện nghiêm ngặt hơn nữa trong đó bao gồm các điều kiện đáp ứng ở cấp vĩ mô như cơ chế, chính sách, chế độ đối giáo dục... trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, ở cấp vi mô là các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giáo viên, đội ngũ chuyên gia, nội dung chương trình dạy học... trong quá trình GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

#### ***3.2.5.1. Mục đích***

Hình thành một hệ thống tiêu chí về các điều kiện đảm bảo cơ bản để thực hiện quá trình GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; Thực hiện các yêu cầu về điều kiện đảm bảo cho GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Tăng số lượng, chất lượng nguồn nhân lực và các điều kiện về cơ sở vật chất để có thể đáp ứng nhu cầu tổ chức CTS và GDHN TKT trong các trường MN đạt được hiệu quả.

### 3.2.5.2. Nội dung

Tổ chức thực hiện các yêu cầu nhằm đáp ứng tiêu chí về các điều kiện cần thiết cơ bản phục vụ các yêu cầu về GDHN TKT tại các trường mầm non.

Xây dựng kế hoạch đáp ứng các tiêu chí cần thiết về điều kiện đảm bảo trong thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non từ cấp vĩ mô đến vi mô: Chính sách, chế độ, điều kiện đáp ứng quá trình giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong giáo dục hòa nhập

Đầu tư xây dựng phòng học giáo dục hòa nhập để tạo không gian yên tĩnh với các thiết bị chuyên biệt, đồ dùng dạy học cần thiết phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của từng dạng tật của trẻ; phù hợp với nội dung, phương pháp để có thể kết hợp CTS với trị liệu hoạt động và GDHN theo chương trình cho trẻ.

### 3.2.5.3. Cách thực hiện

- Xây dựng một kế hoạch huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non hòa nhập. Kế hoạch này cần bao gồm các hoạt động cụ thể, các đối tượng tham gia, quy trình triển khai và định hướng phát triển dài hạn.

- Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo cho các cán bộ, giáo viên mầm non và các lực lượng xã hội tham gia về kiến thức và kỹ năng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, đặc biệt là về các phương pháp giáo dục và chăm sóc trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

- Thiết lập các mối liên kết giữa các trường mầm non, các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cộng đồng để tạo ra một mạng lưới hỗ trợ trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Các mối liên kết này sẽ giúp tạo ra cơ hội học tập và phát triển cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, cũng như giúp tăng cường tính hòa nhập và giảm thiểu sự phân biệt đối xử.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục và nghệ thuật, các buổi thảo luận, trò chuyện để tạo ra một môi trường đa dạng, chấp nhận sự khác biệt và tăng cường

tính hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

- Đưa ra các chính sách và quy định phù hợp để đảm bảo tính bảo mật, an toàn và đúng đắn cho việc huy động các lực lượng xã hội tham gia GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

#### *3.2.5.4. Điều kiện thực hiện*

Cần tạo sự đồng thuận đối với các lực lượng liên quan trong đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

Cần huy động được tối đa các lực lượng giáo dục trong đó bao gồm các tổ chức, cá nhân tham gia vào GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

Thực hiện tốt công tác xã hội hòa nhằm đáp ứng yêu cầu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

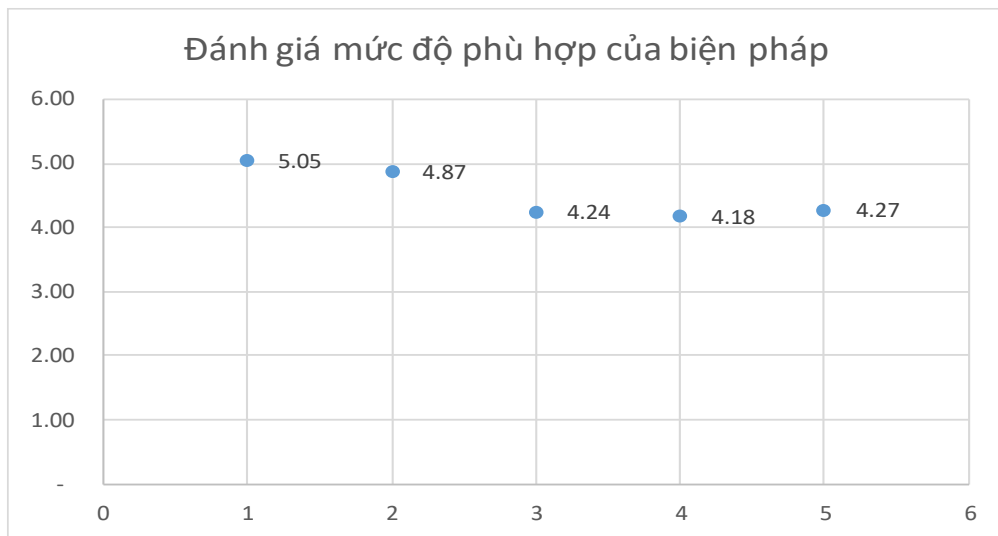
Thiết kế các phòng can thiệp cá nhân, can thiệp nhóm có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu để có thể thực hiện các tiết can thiệp cá nhân, trị liệu hoạt động để hỗ trợ cho các hoạt động GDHN trong các giờ học tại trường MN.

Tập huấn và hướng dẫn cho giáo viên biết khai thác sử dụng các trang thiết bị, tự thiết kế đồ chơi, đồ dùng dạy học phù hợp với từng hoạt động, đặc điểm và khả năng từng trẻ.

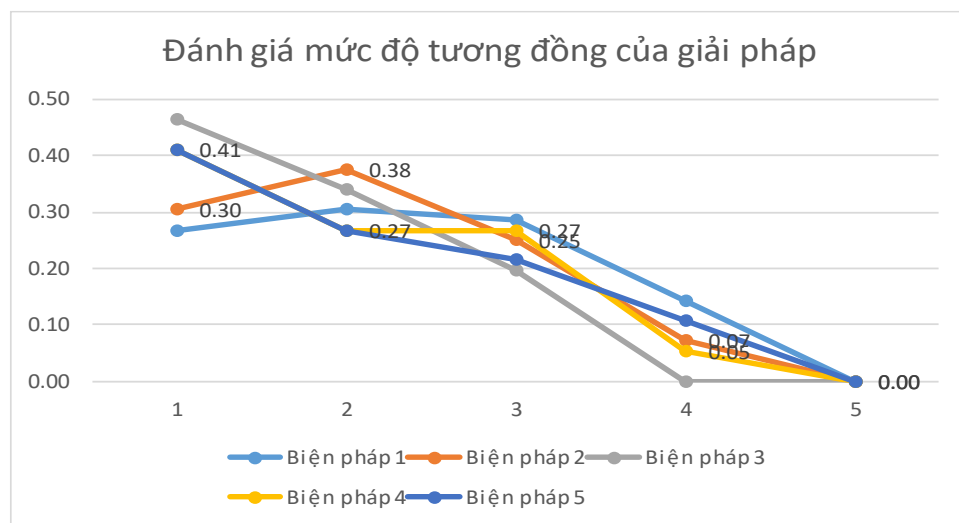
### **3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Để đánh giá mức độ tương đồng giữa các biện pháp, chúng tôi tiến hành thăm dò ý kiến chuyên gia thông qua phiếu khảo sát về mức độ phù hợp giữa các biện pháp, mức độ tương đồng giữa các biện pháp.

Chúng tôi đã tiến hành thăm dò trên 56 chuyên gia bao gồm: 5 nhà khoa học, 11 cán bộ quản lý giáo dục cấp quận, 40 cán bộ quản lý giáo dục cấp trường. Kết quả đánh giá như sau:



Đánh giá mức độ phù hợp cho thấy, các biện pháp đề xuất được đánh giá ở mức độ phù hợp cao đạt từ 4,2 đến và bằng 5,0 cho thấy đánh giá về mức độ phù hợp đạt rất cao

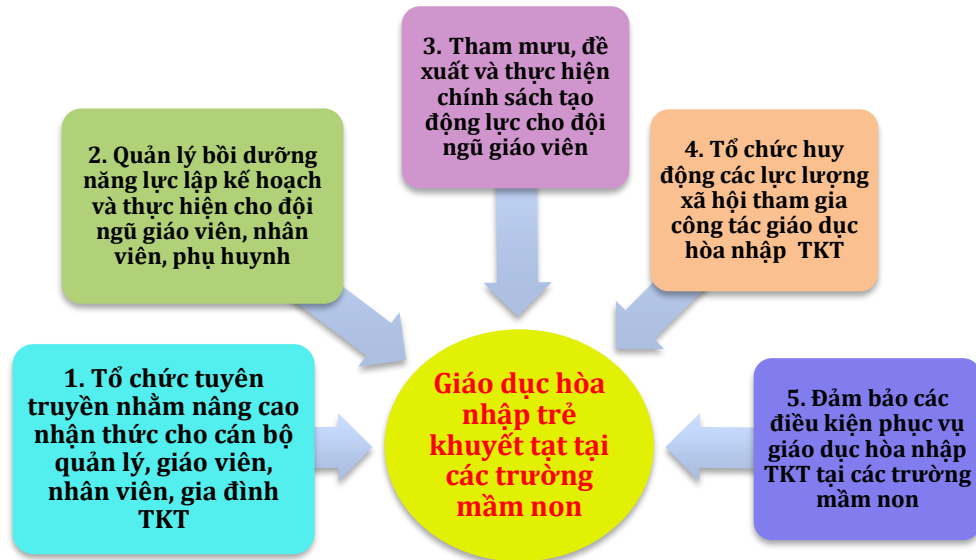


**Biểu đồ 3.1. Đánh giá mức độ tương đồng của giải pháp**

Kết quả đánh giá mức độ tương đồng (thể hiện qua hình trên) cho thấy, các biện pháp đề xuất được đánh giá ở mức độ tương đồng cao, hình được sơ đồ hóa mức độ đánh giá 5 biện pháp đồng hướng và có các đánh giá tương đồng với điểm trung bình đạt từ 4,34 đến 4,77 .

Kết quả trên cho phép kết luận, các biện pháp có mối quan hệ phụ thuộc và tương hỗ lẫn nhau. Mỗi biện pháp đề xuất đều có vị trí, tầm quan trọng và tác động nhất định đến nâng cao chất lượng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và

chúng thống nhất với nhau trong một hệ thống, quan hệ tương tác với nhau, tạo động lực để thúc đẩy quá trình tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non



### Sơ đồ 3.1. Các biện pháp quản lý GDHN TKT tại các trường MN

Trong các biện pháp đề xuất, nhóm biện pháp số 2 biện pháp then chốt, các biện pháp còn lại đóng vai trò là điều kiện cần thiết để thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non. Muốn thực hiện thành công giáo dục TKT tại các trường mầm non cần phải thực hiện quản lý tốt hoạt động giáo dục này do đó, việc thực hiện đồng thời các biện pháp sẽ nâng cao hiệu quả quản lý

#### 3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Để đánh giá mức độ cấp thiết và khả thi của các biện pháp được đề xuất, chúng tôi tiến hành thăm dò ý kiến chuyên gia thông qua phiếu khảo sát về mức độ cấp thiết và khả thi của các biện pháp.

Phiếu thăm dò được tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của 56 chuyên gia bao gồm: 5 nhà khoa học, 11 cán bộ quản lý giáo dục cấp quận, 40 cán bộ quản lý giáo dục cấp trường (bao gồm BGH, tổ trưởng tổ phó tổ chuyên môn, quản lý các phòng ban liên quan như phòng tài chính, phòng y tế...) và 5 phụ huynh có con là trẻ mầm non khuyết tật



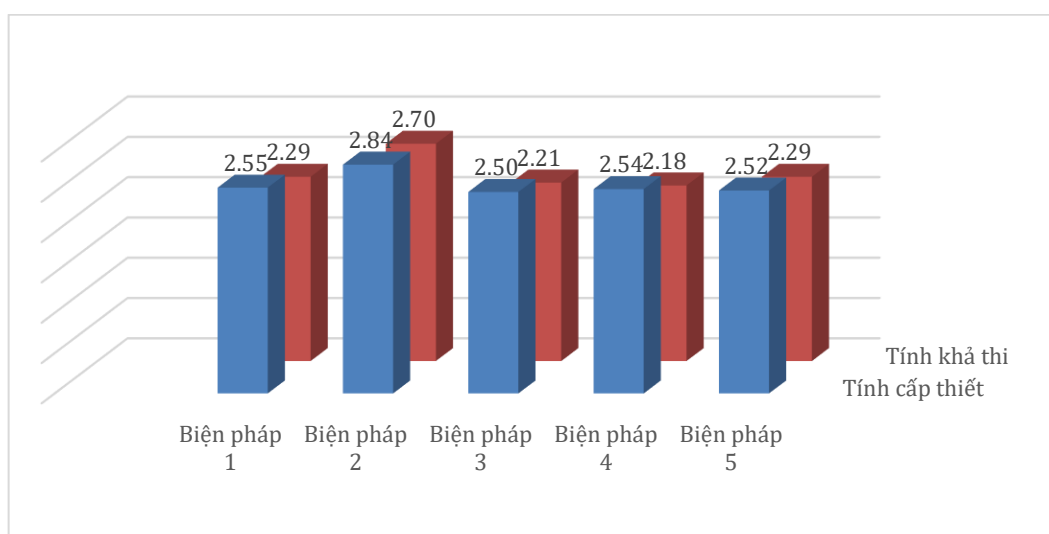
Nội dung đánh giá được thiết kế dạng phiếu theo thang đo 3 bậc về mức độ cấp thiết và khả thi của các biện pháp. 3 mức độ của thang đo được tính điểm sau khi số hóa như sau:

- Mức độ không cấp thiết/ không khả thi: Từ 0 đến dưới 1,0.
- Mức độ cấp thiết/ khả thi: Từ 1,0 đến dưới 2,0.
- Mức độ cao: rất cấp thiết/ rất khả thi: Từ 2,0 đến 3,0

Kết quả đánh giá về tính cấp thiết cho thấy, cơ bản các biện pháp được đánh giá là rất cấp thiết cao đạt từ 2,52 đến 2,84 trong đó biện pháp được đánh giá là cấp thiết nhất đó là biện pháp “*Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*” với mức độ đánh giá đạt 2,84.

Trong khi đó, đánh giá về mức độ khả thi thì mặc dù có thấp hơn nhưng kết quả đánh giá vẫn nằm trong khung đánh giá mức độ khả thi cao đạt từ 2,18 đến 2,70

Xem xét tính tương đồng trong đánh giá tính cấp thiết và khả thi của biện pháp cho thấy các biện pháp được đề xuất đều có tính cấp thiết và khả thi cao trong đó biện pháp được đánh giá là cấp thiết và khả thi nhất là biện pháp số 2 về “*Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*” . Đây cũng là biện pháp được cho là có tính tương đồng cao nhất trong đánh giá mức độ phù hợp, cấp thiết và khả thi trong quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non



**Biểu đồ 3.2. Đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp**

### 3.5. ThỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

Sau khi đánh giá tính cấp thiết và khả thi của biện pháp, chúng tôi quyết định lựa chọn biện pháp được cho là cấp thiết và khả thi nhất để tiến hành thực nghiệm. Biện pháp được lựa chọn “*Bồi dưỡng năng lực lập, thực hiện kế hoạch giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*”. Đây là biện pháp được đánh giá là cấp thiết nhất và cũng khả thi nhất trong quá trình triển khai

#### 3.5.1. Quy mô và địa bàn thực nghiệm

Để khẳng định tính cấp thiết và khả thi của biện pháp quản lý, chúng tôi tiến hành hai vòng thực nghiệm đó là thực hình thành và thực nghiệm tác động. Sau đây là thông tin về quy mô và địa bàn tổ chức hai vòng thực nghiệm

##### 3.5.1.1. Thực nghiệm vòng 1: Thực nghiệm hình thành

- **Mẫu TN:** 9 CBQL, 14 giáo viên, 6 phụ huynh học sinh và 6 trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non tại các trường sau:

+ Trường mầm non thực hành Hoa Thủy tiên – Trực thuộc trường CĐSP Trung ương (quận Cầu Giấy).

+ Trường Thực nghiệm Hoa Hồng – Trực thuộc trường CĐSP Trung ương (quận Đống Đa).

+ Trường mầm non thực hành Hoa Sen – Trực thuộc trường CĐSP Trung ương (quận Ba Đình).

- **Đo nghiệm:** Đánh giá được thực hiện trên GV, CMHS và trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

+ Đo nghiệm trên GV nhằm đánh giá tác động của biện pháp quản lý đến quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

+ Đo nghiệm trên kết quả rèn luyện của trẻ nhằm đánh giá tác động của biện pháp quản lý đến hiệu quả giáo dục.

- **Thời gian đo nghiệm:** Đầu vào được đo nghiệm trên GV, CMHS và học sinh về mức độ nhận thức và mức độ thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non tháng vào 5.2022. Đầu ra đo nghiệm trên kết quả giáo dục sau thời gian Thực nghiệm tháng vào 12.2022

Kết thúc thời gian TN hình thành, các đánh giá được thực hiện như sau:

+ Năng lực nhận thức và năng lực giáo dục của giáo viên, phụ huynh sau thực nghiệm. GV trải qua hai bài test về nhận thức và các mức độ thực hiện công việc trong quá trình thực nghiệm. Kết quả đánh giá được đo theo thang đo 5 bậc

+ Trẻ được test đánh giá theo các nội dung sau: Khả năng nhận thức; Kỹ năng vận động; Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ; Kỹ năng xã hội và tình cảm; Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng. Các đánh giá mức độ đạt mục tiêu giáo dục được thực hiện theo thang đo 5 trong đó 1 là bậc thấp nhất và 5 là cao nhất

- **Thời gian TN:** Được thực hiện từ ngày 09/05/2022 đến hết ngày 15/12/2022.

### 3.5.1.2. Thực nghiệm vòng 2: Thực nghiệm tác động

- **Mẫu TN:** 27 CBQL, 45 giáo viên, 9 phụ huynh, 9 trẻ khuyết tật tại một số trường MN trên địa bàn Tp. Hà Nội. Cụ thể như sau:

+ Quận Cầu Giấy: Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên, trường Mầm non Hoa Hồng, trường Mầm non Ánh Sao;

+ Quận Ba Đình: Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen, Trường mầm non Họa Mi, trường Mầm non Tuổi Hoa;

+ Huyện Đan Phượng: Trường MN Tân Lập B, MN Tân Hội B, MN Đan Phượng.

**Đo nghiệm:** Đánh giá được thực hiện trên GV, CMHS và đo lường nhận xét của GV về trẻ khuyết tật tại các trường mầm non .

+ Đo nghiệm trên GV nhằm đánh giá tác động của biện pháp quản lý đến quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

+ Đo nghiệm trên kết quả rèn luyện của trẻ nhằm đánh giá tác động của biện pháp quản lý đến hiệu quả giáo dục.

- **Thời gian đo nghiệm:** Đầu vào được đo nghiệm trên GV, CMHS và học sinh về mức độ nhận thức và mức độ thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non tháng vào 5.2022. Đầu ra đo nghiệm trên kết quả giáo dục sau thời gian thực nghiệm tháng vào 12.2022

Kết thúc thời gian TN tác động, các đánh giá được các nội dung sau:

+ Năng lực nhận thức và năng lực giáo dục của giáo viên, phụ huynh sau thực nghiệm. GV trải qua hai bài test về nhận thức và các mức độ thực hiện công việc trong quá trình thực nghiệm. Kết quả đánh giá được đo theo thang đo 5 bậc

+ Sự phát triển của trẻ MN khuyết tật: Khả năng nhận thức; Kỹ năng vận động; Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ; Kỹ năng xã hội và tình cảm; Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng. Các đánh giá mức độ đạt mục tiêu giáo dục được thực hiện theo thang đo 5 trong đó 1 là bậc thấp nhất và 5 là cao nhất

- **Thời gian TN:** Được thực hiện từ ngày 09/05/2022 đến hết ngày 15/12/2022.

### 3.5.2. Mục đích thực nghiệm

+ Đánh giá khả năng nhận thức và năng lực giáo dục của giáo viên, phụ huynh khi chịu tác động của biện pháp quản lý

+ Đánh giá sự phát triển của trẻ MN khuyết tật: Khả năng nhận thức; Kỹ năng vận động; Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ; Kỹ năng xã hội và tình cảm; Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng khi được tác động bởi biện pháp quản lý.

### 3.5.3. Phương pháp và kỹ thuật tiến hành

#### 3.5.3.1 Phương pháp tiến hành

- Lập kế tổ chức thực nghiệm biện pháp
- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn GV về kế hoạch tổ chức thực nghiệm
- Tổ chức tập huấn nhằm nâng cao nhận thức giáo viên, phụ huynh về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và các yêu cầu quản lý cần thực hiện trong tổ chức hoạt động giáo dục trẻ MN khuyết tật
- Tổ chức TN trên số mẫu đã được lựa chọn.
- Đánh giá kết quả TN theo thang đo 05 bậc Likert.

#### 3.5.3.2. Kỹ thuật tiến hành

Việc xử lý kết quả đánh giá dựa vào phương pháp toán thống kê định lượng kết quả nghiên cứu. Đề tài sử dụng hai phương pháp đánh giá là: định lượng theo tỷ lệ % và phương pháp cho điểm. Cụ thể:

**Bảng 3.1. Chuẩn đánh giá (theo điểm)**

Mức	Khoảng điểm	Mức độ đánh giá tương ứng
5	4,2 – 5,00	Rất đạt
4	3,40 – 4,19	Đạt
3	2,60 - 3.,39	Trung bình
2	1,80 – 2,59	Đạt ít
1	1,00 – 1,79	Không đạt

### 3.5.4. Phân tích kết quả thực nghiệm

Vì thời gian nghiên cứu bị hạn chế, để đo được tác động của một biện pháp quản lý cần có thời gian và không gian thực hiện. Với thời gian và mẫu đánh giá cho phép, chúng tôi đã tiến hành đo kết quả thực nghiệm như sau:

### 3.5.4.1. Tiêu chí và thang đo trong thực nghiệm

Các dữ liệu thu thập được nghiên cứu xử lý theo các thao tác của phương pháp nghiên cứu tác động (Action research). Các kết luận về kết quả TN được đưa ra trên cơ sở phân tích các đại lượng sau:

- Mode: Giá trị có tần suất xuất hiện cao nhất trong một tập hợp điểm số. Giá trị mode được tính “=Mode (number 1, number 2... number n)”.
- Median: Là điểm nằm vị trí giữa trong tập hợp điểm số theo thứ tự. Giá trị median được tính “=Median (number 1, number 2... number n)”.
- Mean: Giá trị trung bình cộng của các điểm số. Giá trị mean được tính “=Mean (number 1, number 2... number n)”.
- Độ lệch chuẩn (SD): cho biết mức độ phân tán của các điểm số. Độ lệch chuẩn được tính “ = Stdev(number 1, number 2... number n)”.
- Khoảng biến thiên (Range): Là đại lượng mô tả mức độ phân tán của dữ liệu.
- P (Giá trị cho phép kiểm chứng T-Test): Xác suất xảy ra ngẫu nhiên đối với các dữ liệu rời rạc. Giá trị cho phép kiểm chứng được tính “=ttest (array 1, array 2, tail, type)”.
- Hệ số biến thiên (CV): Là một đại lượng thống kê mô tả dùng để đo mức độ biến động tương đối của những tập hợp dữ liệu có giá trị bình quân khác nhau.
- ES: Mức độ ảnh hưởng của tác động.

Các kết quả nghiên cứu của mỗi vòng Thực nghiệm được đánh giá qua 02 lần trước và sau thực nghiệm.

Kết quả đánh giá được bổ sung thăm dò định tính thông qua phỏng vấn. Kết quả phỏng vấn sẽ làm tỏ hơn các thông tin định lượng trong phân tích kết quả thực nghiệm.

### 3.5.4.2. Đo lường kết quả thực nghiệm trên giáo viên và phụ huynh

Đo lường trên GV, CMHS được tiến hành bởi 02 nội dung:

- Đánh giá nhận thức của giáo viên, phụ huynh về vai trò của mình trong giáo dục hòa nhập cho TKT tại các trường MN.

- Hiệu quả thực hiện các nội dung, mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

#### *3.5.4.3. Đo lường kết quả thực nghiệm trên trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*

- Kết quả đo lường trên trẻ được đo lường trên các nội dung sau: Khả năng nhận thức; Kỹ năng vận động; Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ; Kỹ năng xã hội và tình cảm; Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng khi được tác động bởi biện pháp quản lý. Kết quả thực nghiệm

#### **3.5.5. Kết quả thực nghiệm vòng 1: Thực nghiệm hình thành**

##### *3.5.5.1. Đo nghiệm*

- Kết quả Thực nghiệm được đo nghiệm, đối chiếu trước và sau TN.
- Đo nghiệm thông qua số liệu được xử lý: Toàn bộ những số liệu thống kê định lượng được phân tích bởi phần mềm SPSS và Excel.
- Kết quả đo nghiệm được cụ thể hóa thông qua số liệu định lượng tại các bảng, biểu đồ và thông qua các nhận xét định tính.
- Số liệu được số hóa theo thang đo

**Bảng 3.2: Bảng mã hóa nội dung đánh giá**

Mức	Khoảng điểm	Mức độ đánh giá tương ứng
<b>5</b>	<b>4,2 – 5,00</b>	Rất đạt/ Rất khó
<b>4</b>	<b>3,40 – 4,19</b>	Đạt/ khó
<b>3</b>	<b>2,60 – 3,39</b>	Trung bình
<b>2</b>	<b>1,80 – 2,59</b>	Không đạt/ không khó
<b>1</b>	<b>1,00 – 1,79</b>	Rất không đạt/ rất không khó

##### *3.5.5.2. Kết quả thực nghiệm hình thành*

Vì lựa chọn biện pháp số 2 “*Quản lý bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch và thực hiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh trong GDHN trẻ khuyết*

*tật tại các trường mầm non*”. Đây là biện pháp tác động toàn diện lên hoạt động GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non của cơ sở giáo dục mầm non trong đó có hai hoạt động chính đó là hoạt động dạy và hoạt động học. Dự kiến biện pháp sẽ tác động lên giáo viên, rõ nhất là vấn đề chuyên môn và tác động trên trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non (sự thay đổi về các năng lực cá nhân của trẻ). Bên cạnh đó, phụ huynh như một người thầy thứ hai, phụ huynh nhất định phải hiểu rất rõ về tâm sinh lý và sức khỏe thể chất, tinh thần của trẻ, đồng hành với cơ sở giáo dục trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

Do đó, để đo kết quả thực nghiệm, đề tài đã đánh giá nhận thức của GV, CMHS trước và sau thực nghiệm, đánh giá sự tiến bộ của trẻ thông qua đo nghiệm trước và sau thực nghiệm. Kết quả cụ thể như sau:

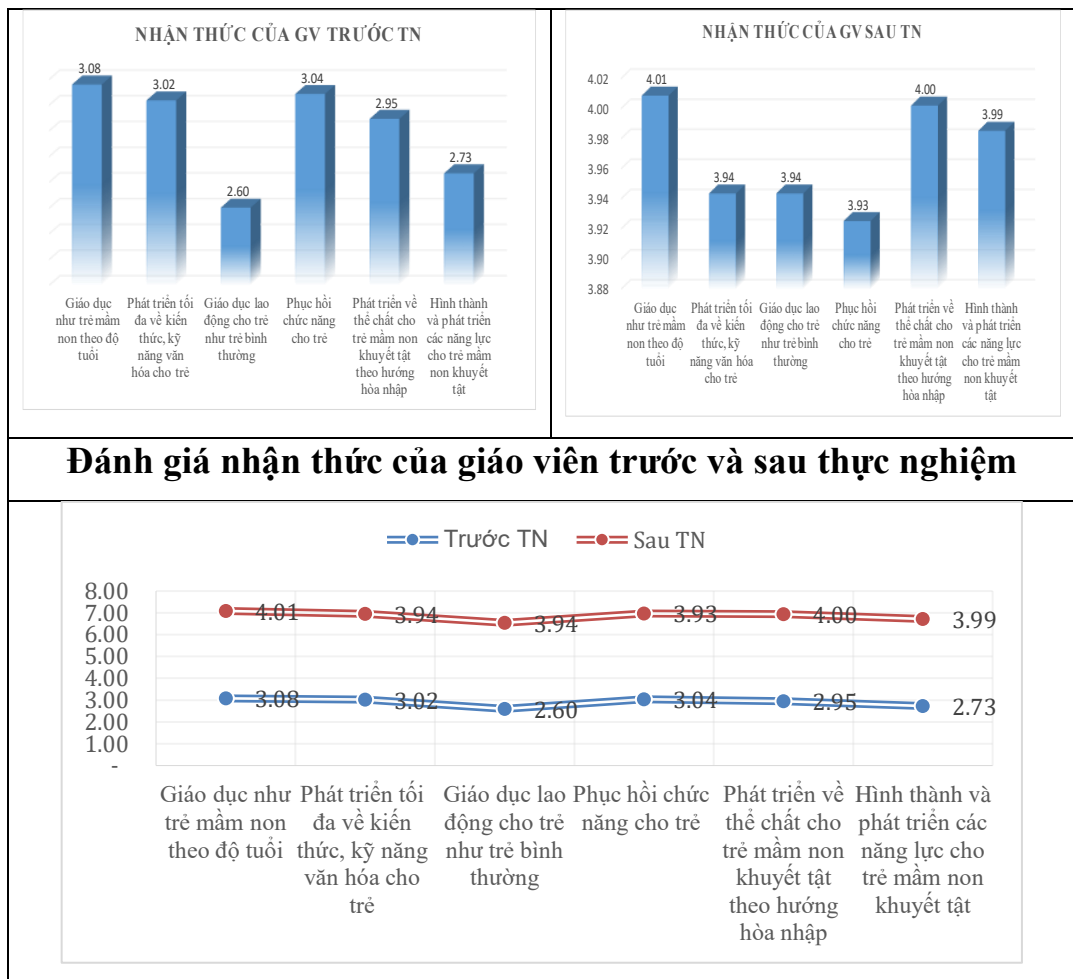
○ *Đánh giá nhận thức của giáo viên trước và sau thực nghiệm*

Nhận thức của giáo viên trước và sau thực nghiệm có thay đổi rõ rệt, thể hiện qua phân tích kết quả bài trắc nghiệm của giáo viên, Đánh giá nhận thức của giáo viên về mục tiêu, định hướng GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non theo thang đo 5 bậc cho thấy nhận thức của giáo viên có thay đổi rõ rệt trước và sau thực nghiệm với từng nội dung đánh giá cụ thể. Ví dụ với mục đích GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, trước thực nghiệm điểm đánh giá TBC của mẫu giáo viên đạt 3,08, vẫn nội dung này đánh giá sau thực nghiệm của giáo viên đạt 4,01; tương tự với nhiều nội dung đánh giá tương tự khác để đo lường nhận thức của giáo viên về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Nhìn vào sơ đồ đánh giá nhận thức của giáo viên cho thấy có sự thay đổi rõ rệt về nhận thức với tất cả nội dung đánh giá, thang điểm đạt được qua đánh giá đầu vào đạt điểm thấp nhất 2,60, điểm cao nhất 3,08; trong khi đó, điểm đánh giá nhận thức của giáo viên sau thực nghiệm đạt điểm thấp nhất 3,93, cao nhất 4,01. Nhận định và quan điểm của giáo viên đối với từng nội dung cũng thay đổi rõ rệt trong đó mục đích



giáo dục hòa nhập cho trẻ KT là mục tiêu quan trọng khi được giáo viên đánh giá ở mức điểm cao nhất cả trong phổ điểm trước thực nghiệm và sau thực nghiệm.

Nhìn vào phổ điểm trước và sau thực nghiệm trong đánh giá nhận thức của giáo viên cho thấy, giáo viên có sự thay đổi khác hẳn về mặt quan niệm và tầm quan trọng trong các mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong đó thứ tự đánh giá về tầm quan trọng cũng thay đổi. Điểm TBC trong đánh giá nhận thức của giáo viên giữa hai lần đánh giá trước và sau Thực nghiệm cũng thay đổi rõ rệt thể hiện qua sơ đồ đánh giá phổ điểm dưới đây.



**Biểu đồ 3.3. Phổ điểm ĐG nhận thức của giáo viên trước và sau TN**

○ *Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*

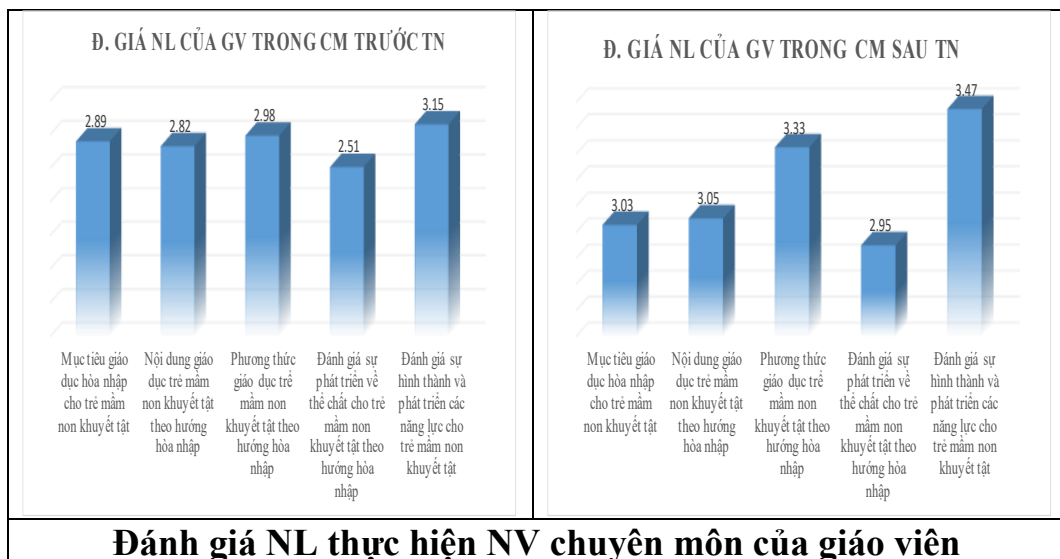
Sự thay đổi về nhận thức của giáo viên là điểm khởi đầu cho sự thay đổi

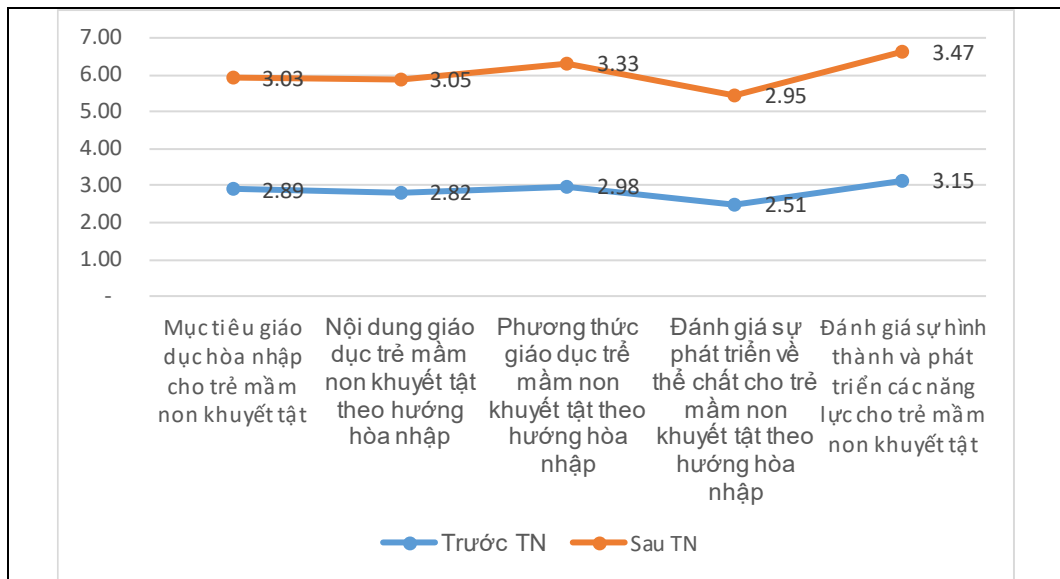
về tư duy và hành động, đây cũng là lý do cho thấy vì sao có sự khác biệt trong đánh giá năng lực chuyên môn của giáo viên trước và sau thực nghiệm.

Đánh giá giáo viên được thực hiện thông qua bài thi trắc nghiệm dạng phiếu, kết quả đánh giá trước và sau Thực nghiệm cho thấy sự thay đổi rõ rệt của giáo viên.

Điểm số đánh giá trước thực nghiệm nằm trong phổ điểm từ 2,51 đến 3,35 trong đó điểm phân phối chủ yếu trong khoảng từ 2,51 đến 2,98. Đa số giáo viên đã tập trung thực hiện vai trò giáo dục nhằm đánh giá sự hình thành và phát triển các năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, nhận định này tiếp tục được đánh giá ở mức độ cao nhất sau thực nghiệm, nhiều ý kiến giáo viên đồng thuận với quan điểm này. Phổ điểm sau thực nghiệm nằm trong khoảng từ 2,95 đến 3,47 trong đó điểm phân phối chủ yếu trong khoảng 3,03 đến 3,33.

Kết quả phân tích cũng cho thấy giáo viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn trong đó trú trọng tới phương thức giáo dục và đánh giá năng lực học sinh.





**Biểu đồ 3.4 Phổ điểm ĐG năng lực chuyên môn của GV trước và sau TN**

**- Kết quả đo lường trên phụ huynh**

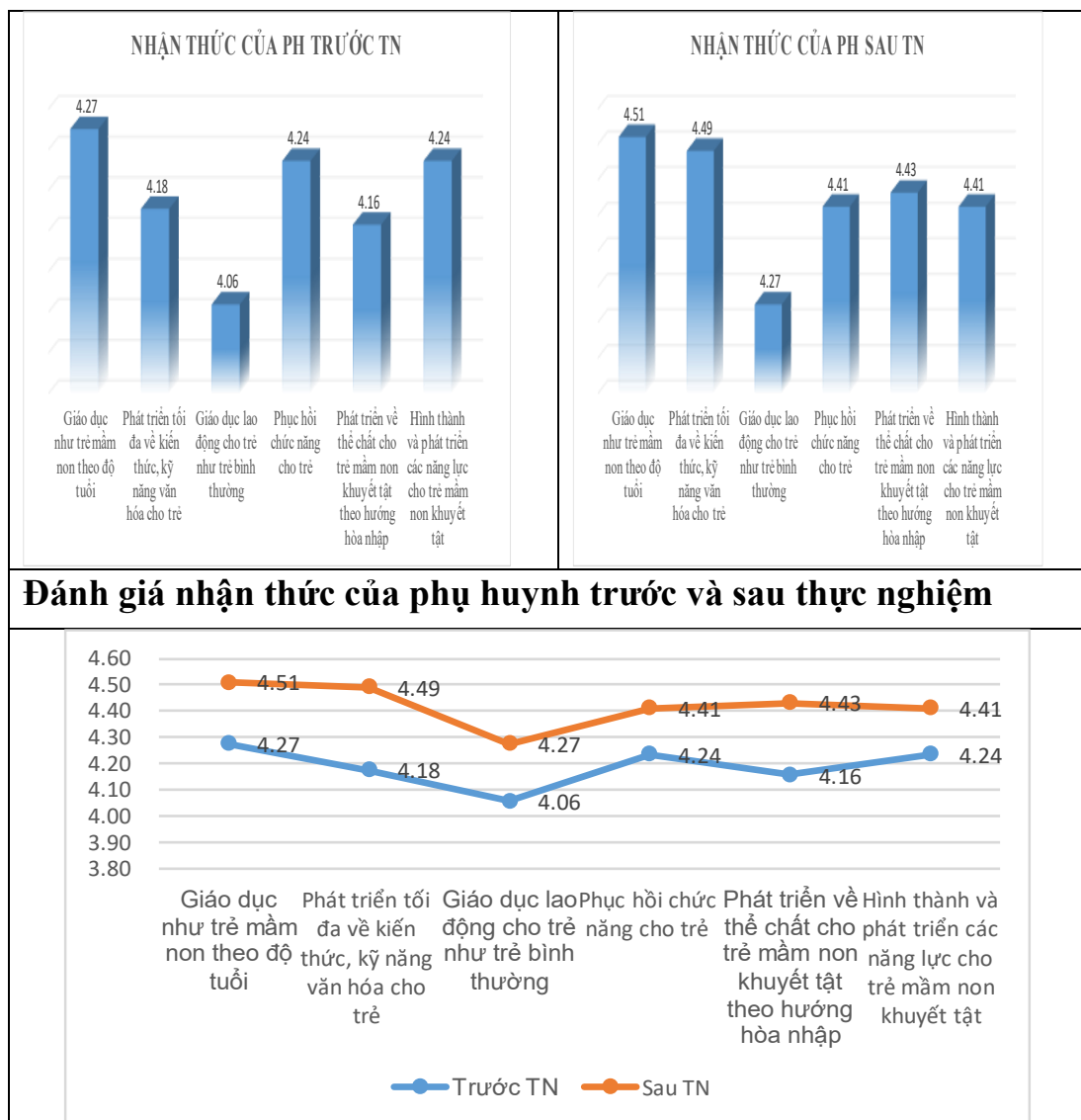
Phụ huynh với vai trò là người thầy thứ hai nên cần phải nhận thức được vị trí vai trò của mình cũng như mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, biết thực hiện các phương pháp hỗ trợ giáo dục nhằm tạo cơ hội hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Đây là lý do mà đề tài lựa chọn mẫu phụ huynh để đưa vào thực nghiệm, thông qua thực nghiệm, phụ huynh hiểu được tầm quan trọng của phụ huynh trong thực hiện chăm sóc con bị khuyết tật mầm non, từ đó phát huy được vai trò của mình.

Đánh giá phụ huynh trước và sau thực nghiệm thông qua bài trắc nghiệm về nhận thức về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết phụ huynh đã chủ động tìm hiểu các thông tin về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, bên cạnh đó là mong muốn mang lại cho con em mình một môi trường giáo dục hoàn hảo nhờ vậy mà đã có sự tìm hiểu trước nên có ít nhiều kiến thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.

Phân tích điểm số trước và sau thực nghiệm cho thấy giáo viên có sự thay đổi rõ rệt trong nhận thức. Điểm đánh giá nhận thức của giáo viên trước thực nghiệm nằm trong phổ điểm từ 4,06 đến 4,27. Đây là phổ điểm thể hiện mức

độ đạt được về nhận thức tương đối cao, tuy nhiên, sau thực nghiệm, phổ điểm này còn cao hơn nữa từ 4,27 đến 4,51

Kết quả phân tích này cho phép kết luận: Mặc dù phụ huynh rất quan tâm tới GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, đã có những kiến thức tương đối trong giáo dục trẻ, tuy nhiên, sau thực nghiệm, dưới sự tác động của biện pháp, phụ huynh đã có những thay đổi tích cực cả về mặt điểm số và cả về mặt tư duy (thể hiện trong hình bên dưới)



**Biểu đồ 3.5. Phổ điểm ĐG nhận thức của phụ huynh trước và sau TN**

- ***Kết quả đo lường trên trẻ***

Mục đích thực nghiệm cuối cùng là hướng vào người học, hướng vào trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non. Để xem xét tác động của biện pháp, đề tài đã tiến hành đo lường trên sự tiến bộ của trẻ theo tiếp cận hòa nhập

Đo lường trên trẻ được thực hiện trên các đánh giá của giáo viên thông qua trắc nghiệm đối với các nội dung đo lường về sự phát triển của trẻ như khả năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và tình cảm, kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng

Kết quả đánh giá cho thấy, các kỹ năng trên đều yếu hơn ở trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, điển hình như kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ (đạt điểm TBC 2,55), kỹ năng tự chăm sóc (đạt điểm TBC 2,53), nhìn chung phổ điểm đánh giá năng lực học sinh ở vào khoảng từ 2,53 đến 2,78 trong đó phân phối điểm nằm chủ yếu trong vùng từ 2,53 đến 2,67. Đánh giá trước thực nghiệm cho thấy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non cần phải được quan tâm giáo dục hòa nhập, giúp trẻ giao lưu với các bạn cùng lứa tuổi mới có thể phát triển các năng lực cá nhân của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non

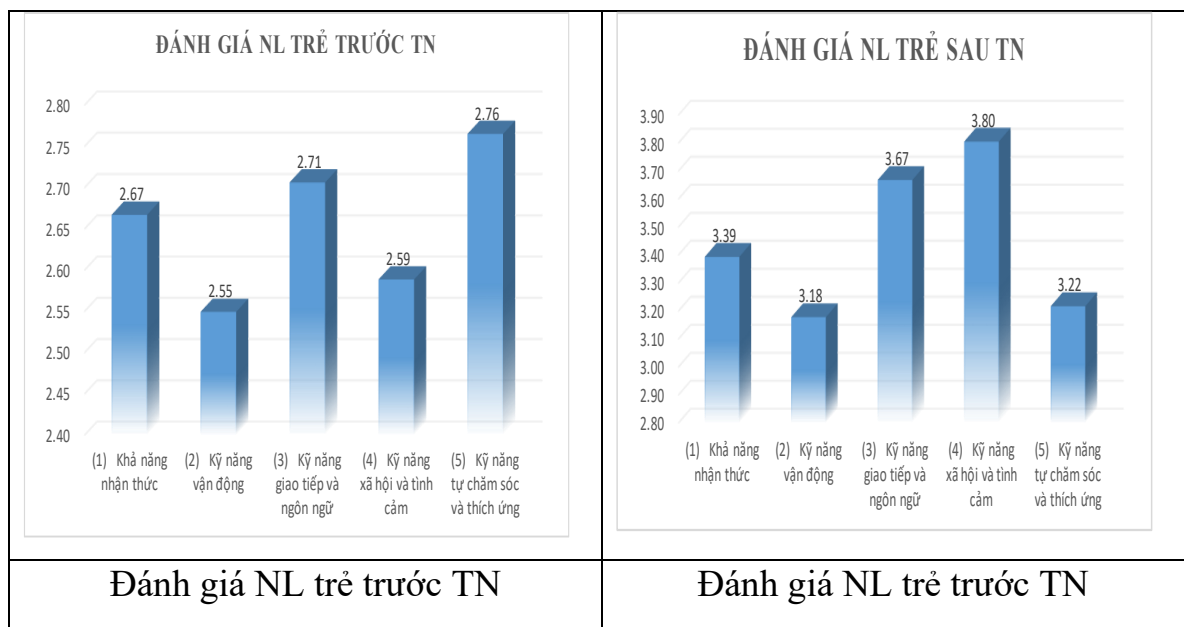
Đánh giá sau thực nghiệm cho thấy, dưới sự tác động của biện pháp quản lý đã nâng cao nhận thức của CBQL, GV, CMHS từ đó có sự tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nhờ đó mà hiệu quả giáo dục tốt hơn, các năng lực cá nhân của trẻ đều được cải thiện. Kết quả đo nghiệm sau thực nghiệm cho thấy phổ điểm đánh giá tăng rõ rệt từ 3,22 đến 3,80 trong đó điểm phân phối chủ yếu trong phổ điểm từ 3,39 đến 3,80. Kết quả đo nghiệm này cho thấy, trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non đã có sự phát triển tốt hơn đối với các năng lực cá nhân. Các kỹ năng có sự thay đổi rõ rệt đó là kỹ năng giao tiếp với đánh giá trước thực nghiệm 2,55, sau thực nghiệm đạt 3,67;

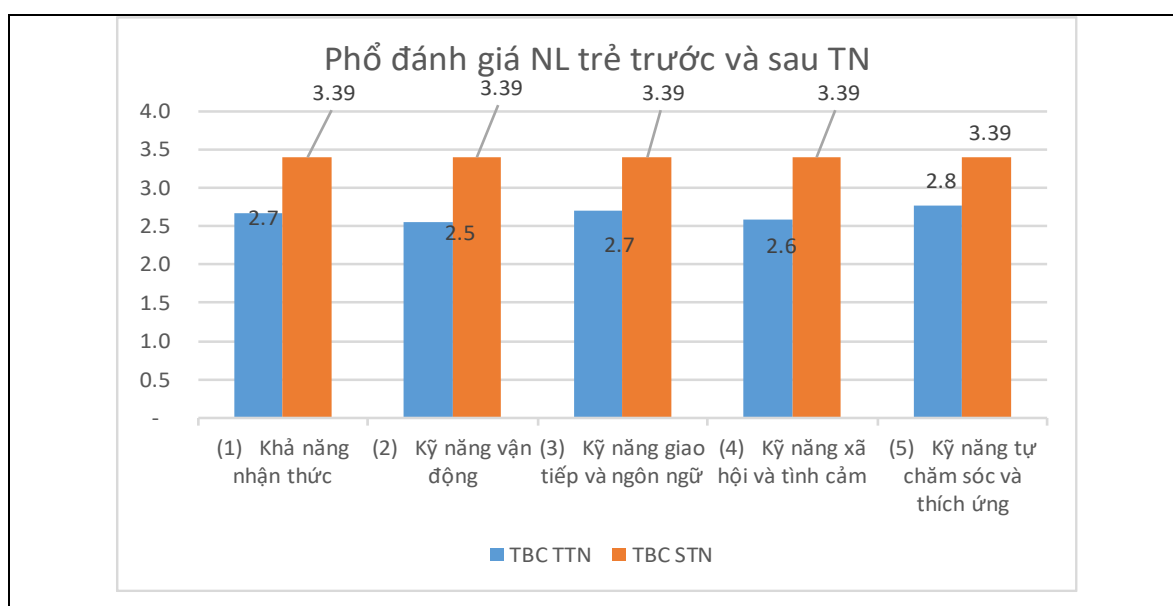
tiếp theo là kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng của trẻ đạt với đánh giá trước thực nghiệm là 2,53 và sau thực nghiệm là 3,53

Phỏng vấn thêm CBQL, GV, CMHS cho thấy, kết quả trên có được nhờ sự chăm sóc của phụ huynh và nhờ sự đồng thuận trong giáo dục của phụ huynh và giáo viên dựa trên quan điểm, đường lối chỉ đạo của cán bộ quản lý.

Kết quả này cũng cho thấy hiệu quả của biện pháp quản lý về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non đã có tác động tích cực tới sự hình thành và phát triển năng lực cho người học

Phổ điểm đánh giá năng lực học sinh trước và sau thực nghiệm từ phía CBQL, GV, CMHS cho thấy học sinh đã chịu tác động tích cực từ biện pháp, các đánh giá đều tăng trong đó có một số năng lực của trẻ được đánh giá có cải thiện rõ rệt như năng lực ngôn ngữ (trước TN đạt điểm 2,55, sau thực nghiệm đạt điểm 3,67), kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng (trước thực nghiệm điểm đánh giá đạt 2,53, sau thực nghiệm điểm đánh giá đạt 3,53)





**Biểu đồ 3.6. Phổ điểm ĐG của GV, CBQL về NL trẻ trước và sau TN**

### 3.5.6. Kết quả thực nghiệm vòng 2: Thực nghiệm tác động

Sau khi tổ chức thực nghiệm hình thành với biện pháp quản lý giáo dục trẻ mầm non khuyết tật. kết quả thực nghiệm đã cho thấy những thay đổi tích cực từ phía CBQL (nắm rõ hơn về quy trình quản lý, tổ chức, chỉ đạo, triển khai và đánh giá kịp thời các khâu quản lý để điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu giáo dục); phía giáo viên, phụ huynh (nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục); phía học sinh ( thể hiện được sự thay đổi tích cực về năng lực cá nhân và khả năng hòa nhập dưới tác động gián tiếp từ biện pháp)

Kết quả thực nghiệm hình thành được thực hiện trong diện hẹp, để khẳng định tính đúng đắn của biện pháp, đề tài đã tổ chức thực nghiệm theo diện rộng hơn. Cụ thể như sau

#### 3.5.6.1. Đo nghiệm

- Kết quả thực nghiệm được đo nghiệm, đối chiếu trước và sau TN.
- Đo nghiệm thông qua số liệu được xử lý: Toàn bộ những số liệu thống kê định lượng được phân tích bởi phần mềm SPSS và Excel.

- Kết quả đo nghiệm được cụ thể hóa thông qua số liệu định lượng tại các bảng, biểu đồ và thông qua các nhận xét định tính.

- Số liệu được số hóa theo thang đo

Mức	Khoảng điểm	Mức độ đánh giá tương ứng
5	4,2 – 5,00	Rất đạt/ Rất khó
4	3,40 – 4,19	Đạt/ khó
3	2,60 – 3,39	Trung bình
2	1,80 – 2,59	Không đạt/ không khó
1	1,00 – 1,79	Rất không đạt/ rất không khó

### 3.5.6.2. Kết quả thực nghiệm tác động

#### ➤ **Đánh giá kết quả thực nghiệm tác động**

##### **- Kết quả đo lường trên GV**

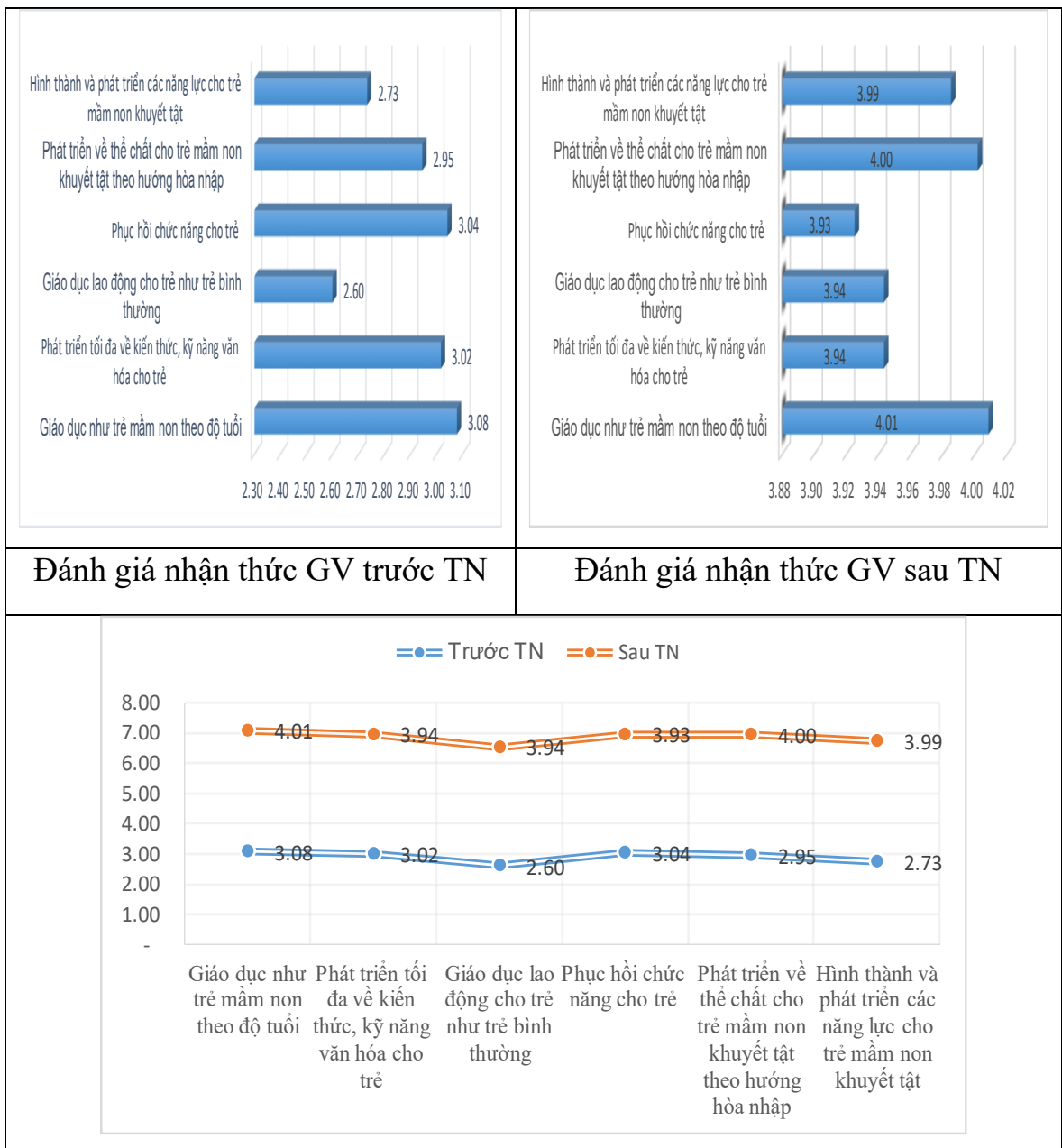
##### ○ *Đánh giá về mặt nhận thức*

Nhận thức của giáo viên trước và sau thực nghiệm có thay đổi rõ rệt và có tương đồng với thực nghiệm hình thành, thể hiện qua phân tích kết quả bài trắc nghiệm của giáo viên trên diện rộng, Đánh giá nhận thức của giáo viên được thực hiện theo thang đo 5 bậc cho thấy nhận thức của giáo viên có thay đổi rõ rệt trước và sau thực nghiệm với từng nội dung đánh giá cụ thể. Ví dụ với mục đích hình thành và phát triển các năng lực cho trẻ mầm non khuyết tật (đánh giá trước Thực nghiệm đạt 2,73, vẫn nội dung này đánh giá sau thực nghiệm của giáo viên đạt 3,99; Đánh giá này tương đồng với nhiều nội dung đánh khác và cũng tương đồng với đánh giá của thực nghiệm hình thành.

Sơ đồ đánh giá nhận thức của giáo viên cho thấy có sự thay đổi rõ rệt về nhận thức với tất cả nội dung đánh giá, thang điểm đạt được qua đánh giá đầu vào đạt điểm thấp nhất 2,60, điểm cao nhất 3,08; trong khi đó, điểm đánh giá nhận thức của giáo viên sau thực nghiệm đạt điểm thấp nhất 3,93, cao nhất 4,01. Nhận định và quan điểm của giáo viên đối với từng nội dung cũng thay đổi rõ rệt trong đó mục đích giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ là mục tiêu quan trọng khi được giáo viên đánh giá ở mức điểm cao nhất cả trong phổ điểm trước thực nghiệm và sau thực nghiệm.



Phổ điểm trước và sau thực nghiệm trong đánh giá nhận thức của giáo viên cho thấy, giáo viên có sự thay đổi khác hẳn về mặt quan niệm và tầm quan trọng trong các mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong đó thứ tự đánh giá về tầm quan trọng cũng thay đổi. Điểm TBC trong đánh giá nhận thức của giáo viên giữa hai lần đánh giá trước và sau thực nghiệm cũng thay đổi rõ rệt thể hiện qua sơ đồ đánh giá phổ điểm dưới đây.



**Biểu đồ 3.7. Phổ điểm đánh giá nhận thức của GV trước và sau thực nghiệm**

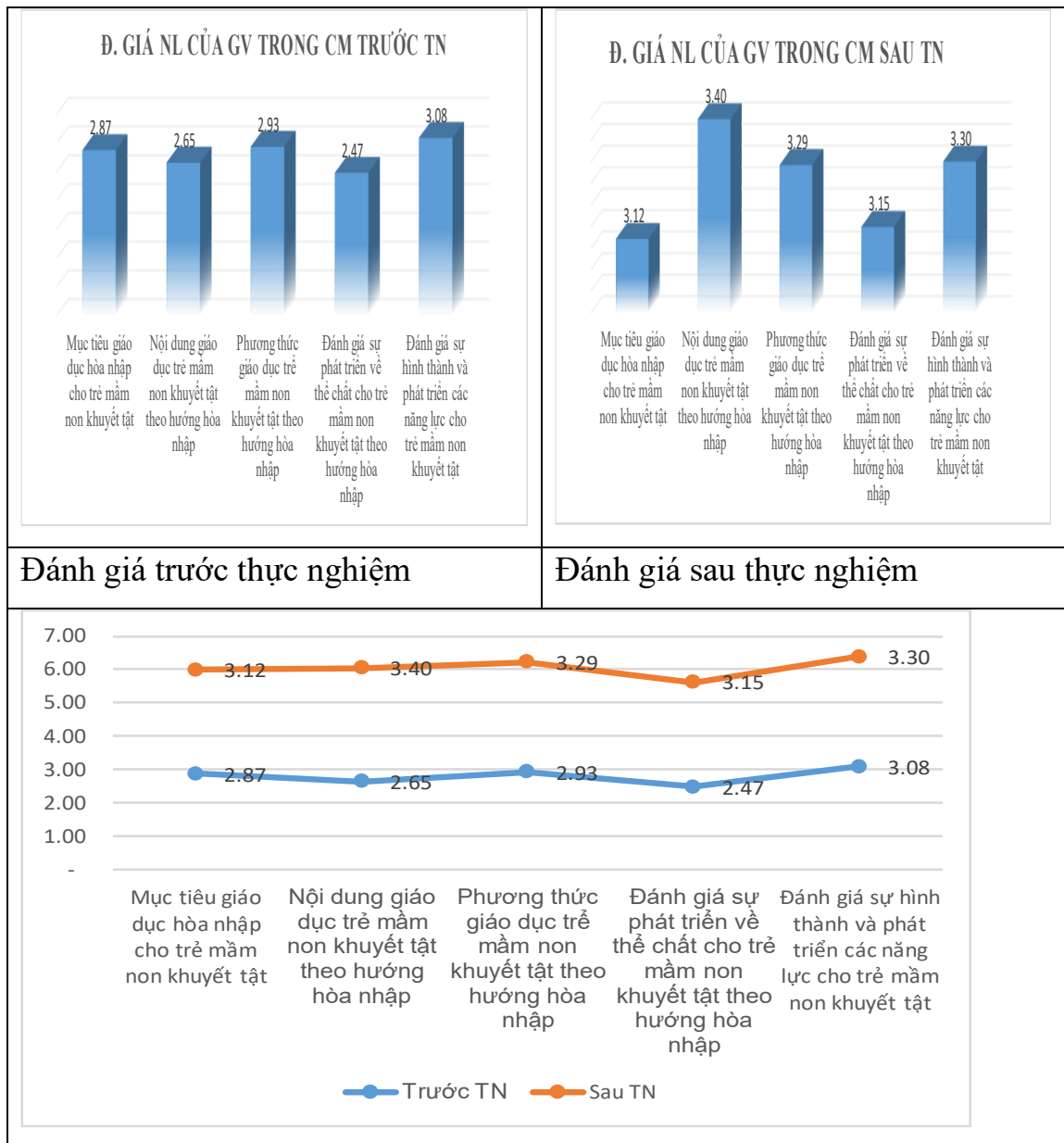
○ *Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*

Đánh giá giáo viên được thực hiện thông qua bài thi trắc nghiệm dạng phiếu, kết quả đánh giá trước và sau thực nghiệm cho thấy sự thay đổi rõ rệt của giáo viên.

Điểm số đánh giá trước thực nghiệm nằm trong phổ điểm từ 2,47 đến 3,08 trong đó điểm phân phối chủ yếu trong khoảng từ 2,47 đến 2,93. Đa số giáo viên đã tập trung thực hiện vai trò giáo dục nhằm đánh giá sự hình thành và phát triển các năng lực cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, nhận định này tiếp tục được đánh giá ở mức độ cao nhất sau thực nghiệm, nhiều ý kiến giáo viên đồng thuận với quan điểm này. Phổ điểm sau thực nghiệm nằm trong khoảng từ 3,12 đến 3,45 trong đó điểm phân phối không đồng đều trong đó hai hoạt động chuyên môn được giáo viên thực hiện tốt hơn đó là việc thực hiện nội dung giáo dục (trước thực nghiệm điểm đánh giá đạt 2,65, sau thực nghiệm đạt 3,40); tiếp theo là thực hiện phương thức giáo dục (trước thực nghiệm đạt điểm đánh giá 2,93, sau thực nghiệm đạt 3,44)

Kết quả phân tích cũng cho thấy giáo viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn trong đó chú trọng tới phương thức giáo dục và đánh giá năng lực học sinh.

Phổ điểm đánh giá chuyên môn của giáo viên trước và sau thực nghiệm cho thấy sự thay đổi tích cực của giáo viên. Phổ điểm đánh giá này cũng cho thấy mức độ tương đồng giữa kết quả thực nghiệm hình thành và thực nghiệm tác động.



**Biểu đồ 3.8. Phổ điểm đánh giá chuyên môn GV trước và sau thực nghiệm**

**- Kết quả đo lường trên phụ huynh**

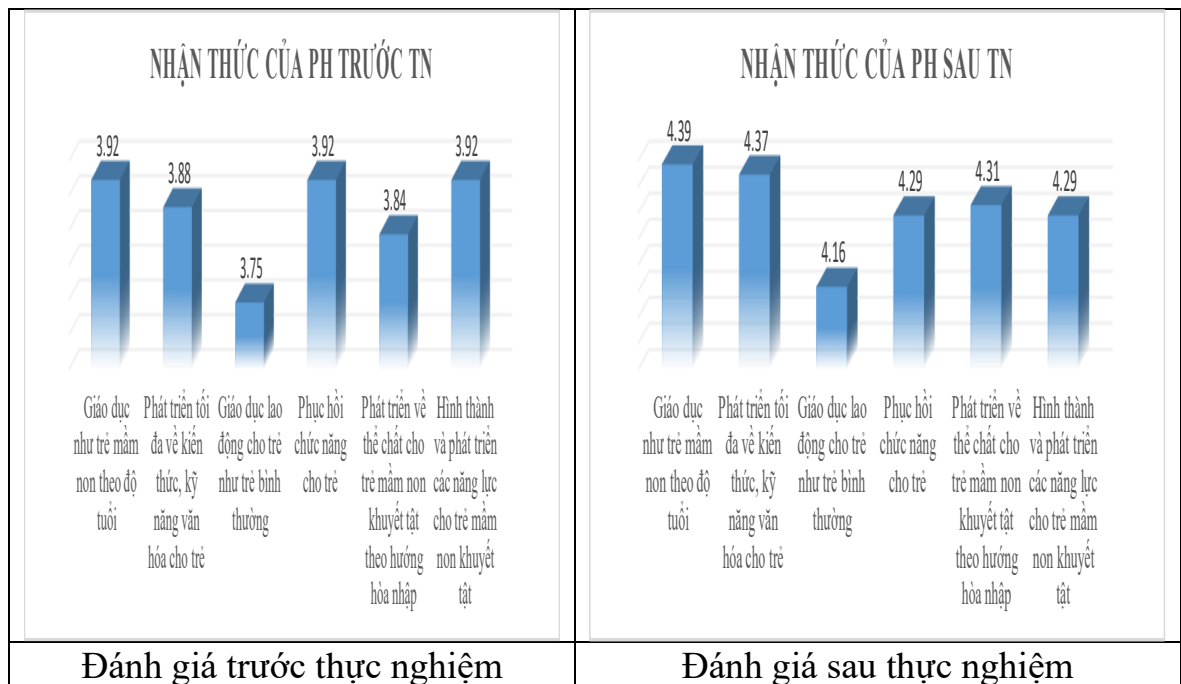
Đánh giá phụ huynh trước và sau thực nghiệm thông qua bài test trắc nghiệm về nhận thức của phụ huynh. Kết quả phân tích vẫn tương đồng với thực nghiệm hình thành cho thấy phần lớn phụ huynh có chủ động tìm hiểu các thông tin về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

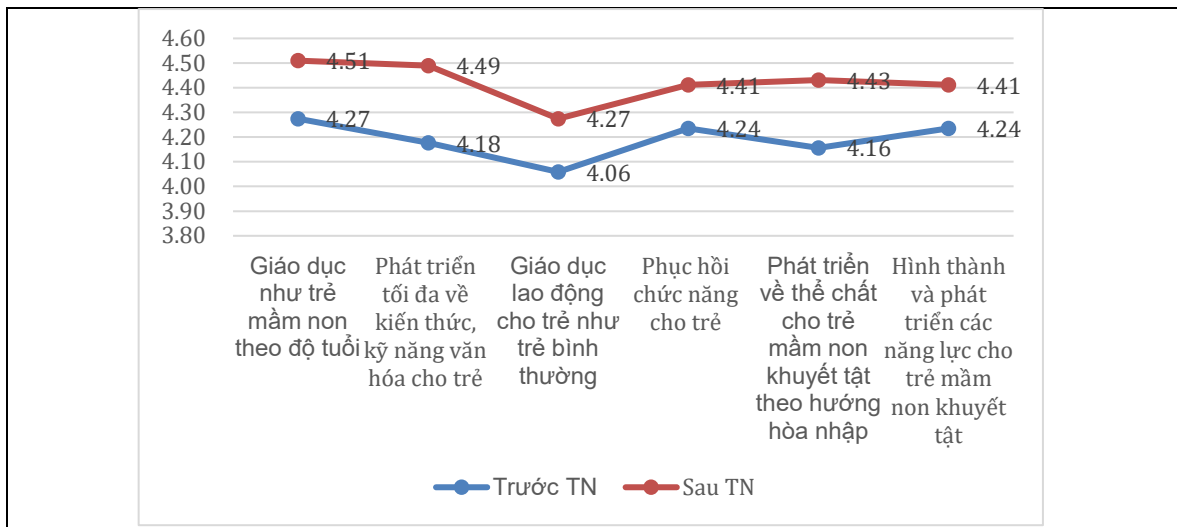
Phân tích điểm số trước và sau thực nghiệm cho thấy phụ huynh có sự

thay đổi rõ rệt trong nhận thức. Điểm đánh giá nhận thức của phụ huynh trước thực nghiệm nằm trong phổ điểm từ 3,75 đến 3,92. Đây là phổ điểm thể hiện mức độ đạt được về nhận thức tương đối cao, tuy nhiên, sau thực nghiệm, phổ điểm này còn cao hơn nữa từ 4,16 đến 4,39

Kết quả phân tích này cho phép kết luận: thực nghiệm sư phạm trên diện rộng tổ chức trên địa bàn Tp. Hà Nội có kết quả tương đồng với thực nghiệm hình thành được tổ chức trên 1 Quận. Phần lớn phụ huynh có quan tâm tới đầu tư giáo dục đặc biệt trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, ít nhiều phụ huynh đã có kiến thức tương đối trong giáo dục trẻ. Mặc dù vậy, kết quả đánh giá vẫn cho thấy điểm thiếu hụt trong nhận thức đầy đủ của phụ huynh thể hiện qua phổ điểm đánh giá nhận thức của phụ huynh về mục đích GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Đánh giá sau thực nghiệm tác động, dưới sự tác động của biện pháp, phần lớn phụ huynh đã có những thay đổi tích cực cả về mặt điểm số và cả về mặt tư duy (thể hiện trong hình bên dưới)





**Biểu đồ 3.9. Phổ điểm đánh giá nhận thức của CMHS trước và sau TN**

**- Kết quả đo lường trên trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

Để xem xét tác động của biện pháp trên diện rộng, đề tài đã tiến hành đo lường trên sự tiến bộ của hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non. Đo lường trên trẻ được thực hiện trên các đánh giá của giáo viên thông qua trắc nghiệm đối với các nội dung đo lường về sự phát triển của trẻ như khả năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và tình cảm, kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng

Kết quả đánh giá cho thấy, các kỹ năng trên đều yếu hơn ở trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, điển hình như kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ (đạt điểm TBC 2,69), kỹ năng tự chăm sóc (đạt điểm TBC 2,69), nhìn chung phổ điểm đánh giá năng lực học sinh ở vào khoảng từ 2,67 đến 2.84 trong đó phân phối điểm nằm chủ yếu trong vùng từ 2,67 đến 2,69. Đánh giá trước thực nghiệm cho thấy trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non cần phải được quan tâm giáo dục hòa nhập, giúp trẻ giao lưu với các bạn cùng lứa tuổi mới có thể phát triển các năng lực cá nhân của trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non

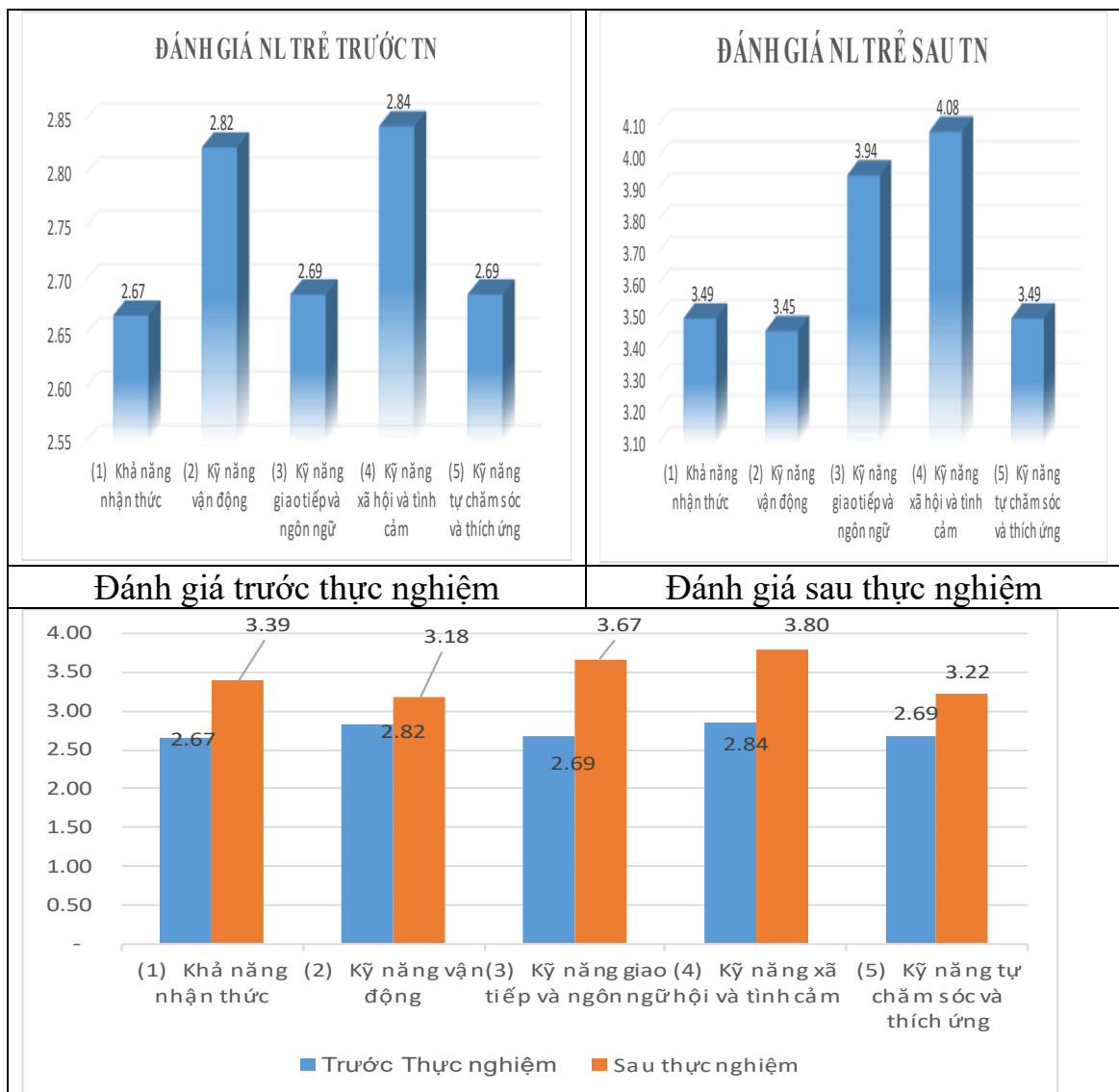
Đánh giá sau thực nghiệm cho thấy, dưới sự tác động của biện pháp quản lý đã nâng cao nhận thức của CBQL, GV, CMHS nhờ đó mà nâng cao năng lực

dạy học, trình độ chuyên môn nên hiệu quả giáo dục tốt hơn, các năng lực cá nhân của trẻ đều được cải thiện. Kết quả đo nghiệm sau thực nghiệm cho thấy phổ điểm đánh giá tăng rõ rệt từ 3,49 đến 4,08 trong đó điểm phân phối chủ yếu trong phổ điểm từ 3,45 đến 3,49. Kết quả đo nghiệm này cho thấy, trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non đã có sự phát triển tốt hơn đối với các năng lực cá nhân. Các kỹ năng có sự thay đổi rõ rệt đó là kỹ năng giao tiếp với đánh giá trước thực nghiệm 2,69, sau thực nghiệm đạt 3,94; tiếp theo là kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng của trẻ đạt với đánh giá trước thực nghiệm là 2,69 và sau thực nghiệm là 3,49

Phỏng vấn thêm CBQL, GV, CMHS cho thấy, kết quả trên có được nhờ sự đồng tình của phụ huynh và nhờ sự đồng thuận trong giáo dục của phụ huynh và giáo viên về định hướng giáo dục và chăm sóc trẻ

Kết quả này cũng cho thấy hiệu quả của biện pháp quản lý về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non đã có tác động tích cực tới sự hình thành và phát triển năng lực cho người học

Phổ điểm đánh giá năng lực học sinh trước và sau thực nghiệm đã chịu tác động tích cực từ biện pháp, các đánh giá đều tăng trong đó có một số năng lực của trẻ được đánh giá có cải thiện rõ rệt như năng lực ngôn ngữ (trước TN đạt điểm 2,55, sau thực nghiệm đạt điểm 3,67), kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng (trước thực nghiệm điểm đánh giá đạt 2,53, sau thực nghiệm điểm đánh giá đạt 3,53)



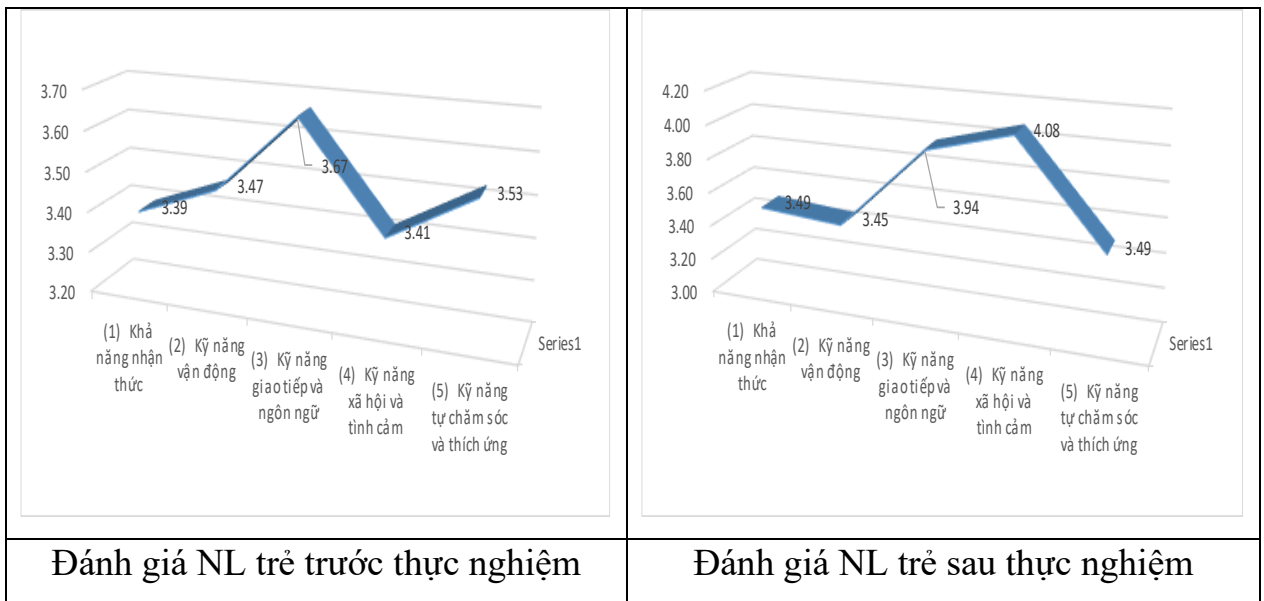
**Biểu đồ 3.10. Phổ điểm đánh giá của CBQL, GV về NL trẻ trước và sau thực nghiệm**

### 3.5.7. Đánh giá chung kết quả thực nghiệm

#### 3.5.7.1 Kết quả thực nghiệm

Cả 02 vòng TN phổ điểm giữa 02 nhóm trước khi có tác động và sau khi có tác động của biện pháp quản lý cho kết quả đánh giá tương đồng. Giáo viên sau khi được bồi dưỡng đã nâng cao năng lực giáo dục, phụ huynh sau khi được bồi dưỡng đã biết chăm sóc, biết chú ý tới kết hợp nhà trường trong giáo dục trẻ.

Kết quả phân tích cho thấy điểm số của đánh giá năng lực trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non STN có sự dịch chuyển theo hướng rộng hơn, phổ điểm san đều hơn. Điểm đánh giá năng lực của trẻ có sự phân phối khác với trước thực nghiệm, nếu trước giáo dục, năng lực được đánh giá cao nhất là năng lực thiên về tình cảm thì sau thực nghiệm đã có sự điều chỉnh, phổ điểm tập trung vào các năng lực phải rèn luyện mới có được đó là năng lực giao tiếp, kỹ năng tự chăm sóc.



**Biểu đồ 3.11. Tần suất đánh giá NL trẻ giữa hai lần thực nghiệm**

Nhìn vào Biểu trên, ta thấy đường biểu diễn tần suất xuất hiện của các loại điểm của STN cao hơn TTN và có xu hướng dịch chuyển cao hơn sang bên phải với các thông số tăng dần của thang điểm. Sự thể hiện mức độ sai khác giữa 2 đường biểu diễn tần suất xuất hiện các loại điểm cho thấy tác động của biện pháp quản lý rất tích cực đến thay đổi năng lực của trẻ

So sánh dữ liệu liên tục: Chênh lệch giá trị trung bình điểm số giữa 2 nhóm khá lớn. Giá trị chênh lệch này được thể hiện trong bảng 4,2-3.

**Bảng 3.2. Bảng so sánh giá trị trung bình điểm số**

STN	TTN	Giá trị chênh lệch
8,77	7,67	0.1



Giá trị chênh lệch là 0,1 cho thấy sự khác biệt về điểm số ở lớp được tác động bởi quá trình TN. Tuy nhiên, để khẳng định chênh lệch này là kết quả của tác động hay do nguyên nhân ngẫu nhiên khác chúng ta cần kiểm tra bằng giá trị P của kiểm chứng T- test. Phép kiểm chứng T-test phụ thuộc so sánh giá trị trung bình giữa 2 bài kiểm tra khác nhau của cùng một nhóm có ý nghĩa hay không. Giá trị P trong phép kiểm chứng T-test độc lập (độ tin cậy 95%) trước và sau thực nghiệm cho kết quả sau (xem Bảng 4.2-4).

**Bảng 3.3. Bảng thể hiện giá trị phép kiểm chứng T-test**

	<b>STN</b>	<b>TTN</b>	<b>Giá trị P</b>	<b>Đánh giá P</b>
<b>Giá trị trung bình</b>	8,77	7,67	0,001	0,001<0,05

**Bảng 3.4. Bảng đánh giá giá trị P**

<b>Giá trị P</b>	<b>Giá trị trung bình của hai nhóm</b>
P<= 0,05	Chênh lệch <b>CÓ</b> ý nghĩa
P> 0,05	Chênh lệch <b>KHÔNG CÓ</b> ý nghĩa

Căn cứ vào các Bảng 4,2-4 và 4,2-5 cho thấy, giá trị P trong phép kiểm chứng T – test ở kết quả học tập của HS được tác động bởi quy trình TN với nhóm còn lại trong nghiên cứu này là 0,001 nhỏ hơn 0,05 cho thấy P là giá trị có ý nghĩa. Kết quả điểm trung bình của mẫu được TN cao hơn mẫu không tác động TN cho thấy, không có kết quả xảy ra ngẫu nhiên, chênh lệch trung bình của điểm số là kết quả của tác động, các nguyên nhân ngẫu nhiên đã bị loại trừ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tác động của BTPB được thiết kế theo quy trình phân hóa đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với mẫu được tác động TN. Tuy nhiên tác động này lớn như thế nào lại phải dựa vào giá trị ES.

Mức độ ảnh hưởng (ES): Trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, độ lớn của chênh lệch giá trị TB (SMD) cho biết chênh lệch điểm trung bình do tác động của biện pháp mang lại có tính thực tiễn hoặc có ý nghĩa hay không (ảnh hưởng của tác động lớn hay nhỏ).

**Bảng 3.5. Mức độ ảnh hưởng**

Tên thông số kỹ thuật	STN	TTN
Giá trị trung bình	7,83	6,90
Độ lệch chuẩn	0,72	0,17
<b>ES</b>	<b>1,19</b>	

Trong đó, ES được tính theo công thức:

$$ES_{\text{KT sau tác động}} = \frac{\text{Giá trị TB}_{\text{Nhóm thực nghiệm}} - \text{Giá trị TB}_{\text{nhóm đối chứng}}}{\text{Độ lệch chuẩn}_{\text{Nhóm đối chứng}}}$$

**Bảng 3.6. Bảng tính mức độ ảnh hưởng**

Giá trị ES	Mức độ ảnh hưởng
>1,00	Rất lớn
0,80 – 1.,00	Lớn
0,50 – 0,79	Trung bình
0,20 – 0,49	Nhỏ
<2,20	Rất nhỏ

Nhìn vào Bảng 4,2-7 qua công thức tính mức độ ảnh hưởng (ES), căn cứ vào Bảng 4,2-6, chúng ta có thể thấy chỉ số đo mức độ ảnh hưởng là 1,19 so với quy định >1,00 thì mức độ ảnh hưởng ở đây là rất lớn.

Điều này cho chúng ta có thể kết luận: Việc tác động của biện pháp quản lý đến hoạt động giáo dục đã giúp cải thiện chất lượng dạy và học nhờ đó mà nâng cao năng lực học sinh.

### 3.5.7.2. Kiểm định tương quan

Vấn đề được đặt ra là liệu có sự tương quan nào giữa kết quả test đầu vào và kết quả test đầu ra của STN hay không? Nghĩa là chính HS đó ở bài kiểm tra đầu vào có kết quả tốt tương đương với kết quả ở bài kiểm tra đầu ra và nếu

điều này không xảy ra thì dữ liệu thu được không đáng tin cậy, không có cơ sở khoa học để xác định việc tác động sư phạm về biện pháp có ý nghĩa.

Do vậy, để giải quyết vấn đề đặt ra trong nghiên cứu, chúng tôi tập hợp dữ liệu của GV và HS sau tác động TN làm 2 cột: 1 cột là kết quả test đầu vào và 1 cột là kết quả test đầu ra, so sánh tương quan điểm số của HS đó qua 2 bài test để đánh giá mức độ tương quan. Phép tính tương quan Pearson được áp dụng.

Kết quả nhận được giá trị tương quan  $r = 0,86$ . So với tiêu chí được định ra thì giá trị tương quan này ở nhóm tương quan rất lớn, trong trường hợp này giải thích rằng những HS có NL tốt ở đầu vào sẽ được đánh giá NL tốt ở đầu ra.

**Bảng 3.7. Bảng kết luận mức độ tương quan Hopkins**

Giá trị r	Mức độ tương quan
< 0,1	Rất nhỏ
0,1 – 0,3	Nhỏ
0,3 – 0,5	Trung bình
0,5 – 0,7	Lớn
0,7 – 0,9	Rất lớn
0,9 - 1	Gần như hoàn toàn

Như vậy, các biện pháp được đề xuất trong luận án mang tính khả thi. Phù hợp trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non

### 3.5.7.3. Nhận xét về kết quả thực nghiệm

Kết quả TN cho thấy: Biện pháp quản lý giáo dục thông qua đổi mới quản lý đã mang lại hiệu quả cao, thể hiện ở chỗ:

- ✓ GV hiểu rõ vị trí vai trò của mình trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.
- ✓ GV sau thực nghiệm đã lập được kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật tại các trường mầm non từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục trên từng trẻ.

- ✓ Giáo viên có tinh thần trách nhiệm hơn đối với chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non.
- ✓ CMHS hiểu rõ vị trí vai trò của mình trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.
- ✓ CMHS sau sau thực nghiệm đã làm tốt hơn vai trò của mình, đã kết hợp nhà trường trong thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ
- ✓ CMHS luôn luôn bám sát theo dõi sự tiến bộ của trẻ
- ✓ Kết quả rèn luyện và chăm sóc trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non được cải thiện rõ rệt, Các năng lực, kỹ năng của trẻ cũng thay đổi thể hiện qua các điểm số đánh giá, đo lường đối với học sinh  
Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi tích cực chúng ta cũng cần tạo điều kiện để biện pháp mang tính khả thi hơn như:
  - ✓ Kết hợp các biện pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
  - ✓ Nên tạo cơ chế khuyến khích đối với đội ngũ giáo viên.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Căn cứ lý luận về quản lý quản lý GDHN TKT tại các trường mầm non tại chương 1, thực trạng quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại chương 2, đề tài đã đưa ra được những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng làm nền tảng để xây dựng và đề xuất biện pháp ở chương 3

Trong chương này, đề tài đã xây dựng được hệ thống các biện pháp quản lý nhằm tăng cường hiệu quả quản lý đối với các hoạt động giáo dục trong đó các biện pháp dự kiến sẽ tác động trực tiếp vào quá trình giáo dục và chăm sóc trẻ nhờ đó mà nâng cao hiệu quả giáo dục. Các biện pháp được xây dựng căn cứ vào một số nguyên tắc như nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu, nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa, nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi, nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và kế thừa, nguyên tắc đảm bảo tính hòa nhập, nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục sớm.

Trong số 5 biện pháp được đề xuất, biện pháp *“Quản lý bồi dưỡng nâng cao năng lực lập kế hoạch và thực hiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại các trường mầm non”* được đánh giá là có tính cần thiết và khả thi cao nhất, cũng là biện pháp có tác động tích cực trong nâng cao hiệu quả giáo dục được lựa chọn để tổ chức thực nghiệm sư phạm. Phân tích kết quả định lượng và định tính của quá trình của quá trình TNSP cho thấy tác động của biện pháp quản lý tới quy trình quản lý trong đó có các thành tố của quá trình giáo dục TKT tại các trường mầm non đã giúp nâng cao nhận thức cho GV, PH, NV và chính CBQL từ đó tác động đến hoạt động giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, góp phần phát triển các năng lực và khả năng cho TKT.

Từ kết quả của quá trình TNSP có thể khẳng định giả thuyết khoa học mà đề tài đã đề ra là đúng đắn, hiệu quả và có tính khả thi.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Giáo dục là con đường kiến tạo ra nhân cách một đứa trẻ. Dù là TKT hay trẻ không khuyết tật thì các em đều có quyền được chăm sóc, được giáo dục một cách tốt nhất. Mỗi con người nói chung, HS, SV nói riêng, đều có những đặc điểm sinh học – di truyền, đặc điểm tâm lý- xã hội khác nhau, tạo nên những đặc điểm cá biệt, độc đáo không ai giống ai... Đặc biệt với TKT tại các trường mầm non do đó, việc tạo một môi trường giáo dục hòa nhập cho TKT tại các trường mầm non là cần thiết.

Ở Việt Nam, chủ trương giáo dục TKT đã được Đảng, Nhà nước và Chính phủ quan tâm, quán triệt và chỉ đạo trong các văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, cho đến nay, hiệu quả giáo dục TKT tại các trường mầm non chưa được đánh giá cao trong khi đó, thực tế cho thấy nhu cầu được giáo dục hòa nhập của trẻ mầm non tương đối cao.

Từ yêu cầu của thực tiễn, trong bối cảnh hiện nay và từ tổng quan kinh nghiệm quốc tế, đề tài đã đặt bài toán quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non để tạo cơ hội phát triển tối đa cho trẻ em lứa tuổi MN. Hướng giáo dục hòa nhập là tiếp cận tổng thể trong nghiên cứu nhằm tạo cơ hội phát triển tốt nhất cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non.

Đề tài đã nghiên cứu xây dựng những vấn đề lý luận về quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non, làm sáng tỏ các khái niệm liên quan: quản lý giáo dục, hòa nhập, hướng hòa nhập, quản lý giáo dục hòa nhập, trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, trẻ khuyết tật tại các trường mầm non tại các trường mầm non, GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non ... Làm rõ lý luận về giáo dục hòa nhập cho TKT tại các trường MN và lý luận về quản lý giáo dục hòa nhập cho TKT tại các trường MN.

Dựa trên khung lý thuyết, với bộ công cụ khảo sát được thiết kế công phu, Đề tài đã tiến hành khảo sát thực tiễn tại 5 quận, huyện trên địa bàn TP Hà Nội

(Quận Cầu Giấy, Ba Đình, Long Biên, Huyện Mỹ Đức, Đan Phượng) kết quả khảo sát được phân tích, xác định những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của thực trạng giáo dục TKTMN, cũng như thực trạng quản lý giáo dục TKT tại các trường MN ở địa bàn khảo sát cho thấy hiện nay, tỷ lệ trẻ khuyết tật mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội tương đối nhiều, phần lớn trẻ được tham gia vào các chương trình giáo dục đặc biệt và giáo dục hòa nhập tại trường mầm non. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hiệu quả giáo dục và quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật chưa hiệu quả vì những lý do sau: nhận thức CBQL, GV chưa cao, phần lớn tiếp cận nhận thức theo vị trí việc làm nên chưa toàn diện; năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân của GV còn hạn chế, chưa có chính sách đãi ngộ phù hợp khuyến khích giáo viên chủ động trau dồi chuyên môn nâng cao năng lực giáo dục hòa nhập cho trẻ; các yêu cầu về kinh phí, chuyên môn phục vụ giáo dục hòa nhập cho trẻ chưa hoàn toàn đáp ứng, cần sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị, xã hội; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục khuyết tật chưa đạt yêu cầu do đó dẫn tới các khó khăn trong công tác giáo dục và cũng từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý.

Từ thực tiễn với những bài học kinh nghiệm thu được từ nghiên cứu tổng quan xu thế, kinh nghiệm về quản lý giáo dục TKT tại các trường MN, Đề tài đã đề xuất 5 biện pháp gồm: *Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, gia đình trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và các lực lượng giáo dục trong cộng đồng giáo dục về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; Quản lý bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch và thực hiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; Tham mưu, đề xuất và thực hiện chính sách tạo động lực cho đội ngũ giáo viên tham gia công tác giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non; Tổ chức huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GDHN trẻ khuyết*

*tật tại các trường mầm non; Đảm bảo các điều kiện phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non*

Ngoài ra, đề tài đã đánh giá được mối quan hệ, tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp, tính phù hợp thông qua đánh giá của chuyên gia và kết quả Thực nghiệm khoa học từ đó đánh giá được hiệu quả khi áp dụng biện pháp quản lý cũng như các khuyến nghị được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của biện pháp.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh/Thành phố**

Để mô hình này cần có sự chỉ đạo, hỗ trợ về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xây dựng cơ chế chính sách, chỉ đạo chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất...); sự phối kết hợp của các Bộ, Ngành và các cấp chính quyền (Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố) trong xây dựng các chính sách, các văn bản hướng dẫn và cơ chế hoạt động để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai mô hình mới), có cơ sở pháp lý để tạo được đồng thuận giữa các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội và nhà trường. Cụ thể:

- Xây dựng chế độ chính sách để xác định định biên, kinh phí, tiêu chí để mô hình CTS và GDHN TKT có thể hoạt động hiệu quả; xác định cơ cấu tổ chức, biên chế, tiêu chí đội ngũ, cơ sở vật chất... đáp ứng nhu cầu CTS và GDHN TKT ở các trường MN. Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động giữa các trường MN với các trung tâm giáo dục chuyên biệt, các cơ sở y tế, các tổ chức xã hội...

- Xây dựng cơ chế để có sự phối kết hợp chặt chẽ liên ngành giữa Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội để xây dựng được các chế độ chính sách nhằm tổ chức thực hiện được mô hình CTS và GDHN trong trường MN có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Tạo cơ chế để có sự vào cuộc của toàn xã hội, đặc biệt là các phương tiện thông tin đại chúng, để cho toàn dân hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, sự



cấp thiết mô hình CTS và GDHN TKT trong các trường mầm non nói riêng và trong toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam nói chung.

## **2.2. Đối với các cơ sở giáo dục**

- *Tổ chức quản lý của trường MN*: Biên chế được xác định dựa trên Đề án vị trí việc làm của trường MN, đội ngũ giáo viên can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập phải được đào tạo, bồi dưỡng có chuyên môn đào tạo từ trình độ cử nhân cao đẳng giáo dục đặc biệt trở lên để có thể thực hiện can thiệp theo giờ cho TKT; các hoạt động của các phòng CTS và hỗ trợ GDHN thực hiện theo kế hoạch hoạt động chuyên môn hàng năm của trường mầm non được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt; Ban giám hiệu trường MNTH quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động CTS và GDHN trong trường MN.

- *Các trường MN có sự phối hợp hoạt động với cơ sở chuyên biệt, cơ sở y tế và gia đình.*

+ *Trường mầm non*: Chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị, trực tiếp thực hiện can thiệp cá nhân theo giờ và tổ chức GDHN TKT. Ban Giám hiệu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phối hợp hoạt động và tổ chức thực hiện; GVMN phối hợp với giáo viên chuyên biệt làm nhiệm vụ CTS giúp cho TKT có thể phát triển các kĩ năng cá nhân để có khả năng tham gia các hoạt động GDHN.

+ *Cơ sở Giáo dục chuyên biệt*: Hỗ trợ giảng viên tham gia tư vấn, hỗ trợ phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho TKT; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn về GDĐB cho GVMN các trường mầm non; hỗ trợ xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân nhằm CTS cho TKT một cách hiệu quả nhất; phối hợp hoạt động chuyên môn với các cơ sở giáo dục đặc biệt, các cơ sở nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục đặc biệt và các trường mầm non để xây dựng nội dung, chương trình.

+ *Cơ sở y tế*: Hỗ trợ chuyên môn đánh giá dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật của trẻ; kiểm tra đánh giá sức khỏe định kỳ cho trẻ; hỗ trợ phục hồi chức năng và điều trị.

### **2.3. Đối với giáo viên**

Để giúp trẻ KT hòa nhập và phát triển đòi hỏi các nhà giáo dục/GV phải có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết về trẻ KT để việc phát triển các chương trình/kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) có hiệu quả vì công tác giáo dục hòa nhập trẻ KT trong lớp học thường xuyên mang đến những thách thức.. Với các mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn cụ thể, trong một IEP cần được xây dựng cẩn thận, phù hợp với khả năng nhu cầu, sở thích của từng trẻ KT. Nội dung can thiệp sớm trẻ KT bao gồm tất cả các lĩnh vực phát triển. IEP được thiết kế và thường xuyên xem xét bởi giáo viên hòa nhập, giáo viên hỗ trợ và tham khảo ý kiến cha mẹ. Sau đó, giáo viên và cha mẹ theo kế hoạch này để can thiệp cho trẻ KT. IEP này sẽ được sửa đổi theo nhu cầu học tập cá nhân phù hợp với đặc điểm của mỗi đứa trẻ, các giáo viên hỗ trợ thực hiện chương trình và quản lý các vấn đề về hành vi.

*Giáo viên cần có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với gia đình, cha mẹ trẻ*: Duy trì giao tiếp thường xuyên với cha mẹ trẻ, tăng cường sự tham gia của cha mẹ trẻ trong các hoạt động ở trường MN, cung cấp thông tin cho cha mẹ trẻ về chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình; mở các lớp tập huấn cho cha mẹ trẻ về kiến thức, cách thức tổ chức hoạt động, kỹ năng sử dụng các đồ dùng và trang thiết bị để hỗ trợ trẻ rèn luyện và học tập tại nhà.

### **2.4. Đối với cha mẹ trẻ**

Giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non là một lĩnh vực rất quan trọng và cần sự quan tâm đặc biệt từ phụ huynh.

Tham hoạt động giáo dục tại trường mầm non. Điều này giúp cho phụ huynh có kiến thức giúp con thích nghi và phát triển kỹ năng xã hội cũng như kỹ năng học tập.

Tìm hiểu và thảo luận với giáo viên và chuyên gia về phương pháp giáo dục phù hợp nhất cho con. Phương pháp giáo dục phù hợp sẽ giúp con tiếp thu kiến thức tốt hơn.

Hỗ trợ con em bạn phát triển kỹ năng sống theo kế hoạch phát triển cá nhân của học sinh được nhà trường thiết kế. Điều này giúp con tự tin và có khả năng thích nghi với các môi trường khác nhau.

Đặt mục tiêu phù hợp với khả năng của con, giúp con có động lực và sự hưng phấn trong học tập và phát triển bản thân.

Phụ huynh cần phải đồng hành với nhà trường để con có môi trường học tập với các điều kiện đáp ứng tốt nhất

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ  
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trương Thị Minh Phượng (2020), “Xây dựng mô hình can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật tại các trường mầm non ở vùng đồng bằng, trung du và miền núi – Thực trạng và giải pháp” *Tạp chí nghiên cứu dân tộc*, tháng 6 năm 2020.
2. Trương Thị Minh Phượng (2020), “Biện pháp quản lý trẻ khuyết tật mầm non tại các trường mầm non theo hướng tiếp cận hòa nhập ở vùng đồng bằng, trung du và miền núi trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay”, *Tạp chí nghiên cứu dân tộc*, tháng 9 năm 2020.
3. Trương Thị Minh Phượng (2023), *An Overview of Studies on the Inclusive Education of Preschool Children with Disabilities*, International Journal of Advanced Multidisciplinary Research and Studies, E ISSN: 2583-049X; 3(2):306-312
4. Trương Thị Minh Phượng (2023), “Thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, tháng 4 năm 2023.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Đặng Quốc Bảo (1999), Khoa học Tổ chức và Quản lý, NXB Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003) *Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003-2015*. Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Báo cáo Khảo sát thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo dục hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật*, Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 05 năm 2006, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*, Hà Nội
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29 tháng 01 năm 2018.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Điều lệ trường mầm non*, Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non*, Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.
11. Nguyễn Hữu Chi (2003), *Thực trạng đội ngũ giáo viên dạy trẻ khuyết tật ở một số tỉnh phía nam và các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo*. Nguồn: 123doc.vn,
12. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005), *Những xu thế quản lý hiện đại và việc vận dụng vào quản lý giáo dục*, Khoa Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*. Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
14. Trần Thị Mỹ Dung (2017). “*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường mầm non quận 3 - TP. HCM*”. Tạp chí Giáo dục số 416, kì 2, Tháng 10/2017.
15. Trần Thị Mỹ Dung (2017). “*Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường mầm non*”. Tạp chí Giáo dục, số Đặc biệt, kì 3, tháng 8/2017.
16. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006). *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*. Chương trình khoa học công nghệ, cấp Nhà nước, mã số KX05.
17. Nguyễn Minh Đường (2012). “*Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực*”. **Tạp chí Khoa học giáo dục số 76, tháng 1-2012.**
18. Nguyễn Minh Đường (2015). “*Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới*”. **Tạp chí Khoa học Giáo dục số 117, tháng 6 năm 2015.**
19. Nguyễn Văn Đệ (2014). “*Hoạt động đào tạo giáo viên trong bối cảnh mới*”. Tạp chí Giáo dục số 327 (Kì 1-2/2014).

20. Nguyễn Đức Hữu (2014), *Thực trạng và định hướng phát triển giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020*, Tạp chí giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo.
21. Nguyễn Hữu Đức (2023). *Quản lý giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp tiểu học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng*. Luận án tiến sĩ Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Phạm Minh Hạc (1988), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Dương Phương Hạnh (2016), *Thực trạng và biện pháp phát triển nguồn nhân lực GDHN trẻ khuyết tật ở Việt Nam*, Tạp Chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
24. Nguyễn Xuân Hải (2007), *Phát triển chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý về giáo dục trẻ khuyết tật*, Bản tin Dạy và Học trong nhà trường, Viện Nghiên cứu Sư phạm - Trường ĐHSP Hà Nội, số 1 (2007), 26-28.
25. Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
26. Nguyễn Xuân Hải (2010), *Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên dạy học hòa nhập trẻ có hoàn cảnh đặc biệt trong trường phổ thông*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 16 (2010), 32-35.
27. Nguyễn Xuân Hải (2010). *Quản lý giáo dục hòa nhập*. NXB ĐHSP Hà Nội.
28. Nguyễn Xuân Hải (2015), *Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục đặc biệt cho các nhà trường mầm non ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Giáo dục đặc biệt, Trường CĐSP TW.
29. Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Đức Hữu (2018), *Tổng quan nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp Tiểu học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội, Volume 63, Number 9AB, 2018, tr.28-39.

30. Lê Thị Thúy Hằng (2006), *Phát triển năng lực GDHN trẻ khuyết tật cho đội ngũ giáo viên mầm non*. Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt - kì 2 tháng 6/2016.
31. Lê Thị Thúy Hằng (2011), *Nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*, Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số: B2007-33-06.
32. Lê Thị Thúy Hằng (2017), *Nhu cầu hỗ trợ của trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 138, tháng 3/2017.
33. Harold Koontz. *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. NXB Khoa học Kỹ thuật, 1992.
34. Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2011), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
35. Bùi Thế Hợp (2008). *Đánh giá nhu cầu giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*.
36. Lê Vũ Hùng (2001). *Giáo dục trẻ em khuyết tật: Thực trạng và định hướng phát triển*. Tạp chí Giáo dục, số 5 (6/2001).
37. Phan Văn Kha, Nguyễn Lộc (2021). *Nghiên cứu xây dựng khung Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030*. Đề tài Khoa học cấp Quốc gia, mã KHGD/16-20.ĐT.041.
38. Trần Kiểm (2014-In lần thứ 7), *Những vấn đề cơ bản của Khoa học quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
39. Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2012). *Giáo trình giáo dục hòa nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam
40. Nguyễn Văn Lê (2012). *Tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực CTS giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam*. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ theo Nghị định thư giữa Việt Nam và Australia.
41. Liên hiệp quốc. *Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của người khuyết tật (UNCRPD)*, NXB Chính trị Quốc gia.
42. Liên hiệp quốc (1997). *Công ước Quốc tế về quyền trẻ em*, NXB Chính trị Quốc gia.



43. Nguyễn Lộc (2010), trong “*Những vấn đề lí luận cơ bản về phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam*”- Đề tài trọng điểm cấp Bộ B2006-37-02TĐ.
44. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí Bảo (1997), *Cơ sở khoa học về quản lý giáo dục*, Trường Quản lý cán bộ GD&ĐT, Hà Nội.
45. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2003), *Người giáo viên thế kỷ XXI: Sáng tạo - hiệu quả*, Tạp chí dạy và học ngày nay (7), Hà Nội.
46. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2011), *Phát triển đội ngũ GV trong thế kỉ 21*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
47. Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2016), *GDHN trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
48. Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc (2006). *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam: Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. Nxb Giáo dục.
49. Phạm Minh Mục (2005), “*Công tác quản lý của hiệu trưởng trong trường tiểu học hòa nhập*”, Tạp chí Giáo dục, Số 124, tháng 10/2005, trang 11-13
50. Phạm Minh Mục (2006). “*Một số biện pháp can thiệp sớm cho trẻ khiếm thị*”. Đề tài cấp Bộ, mã số B2005 -80-26.
51. Phạm Minh Mục và các tác giả (2010), *Quản lý giáo dục hòa nhập*, NXB phụ nữ.
52. Phạm Minh Mục và Trần Thị Văng (2012), “*Xây dựng chính sách giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*”, Tạp chí Khoa học giáo dục, Số 82, tháng 7/2012, trang 33-35
53. Phạm Minh Mục (2013). “*Xây dựng kế hoạch hành động triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trẻ khuyết tật*”, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 92/2013, trang 1-4,11
54. Cao Thị Xuân Mỹ, Nguyễn Thị Cẩm Hương (2016) *Nhu cầu về nguồn nhân lực cho giáo dục hòa nhập ở trường Tiểu học*, Tạp Chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

55. Trần Thị Bích Ngọc (2016). “*Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy hòa nhập học sinh khuyết tật tại trường phổ thông*”.
56. Trần Thị Bích Ngọc (2021). “*Phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp*”. Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
57. Ngô Thị Kim Ngọc, Hoàng Thị Nho, Lưu Thị Chung (2018). *Hỗ trợ đào tạo giáo viên giáo dục hòa nhập tại các nước châu Âu: Bài học kinh nghiệm. Kỉ yếu tại hội thảo quốc gia về “Chính sách về giáo dục hòa nhập: Thực tiễn và sự thúc đẩy”* tháng 3/2018 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
58. Lê Ánh Nguyệt, Dương Thị Hoài, Phạm Thị Huế, Bùi Thị Kim Xuân, Trần Văn Công (2015), *Nghiên cứu về mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phát triển trong trường mầm non*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 60, Number 6BC, 2015. ISSN 0868-3719. Trang 64-74
59. Hoàng Thị Nho (Đồng Tác giả) (2006). *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục.
60. Hoàng Thị Nho (Đồng Tác giả) (2011). *Giáo dục hòa nhập*. NXB Giáo dục.
61. Hoàng Thị Nho (Đồng Tác giả) (2015). *GDHN trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
62. Hoàng Thị Nho, Nguyễn Hà My (2017). *Năng lực sử dụng thiết bị hỗ trợ và đồ dùng dạy học của nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật*. Kỉ yếu hội nghị quốc tế về “Giáo dục đại học STEM cho phát triển đồng bằng Sông Cửu Long” tại Đại học Cần Thơ tháng 11/2017.
63. Cao Thị Hồng Nhung (2016). “*giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non: Khó khăn và biện pháp*”. Tạp chí Giáo dục, Số Đặc biệt, kì 2 tháng 6/2016.
64. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Trung ương I, Hà Nội.

65. Quốc hội (1998), *Pháp lệnh về người tàn tật*, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số 06/1998/PL-UBTVQH10 ngày 30/7/1998.
66. Quốc hội (2010). *Luật người khuyết tật*. Luật số 51/2010/QH12 của Quốc hội
67. Quốc hội (2018). *Luật trẻ em*. Luật số 14/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Quốc hội.
68. Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục*, Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Bá Sơn (2000), *Một số vấn đề cơ bản về khoa học quản lý*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Lê Văn Tạc (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ chậm phát triển trí tuệ cấp tiểu học*, NXB Lao động - Xã hội Hà Nội.
71. Võ Xuân Tiến (2010), “*Một số vấn đề về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng. Số 5 (40).
72. Tổ chức cứu trợ trẻ em của Thụy Điển (1998), *Tiến tới giáo dục hoà nhập: Kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
73. Lê Tiên Thành, Lê Văn Tạc, Trần Đình Thuận, Nguyễn Xuân Hải (2008). “*Quản lí GDHN trẻ khuyết tật ở Tiểu học*”.
74. Trần Thị Thiệp (2016), *Thực trạng của sinh viên tốt nghiệp ngành giáo dục đặc biệt trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tạp chí giáo dục, tháng 6/2016.
75. Ngô Thị Kim Thoa (2008). “*Thực trạng bồi dưỡng giáo viên tiểu học dạy hòa nhập trẻ khuyết tật*”.
76. Đinh Nguyễn Trang Thu (2017). *Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở tiểu học*. Luận án tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội
77. Đào Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Hồ Thị Nết (2016), Can thiệp sớm hỗ trợ giáo dục hòa nhập theo mô hình trung tâm: Hiệu quả và những bài học kinh nghiệm, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, kỳ 2 tháng 2 năm 2016, tr.124-126, 185.

78. Unesco (1998). *Tuyên bố Salamanca và Cương lĩnh hành động về giáo dục theo nhu cầu đặc biệt*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Nguyễn Thụy Tố Uyên (2018) về “*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường tiểu học quận 3 - TP.HCM*”. Tạp chí Giáo dục, Số 430 (Kì 2 - 5/2018), tr 12-16.
80. Nguyễn Thị Hoàng Yến và cộng sự (2014), *Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011 – 2020*, Đề tài độc lập cấp nhà nước, Hà Nội
81. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015). *Phát triển mô hình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non*. Tạp chí Khoa học trường ĐHSPTHN, Vol.60, No.8C, pp.11-16.

#### **Tài liệu nước ngoài**

82. Boer, A D., Pijl, S. J., & Minnaert, A (2011). Regular primary schoolteachers' attitudes towards inclusive education: A review of the literature. *International Journal of Inclusive Education*, 15(3): 331-353.
83. Backer, Wang & Wahlberg (1994). *The effects of inclusion on learning*. Educational Leadership, 52, 33-35.
84. Bernd Meier (2007). "*Management and leadership education*".
85. Catholic Relief Services Vietnam (2010). *How To Guide: Preparing teachers for inclusive education*. Retrieved from [http://www.crsprogramquality.org/storage/pubs/education/edhowto\\_vietnam2.pdf](http://www.crsprogramquality.org/storage/pubs/education/edhowto_vietnam2.pdf)
86. Department of Education Directorate South of Africa (2002), *Inclusive Education, Conceptual and Operation Guidelines for the Implementation of Inclusive Education*.
87. Department of Teacher Education (2011). *Review of Pre-service Teacher Education System in Lao PDR: Final Report*. Vientiane: Department of Teacher Education. Enabling Education Network. (2005) *Learning from Difference: An action research guide*. Manchester: Enabling Education

- Network. Retrieved from  
[http://www.eenet.orq.uk/resources/docs/Learning from Difference Guidelines. pdf](http://www.eenet.orq.uk/resources/docs/Learning%20from%20Difference%20Guidelines.pdf)
88. Enabling Education Network (2006). Special Edition: Teacher Education. *Enabling Education*, 10: 15-18. Retrieved from [http://www.eenet.orq.uk/resources/docs/enabling education1 O.pdf](http://www.eenet.orq.uk/resources/docs/enabling%20education1%20O.pdf)
  89. European Agency for Development in Special Needs Education (2010). *Teacher Education for Inclusion: International literature review*. Odense: European Agency for Development in Special Needs.
  90. Florian, I. (2012). Teacher education for inclusion: A research agenda for the future. In C. Forlin (Ed.), *Future Directions for Inclusive Teacher Education An International Perspective*, 212-220. UK: Routledge.
  91. Florian, I., & Linklater, H. (2010). Preparing teachers for inclusive education: Using inclusive pedagogy to enhance teaching and learning for all. *Cambridge Journal of Education*, 40(4): 369-386.
  92. Forlin, C. (2010a). *Teacher Education for Inclusion: Changing paradigms and innovative approaches*. Oxford: Routledge.
  93. Forlin, C. (2010b). Reframing Teacher education for inclusion. In Forlin, C. (Ed.), *Teacher Education for Inclusion: Changing paradigms and innovative approaches* (pp. 3-12). Oxford: Routledge.
  94. Forlin, C. & Chambers., D. (2011). 'Teacher preparation for inclusive education: Increasing knowledge but raising concerns'. *Asia-Pacific Journal of Teacher Education*, 39 (1): 17-32.
  95. Fox, M. (2005). *A Review of Inclusive Education Programming for Pre-Service and In-Service Teachers, Teaching Assistants and Student Services Administrators* [Consultancy report]. Sackville: Mount Allison University. Retrieved from <http://www.gnb.ca/OOOO/publications/mackay/appendixi.pdf>

96. Friend M. V& Bursuck W (1996), *Including students with special needs – A practical guide for classroom teacher*, Boston: Allyn and Bacon.
97. Inscow, M. (2008). 'Inclusive Education: The way of the future', International Conference on Education 48th session, Geneva, Switzerland, 25-28 November 2008: final report. Geneva: UNESCO International Bureau of Education. Retrieved from [http://www.ibe.unesco.org/fileadmin/user\\_upload/Policy\\_Dialogue/48th\\_ICE/ICE\\_FINAL\\_REPORT\\_eng.pdf](http://www.ibe.unesco.org/fileadmin/user_upload/Policy_Dialogue/48th_ICE/ICE_FINAL_REPORT_eng.pdf)
98. Jean B. Crockett, Bonnie Billingsley, Mary Lynn Boscardin (2012). *“Handbook of Leadership and Administration for Special Education”*.
99. Karren Kearns (2010), *The big picture: Working in Children’s Services Series*, Pearson Publisher.
100. Koehler, M. J., & Mishra, P. (2009). *What is Technological Pedagogical Content Knowledge (TPACK)?* Contemporary Issues in Technology and Teacher Education, 9(1), 60-70.
101. Kri International Corp (2002), *“The National school mapping and micro-planning project”*, Unesco.
102. Lipsky, D.K., Gartner, A. (1997), *Inclusion and School Refom: Transforming America’s Classrooms*, Paul H. Brookes Publishing Co., PO Box 10624, Baltimore, Maryland.
103. Lisa R. Churchill, Rita Mulholland and Michelle R. Cepello (2007), *A Practical Guide for Special Education Professionals*, Pearson Press
104. McWilliam, R. A. (2010). *Routines-based early intervention*. Baltimore: Brookes Publishing Co.
105. McNeil, M., Villa, R., Thousand, J. (1995). *Enhancing special education teacher education in Honduras: Aninternational cooperation model*. In A.J. Artiles & D.P. Hallahan (Eds.), *Special Education in Latin America: Experiences and issues*, (pp. 209-230). London: Praeger.

106. National Union of Teachers. (2000). Meeting The Needs Of Teachers Wrth Disabilities: Message From The GeneralSecretary. London: NUT. Retrieved from <http://www.teachers.org.uk/files/active/O/fddisabilityv.pdf> or <http://www.teachers.org.uk/node/1343>
107. Nevin, A, Thousand, J., & Villa, R. (2009). Collaborative teaching for teacher educators -What does the research say? *Teaching and Teacher Education*, 25(40): 569-574.
108. Nguyen Xuan Hải and EDA Yussuke (2015), *Models of Inclusive Education Support for Children with Disabilities: More than 20 Years of Practicve in Vietnam*, Faculty of Education WAKAYAMA University, Bulletin of Centre for Education Recearch and Training, No.65, pp.49-56, ISSN 1342-5331
109. Nguyet, T.H., & Ha, LT. (201 0). *How to Guide. Preparing Teachers for Inclusive Education*. Hanoi: Catholic Relief Services. Retrieved from [http://www.crsprogramquality.org/storage/pubs/education/edhowto\\_vietnam2.pdf](http://www.crsprogramquality.org/storage/pubs/education/edhowto_vietnam2.pdf)
110. Ono Jiro, Ueno Kazuhiko, Fujita Tsugumichi (2007), *Hiểu rõ hơn về khuyết tật phát triển (LD, ADHD, Tự kỉ chức năng cao, Hội chứng Asperger)*, NXB Meneruva.
111. Owen-DeSchryver, Carr, Cal, Blakeley-Smith (2008). *Promoting social interactions between students with autism spectrum disorders and their peersbin inclusive school set-tings*. Focus on Autism and Other Developmental Disabilities, 23(1), pp. 15-28.
112. Peters, S. (2004). *Inclusive Education: An EFA strategy for all children*. Washington: World Bank. Retrieved from [http://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/278200-1099079877269/5476641099079993288/InclusiveEdu\\_efa\\_strategy\\_for\\_children.pdf](http://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/278200-1099079877269/5476641099079993288/InclusiveEdu_efa_strategy_for_children.pdf)

113. Raver, S.A (2009), *Early childhood special education, 0 - 8 years: Strategies for positive outcomes*, New Jersey: Pearson Education.
114. Shimidu Sadao, Fujimoto Bunro (2009), *Từ khoá giáo dục trẻ khuyết tật – Kiến thức cơ bản thời đại giáo dục hỗ trợ đặc biệt (có chỉnh lý)*, NXB Kamogawa
115. Smit, E.C.T at al (1998), *Teaching students with special needs in inclusive settings*, 2nd. Boston: Allyn and Bacon.
116. Stainback, S.B.E., Stainback, W.C (1996), *Inclusion: A guide for educators*, Paul H. Brookes Publishing.
117. Schulze, M. (2010). A Handbook on the Human Rights of Persons with Disabilities: Understanding the UN Convention On The Rights Of Persons With Disabilities, 3rd Edition. New York, Handicap International. Retrieved from.
118. Susan M. Bruce và Gerald J. Pine (2010). “*Action Research in Special Education: An Inquiry Approach for Effective Teaching and Learning*”, Teachers College Press
119. The American Physical Therapy Association. “*The Role of Physical Therapy with Infants, Toddlers, and their Families in Early Intervention*”
120. UNICEF & Australian Government (2013), *Educating Teachers for Children with Disabilities*.
121. Villa and Thousand (2005). “*Creating an inclusive school*”.
122. Wagner, S. (2002), *Inclusion Programming for the Middle School Student with Autism/Asperger’s Syndrome: Topics and Issues for Consideration by Teachers and Parents*, Future Hozions.
123. Winter, E. C. (2005). *Preparing New Teachers for Inclusive Schools and Classrooms*. Education Subject Centre of the Higher Education Academy. Retrieved from <http://dera.ioe.ac.uk/13050/>
124. William L. Heward (1996), *Exceptional Children: An Introduction to Special Education*. 5th Edition, Prentice-Hall Inc



125. World Bank (2005). *Education for All: The cost of accessibility*. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/2005/08/7427084/education-all-cost-accessibility>.
126. Cook, R. E., Richardson-Gibbs, A. M., & Nielsen, L. (2016). *Strategies for including children with special needs in early childhood settings*. Cengage Learning
127. Coster, W., & Khetani, M. A. (2008). *Measuring participation of children with disabilities: Issues and challenges*. *Disability and rehabilitation*, 30(8), 639-648
128. Love, H. R. (2018). *Understanding high-quality inclusive education across early childhood settings* (Doctoral dissertation, University of Kansas);
129. Bayat, M. (2016). *Teaching exceptional children: Foundations and best practices in inclusive early childhood education classrooms*. Taylor & Francis.;
130. Aveno, A. (1994). *The Systematic Inclusive Preschool Education Model for Children with Severe Disabilities*. Final Report.
131. Huang, HH, & Diamond, KE (2009). *Ý tưởng của giáo viên mầm non về việc đưa trẻ khuyết tật vào các chương trình được thiết kế dành cho trẻ phát triển điển hình*. Tạp chí Quốc tế về Khuyết tật, Phát triển và Giáo dục , 56 (2), 169-18

## **PHỤ LỤC PHIẾU KHẢO SÁT**



## B. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

(Dành cho Ban giám hiệu)

**Câu 4: Xin Thầy/cô cho biết cho biết một số thông tin về trường:**

**(1) Tổng số học sinh:**.....(năm học: 2017-2018)

Trong đó: Nam:.....em

Nữ:..... em

Tổng số trẻ: .....: trong đó trẻ khuyết tật mầm non :.....HS chia ra thành:.....lớp

**(2) Tổng số giáo viên:** ..... người

Số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật mầm non :.....người

Trong đó: Nam:..... Nữ:.....người

**(3) Số lượng giáo viên tham gia GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non :**

- Số lượng giáo viên dạy trẻ khuyết tật mầm non : .....

- Số lượng giáo viên chăm sóc trẻ khuyết tật mầm non (không tham gia dạy):.....

**(4) Đặc điểm trẻ khuyết tật mầm non học tại trường:**

.....Học riêng lớp: .....

.....Học chung với trẻ không khuyết tật: .....

**(5) Ý kiến của Thầy cô về giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong trường:**

.....

.....

.....

**C. THÔNG TIN VỀ GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON**  
**I. NHẬN THỨC VỀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI**  
**CÁC TRƯỜNG MẦM NON**

**Câu 5: Thầy/cô đồng ý ở mức độ nào những nhận định dưới đây (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

	<b>Mức độ đồng ý</b> (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
(1) GDHN TRẺ KT nhằm đảm bảo trẻ có nhu cầu đặc biệt được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến					
(2) GDHN TRẺ KT nhằm phát triển toàn diện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động					
(3) GDHN TRẺ KT nhằm giúp trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ					
(4) Khác (ghi cụ thể): .....					

**Câu 6. Thầy/cô đồng ý ở mức độ nào những nhận định dưới đây (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

	<b>Mức độ đồng ý</b> (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
(1) GDHN TRẺ KT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi					
(2) GDHN TRẺ KT nhằm đạt trình độ phát triển tối đa về kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt					
(3) GDHN TRẺ KT nhằm giáo dục lao động cho trẻ có khả năng công hiến cho xã hội như trẻ không khuyết tật					
(4) GDHN TRẺ KT nhằm phục hồi chức năng cho <b>trẻ trẻ khuyết tật mầm non tại các trường mầm non</b> bằng cách chăm sóc sức khỏe, thần kinh, cải thiện trí nhớ					
(5) Khác (ghi cụ thể): .....					

## II. THỰC TRẠNG GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON

**Câu 7. Xin Thầy/cô cho biết về thực trạng xác định nhu cầu khả năng của trẻ? (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

Mục tiêu	Mức độ phù hợp (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)					Kết quả đạt được (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
(1) Nhu cầu về năng lượng										
(2) Nhu cầu về an toàn										
(3) Nhu cầu về vui chơi vận động										
(4) Nhu cầu về chăm sóc, tình cảm										
(5) Nhu cầu về phát triển nhận thức										
(6) Nhu cầu về giao tiếp và ngôn ngữ										
(7) Sự phát triển về thể chất										
(8) Khả năng giao tiếp và ngôn ngữ										
(9) Khả năng nhận thức										
(10) Khả năng phát triển tình cảm										
(11) Khả năng phát triển thẩm mỹ										
<i>Mục tiêu khác (xin ghi cụ thể):</i>										

**Câu 8. Xin Thầy/cô cho biết về thực trạng lập kế hoạch giáo dục hòa nhập cho trẻ?**

(đánh dấu X vào ô phù hợp)

Mục tiêu	Mức độ phù hợp (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)					Kết quả đạt được (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
(12) Xây dựng mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non										
(13) Lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật mầm non										
<i>Mục tiêu khác (xin ghi cụ thể):</i>										













**Câu 21. Thầy/cô có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA THẦY /CÔ**



**B. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

*(dành cho Ban giám hiệu)*

**Câu 4: Xin Thầy/cô cho biết cho biết một số thông tin về trường:**

**(3) Tổng số học sinh:**.....(năm học: 2017-2018)

Trong đó: Nam:.....em

Nữ:..... em

Tổng số trẻ: .....: trong đó trẻ khuyết tật mầm non :.....HS chia ra thành:.....lớp

**(4) Tổng số giáo viên:** ..... người

Số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật mầm non :.....người

Trong đó: Nam:..... Nữ:.....người

**(3) Số lượng giáo viên tham gia GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non :**

- Số lượng giáo viên dạy trẻ khuyết tật mầm non : .....

- Số lượng giáo viên chăm sóc trẻ khuyết tật mầm non (không tham gia

dạy):.....

**(4) Đặc điểm trẻ khuyết tật mầm non học tại trường:**

.....Học riêng lớp: .....

.....Học chung với trẻ không khuyết tật: .....

**(5) Ý kiến của Thầy cô về giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong trường:**

.....  
.....  
.....

### C. THÔNG TIN VỀ GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON

#### II. NHẬN THỨC VỀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON

**Câu 5:** Thầy/cô đồng ý ở mức độ nào những nhận định dưới đây (đánh dấu X vào ô phù hợp)

	Mức độ đồng ý (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5
(5) GDHN TRẺ KT nhằm đảm bảo trẻ có nhu cầu đặc biệt được hưởng các quyền cơ bản như quyền được giáo dục, quyền tự do không tách biệt, có cơ hội công hiến					
(6) GDHN TRẺ KT nhằm phát triển toàn diện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và khả năng lao động					
(7) GDHN TRẺ KT nhằm giúp trẻ có nhu cầu đặc biệt hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa, thái độ tích cực cho trẻ					
(8) Khác (ghi cụ thể): .....					

**Câu 6.** Thầy/cô đồng ý ở mức độ nào những nhận định dưới đây (đánh dấu X vào ô phù hợp)

	Mức độ đồng ý (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5
(9) GDHN TRẺ KT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt như trẻ mầm non theo độ tuổi					
(10) GDHN TRẺ KT nhằm đạt trình độ phát triển tối đa về kiến thức, kỹ năng văn hóa cho trẻ trong thời gian và môi trường GD đặc biệt					
(11) GDHN TRẺ KT nhằm giáo dục lao động cho trẻ có khả năng công hiến cho xã hội như trẻ không khuyết tật					
(12) GDHN TRẺ KT nhằm phục hồi chức năng cho trẻ <b>trẻ khuyết tật mầm non tại các trường mầm non</b> bằng cách chăm sóc sức khỏe, thần kinh, cải thiện trí nhớ					
(13) Khác (ghi cụ thể): .....					

## II. THỰC TRẠNG GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON

**Câu 7. Xin Thầy/cô cho biết về thực trạng xác định nhu cầu khả năng của trẻ? (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

Mục tiêu	Mức độ phù hợp (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)					Kết quả đạt được (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
(21)Nhu cầu về năng lượng										
(22)Nhu cầu về an toàn										
(23)Nhu cầu về vui chơi vận động										
(24)Nhu cầu về chăm sóc, tình cảm										
(25)Nhu cầu về phát triển nhận thức										
(26)Nhu cầu về giao tiếp và ngôn ngữ										
(27)Sự phát triển về thể chất										
(28)Khả năng giao tiếp và ngôn ngữ										
(29)Khả năng nhận thức										
(30)Khả năng phát triển tình cảm										
(31)Khả năng phta triển thẩm mỹ										
Mục tiêu khác (xin ghi cụ thể):										

**Câu 8. Xin Thầy/cô cho biết về thực trạng lập kế hoạch giáo dục hòa nhập cho trẻ? (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

Mục tiêu	Mức độ phù hợp (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)					Kết quả đạt được (với 1 là rất cao, 5 là rất thấp)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
(32)Xây dựng mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non										
(33)Lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật mầm non										
Mục tiêu khác (xin ghi cụ thể):										













**Câu 21. Thầy/cô có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA THẦY /CÔ**

**PHỤ LỤC 2**  
**PHIẾU HỎI Ý KIẾN**  
**(Phụ huynh học sinh)**

Để có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, Xin Ông/bà cho biết cho biết ý kiến của mình thông qua việc trả lời những câu hỏi dưới đây (điền vào chỗ trống hoặc tích dấu x vào ô phù hợp). Mọi thông tin trong phiếu này chỉ nhằm mục đích phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, không sử dụng để đánh giá bất cứ cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà.

**PHẦN A. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Xin Ông/bà cho biết cho biết một số thông tin bản thân:**

**Câu 1. Ông/bà đang công tác tại:** .....

Địa chỉ : .....Xã .....Huyện .....Tỉnh .....

**Câu 2. Trình độ văn cao nhất :**

Cao đẳng	<input type="checkbox"/>
Đại học	<input type="checkbox"/>
Thạc sĩ	<input type="checkbox"/>
Tiến sĩ	<input type="checkbox"/>

**Câu 3. Thông tin về con của Ông/bà**

Độ tuổi: .....

Có học chung với trẻ không khuyết tật hay không? Có  không

**Câu 4. Ý kiến của Ông/bà về giáo dục trẻ khuyết tật tại các trường mầm non trong trường:**

.....  
.....  
.....











**Câu 15: Xin Ông/bà cho biết cho biết về thực trạng quản lý công tác đánh giá trong giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non khuyết tật tại cơ sở giáo dục mầm non Ông/bà đang công tác? (đánh dấu X vào ô phù hợp)**

Giáo dục hướng nghiệp	Mức độ thực hiện (với 1 là đạt, 2 là không đạt)		Hiệu quả đạt được (với 1 là rất cao, 5 là rất không hiệu quả)				
	1	2	1	2	3	4	5
Khả năng nhận thức							
Kỹ năng vận động							
Kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ							
Kỹ năng xã hội và tình cảm							
Kỹ năng tự chăm sóc và thích ứng							
Kỹ năng khác ( ghi cụ thể): ..... .....							

**Câu 21. Ông/bà có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập cho con ông bà tại cơ sở giáo dục con đang theo học**

.....

.....

.....

.....

.....

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ÔNG/BÀ**

**PHỤ LỤC 3**  
**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP SAU**  
**(Phụ huynh học sinh)**

Để có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp quản lý GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non, Xin Ông/bà cho biết cho biết ý kiến của mình về tính cần thiết và khả thi của các biện pháp được đề xuất dưới đây (điền vào chỗ trống hoặc tích dấu x vào ô phù hợp). Mọi thông tin trong phiếu này chỉ nhằm mục đích phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, không sử dụng để đánh giá bất cứ cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà.

<b>CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT</b>	<b>Mức độ cần thiết</b> <i>(với 1 là rất cao, 3 là rất thấp)</i>			<b>Mức độ khả thi</b> <i>(với 1 là rất cao, 3 là rất thấp)</i>		
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<i>Biện pháp 1: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, gia đình trẻ khuyết tật tại các trường mầm non và các lực lượng giáo dục trong cộng đồng giáo dục về GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non</i>						
<i>Biện pháp 2: Quản lý bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch và thực hiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh trong GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non</i>						
<i>Biện pháp 3: Tham mưu, đề xuất và thực hiện chính sách tạo động lực cho đội ngũ giáo viên tham gia công tác giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường mầm non</i>						
<i>Biện pháp 4: Tổ chức huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non</i>						
<i>Biện pháp 5: Đảm bảo các điều kiện phục vụ GDHN trẻ khuyết tật tại các trường mầm non</i>						